



LÊ THANH DÙNG
TRẦN VĂN THỦY

Chuyện nghề của Thủy



2008 HỘI NHÀ VĂN

Table of Contents

Trần Văn Thủy - Đôi lời chia sẻ
Lê Thanh Dũng - Đôi lời giải bày
Giọt nước tràn ly
Bác Dũng gửi cháu Thu Hương con gái bố Thủy
Một
Hai
Ba
Bốn
Năm
Sáu
Bảy
Tám
Chín
Mười
Mười một
Mười hai
Mười ba
Mười bốn
Mười lăm
Mười sáu
Mười bảy
Mười tám
Mười chín
Hai mươi
Hai mươi mốt
Hai mươi hai
Hai mươi ba
Hai mươi bốn
Hai mươi lăm
Hai mươi sáu
Hai mươi bảy
Hai mươi tám

[Hai mươi chín](#)

[Lê Thanh Dũng - Lời cuối cho cuốn sách](#)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

LÊ THANH DŨNG
TRẦN VĂN THỦY

Chuyện nghề của Thủy



NXB Hội Nhà văn

“...Ừ, nghề của chúng tôi cũng là một nghề hèn, nghề mọn. Hèn vì nghĩ nhiều mà không dám nói ra, mọn vì cái làm ra cũng chẳng mấy ai cần đến.

Ông có cái lò gạch đầu có biết, bấy lâu nay chúng tôi mắc phải một thói quen cố hữu: chỉ mong sao làm vừa lòng bề trên – Một cuốn sách, một vở diễn, một bộ phim ra đời đầu có mấy phụ thuộc vào sự hữu hiệu của nó với cuộc đời, lại chẳng mấy phụ thuộc vào mong muốn của những người lam lũ như ông – mà thường, nhất nhất trông đợi ở sự xem xét của bề trên chúng tôi.

Bề trên chúng tôi bằng lòng thì được, không bằng lòng ắt phải bỏ.

Bề trên chúng tôi khen, thì chúng tôi sung sướng.

Bề trên chúng tôi chê, thì chúng tôi buồn rầu.”

(Lời trong phim “Chuyện Tử Tế” 1985-1987)

“Từ rất xa xưa, cha bác có dạy rằng: Tử tế vốn có trong mỗi con người, mỗi nhà, mỗi dòng họ, mỗi dân tộc. Hãy bền bỉ đánh thức sự tử tế, đặt nó lên bàn thờ tổ tiên hay trên lễ đài của quốc gia, bởi thiếu nó, một cộng đồng dù có nỗ lực tốt bụng và chí hướng cao xa đến mấy thì cũng chỉ là những điều vớ vẩn. Hãy hướng con trẻ và cả người lớn đầu tiên vào việc học làm người, người tử tế trước khi mong muốn và chần dặt họ trở thành những người có quyền hành, giỏi giang, hoặc siêu phàm...”

“Vậy ra, nghĩ cho đến cùng, ở trên đời này, không có một nghề nghiệp nào, không có một công việc gì, và cũng không có một con người nào trở nên tử tế - nếu không bắt đầu từ tình thương yêu con người, sự trân trọng đối với con người và đi từ nỗi đau của con người.”

(Lời trong phim “Chuyện Tử Tế”)

Nhân Dân! Hai tiếng thật thiêng liêng - Chẳng thế mà Nhân Dân có mặt ở khắp nơi - Về văn hóa thì có: Nghệ sĩ Nhân Dân, hiệu sách Nhân Dân, giáo viên Nhân Dân, nhà hát Nhân Dân, báo Nhân Dân - Ở những cơ quan nghiêm mật thì có: Hội đồng Nhân Dân, Ủy ban Nhân Dân, Tòa án Nhân Dân, Viện kiểm sát Nhân Dân, Công an Nhân Dân, Quân đội Nhân Dân...

Nhưng phải nhận rằng: chẳng có mấy bộ phim miêu tả nhân dân ăn ra sao? Nhân dân ở ra sao? Nhân dân đi lại sinh sống như thế nào; và nhất là nhân dân nghĩ ngợi, bàn tán những gì...

...Khi chúng ta chưa có chính quyền trong tay, thì nhân vật của văn nghệ chủ yếu là những người nghèo khổ: Một bác phu xe, một em bé bán báo, một bé đi ở, một bà mẹ nghèo, một tiếng rao đêm.

Ngày nay, khi quyền hành đã về một mối, thì những người nghèo khổ, bất hạnh trong văn nghệ bỗng dưng biến mất.

Y như đồng bào của chúng ta bây giờ rất xa lạ với sự nghèo khổ, hoặc giả những người nghèo khổ đã chạy sang thế giới bên kia cả rồi.

Ăn ở với nhau như vậy thì, không những chưa được tử tế cho lắm mà còn... đáng sợ.

(Lời trong phim “Chuyện Tử Tế”)

“Phim của Trần Văn Thủy thường gửi lại trong ký ức ta hình ảnh buồn. Buồn nhưng không thảm. Buồn như một câu hỏi day dứt vì sao lại như thế. Và như thế thì phải làm sao. Phim của Trần Văn Thủy là nỗi buồn lớn.

...Nhiều người cho rằng Trần Văn Thủy là nhà làm phim cách tân. Tôi lại thấy đạo diễn này đi trên con đường sáng tạo nghệ thuật truyền thống. Đúng là “Hà Nội Trong Mắt Ai” (1982), “Chuyện Tử Tế” (1985) đã như những quả bom phá gây sóng gió trên mặt hồ thu nghệ thuật. Dư chấn của nó ảnh hưởng đến tận giới làm phim quốc tế. Nhưng tính dũng cảm lại là cột sống của nghệ thuật truyền thống. Và hơn thế, nhân vật chính trong phim của Trần Văn Thủy cũng là nhân vật truyền thống: Nhân dân.”

– Nhà báo Vĩnh Quyền - Lao Động Cuối Tuần.

Dân quyền được đề cao thì nhân dân được tôn trọng mà nước cũng mạnh.

Dân quyền bị xem nhẹ thì dân bị coi khinh mà nước cũng yếu.

Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất mà nước cũng mất.

— Phan Bội Châu (1867 – 1940)

Website Quốc Hội Việt Nam 16-1-2013



Lê Thanh Dũng và Trần Văn Thủy

Văn Miếu – ngày Nguyên Tiêu

TRẦN VĂN THỦY: Đôi lời chia sẻ

Tôi cùng Lê Thanh Dũng, bạn tôi làm cuốn sách này để tri ân những bậc cao niên, đồng nghiệp, khán giả, bằng hữu trong và ngoài nước – những người đã tin cậy nâng đỡ và khích lệ tôi trong suốt cuộc đời làm nghề. Tiếc rằng vì một lí do tế nhị nào đó mà tôi không thể kể đầy đủ danh tính những ân nhân của tôi – những người đã để lại trong ký ức tôi một niềm tin, dù mong manh, rằng cuộc đời này vẫn còn nhiều người tử tế.

Cám ơn Lê Thanh Dũng, bạn đã không bao giờ tỏ ra mệt mỏi khi chúng ta làm cuốn sách này, bạn đã kiên trì động viên, hối thúc và mắng mỏ tôi mỗi khi tôi chán nản và có ý định bỏ dở cuộc chơi này. Bạn là chuyên gia công nghệ truyền thông, bạn bảo, công việc của bạn, với văn chương chẳng dây mơ rễ má gì; với phim ảnh lại càng xa lắc xa lơ.

Vậy mà bạn đã xông vào cái trận đồ bát quái này một cách ngoạn mục...

Đa tạ!

LÊ THANH DŨNG: Đôi lời giải bày

Trần Văn Thủy và tôi, tuổi cách nhau ba năm; nhà cách nhau 3 phút xe máy với tay lái tuổi “xưa nay hiếm”; đầu Lạc Long quân - cuối Hoàng Hoa Thám, cạnh Hồ Tây, nhóang cái là tới. Tuy đều rất bận nhưng chúng tôi vẫn có nhiều dịp tán chuyện trên trời dưới biển với nhau. Hai đứa đều là hội viên Hội MT (Mây Tao) gồm chín đứa, trên dưới 75, hầu hết là bạn học Nam Định xưa, nay ở rải rác khắp nửa trái đất; đứa tha phương cầu thực Úc, Canada; đứa ra Hải Phòng kiếm sống; đứa gà què ăn quần cối xay, khuôn vác con chữ ở Nam Định, Hà Nội; hiểu nhau và quý nhau meo móc hàng ngày - cả 9 đứa đều có *email* và trực tiếp gõ phím.

Chúng tôi thường kể cho nhau nghe chuyện mình, chuyện bạn bè và cũng là chuyện đời.

Thủy “nhiều chuyện” lắm, có cảm giác như kể mãi không hết, có chuyện hắn còn bỏ lửng hay xua đi không muốn kể. Hắn có biệt tài về diễn đạt ý tưởng. Là đạo diễn có hạng về phim tài liệu cho nên câu chuyện Thủy kể ra như đoạn phim hiện ra trước mắt, có lớp lang, có phân cảnh, có đối thoại và tự nhiên trong đầu tôi hiện ra những dòng thuyết minh: “*Thì ra...*”, “*Phải chăng*”, “*Có lẽ*”, “*Hình như*”, “*Thế mới biết*” hoặc “*May mắn thay*”... như những chấm phá trong những phim tài liệu - chính luận của hắn, có nghĩa là những mẩu chuyện không hề tào lao vô thưởng vô phạt mà ẩn giấu những triết lý nhân sinh, nói nôm na là cái lẽ đời.

Một hôm tôi bảo:

- *Viết ra đi, ông không viết, thì người khác viết, mà không ai viết thì mình viết.*

Hắn bảo:

- *Cũng ngại lắm, không chỉ một mà mấy nhà văn, nhà báo gợi ý viết, nhưng bới ra mết lắm!*

Và một câu hỏi gần như đã là triết lý sống của hắn:

- *Để làm gì, nó có ích không?*

Chúng tôi phân vân, nếu viết thì nó là cái gì? Hồi ký thì không ổn và cũng không khoái.

Tôi nói:

- *Thì kể chuyện đời cho vui thôi. Đừng định nghĩa, nó là cái gì mặc nó, miễn là nó thật. Mà ông hãy còn... trẻ (con), mới hơn bảy mươi tuổi đầu, đi phăng phăng, bơi ào ào, nói sang sảng, chưa đến tuổi và “chưa đủ tư cách” viết hồi ký!*

- *Mình muốn cho qua tất cả. Hơn nữa nó dễ gây cho người ta cảm giác “показать себя” (được hiểu như khoe khoang). Tâm sự với nhau là một chuyện, viết ra lại là chuyện khác.*

- *Đó là những chuyện không chỉ là của một người mà còn là của một thời, nó gắn liền với nhiều bạn bè đồng nghiệp và cả người thân nữa. Những tâm tư suy nghĩ gần một đời trải lòng ra*

với mọi người chắc chắn không phải là điều dễ.

Tôi nghĩ, thực ra, nói về mình sao mà tránh được ai đó có cảm giác rằng chỗ này chỗ kia người kể ít nhiều muốn khoe. Nhưng kể lại đời mình chả lẽ không có gì để bằng lòng với mình, để an ủi khi về già hay sao? Chả lẽ cứ nói tôi kém, tôi dở, tôi sai mới là khiêm tốn, mới là thật thà?

Hãy cứ để cho người đọc tự do cảm nhận theo cái tâm của mình. Đây là một cuốn sách kể lại những câu chuyện cho bạn bè, người thân, con cháu nghe. Vậy nó có thể sơ suất về kỹ thuật, về câu chữ chứ không thể sai sự thật.

Đó là điều chắc chắn.

...Ai cũng vậy, đã sống đến bảy chục tuổi thì đều có những chuyện đời với những thăng trầm, những buồn vui. Nói ra hoặc không nói ra là tùy tâm trạng, tùy hoàn cảnh và tùy tính cách mỗi người, nhưng trong một hoàn cảnh nào đó, hầu như ai cũng có thể bỗng dưng nảy ra ý muốn trút hết những nỗi niềm cho một ai đó... Trong những buổi chiều ngồi với nhau. Không biết hẳn có nghĩ vậy không, chỉ biết rằng câu chuyện của hẳn kể với tôi khiến tôi rất thích thú, có quá nhiều điều để suy nghĩ về cuộc đời và số phận, về nhân tình thế thái...

Mấy chục năm qua Thủy đã từng trả lời phỏng vấn hàng trăm tờ báo trong và ngoài nước, nhưng còn nhiều chuyện hẳn chưa kể. Những chặng đường gian nan với nỗi lòng sâu thẳm thì chỉ có thể kể cho bạn bè tri kỷ nghe mà thôi.

...Cái ý định ghi lại không bỗng chốc mà có, nó cứ dần dà hình thành trong đầu. Không những tôi sẽ ghi lại câu chuyện, mà còn cố gắng ghi lại cả không khí câu chuyện, cái thần thái của người kể vì nó gây ấn tượng mạnh cho tôi, (chỉ có điều đôi chỗ hẳn vắng tục thì tôi không dám ghi ra đây, cho dù biết nó... thật đúng chỗ).

Trước hết, ghi lại để khỏi quên, khỏi rơi vãi mất đi, có thể để con cháu, cho bạn bè đọc chơi và có được đôi điều có ích... Còn sau nữa để làm gì nữa thì chưa nghĩ tới...

Thế rồi như giọt nước làm tràn ly, tôi được biết cuối 2011 đầu 2012, hai chuyên gia người Mỹ sang Việt Nam xin gặp và làm việc với Trần Văn Thủy để thực hiện một chương trình nghiên cứu với tựa đề: “Chuyện Tử Tế của đạo diễn Trần Văn Thủy – Luận về Tâm linh và Chính trị”.

Tôi bảo với Thủy:

- Đã là tâm linh, là chính trị trong môi trường Việt Nam thì không ai hiểu sâu sắc bằng người Việt Nam. Đối tượng cần chia sẻ là người Việt Nam; trước hết phải là người Việt Nam kể cho

nhau nghe đã chứ!

Rồi hấn cũng “xiêu lòng” và kể cho tôi nghe nhiều chuyện. Hầu hết tôi đã nghe và đọc đâu đó trên báo nhưng chưa bao giờ hấn kể một cách tường tận.

Chúng tôi nói chuyện với nhau, người kể người nghe, cùng luận bàn về thế sự, về làm nghề, về bạn bè ngày xưa, những thân phận... cuộc nói chuyện lan man, thậm chí chuyện nọ xọ sang chuyện kia - chuyện đời nó hay “xọ” như thế.

Nói chuyện đông dài kiểu này chắc là giản dị nhưng lại sâu đậm hơn cuộc phỏng vấn, đối thoại với những người từ xứ sở xa lạ, không cùng nền văn hóa, không cùng lịch sử, không cùng trải nghiệm, không cùng ngôn ngữ...

Những chuyện của hấn kể ra không phải là chuyện đông dài mua vui mà nó chứa đựng những tâm tư trên suốt chặng đường đời của thân phận một con người làm nghề. Đó không phải con người cá biệt trong một không gian cá biệt mà là một con người giữa những con người trong bối cảnh một giai đoạn lịch sử. Hấn có một vốn sống không nhỏ để bây giờ về già chiêm nghiệm lại càng vỡ ra thêm nhiều điều. Vậy nên, nó không phải chỉ là chuyện hoài cổ mà nó vẫn đang nóng hổi hơi thở của cuộc sống, những chuyện đã qua mà như của hôm nay và những ngày sắp tới.

Cho đến bây giờ trong và ngoài nước vẫn có nhiều nơi mời Thủy nói chuyện, trên truyền hình, trong các lớp học về nghề, trong các hội thảo, Liên hoan phim. Nhiều tờ báo trong và ngoài nước phỏng vấn về những cuốn phim hấn đã làm từ ba bốn chục năm trước, những phim hấn đang làm và sẽ làm. Điều đó cho thấy rằng câu chuyện của hấn vẫn chưa cũ. Cũng phải thôi, những câu chuyện về thân phận con người không bao giờ cũ cả.

Còn tôi, trong cuốn sách này, tôi sẽ viết về thân phận một con người cụ thể, với tư cách một người bạn viết về một người bạn. Vậy thôi, ngoài ra chẳng có gì khác.

Con người thật nhỏ bé, nhưng chẳng phải như người ta thường nói, là “hạt cát trong biển cả”; càng không phải là một con cừu trong đàn cừu. Về sinh lý cơ thể, mỗi con người là một thế giới thu nhỏ; về tâm lý, mỗi con người cũng là một thế giới riêng biệt, một bản ngã, một cái tôi chẳng ai giống ai, cái tôi đáng kiêu hãnh, họ có tự nhận thấy hay không thì lại là chuyện khác. Hơn nữa, nó là một thực thể biết tư duy vì thế con người lớn hơn rất nhiều so với kích thước

của cái cơ thể mà nó trú ngụ. Nó luôn luôn là một đối tượng cần khám phá của chính con người suốt từ khi nó xuất hiện trên hành tinh, từ xa xưa, qua *“to be or not to be”* (Hamlet-Shakespeare) cho đến *“tôi là ai, là ai mà yêu quá đời này.”* (Trịnh Công Sơn) và mãi mãi về sau.

Còn một điều quan trọng, tôi xin thừa rằng trong cuốn sách này, có phần những câu chuyện Thủy kể miệng, tôi ghi lại bằng câu chữ của tôi qua sự cảm nhận của tôi như một người bạn hiểu nhau và là người đã trải nghiệm những hoàn cảnh tương tự; nhưng có phần tôi dành hoàn toàn để hấn bày tỏ quan điểm và tâm tư của riêng hấn về những vấn đề cụ thể - hấn viết và đọc cho tôi ghi.

Xin đừng quên rằng Trần Văn Thủy là đạo diễn phim tài liệu, là tác giả của lời bình “sát ván” trong những phim của mình và như nhà văn Nguyên Ngọc nhận xét, *“...có thể không ngần ngại mà nói rằng anh là một nhà văn chính luận sâu sắc trong vai trò một đạo diễn, luôn trực diện với những vấn đề nóng hổi của nhân sinh.”*

Vậy không có lí gì tôi lại “biên tập” những gì hấn viết để... làm hỏng nó đi.

Đó cũng là lí do chúng tôi là đồng tác giả tập sách nhỏ này.

GIỌT NƯỚC TRẦN LY

Phần trên đã nhắc đến hai chuyên gia người Mỹ. Đó là Giáo sư Micheal Renov, Hiệu phó Trường Điện ảnh North Carolina và Tiến sĩ Dean Wilson. Hai người này đã phỏng vấn Trần Văn Thủy (từ tháng 9 - 2011 đến tháng 2 - 2012) để thực hiện một chương trình nghiên cứu mang tên: “Chuyện Tử Tế của đạo diễn Trần Văn Thủy – Luận về Tâm linh và Chính trị”.

Một trong những bức thư của hai nhà nghiên cứu Mỹ gửi Trần Văn Thủy có đoạn như sau:

20, September 2011

Michael Renov and Dean Wilson

Research for the Blackwell Companion to Documentary

Working title: Tran Van Thuy's Story of Kindness: Spirituality and Political Discourse.

The four key points of our research are as follows:

A. Information about life during the time Hanoi in Who's Eyes (HIWE) and The Story of Kindness (TSOK) were made. Most importantly, during the years 1982-1986, we're looking for economic realities, government policies, facts about people's lives, events (Chinese war, Cambodian situation, floods, land redistribution, starvation, children leaving (1982), UN policies, etc) and news, or government actions.

B. Information about Thuy's experience and thinking at the time when he made the movies, especially The Story of Kindness. Any information about the Documentary Studio in 1982-1986 would be very helpful too.

C. Details about the censorship and banning of HIWE and TSOK. I'm hoping to find the exact text and decree from the government for banning the projection of the movies, censorship, and the documents from 1987 that allowed the ban and censorship to stop.

D. Information about spirituality in Vietnam in the years between 1982-1986 (Buddhism, Ancestor Worship, Burials, Len Dong, Thay Boi, Catholics and other Christians, Ghosts and shrines for spirits, etc, any spiritual practice) and Thuy's thoughts about spirituality at the time (1982-1986). An important part of the essay with Michael Renov is how Thuy's movie stimulates thought about spirituality by presenting questions about death, privilege, and suffering.

Questions for Tran Van Thuy:

1. When did you start shooting Story of Kindness?

2. Was Story of Kindness based on a script? If so, who wrote it? Was the script written for a specific purpose in order to satisfy an order from the Documentary Studio?

3. In the context of the controversy over Hanoi in Who's Eyes, what were the conditions for you and your crew when you started shooting Story of Kindness?

4. What was the background of the key crew members for Story of Kindness (writer, camera, sound, editing, cast)? What were the film stock, camera, sound and editing equipment? How did you decide on the music in Story of Kindness?

5. Were you and the other filmmakers at the Documentary Studio knowledgeable about the general economic and political situation in Vietnam in the years between 1983 and 1985?

6. How do you compare your work before 1975, after 1975, and after 1982?

7. How would you describe the reaction to Story of Kindness within the Documentary Studio when you finished it?

8. Do you have any official documents or statements that were used to prevent Story of Kindness from being distributed or screened? Please explain the circumstances of the Leipzig festival screening.

9. Were you ever arrested or specifically told by government officials to stop working as a filmmaker?

10. What was the official government position on traditional spiritual practices, like praying to ancestors, burial rights, and pagodas?

Ngày 20 tháng 9 năm 2011

GS Michael Renov và TS Dean Wilson,

Nghiên cứu để viết bài "Blackwell Companion to Documentary."

Tựa đề: "*Chuyện Tử Tế*" của Trần Văn Thủy: Luận về Tâm linh và Chính trị

Chúng tôi đang nghiên cứu 4 điểm chính như sau:

A. Thực tế cuộc sống trong thời gian hai bộ phim "Hà Nội Trong Mắt Ai" và "Chuyện Tử Tế" được thực hiện. Đặc biệt là trong những năm 1982 – 1986, chúng tôi muốn tìm sự thực về kinh tế, chính sách của chính phủ, đời sống cụ thể của người dân, các sự kiện liên quan (như chiến tranh với Trung Quốc, tình hình Campuchia, lũ lụt, chia lại ruộng đất, nạn đói, trẻ em ra đi năm 1982, chính sách của Liên Hợp Quốc) và thông tin hay hành động của chính phủ.

B. Những trải nghiệm và suy nghĩ của Thủy tại thời điểm thực hiện hai bộ phim trên, đặc biệt là phim "Chuyện Tử Tế". Có bất kỳ thông tin nào về Xưởng phim Tài liệu Khoa học Trung ương trong giai đoạn 1982 – 1986 cũng đều rất hữu ích.

C. Những chi tiết về việc kiểm duyệt và cấm chiếu hai bộ phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” và “Chuyện Tử Tế”. Tôi hi vọng tìm được văn bản cụ thể về nghị định của chính phủ cấm chiếu và kiểm duyệt 2 bộ phim đó, và những văn bản từ năm 1987 đã tạo điều kiện chấm dứt lệnh cấm chiếu và kiểm duyệt.

D. Thực tế đời sống tâm linh ở Việt Nam trong những năm 1982 -1986 (Phật giáo, thờ cúng tổ tiên, chôn cất, lên đồng, thầy bói, công giáo và các đạo Thiên Chúa khác, ma quỷ và các đền thờ thần linh, hay bất kỳ những tập quán về tâm linh nào khác) và những suy nghĩ của Thủy về tâm linh trong giai đoạn 1982 - 1986. Một phần quan trọng trong bài nghiên cứu của Gs. Michael Renov là phim của Thủy đã kích lệ như thế nào tư duy về tâm linh bằng cách đặt ra những vấn đề về cái chết, về phúc đức và nỗi khổ đau.

Một số câu hỏi cho Trần Văn Thủy:

1. Ông bắt đầu quay bộ phim “Chuyện Tử Tế” từ khi nào?

2. “Chuyện Tử Tế” có dựa trên một kịch bản nào không? Nếu có thì ai viết kịch bản? Có phải kịch bản đó được viết cho một mục đích cụ thể nhằm thực hiện đơn đặt hàng của Xưởng phim Tài liệu hay không?

3. Trong bối cảnh còn tranh cãi về “Hà Nội Trong Mắt Ai”, thì những điều kiện nào đã giúp ông và đoàn làm phim khởi quay bộ phim “Chuyện Tử Tế”?

4. Ông cho biết qua về những thành viên chủ chốt trong đoàn làm phim “Chuyện Tử Tế” (như biên kịch, quay phim, âm thanh, biên tập, nhân vật...) về phim nhựa và trang thiết bị quay phim, âm thanh, biên tập? Thủy đã quyết định chọn nhạc cho phim “Chuyện Tử Tế” như thế nào?

5. Ông và các nhà làm phim khác ở Xưởng phim Tài liệu có biết rõ về hoàn cảnh kinh tế và chính trị chung của Việt Nam trong những năm 1983 và 1985 hay không?

6. Ông so sánh thế nào về công việc của mình trước năm 1975, sau năm 1975 và sau năm 1982?

7. Ông mô tả phản ứng của Xưởng phim Tài liệu đối với phim “Chuyện Tử Tế” như thế nào khi đã làm xong nó?

8. Ông có bất kỳ một bản tài liệu hay lời tuyên bố chính thức nào đã được sử dụng để ngăn cấm việc phát hành hoặc chiếu bộ phim “Chuyện Tử Tế” hay không? Xin giải thích rõ hoàn cảnh trình chiếu bộ phim đó tại Liên hoan phim Leipzig?

9. Ông đã bao giờ bị bắt giữ hay được các quan chức chính phủ yêu cầu cụ thể là không được làm phim nữa hay không?

10. Quan điểm chính thức của chính phủ đối với những tập quán tâm linh truyền thống như thờ cúng tổ tiên, chôn cất, hay lễ tại đền chùa là gì?

.....

(Nguyễn Quang Dy chuyển ngữ bức thư trên cho cuốn sách này)

Sau đây là trích đoạn những câu trả lời nói vo của Trần Văn Thủy:

...Tôi muốn nói lời cảm ơn chân tình, không chút khách sáo với Micheal và Dean vì các bạn đã lưu tâm đến việc làm nghề và bộ phim của tôi.

Các bạn đã có ý định viết một cái gì đó. Một việc hữu ích nhưng trong đề tài này, câu chuyện của tôi lại không đơn giản. Các bạn sẽ mất nhiều thời giờ và không biết là các bạn sẽ kiên nhẫn đến đâu nhưng tôi sẽ kể lại một cách cởi mở những vấn đề xảy ra đã lâu.

Ở Việt Nam hiện giờ có một số nhà báo, nhà văn đã gợi ý tôi nên viết những chuyện đó dưới dạng hồi ký nhưng tôi băn khoăn vì chuyện của tôi khá dài dòng và phức tạp. Các bạn không phải là người Việt Nam lại quan tâm đến những câu chuyện đời của người Việt Nam, quan tâm đến tôi, vậy có lẽ đây cũng là dịp để các bạn hiểu thêm về người Việt Nam và tôi xin bày tỏ lòng cảm ơn với các bạn vì điều đó.

Tôi đã đọc những câu hỏi của các bạn đưa cho.

Tôi sẽ lần lượt trả lời nhưng trước hết, tôi xin phép được trình bày đôi điều về suy nghĩ và hoàn cảnh của tôi.

Tôi không kịp chuẩn bị trình tự các vấn đề để trao đổi với các bạn cho nên tôi sẽ trình bày theo cách thoáng đạt về một số điều nên lưu tâm trước khi đi vào những câu hỏi cụ thể, những điều có thể nằm ngoài sự chờ đợi và đề xuất của các bạn trong văn bản.

Đầu tiên là cái tên: “Chuyện Tử Tế của đạo diễn Trần Văn Thủy: Luận về Tâm linh và Chính trị”.

Tôi thấy cái tên này hay và lạ. Quả thực mấy chục năm qua rồi, kể từ khi làm những bộ phim này đến bây giờ tôi mới thấy một cái tên trùng hợp với một thực tế lạ lùng như thế, nhất là các bạn không phải người Á Đông. Các bạn đặt chữ Tâm linh lên trước chữ Chính trị. Tôi rất hiểu cảm xúc và suy nghĩ của các bạn khi đặt cho đề tài này cái tên như thế.

Tôi cảm ơn các bạn đã nghĩ ra một cái tên hay. Nhưng tôi muốn nói rằng cái Tâm linh và Chính trị ấy lại gần với phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” chứ không phải “Chuyện Tử Tế”. Chắc chắn là người nước ngoài không thể hiểu hoặc không hiểu sâu sắc “Hà Nội Trong Mắt Ai” bằng người Việt Nam.

Ngay như ở Việt Nam, thời đó xem “Hà Nội Trong Mắt Ai” nhiều người cũng không hiểu được cặn kẽ. Càng xem người ta càng hiểu thêm ra được tại sao lại có câu chuyện này câu chuyện kia. Bộ phim kể lại những tích tuồng xưa trên bối cảnh của xã hội Việt Nam năm 1982.

Tôi có thể nói thẳng thắn là những người cầm quyền lúc đó hiểu bộ phim này hơn ai hết. Những người có quyền lực nhưng tiêu cực đã cấm đoán trong khi những người khác cũng có quyền lực lại ủng hộ bộ phim này. Có những cái thuận và những cái không thuận. Tôi đã bị ghi

tên vào sổ đen và có thể đi tù bất kỳ lúc nào. Hồn vía của bộ phim động chạm vào dây thần kinh của xã hội Việt Nam những năm 80. Đó là cách thức trị nước yên dân. Bởi thế người ta mới kết luận rằng đây là bộ phim chống đảng, dạy đảng cầm quyền, kêu gọi mọi người xuống đường!

Và cuối cùng, nút thắt quan trọng nhất: Người ta cho rằng đứng sau bộ phim này là một thế lực chính trị - họ không nghĩ bộ phim này do tôi làm.

Họ cho rằng sự hiểu biết và ngôn từ sâu sắc, rung rinh theo từng hình, va đập vào đời sống ngang trái của con người trong xã hội đương thời thể hiện qua lời bình trong phim không thể là của Trần Văn Thủy mà là của ai đó.

Năm đó tôi mới 40 tuổi. Tôi được học hành tử tế, được thử thách, đã quay phim và sống sót trong chiến trường miền Nam vô cùng ác liệt; là học trò của Roman Karmen – một đại thụ của phim tài liệu Liên Xô, một con người có những cống hiến to lớn với nhân loại trong thời kỳ chống phát xít và trong phong trào giải phóng dân tộc.

Sau khi từ Nga về, tôi đã làm một bộ phim có tên là “Phản Bội” – bộ phim tài liệu dài, có thể nói là đồ sộ đầu tiên và hấp dẫn như một bộ phim truyện hay, đúng vào thời điểm Trung Quốc đánh 6 tỉnh biên giới Việt Nam. Bộ phim làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, đã đoạt giải vàng đặc biệt, giải đạo diễn xuất sắc trong Liên hoan phim Việt Nam 1980.

Tôi có một “lý lịch” như thế thì không có lí gì tôi lại là kẻ phản động như người ta đã nghĩ.

Tôi yêu đất nước này, tôi có tấm lòng thiết tha với xứ sở đã sinh ra mình và tôi muốn làm cho đất nước này trở nên tốt đẹp hơn. Tôi khát khao làm sao cuộc sống của con người phải xứng đáng với sự hi sinh.

Đó chính là điểm xuất phát của tôi.

Vì thế tôi nghĩ hợp lý nhất thì cái tên phải là **“Hà Nội Trong Mắt Ai”, “Chuyện Tử Tế” của Trần Văn Thủy: Luận về Tâm linh và Chính trị.**

Nếu các bạn có thì giờ nghe, tôi sẽ kể những chuyện thần bí lạ lùng và linh nghiệm khi tôi làm “Hà Nội Trong Mắt Ai”.

Có những lời bình, ròn rã trong cả tháng trời tôi không làm sao viết được, nhờ người khác cũng chẳng ai viết nổi. Tôi đã thắp hương trước anh linh những vị tiên liệt như vua Lê Thánh Tông trị vì 38 năm danh tiếng lẫy lừng; thắp hương trước mộ Ngô Thì Nhậm, trước đền thờ Nguyễn Trãi, trước tượng hoàng đế Quang Trung ở Chùa Bộc... Rồi vào một đêm, 3 giờ sáng trở dậy, bật đèn lên và tôi như có đấng trên cao cầm tay viết ra những lời như trong phim đã thể hiện.

Không thể bắt các bạn hiểu “Hà Nội Trong Mắt Ai”, nhất là phim này không có phụ đề Tiếng Anh.

Bộ phim như thế chỉ những người Việt Nam có tấm lòng, có trí thức mới hiểu và nó gần với

Tâm linh và Chính trị hơn...

Tôi phải cảm ơn sự khởi đầu công phu của Michael và Dean khi làm việc với Thủy. Không có sự khởi đầu này, chắc gì chúng tôi đã đủ cảm hứng để bắt tay vào việc. Vì vậy tôi gọi việc làm của hai anh chàng người Mỹ này là Giọt Nước Tràn Ly.

BÁC DŨNG GỬI CHÁU THU HƯƠNG, CON GÁI BỐ THỦY

...Nhớ một hôm, đêm đã về khuya, cháu và Đức lái xe đưa bố Thủy và các bác ra sân bay Nội Bài đón bác Đình từ Canada về - bác Nguyễn Hữu Đình trong cuốn sách “Nếu Đi Hết Biển” mà cháu đã đọc đó. Trong khi chờ máy bay đến, bác và cháu đã có dịp nói nhiều chuyện. Đó là lần đầu tiên hai bác cháu gặp nhau và bác đã hiểu đôi điều về cháu và phải nói rằng bác rất có thiện cảm với cháu.

Do đó, một lẽ thật tự nhiên, khi có ý định viết cuốn sách này, người đầu tiên bác nghĩ đến chính là cháu, hoặc cũng có thể nói, bác viết cũng là để cho cháu và cho người thân, bạn bè của cháu đọc. Bác quý cháu vì vậy thay lời mở đầu cho cuốn chuyện phiếm này bác muốn tâm tình với cháu đôi lời.

Anh cháu là họa sĩ chuyên vẽ tranh trù tượng phải không?

Nghệ thuật ở cái xứ mình từ thời xưa cho đến bây giờ có ba thứ xa xỉ: Đó là nhạc giao hưởng, múa ba lê và tranh trù tượng.

Thời các bác và bố cháu ít cái trù tượng lắm. Không trắng thì đen, không ta thì địch, lập trường phân minh, giai cấp rõ ràng. Tất cả phải cụ thể, cụ thể như phim bố cháu làm, như các bài báo bố cháu viết.

Nhưng bố cháu và nhiều người khác lại thường bị điều tiếng và bị đối xử theo cách rất... trù tượng.

Cháu ạ, cuộc đời của bố cháu có nhiều trải nghiệm cay đắng, bác hiểu cháu rất yêu thương bố nhưng đồng thời bác cũng tin rằng cháu chưa hoàn toàn hiểu bố. Đời bố Thủy có những điều lạ lùng đến khó tin, nhiều người thương lắm kẻ ghét vì vậy bác nảy ra ý định viết chơi về bố cháu. Bố cháu tỏ ra ngại ngùng cộng thêm cái tính lười biếng thường thấy của tuổi già. Ôn lại những trải nghiệm oái oăm, chông chắt, ngổn ngang những rối ren tăm tối, chìm nổi của cuộc đời làm nghề..., chỉ nghĩ đến cũng đã đủ phát hoảng, kể lại thì có cảm giác bị tra tấn một lần nữa!

Đứa con gái ngoan hiếu thảo chắc hẳn rất hiểu bố nhưng bác nghĩ có thể rất nhiều điều cháu sẽ chỉ biết được khi đọc cuốn sách này, vì chẳng mấy khi bố nói chuyện công việc với cháu một cách có đầu có đuôi, có thể một phần do không muốn cháu phải bận tâm, một phần khác, trong con mắt người cha, đứa con luôn luôn bé bỏng.

Nhưng phải viết vì chắc hẳn nó có ích, nhất là bây giờ cái tuổi của các bác và bố cháu là tuổi mà các bạn cứ thừa thốt dần, *ngồi đếm những người ra đi thì lâu mà tính trên đầu ngón tay*

những người còn lại thì chóng. Và như Trịnh Công Sơn nói: “Cái bắt tay thân ái nào cũng có thể là cái bắt tay cuối cùng”.

...Ghi lại những thăng trầm, những gian nan bố cháu đã trải qua, bác tưởng tượng cháu đang lái chiếc Mercedes bon bon trên đường cao tốc đến buổi tiệc vui. Và sẽ rất thú vị nếu lúc đó cháu nghĩ đến ngày xưa, 5 năm ở Tây Bắc, bố Thủy chỉ có hai điều mơ ước: được ăn no và được đi công tác trên mặt đường bằng phẳng. Bởi vì đói triền miên và cứ bước ra khỏi nhà đi đâu đó là xuống dốc rồi leo dốc, những cái dốc chân bước lên đầu gối chạm cằm... và mỗi chuyến đi là bảy tám trăm cây số! Là nắng cháy thịt cháy da, là mưa phùn gió bắc...

Thế rồi, bố cháu chưa kịp thấy no đủ, chưa kịp thấy đường phẳng dưới đất thì đã thấy bom đạn trên đầu trong chiến trường miền Nam thêm 5 năm nữa.

Bố cháu đi bộ, đi bộ và đã tới nơi, đã đến đích, trong khi nhiều người không được may mắn như thế.

Có vấn đề về tài năng, về nghị lực nhưng còn số phận nữa.

Cuộc sống phải khá dần lên, mỗi ngày một sung sướng hơn, giàu có hơn, nhưng phải giàu cả về vật chất lẫn tâm hồn. Theo nghĩa đó, cháu giàu có và càng san sẻ cháu càng giàu. Cháu giỏi giang và ngoan nết, bố mẹ rất vui vì cháu. Bố mẹ cháu kể với bác rằng cháu lo cho bố mẹ từng li từng tí, lo cả cho những người thân thích, bố mẹ rất mừng vì có đứa con hiếu thảo. Nhưng bố mẹ còn mừng hơn nữa vì hai anh em cháu còn biết lo cho mọi người, biết làm việc thiện, thường cùng bạn bè bỏ tiền túi giúp trẻ em cơ nhỡ. Bố mẹ đã cho các cháu hình hài và tâm hồn. Bác nghĩ lẫn thẩn: Bố mẹ cháu có những người con như các cháu và các cháu có cha mẹ như bố Thủy mẹ Hằng, vậy thì ai sướng hơn ai nhỉ?

Trong cuộc đời còn rất dài của mình, cháu sẽ có những khoảnh khắc ngại ngùng trước khó khăn trắc trở, có những khoảnh khắc thấy se lạnh trống vắng... bác nghĩ khi ấy những tâm tư của bố mà bác ghi lại trong cuốn sách này sẽ giúp cháu ấm lòng hơn, vững vàng hơn, giúp cháu thấy cuộc đời có cay đắng nhưng cũng không ít ngọt ngào, vấn đề là ý chí và sự cảm nhận mà thôi.

Bác hy vọng rằng khi gấp sách lại, cháu sẽ càng thương bố mẹ hơn, biết ơn bố mẹ hơn, cảm phục bố mẹ hơn. Qua đó bố mẹ sẽ được mát lòng nhưng cháu sẽ được một thứ lớn hơn, đó là sự hoàn thiện về nhân cách. Điều đó mới quan trọng cháu ạ!

Tuy là chuyện gia đình, nhưng bác nghĩ, khi đọc những mẩu chuyện về bố cháu, bạn bè cháu và lớp người cùng trang lứa có thể có những cảm nhận khác nhau nhưng chắc chắn họ đều rút ra được những điều tốt đẹp cho tâm hồn – tất nhiên nếu họ muốn hướng tới điều đó – để đi trên con đường còn rất dài của mình.



Năm 1953, cậu bé Trần Văn Thủy 13 tuổi, được bố gửi đi “học nghề” ở nhà người bạn, đó là ông chủ hiệu ảnh phố Paul Bert, Nam Định. Cậu bắt đầu làm quen với “phim” và “ảnh”, còn “phim ảnh” thì là mãi về sau....

Cậu bé không những tự chụp ảnh, tự “hóa trang” mà còn... tự diễn, mặc dù kĩ năng diễn mới chỉ đến lác mắt và há miệng là hết!

Nhưng tính cách độc đáo khác người và thói quen thích làm phim là làm “từ A đến Z” đã nảy sinh từ ngày đó và bám theo đạo diễn Trần Văn Thủy đến suốt đời...

Đó là cả một CÂU CHUYỆN DÀI...

MỘT

...Thằng oắt con học bơi đâu nghĩ rằng nó đang rèn một “kỹ năng” tối cần thiết mà nếu không có thì lớn lên nó toi hàng chục lần ở chiến trường rồi, chuyện ấy từ từ sẽ kể...
1946.

Cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ và từ Hà Nội nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh. Nhà Thủy ở thành phố Nam Định, một hôm lính Pháp trèo qua tường, bắn lung tung vào nhà, bắn lên gác hai, gác ba, bắn cả vào hai chiếc xe chở khách phủ bạt ở sân...

Bỏ lại ngôi biệt thự rộng rãi, sân vườn, ông bố đưa cả nhà tản cư về quê, làng An Phú, Hải Hậu. Lam lũ thiếu thốn. Tuy chỉ vắn vện có hai ba năm, nhưng cuộc sống ở một làng quê đồng bằng Bắc bộ đã gieo vào tâm hồn Thủy, đưa bé sáu bảy tuổi những kỷ niệm đẹp không bao giờ phai mờ trong suốt cuộc đời, những câu hát như hơi thở đồng quê, sau này nghe mãi cũng không thấy đẹp thấy hay như đã nghe và đã hát hồi thơ ấu.

Bà Nhuận tuy là người giúp việc nhưng anh chị em Thủy gọi là thím. Chồng con thím chết trong trận đói khủng khiếp năm Ất Dậu (1945). Một chữ bẻ đôi không biết nhưng thím là một kho chuyện cổ tích, nào Tống Trân Cúc Hoa, Phạm Tải Ngọc Hoa, nào Hoàng Trừu... Năm cải cách ruộng đất người ta tính bắt giam bố Thủy và ép thím phải đấu tố ông đã bóc lột người làm. Thím nhất định không nghe và trả lời rằng ông là ân nhân của thím, trong nạn đói năm 1945, ông đã cứu giúp và chôn cất không biết bao người vô thừa nhận. Ông còn bỏ tiền ra nuôi dân đắp đê hàng tổng, một con đê dài, đến bây giờ người già còn kể lại...

Thím là người thật thà tử tế. Anh Song, ông anh họ cùng vợ con ở chung nhà một thời gian, có ít vàng sợ loạn lạc mất mát cho nên đem chôn giấu ở chân cột nhà. Sau đó gia đình anh chuyển về thành và nhặn lại cho thím, chỉ chỗ chôn vàng nhờ thím đào lên và gửi cho, thím đã giúp tận tình tìm cách gửi về thành đến tận tay anh, không suy suyển.

- Thím bao nhiêu tuổi?

- Thím bằng tuổi bố mình, tuổi Dần, 1902, khi người Pháp xây cầu Paul Doumer. Năm thím 62, 63 tuổi, bố mình sắm cho thím một cỗ hậu sự, ông còn chui vào nằm thử! Cả nhà vừa sợ hết hồn, vừa buồn cười. Cỗ hậu sự thím dùng để đựng thóc... Hơn hai chục năm sau (1983) thím mới mất trong sự tiếc thương. Giỗ thím là cái giỗ đầu tiên trong năm của gia đình: ngày 12 tháng giêng âm lịch được ghi vào gia phả.

Thím Nhuận để lại ấn tượng rất sâu sắc trong tâm hồn tuổi thơ của Thủy. Thím trông coi lần lượt tất cả 5 anh em Thủy như con và anh em Thủy thương yêu thím như mẹ. Sau này trong cuốn phim “Có Một Làng Quê” (1993), Thủy đưa câu chuyện về thím vào phần kết của cuốn phim, được bên đặt hàng là hãng NHK của Nhật đánh giá cao.

- Có phải đây chính là bà thím trong “Nếu Đi Hết Biển” không?

- Đúng thế, thím Nhuận chính là người mà mình đã hỏi: “Nếu Đi Hết Biển thì đến đâu?”. “Uyen bác” là thế mà thím cũng ngăn người, không trả lời được.

Ừ, câu chuyện bắt đầu đơn giản thế này thôi, chắc cũng như nhiều đứa trẻ ngây thơ khác hồi đó, cậu bé Thủy nghĩ mặt đất nó phẳng lì như một cái chiếu to đùng, nhìn hút tầm mắt, cho nên mới thắc mắc, cứ đi mãi đi mãi thì tới đâu. Một hôm thầy giáo đem “quả” địa cầu đến lớp, từ đó mới biết thì ra trái đất tròn.

Nhưng ở cái tuổi như thế cũng chưa tưởng tượng được rằng: “Đi mãi đi mãi rồi đến đâu”.

Qua bom đạn chiến tranh, qua sóng gió cuộc đời, học nhiều điều, đi nhiều nơi, biết nhiều chuyện, quen nhiều người đến khi tóc chớm bạc... cái câu chuyện tuổi thơ ấy mới trở nên sâu sắc như một triết lý nhân sinh, “đi mãi đi mãi lại trở về quê hương mình”.

Nhưng cuộc sống cũng cho thấy rằng có không ít những mảnh đời những thân phận vì nhiều lí do mà “đi mãi đi mãi chẳng trở về được quê hương mình”.

...Năm 1949 Quân Pháp và lính bảo hoàng càn quét sang Hải Hậu, súng bắn đùng đoàng, tắc bọp, tắc bọp. Dân làng chạy tan tác, đàn bà con gái sợ bị bắt, bị hãm hiếp, bơi mặt lem luốc trốn trong ruộng lúa, mấy chị của Thủy cũng vậy. Người anh lớn của Thủy, anh Trần Văn Vĩnh 14 tuổi bị bắn chết, viên đạn trúng tim, phá tan lồng ngực, xuyên qua cái bị cới sau lưng, cái màn trong đó bị thủng mấy chục lỗ. Anh Động, anh rể cả cũng xác anh Vĩnh vượt qua cánh đồng, qua sông về đặt ở gốc cây đa đầu làng. Đêm tối mịt mù, đầu đó vẫn còn nghe tắc bọp tắc bọp, một ngọn đèn dầu leo lét trước gió. Bố của Thủy chạy ra nằm phủ phục ôm lấy xác con.

Đám tang vội vã, gia đình mượn tạm cỗ hậu của bà Ngũ để chôn cất anh Vĩnh ngay trong đêm đó. Tội nghiệp, anh hiền lành học giỏi, yêu quý các em. Nếu còn sống, anh Vĩnh chắc chắn sẽ là chỗ dựa vững chãi cho Thủy trên bước đường đời sau này, tuy anh chỉ hơn Thủy bốn tuổi.

Sau sự kiện đó, không chút do dự, bố Thủy quyết định đưa cả nhà về thành, tất nhiên khi đó thành phố đã nằm trong tay quân đội Pháp.

Đó là năm 1949.

Mấy anh chị em bắt đầu đi học trở lại...

Ở Hà Nội, bà chị cả cùng chồng con ở 41 phố Ngô Sĩ Liên, trước cửa chùa Tàu. Đến vụ hè Thủy lại lên Hà Nội chơi rông và tập bơi ở Ấu Trĩ Viên (Cung Thiếu Nhi ngày nay), học có thầy dạy, có bài bản. Năm 11 tuổi Thủy đã bơi thạo lắm rồi, nào brasse, brasse-coulé, crun...

Ở Hà Nội nhiều đứa như thế, nhưng thằng oắt con này học bơi đâu nghĩ rằng nó đang rèn một “kỹ năng” tối cần thiết mà nếu không có thì lớn lên nó toi hàng chục lần ở chiến trường rồi, chuyện ấy từ từ sẽ kể. Các cụ bảo “*có phúc để con biết lợi; có tội để con biết trèo*”. Thế mà phải trốn nhà để đi “lội” đấy.



Thủy 12 tuổi (ngoài cùng bên trái) cùng gia đình. 1952

Mấy anh em Thủy cứ chạy lông nhông từ Ngô Sĩ Liên qua Sinh Từ, Hàng Bông, Hàng Gai, Bờ Hồ, lên tận Ấu Trĩ Viên mà thấy gần không!

...Bây giờ hơn bảy chục tuổi hắc vẫn bơi mỗi ngày ngàn rưỡi hai ngàn mét. Bơi không mệt, cứ như đi bộ trên mặt đất vậy, chán thì lên.

Thời niên thiếu của Thủy cũng có những chuyện liên quan đến làm nghề.

Ngày bé, do “*dinh tê*” (*entrer – vào, ý nói quay trở vào sống ở thành phố đã bị chiếm đóng*) mà từ 1949-1954 Thủy được xem rất nhiều phim. Cậu bé mê phim để rồi bao nhiêu tiền ki cốp được đều nường vào các rạp chiếu phim. Những *Tarzan, Zoro, Charlie Chaplin (Sác-lô), Rashomon, Anh găng nuôi con, Kẻ cắp xe đạp, Samson et Dalila, Quo va dis, Ivanhoe, Les Trois Mousquetaires, Les Miserables, Cuốn theo chiều gió...* Nhiều phim kinh điển khác nữa Thủy đã được xem từ những năm đó. Cậu ta còn sưu tập chân dung các tài tử nổi tiếng thời đó như Robert Taylor, Clark Gable, Victor Mature, La Latourne, Elizabeth Taylor...

Rạp chiếu bóng đầu tiên trong đời cậu bé Thủy bước chân vào là rạp Bắc Đô ở phố Hàng Giấy bây giờ. Có một chuyện không thể nào quên, bữa đó được đi xem *Tarzan*, Thủy và lũ trẻ con vào rạp thì đèn đã tắt, phim đã chiếu. Lũ trẻ túm áo theo nhau tìm chỗ ngồi. Tối om, chẳng nhìn thấy gì, sờ soạng thấy hàng ghế, nhưng quái lạ, không hiểu tại sao mặt ghế cứ dựng lên. Bọn trẻ mắt cứ dán vào màn ảnh và len lén ngồi lên mép ghế, cố chịu đau mà xem. Lúc hết phim, mọi người đứng lên, ghế lật rào rào, chúng nó mới vỡ lẽ.



...bao nhiêu tiền ki cóp được đều nướng vào các rạp chiếu phim...

Thủy còn mê và thuộc tâm nhạc, nhạc tiền chiến ngay từ khi còn bé. Sau này có giai đoạn những tác phẩm ấy bị cấm gắt gao, có những người chỉ tụ bạ hát cho nhau nghe mà bị đi tù. Đó là điều ám ảnh day dứt trong Thủy. Anh chàng cũng từng đeo đẳng với nhạc sĩ Đoàn Chuẩn để học guitare Hawai vào những năm 1958-1959 mà chả nên cơm cháo gì. Vừa mới đây thôi 2010-2011, Thủy đã làm bộ phim liên quan đến những chuyện chìm nổi của cái gọi là dòng nhạc vàng.

Sau phổ thông trung học, Thủy được theo học một lớp về dân tộc học và về bảo tàng gì đó do bộ Văn Hóa tổ chức, địa điểm ở 22 Hai Bà Trưng, xưa là Vụ Bảo tồn Bảo tàng, ông Đặng Xuân Thiều, em con ông chú ông Trường Chinh là Vụ trưởng. Lớp này chuyên đào tạo cho miền núi....

HAI

...Quán lá tan hoang, cối nước chông chơ. Người Kinh như con ma rừng, đi đến đâu, nơi ấy nhiều cái vốn đang hay đang đẹp lại tàn dần hoặc được làm cho “hay” hơn “đẹp” hơn rồi... chết. Cái hồn rừng hồn núi mọc mọc thật thà teo tóp cả. Chà, người Kinh, cái giống người kinh...hãi của núi của rừng...

1960.

Khu tự trị Thái Mèo gồm mười tám châu. Năm 1963 đổi thành khu tự trị Tây Bắc, gồm ba tỉnh Lai Châu, Sơn La và Nghĩa Lộ. Anh em cán bộ văn hóa ở Thuận Châu cũng chia ra đi làm việc tại ba tỉnh.

Ông Lương Quy Nhân được bổ nhiệm làm Trưởng Ty Văn hóa Lai Châu. Ông đem theo một số anh em, trong đó có Thủy và Đặng Trần Sơn. Những người được điều đi Lai Châu được coi là những người có tinh thần xung phong, chịu khó chịu khổ.

Danh sách có đến gần hai chục người nhưng người về xuôi, người nghỉ phép, người đi công tác... chỉ còn hẵn và Đặng Trần Sơn theo ông Lương Quy Nhân đi tuốt lên đó.

Vậy là hai anh em được coi là những người đầu tiên của Ty Văn hóa Lai Châu thuở sơ khai.

Ban đầu “trụ sở” Ty đóng tại dinh cơ của Đèo Văn Long, một thời là vua xứ Thái, nơi ngã ba sông, sông Nậm Na và sông Đà gặp nhau rồi đổ về xuôi. Bên kia là Mường Lay. Cả một dinh cơ của một ông vua, tòa ngang dãy dọc bỏ hoang chẳng có ai ở, bây giờ chỉ còn là nơi buộc ngựa để qua sông, những người từ Mường Tè, Từ Phong Thổ về qua đây...

Thiên nhiên quá hùng vĩ. Sức mạnh của tạo hóa thật vô cùng vô tận. Dòng sông chảy xối xả như thác, cứ ầm ầm ào ào suốt ngày suốt đêm, từ đời này sang đời khác, từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, hàng ngàn vạn năm từ khi khai thiên lập địa. Những hòn đá nhỏ như viên bi cho đến những tảng đá to bằng nửa cái nhà, tất cả đều tròn vo, nhẵn thín. Khi mặt trời mọc, từ trên đỉnh núi, nhìn xa xa, núi non trùng trùng điệp điệp nhấp nhô như ngàn vạn con lạc đà nằm phủ phục...

Căn phòng có một cái cửa sổ to hình chữ nhật. Non nước mây trời, mưa rừng gió núi, những buổi hoàng hôn rực rỡ, những đêm dài sâu thẳm thẳm... những hình ảnh lúc nhanh lúc chậm trôi qua khung cửa tựa như những cảnh phim trên màn hình, ngày này sang tháng khác, miệt mài không một giây ngưng nghỉ.



...những hình ảnh lúc nhanh lúc chậm trôi qua khung cửa tựa như những cảnh phim trên màn hình...

(từ ngôi nhà của Đèo Văn Long nhìn ra)

...Những con người từng qua lại nơi đây, những người phu thồ ngựa, những cô gái múa xòe năm xưa trong thời huy hoàng của vua xứ Thái... những người ấy hồn ở đâu bây giờ?

Trên tường, treo hai bên khung cửa sổ, một bên cây thước, một bên chiếc gương. Vô tình thôi, có chủ ý gì đâu nhưng dần dần trí tưởng tượng tuổi trẻ mộng mơ bỗng một hôm nhận ra rằng khung cửa sổ kia chính là màn hình, cái thước, chiếc gương là hình ảnh của sự ngay thẳng trong sáng.

Và ý tưởng đó cứ rõ dần rõ dần cùng với sự nếm trải những gian nan cơ cực chìm nổi trên đường đời, kể cả khi mái đầu đã bạc, cặp mắt đã mờ...

Có diễm báo gì ngay khi tuổi đang xuân trong ngôi nhà hoang Tây Bắc năm xưa? Một “màn hình” chữ nhật, những “cuốn phim” sống động, cái thước và chiếc gương...

Hắn và Đặng Trần Sơn ngày ngày vào rừng kiếm củi, xuống suối lấy nước thối cơm rồi cặm cùi làm việc. Đêm đến sợ cộp beo rình mò thì động ống bương xuống sàn theo nhịp điệu và hát inh ỏi. Có thể nói đây là một đoạn đời đẹp, hình thành tính cách của hai thằng mới bước vào đời.

“Đường lên Tây Bắc quanh co, nếp nhà sàn đây đó...”

Đúng như câu hát quen thuộc một thời. Những con đường mòn vòng vèo, dài như vô tận, chập chùng lên xuống, rẽ ngang rẽ dọc, thỉnh thoảng bên suối lại nghe tiếng cối nước giã gạo thong thả, thành... thạch, cứ thế ngày đêm thành... thạch, thành... thạch... chậm rãi như tiếng thời gian. Nó cặm cùi “làm việc” một mình, chẳng có một bóng người. Nhà chủ cối gạo có thể ở gần đâu đây, cũng có thể cách đó hàng giờ đi bộ. Có người đi qua còn ngồi xuống đảo gạo hộ hay thấy gạo giã đủ trắng rồi còn giúp xúc ra, đổ gạo chưa giã vào - gạo để trong cái gùi ngay bên cối.



*...đây là một đoạn đời đẹp, hình thành tính cách của hai thằng mới bước vào đời.
(Tháng 11-1963, hai đứa trên đường từ Điện Biên đi Mường Lói, bắt được con ngựa lạc,
“nhờ” nó chở đồ)*

Dọc đường đi thỉnh thoảng lại gặp một túp lều không người, bên trong treo vài nải chuối, mấy củ khoai, củ sắn, măng rừng, vài bắp ngô, mớ trứng gà, cả gà nữa. Ai cần cái gì thì lấy cái đó và tự bỏ tiền vào cái giỏ con bên cạnh.

Chẳng hiểu người dân tộc vốn chân chất hồn nhiên gọi đó là cái gì, mà chắc họ cũng chẳng cầu kỳ đặt tên cho nó. Về sau người Kinh lên đặt cho nó cái tên chữ của cách mạng nghe hay lắm: “Quán tự giác”. Được cái tên hay thì nó cũng thoi thóp và “tự giác”... chết, vì hàng để trong quán biến mất mà giỏ đựng tiền thì rỗng không. Những ai đã biết, đã từng thấy những cái quán dễ thương đó bây giờ nhớ lại cái tên “quán tự giác” sẽ có chút bàng khuâng, chút xót xa...

Quán lá tan hoang, cối nước chống chơ. Người Kinh như con ma rừng, đi đến đâu, nơi ấy nhiều cái vốn đang hay đang đẹp lụi tàn dần hoặc được làm cho “hay” hơn “đẹp” hơn rồi... chết. Cái hồn rừng hồn núi mọc mọc thật thà teo tóp cả. Chà, người Kinh, cái giống người kinh...hãi của núi của rừng...

Hôm đó 26-11-1960, là ngày hẵn tròn 20 tuổi, hơn bốn giờ sáng bắt đầu leo lên dốc Mường Mô, trưa mới lên đến đỉnh, nhìn xa xa tí tắp, nơi có ngọn khói lam bốc lên. Đó là cơ quan huyện Mường Tè, vậy mà đi đến sẩm tối mới tới nơi. Huyện Mường Tè là huyện xa nhất của Lai Châu và của cả Tây Bắc, gà gáy ba nước cùng nghe. Nơi đó không có quốc lộ, chỉ có những con đường mòn qua nhiều đèo dốc suốt khe, là quê hương của những tộc người hoang sơ nhất...

Hắn làm công tác dân tộc học, công việc là tìm hiểu, viết tài liệu về những bầy người du cư ở biên giới, với những địa danh nghe lạ tai như: Ca lăng, Té Xứ, Pa Ủ, Pa Vè Xứ, Mali Pho, Mali Chải... với những người Hà Nhì, còn gọi là người U Ní, người Khù Xung (cùng khổ), người Toong Lương (lá vàng)... Trong những chuyến đi, hắn sống với những bầy người “nguyên thủy” chỉ có mảnh vỏ móc che thân dưới, còn thì ở trần. Họ còn lưu giữ những vật dụng để lấy lửa bằng đá, chặt nứa làm lều, lấy lá chuối lợp lên để che mưa che nắng, đào sâu một khoảng đất

vừa đủ cho tất cả bầu đoàn trú ngụ. Có lẽ hình thái sống trong hang động vẫn đeo bám họ. Khi xung quanh cạn nguồn ăn, cây cỏ củ quả, muông thú không còn, cũng là lúc lá lợp đã úa vàng thì họ lại kéo nhau đi.

Năm 1960 khi được bộ đội biên phòng tìm ra, những bầy người du cư còn sống hoang sơ lắm.

Nước chỉ dùng để uống, họ ít biết đến tắm rửa. Trong cái lỗ ở quây quần với nhau, họ lấy vài thanh nứa làm cái sạp cho hần nằm, còn họ nằm đất. Buổi tối họ đốt đồng lửa, hú hét một lát rồi lăn ra ngủ xung quanh. Đêm thức giấc, đồng lửa sưởi đã gần tàn, hần thấy họ quăn lấy nhau thành cái vòng tròn như sợi dây thừng, chẳng biết đầu là đầu, đâu là đuôi. Họ vẫn sống quần hôn, kéo nhau đi cả bầy đàn, sinh con đẻ cái mà chẳng biết đứa nào của ai.

Hần đã tìm hiểu đời sống, sinh hoạt, tập quán và cội nguồn một số dân tộc khác nữa và cứ cần mẫn ghi chép đầy đủ làm thành tư liệu dân tộc học để gửi về Hà Nội...

BA

Tôi nói cho ông biết nhá, cái loại miền núi như tôi đào bảy ngày không ra một thằng đầu! Thằng này nó là người Kinh thật nhưng nó sống ở trên đó phục vụ trên đó. Nếu không có thằng Nông, thằng Lò, thằng Ma nào thì phải đào tạo nó chứ!

Ông Lương Qui Nhân, Trưởng Ty Văn hóa Lai Châu là người dân tộc Thái, hiền lành tử tế lắm. Ông còn là một nhà thơ có tiếng. Sau ông làm phó chủ tịch tỉnh Lai Châu. Khi mới lên Lai Châu nhậm chức, ông ốm bệnh, ốm yếu. Hắn chưa học nghề y tá mà phải tiêm cho ông.

Hắn và Sơn làm tất cả mọi việc khởi đầu của một ty Văn hóa như dự thảo kế hoạch xây dựng cơ quan, kế hoạch đào tạo, phương hướng hoạt động, tuyển người, cử cán bộ đi học, thành lập các phòng ban, xây dựng đoàn Văn công... Ngoài ra còn nhiều lần tổ chức các đội chiếu bóng, đoàn văn hóa lưu động đi các vùng núi xa xôi triển lãm ảnh, múa hát, chiếu phim cho bà con xem. Hắn là người tổ chức cũng là trưởng đoàn. Dần dần hắn nhận ra sự lợi hại của phim ảnh, nó có tác dụng rất mạnh so với những bài nói lê thê, giải thích dài dòng. Phim ảnh có tác động rất nhanh rất mạnh với người xem, nhất là phim khoa học.

Từ đó hắn thích phim ảnh vì nó có thể bày tỏ tâm tư suy nghĩ về một vấn đề nào đó.

Hắn đã viết một bức thư dài nhiều trang gửi một ông lãnh đạo tỉnh, xin được về xuôi học làm phim rồi lại quay về phục vụ Lai Châu. Chuyện học ở trường điện ảnh rồi đi miền Nam của hắn sau này là theo lệnh điều động, ngoài dự kiến của tỉnh và của riêng hắn.

Hắn làm cả văn thư cho nên mọi công văn giấy tờ đều qua tay. Thấy có một khóa học điện ảnh có cái tên rất ngộ là “Khóa chống Mỹ cứu nước”. Hắn nói với ông Lương Qui Nhân và xin đi học. Ông ấy bảo:

- *Ừ nhỉ. Cậu đi thì hay đấy!*

Ông ấy tin người thế đấy. Trong đời hắn hay gặp những người “*nhẹ dạ cả tin*” như thế. Nói vậy cho vui, thực ra phải nói họ là những người có nhân có đức. Sau này ông Trần Độ khi mất chức rồi còn ký quyết định cho hắn đi dự Liên hoan phim, làm việc tại Pháp và châu Âu; Khi làm “*Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai*”, Giám đốc hãng phim cấp tiền, điều người, giao máy cho hắn mang đi, trong khi kịch bản đề cương đều mới chỉ là ý tưởng loáng thoáng trong đầu ...

- *Thế thì làm thế nào ạ?*

- *Thì công văn đây, ưu ái miền núi mà! Tôi làm quyết định nhá?*

Ông Nhân ký quyết định cử đi học và các giấy tờ linh tinh khác, ký cả quyết định thôi trả lương. Ông bảo:

- *Nếu xin học được thì học, không thì xé hết đi, lại quay về đây.*

“Người Kinh chúng tôi không dễ tin người như thế đâu”, hắn lẩm bẩm...

Con đường cuộc bộ từ Lai Châu về Hà Nội khó khăn lắm, đặc biệt là máy bay Mỹ đã bắt đầu bắn phá. Từ Lai Châu đi Tuần Giáo, đến Tuần Giáo, hẳn có việc phải vòng về Điện Biên, cuộc bộ mất cả tuần. Thời đó phố Điện Biên chỉ là con đường đất với hai dãy nhà lá. Chẳng có hàng quán gì, sáng sớm có đôi chỗ bán bánh cuốn, bán xôi cho người đi đường, nắng lên là tản đi hết để tránh máy bay. Sơn La, Mộc Châu cũng còn rất hoang sơ tăm tối.

Đó là giữa năm 1965.

...Lưng đeo cái ba lô tồi tàn, trước ngực đeo cái túi vải - cái túi của họa sĩ Đặng Trần Sơn vốn dùng để đựng đồ vẽ - bên trong lót lá chuối, đựng bánh cuốn, hẳn vừa đi vừa bốc ăn, bước thấp bước cao, thập thững trên đường núi Tây Bắc, ngày đi, đêm vào bản ngủ nhờ...

Đó là những bước chân ban đầu trên con đường "tìm đến điện ảnh" của đạo diễn, nghệ sĩ nhân dân Trần Văn Thủy - nói theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

...Đến Thuận Châu vợ được cái xe đi nhờ, mấy ngày sau về tới Hà Nội. Đến phố Cao Bá Quát, có trụ sở Điện ảnh.

Chiêu sinh ở đó.

Hắn trình bày và đưa giấy tờ ra.

Được câu trả lời:

- Thi cách đây 2 tuần rồi còn gì nữa!

Thế là xong!

Phải xé hết giấy tờ quay về Lai Châu tiếp tục cày thôi.

Nhưng rồi hắn nghĩ, chắc ở Hà Nội vẫn có cái góc ngách nào đó chẳng, còn nước còn tát.

Chẳng quen biết ai, người thì đen đúa cóc cáy... Cứ liều đi gõ cửa mấy nơi, các ông ấy đều nói: *"Biết vậy, nhưng phải thi cử chứ!"*

Một tuần lang thang.

Một hôm hắn đến Cục Điện ảnh ở đường Hoàng Hoa Thám xem có nhân vật nào đó để thưa gửi, nhờ vả.

Thấy một ông đeo kính trắng từ trên dốc ục ịch đi xuống, khó đoán loại người thế nào.

- Anh ơi anh, em ở miền núi về có việc này anh giúp em có được không?

- Cậu là thế nào?

Hắn trình bày xong rồi nói:

- Anh cho phép em hỏi: Anh có chức gì ở đây không? Anh tên là gì ạ?

- Tao chả có chức quyền gì cả. Tao là Nông Ích Đạt! Tao là người miền núi, tao thấy mày tội nghiệp, mày láng cháng ở đây mấy ngày nay, chắc khổ lắm hả?

Ông cầm tay hắn, bảo:

- *Đi theo tao.*

Lên gác, đến trước mặt một ông, sau này mới biết là ông Trần Đức Hình, Cục phó Cục Điện ảnh kiêm Hiệu trưởng trường Điện ảnh phụ trách cái khóa học đang mở.

- *Ông Hình, cái thằng này nó ở Tây Bắc về đây này. Nó ôm cả hồ sơ giấy tờ trên kia gửi về. Đường xá xa xôi, bom đạn như thế, nó về muộn, bây giờ mới có mặt, không xem xét ưu ái cho nó không được đâu. Tôi nói cho ông biết nhá, cái loại miền núi như tôi đào bảy ngày không ra một thằng đâu! Thằng này nó là người Kinh thật nhưng nó sống ở trên đó phục vụ trên đó. Nếu không có thằng Nông, thằng Lò, thằng Ma nào thì phải đào tạo nó chứ! Giấy tờ hồ sơ làm rồi, cắt lương rồi, để nó đứng đường à! Mấy ngày nay nó vật vờ ở đây rồi...*

Ông Hình bảo:

- *Được, để tôi xem thế nào.*

May thế, trời xui đất khiến thế nào gặp được ông Nông Ích Đạt, nếu không thì chả có ngày hôm nay mà ngồi đây nói chuyện con cà con kê... Tất cả chúng nó mặt lạnh như kem, khinh người miền núi như rác.

Sau này do chán đời, cùng quẫn về tinh thần, hai vợ chồng đạo diễn Nông Ích Đạt đều uống thuốc ngủ tự tử. Tự tử mà không chết! Người ta cứu được. Nhưng rồi ông bà cũng chẳng sống thêm được bao lâu. Ai cũng thương xót con người hồn nhiên tốt bụng như vậy...

Trong thâm tâm, hắn nghĩ, học xong lại về miền núi thôi chứ làm sao dám chơi trèo với các anh chị dưới xuôi. Hắn biết thân biết phận của mình. Hắn tự ti, mặc cảm lắm.

Ông Hình viết mảnh giấy thế này:

"Gửi anh Trương Huy,

Anh xem xét kỹ trường hợp này. Theo ý kiến của anh Nông Ích Đạt thì nên cân nhắc vì trường hợp này ở miền núi về."

Ông Huy là trưởng phòng giáo vụ.

Ông Hình bảo hắn đến 33 Hoàng Hoa Thám, trường Điện ảnh ở đó.

Mấy cái nhà lá, bãi đất rộng mênh mông...

...Ôi cái tên Hoàng Hoa Thám, tên một con người kiên cường, xả thân vì tự do vì đất nước.

Anh chàng “người Lai Châu gốc Nam Định” Trần Văn Thủy, “chẳng Lò, chẳng Nông, cũng chẳng Ma” giờ đây đang thất thểu trên con đường này, bụng đói, mắt hoa, trước mặt là tương lai vô định có tưởng tượng nổi rằng gần hai chục năm sau (1982), cũng nơi đây, anh Phạm Hà sừng sốt, phanh xe nhảy xuống đất bộ: “Ô Thủy! Cậu chưa bị bắt à?” Ấy là nói cái “vụ án Hà Nội Trong Mắt Ai” ầm ĩ một thời! Vụ này còn chưa kịp lắng xuống thì lại cũng trên con đường này, năm 1988, “Chuyện Tử Tế” cất cánh “bay” sang Leipzig một cách đầy bí hiểm.

Chợt nghĩ, bây giờ trong phòng khách nhà Thủy, lại cũng trên đường Hoàng Hoa Thám, hình như còn thiếu bức chân dung Đề Thám, con Hùm Xám Yên Thế, con người vĩ đại mà tên tuổi gắn với gia đình một cách đầy “tính xi-nê-ma” như thế. Và biết đâu từ cảm hứng của một nghệ sĩ, tuy đã ở bên kia sườn dốc, cuốn phim “Đề Thám” sẽ ra mắt người xem, sau cuốn tiểu thuyết “Người Trăm Năm Cũ” viết về Hoàng Hoa Thám của người bạn chí thân Hoàng Khởi Phong?

...Hắn gặp ông Trương Huy, người bệ vệ, ăn to nói lớn (cuối đời ông bị đột quỵ, nhỏ bé một cách lạ lùng, khách đến thăm, ông ngồi co ro ôm khư khư mấy hộp quà, tội lắm).

Cuối cùng Thủy được nhà trường thu nhận với một điều dặn dò: “Vì cậu không qua thi cử cho nên nhà trường không biết năng lực thế nào. Cứ học thử, nếu học tốt thì được; nếu không được, không phù hợp thì trả cậu về Ty Văn hóa Lai Châu.”

Ở hoàn cảnh như thế thì phải hiền lành ngoan ngoãn chịu khó mà học chứ sao.

Lớp này khai mạc tháng 8/1965, sẽ bế giảng tháng 8/1967. Học được một nửa thời gian thì có lệnh cực kỳ khẩn cấp của Ban Tổ chức Trung ương và của Ban Thống Nhất là phải điều động ngay lập tức 6 phóng viên quay phim vào chiến trường miền Nam.

Khóa học lúc bấy giờ có 120 học viên chia làm 4 lớp: Chủ nhiệm, Biên kịch, Quay phim, Đạo diễn.

Hắn ở lớp Quay phim, học ở nơi sơ tán, ngày nghỉ các bạn về Hà Nội cả, hắn ở lại trường cặm cụi học bài.

Năm đầu toàn học lý thuyết, học chay. Có đúng hai lần được sờ vào máy quay phim, chiếc máy Admiral 16 ly, cổ lỗ, của Tiệp Khắc. Chưa lần nào được quay một trường đoạn mà chỉ được bấm hai lần. Một lần là thử ống kính tele, chụp cùng một nhân vật, đặt chế độ tele, chế độ normal, chế độ grand-angle (góc mở lớn), xem ảnh cắt đến cỡ nào. Một lần nữa là thử độ nhạy của phim, 21, 18, 17 dyn với ánh sáng mạnh yếu khác nhau. Ống kính mở ra, bấm ba cái, đủ sáng, thừa sáng và thiếu sáng, in ra xem hiệu quả thế nào...

Trình độ như vậy, xin một chân phụ quay ở các xưởng phim ngoài Bắc lúc đó cũng không đâu nhận.

Nhưng phải nói rằng khóa học đó sau này có nhiều người thành đạt, kể ra không xuể, đóng

góp phần không nhỏ cho thành tựu ngành Điện ảnh Việt Nam. Bây giờ hàng năm các đồng môn năm xưa gặp lại nhau, vẫn thân thiết ôn lại thời sơ tán, chuyện các thầy, các bạn...

Một hôm, vào giữa năm 1966, ông Nguyễn Đức, Bí thư đảng ủy gọi hấn lên. Ông bảo:

- Ban giám hiệu và anh em đánh giá cậu học tập tiến bộ, thái độ nghiêm túc...

Ông có nêu việc cấp trên cần người đi công tác ngay, vào chiến trường miền Nam, chưa biết là khu 5 hay Nam bộ hay Quảng Trị. Ông hỏi:

- Thủy thấy thế nào, có bằng lòng, có cảm thấy vinh dự không?

Hấn nói:

- Cảm ơn anh đã lưu tâm và gọi tôi lên nói chuyện. Tôi đã ở Tây Bắc 5 năm, đã quen gian khổ cho nên không ngại đi chiến trường. Nhưng tôi có nguyện vọng được học xong. Khi đó các anh bảo tôi đi đâu cũng được. Một điều nữa là khi Lai Châu cử tôi đi học họ hy vọng tôi trở về đây để phục vụ.

Cấp trên hỏi tôi có thấy vinh dự không; tôi xin thưa, tôi không thấy vinh dự và đối với tôi, 5, 6 năm lam lũ vất vả ở Tây Bắc đã là đỉnh điểm vinh dự rồi. Còn bây giờ cấp trên điều tôi đi thì là chuyện khác. Tôi sẽ chấp hành dù tôi có nguyện vọng được học xong.

Ông Đức nói:

- Theo qui định tất cả đều phải là đảng viên. Các anh khác như anh Hiến, anh Sửu đã là đảng viên cả ; anh Tâm, anh Trường là người miền Nam thì không nói. Riêng cậu chưa phải đảng viên. Tổ chức sẽ xem xét. Cậu biểu hiện tốt, chuyện kết nạp chỉ là thủ tục.

- Nếu các anh đã dự định như thế thì tôi không thể nói điều gì xung quanh vấn đề này cả.

Chuyện “ưu ái” này làm hấn chột dạ và mất ngủ nhiều đêm. Hấn thầm nghĩ, khó có thể được kết nạp vì lý lịch “không ra gì”. Chuyện đảng viên hay không đảng viên không quan trọng. Điều đáng ngại là, để ra cái việc về địa phương điều tra lại lòai ra cái lý lịch “không ra gì” thì không được học tiếp nữa, có nghĩa là ngay việc học trường Điện ảnh cũng hỏng luôn.

Hấn nói thật lòng với ông Nguyễn Đức, đại ý: Cho tôi học xong, còn đi đâu tôi không ngại. Lý lịch của tôi không đơn giản.

Ông ấy bảo, chuyện ấy tổ chức sẽ lo.

Người cầm hồ sơ của hấn về địa phương điều tra lý lịch là ông Võ Hoàng Khả, bí thư chi bộ, người miền Nam, học viên do bên quân đội cử sang, tính tình rất dễ chịu.

Mãi sau này khi hấn ở chiến trường sống sót trở ra ông Khả mới kể chuyện gặp ông già hấn ở Thượng Trại Hải Hậu (đó là nơi gia đình hấn sơ tán, còn nhà hấn ở thành phố). Nghe chuyện tìm hiểu lý lịch, ông già hấn lắc đầu ngao ngán lắm.

Ông Khả kể: Vừa nghe nói thẩm tra, địa phương đã gạt phắt đi: *"Gia đình này không được!"*. Ông Khả nói, yêu cầu của cấp trên là những người đi chiến trường phải là đảng viên vì đó là chiến trường ác liệt, nhất là quay phim, không mấy người nguyên lành hay sống sót trở về.

Ông Khả về trường báo cáo thế nào không biết, rồi họ dự kiến kết nạp.

Chuyện kết nạp đảng của hấn diễn ra rất nhanh gọn, chỉ có điều hoàn cảnh gấp gáp quá, hấn phải tập trung lên Hòa Bình để đi B, không kịp làm thủ tục kết nạp ở trường Điện ảnh. Thời gian ở Hòa Bình trong lúc sửa soạn lên ô tô vào Quảng Bình, người ta mới đọc quyết định kết nạp.

Cho đến bây giờ - cuối năm 2012, nhà hấn cả chục anh chị em trai gái dâu rể, có người mấy chục năm làm việc trong các cơ quan nhà nước, tuyệt nhiên không có ai là đảng viên cả.

Em gái hấn thi vào hai trường, trường nhạc Hà Nội và trường nhạc Quân đội; hai lần thi đều đỗ điểm cao nhưng vì lí lịch, không được gọi vào học.

Kể đến đây, hấn bỗng nhớ lại một chuyện chẳng vui vẻ gì...

Hồi năm 2000, khi ấy hấn đã tròn sáu mươi, có Đại hội Hội Nhà báo ở nhà khách Hùng Vương - cánh làm phim tài liệu, được người ta cấp cho cái thẻ nhà báo cho nên hấn đến dự. Lâu rồi chẳng nhớ nội dung cuộc họp, chỉ biết gặp nhau bô lô ba la rồi bia bọt... Họp hai, ba ngày, hôm đó là buổi gặp cuối cùng để liên hoan sau mấy ngày đại hội.

Từ đường Hoàng Hoa Thám (*lại Hoàng Hoa Thám*) rẽ xuống Ngọc Hà, đến lưng chừng dốc thấy người xe ùn tắc, kẹt cứng hết cả lại. Hấn cũng dừng xe. Thấy một cậu người cao lớn, dựng chân chống chiếc xe mô tô lên, hằm hằm đi đến chiếc taxi đang đỗ quay ngang giữa đường. Tên côn đồ giật cửa rồi lôi cậu lái xe ra đấm túi bụi vào mặt vào mũi. Cậu lái xe trông hiền lành kiểu như ở nhà quê ra Hà Nội kiếm việc. Người đông như thế mà chẳng có ai nói năng gì. Thủy mới hô lên:

- *Này các anh ơi, có chuyện gì phải trái thì có công an có pháp luật chứ tại sao lại đánh người như thế này!*

Nói thật, khi nó đấm cậu kia Thủy có cảm giác như nó đấm vào mặt con mình. Ai cũng biết bây giờ mà can thiệp vào chuyện giữa đường giữa chợ thì dễ mang vạ vào thân lắm nhưng thấy nó dã man quá, không thể kiềm chế được, Thủy hét lên:

- *Dừng lại ngay! Không thể đánh người như thế được. Tôi là nhà báo đây!*

Tên côn đồ buông người lái xe ra, quay ngoắt lại xông tới nắm cổ áo Thủy, xốc lên và dằn giọng:

- *Đ. mẹ thằng cộng sản già!*

Hắn choáng hết cả người. Mấy bà xung quanh bảo: “*Bác ơi bác đi đi, bác đi đi...*”

Biết làm thế nào! Đây không phải là chỗ nói phải trái. Nói thêm gì nữa!

Hắn đành nuốt cục hận vào trong bụng rồi tìm cách thoát đi.

Trên đường đến nhà khách Hùng Vương ở ngay gần đó, hắn đi như người mộng du.

Tại sao nó biết mình là thằng cộng sản nhỉ? À! Là nhà báo ắt phải là đảng viên, là cộng sản.

Mà tại sao nó lại chửi mình nặng lời thế nhỉ? Nếu ngày đó mình không phải đi B, không trở thành đảng viên thì nó chửi thế có là hồ đồ vô lối không nhỉ?

Mà đảng viên thì cũng có năm bảy đường. Người ta còn buôn chuyện: “...anh ta tuy là đảng viên nhưng mà là người tốt” đó thôi!

Đến nơi, ngay tầng một, đèn đóm sáng trưng, đồ ăn thức uống bày la liệt, khách khứa ồn ào, nói cười ầm ĩ. Hắn gửi xe rồi thẩn thờ bước lên bậc thềm. Người hắn gặp đầu tiên là ông Dụ, Khổng Minh Dụ, người phụ trách A25 của Bộ Công an, cơ quan quản lý an ninh văn hóa. Do chức trách được giao, ông Dụ có quan hệ rộng với các anh em văn nghệ sĩ. Đối với hắn, ông ấy không thân cũng không sơ, có thể nói chuyện với nhau được. Hắn vẫn còn giữ bài thơ ông ấy làm tặng mấy năm sau đó.

Cách đây nửa năm bài thơ được đăng lại trên tờ báo nào đó, gặp các bạn già ở câu lạc bộ, các cụ còn đưa bài thơ ra chọc: “*Người ta cứ bảo ông bị công an trù dập, thế mà thiếu tướng công an Khổng Minh Dụ làm thơ ca ngợi ông đây này*”...

Thấy hắn đến, ông Khổng Minh Dụ hỏi:

- *Ông làm sao mà như người mất hồn thế?*

Hắn không nói năng gì cả. Bao nhiêu là người mà ông để ý đến hắn vì chắc thấy thần thái lạ quá.

Ông Dụ kéo hắn ra xa và hai người ngồi xuống hàng ghế sát tường. Ông mang đến cốc rượu vang bảo:

- *Uống đi, có gì mà buồn thế?*

Hắn không biết giữ kín tâm tư để không thể hiện ra thái độ bên ngoài, nhưng lại không muốn kể ra. Kể để làm gì? Mà kể cho một người như Khổng Minh Dụ thì không biết ông ấy nghĩ thế nào!

Nhưng ông ấy rất chân thành:

- *Thôi có chuyện gì bỏ qua đi, ngồi với anh em cứ vui vẻ. Uống đi!*

Hắn mới bảo:

- *Tôi vừa gặp chuyện rất bực mình.*

- Thế thì kể đi xem nào.

- Tôi chẳng biết chuyện này có lọt tai ông không, nhưng thôi, tôi cứ kể.

Hắn kể lại câu chuyện như nó đã xảy ra. Khổng Minh Dụ ưu tư và tỏ ra thông cảm. Điều này làm cho hắn thấy mến và gần gũi ông hơn.

Ông Dụ nói:

- Để chia sẻ với ông, tôi kể cho ông nghe một chuyện để thấy điều ông vừa gặp phải cũng thường thôi. Hôm ấy tôi và một số cán bộ cao cấp của Bộ Công an đi Hải Phòng. Trời đã gần tối, mưa tầm tã, đường tắc, xe ùn đống lại, còi inh ỏi. Có một ông nông dân vai vác bừa tay dắt trâu luồn lách thế nào đó đến đầu xe của chúng tôi, đập đánh rầm một cái vào nắp capô xe rồi réo tên Đỗ Mười ra mà chửi...(ông Đỗ Mười lúc đó là Tổng bí thư).

Ông ta chửi rất tục.

Câu chửi tục tằn lắm, người viết không thể kể ra đây được.

Mấy ông lãnh đạo công an đành ngồi chịu trận chứ biết làm sao! Quát nạt, bắt bớ người ta à?

Trầm ngâm hồi lâu, ông Dụ nói:

- Thế mà phải im đấy ông Thủy ạ!

Câu chuyện của ông Dụ làm hắn ngơ ngai phần nào. Nhưng năm đó, cũng là năm cuối cùng hắn sinh hoạt đảng. Hắn làm việc trong biên chế nhà nước, sáu mươi tuổi thì hưu, nhưng hắn chỉ thôi việc với cơ quan nhà nước thôi, không hề “hưu” mà vẫn phải làm việc cật lực: Làm phim ba bốn tập, viết sách, tham dự những hoạt động nghề nghiệp, Liên hoan phim, hội thảo liên miên trong và ngoài nước, rồi những việc hiếu nghĩa...cho đến bây giờ chưa ngưng nghỉ. Hắn cũng muốn “hưu” lắm nhưng chưa được, chỉ được cái thanh thản là bây giờ ra đường, nếu có gì sơ suất bọn trẻ có réo “*thằng cộng sản già*” ra mà chửi thì chúng chửi ai đó chứ không phải hắn.

BỐN

Nhưng “tiểu tư sản” là gì nhỉ? Lâu rồi, ít nghe ai nhắc ba từ này, có lẽ vì những người hay gán cho người khác ba từ đó đã “bỏ qua giai đoạn tiểu tư sản” để tiến thẳng lên “tư sản” cả rồi!

...Đoàn có hơn năm mươi bác sĩ, trong đó có một số mới ra trường, có bảy anh chàng bên Điện ảnh, là Hiến, Sửu, Thủy, Trường, Tâm, Trần Thế Dân và Cao Duy Thảo. Trường và Tâm là người miền Nam.

Về sau Trường hồi chánh, lên đài nói gì gì...

Mình còn nghe tiếng Trường từ trên máy bay trực thăng ra rả gọi tên bọn mình, tên anh em “*Hãy hồi chánh, về với chính nghĩa quốc gia...*”.

Câu chuyện dài và buồn. Trước khi đi B anh ấy cũng có nhiều chuyện, nói ra thì lạc đề. Khi tập trung ở 51 Trần Hưng Đạo để lên Hòa Bình, chúng mình ngồi trong chiếc “com-măng-ca đít vuông” (loại xe chỉ huy của quân đội Liên xô với cái tên Việt quen thuộc một thời), cô vợ Trường trẻ và xinh đẹp cứ nín giữ không cho xe đi. Trường bình thản vỗ vai, vuốt má vợ và nói: “*Thôi em quay về đi.*”

Thế rồi xe rồ máy đi...

Hình ảnh ấy đọng lại trong mình sâu sắc lắm, ghê gớm lắm. Sau năm 75 mình vào Nam nhiều lần tìm Trường nhưng không thấy.

Anh em báo chí, văn nghệ, điện ảnh đều có người “hồi chánh”, có cả anh Lê Bá Huyền học ở Nga về, phỏ đạo diễn phim “Nổi Gió”.

...Sau cả tháng trời được ăn ngon, tập đeo nặng trèo núi ban đêm, chúng mình xuất phát từ Hòa Bình, ngày đi đêm nghỉ, dọc đường cùng nấu cơm cùng ăn với nhau. Trong đoàn có cả cô bác sĩ nhãn khoa Đặng Thùy Trâm, sau trở nên nổi tiếng.



...chúng mình xuất phát từ Hòa Bình, ngày đi đêm nghỉ...

(Thủy là người chống gậy đi sau cùng)

Trên con đường vòng veo cheo leo đi vào trong ấy, có rất nhiều chuyện nhưng nổi bật hơn cả là chuyện về Đặng Thùy Trâm. Anh em đi trong đoàn là những trí thức trẻ tuổi, vui vẻ trong sáng. Chúng mình thân thiết quý mến nhau lắm.

Trên đường đi, khi qua đất Lào, mình thấy trong bụng không bình thường. Mình đau dạ dày

từ lâu rồi, nếu khai là đau dạ dày thì bị qui tội về tư tưởng, là “B quay”. Mình cẩn rắng chịu đựng không dám nói cũng chẳng tâm sự với ai cả và đã qua được nhiều đoạn đường. Đang đi trên đường bằng phẳng, chẳng phải leo trèo gì bỗng dung đau thắt trong bụng, mình ngồi thụp xuống bên đường gỡ ba lô ra. Dân, Sửu, Hiến, Trâm... đều đến bên động viên. Mình bảo các bạn cứ đi trước đi, mình nghỉ chút rồi sẽ theo sau. Mình đau quá lăn ra bãi cỏ, không thể ngồi được.

Ông phụ trách đoàn, người khu 5, tên là Chuyên, hơn chúng mình khoảng chục tuổi. Thấy mình lăn lộn đau đớn, ông ta nói mát:

- Ôi dào, đang đi vào chỗ chết thì đau cũng còn nhiều kiểu đau lắm!

Thùy Trâm nghiêm mặt nói:

- Anh là thầy thuốc mà ăn nói thế à?

Trâm bảo mình nằm xuống, vén áo mình lên bôi cồn rồi tiêm ba mũi Atropine quanh vùng rốn. Atropine chỉ là thuốc gây tê để giảm đau thôi.

...Sau hơn hai tháng rong ruổi, trèo đèo lội suối, vào đến căn cứ trên rừng của Ban tuyên huấn khu 5, một vùng núi cao Quảng Nam giáp ranh với Lào.

Trâm phải đi tiếp, bọn mình ở lại.

Mọi người trong đoàn của Trâm đã đi xa lắm rồi, Trâm cứ lừng chừng nán lại. Dân, mình và mấy bạn thân thiết với nhau suốt dọc đường đi đều quây quần lại chia tay Trâm.

Từ đó chẳng bao giờ gặp lại nữa, cũng chẳng bao giờ thư từ được cho nhau, nhưng trong ý nghĩ chúng mình vẫn nhớ mãi hình ảnh Trâm, người con gái gốc Huế dịu hiền, người bạn tốt...

Thế rồi chiến tranh qua đi, cuốn “Nhật Ký Đặng Thùy Trâm” ra đời.

Vì chúng mình đã thân quen với Trâm trên đường vào Nam cho nên rất quan tâm đến sự kiện này và có ý nghĩ của riêng mình.

Không biết ai là người đầu tiên nói rằng khi những người lính phía bên kia giết Đặng Thùy Trâm và lấy cuốn nhật ký của chị, một người lính Mỹ định đốt cuốn nhật ký, viên hạ sĩ quan quân đội cộng hòa Trung Hiếu đã nói: *“Đừng đốt, trong đó đã có lửa...”*.

Có thật anh ta nói câu ấy không? Hơi khó tin, cái câu chữ sặc mùi chính trị. Vì trong lúc bom rơi đạn nổ ai đã kịp đọc để biết trong đó có gì... Một viên trung sĩ, như sau này được biết là người không thích giao tiếp, một người rất kiệm lời mà có thể nói một câu mỹ miều đầy tính sân khấu ấy chẳng, nhất là giữa chiến trường ác liệt?

Ai đã đọc cuốn nhật ký với những câu chữ mộc mạc chân thành của một người con gái hiền lành ấy sẽ thấy chỉ có dạt dào tâm sự, đầy ắp nỗi niềm. Nếu có lửa thì là do ai đó, có thể là một người mê cải lương đưa vào mà thôi.

Khi Đặng Thùy Trâm được phong thành anh hùng, hàng ngàn hàng vạn bài báo tung ra, thì Thanh Thảo - nhà thơ quê Quảng Ngãi, nơi Trâm ngã xuống nhìn người con gái từ một góc độ khác:

Thanh Thảo viết:

Tôi đã không cầm được nước mắt khi đọc dòng cuối bức thư chị Đặng Thùy Trâm gửi cho chị Khiêm - người chị kết nghĩa - thư đề ngày 20-5-1970: “Nếu mai này khi đất nước thanh bình chị trở về vắng bóng em, chị có nhớ đứa em tiểu tư sản này không? Hãy đốt cho em một nén hương chị nhé...”.

Nhưng “tiểu tư sản” là gì nhỉ? Lâu rồi, ít nghe ai nhắc ba từ này, có lẽ vì những người hay gán cho người khác ba từ đó đã “bỏ qua giai đoạn tiểu tư sản” để tiến thẳng lên “tư sản” cả rồi! Bây giờ thì tôi đã nhớ, quả thật, hồi mới chân ướt chân ráo vào chiến trường Nam bộ, tôi đã rất khó chịu khi người ta hay nói sau lưng mình ba từ đó, dĩ nhiên là để chỉ... kẻ tiểu tư sản này. Nhưng mà “tiểu tư sản” cái gì cơ chứ? Ngày đó, tôi, trên răng, dưới cát-tút, chỉ có hai bộ quần phục, thêm một cái áo lót, vài cái quần đùi, vậy mà nhiều khi phải giặt “trơn” bằng nước lã, không có xà phòng. Đơn giản, vì tiền đâu mua xà phòng. Kiểm lại tài sản của mình, tôi tuyệt đối không thấy có tí gì đáng giá để được âu yếm gọi là “tiểu tư sản” cả!

Thùy Trâm, vào chiến trường trước tôi 4 năm, chắc càng không có gì làm của nả riêng. Lớp được coi là “trí thức miền Bắc” vào chiến trường như chúng tôi khi đó, tài sản duy nhất hình như chỉ là một ít kiến thức nhà trường trang bị, và nhiều hơn một chút, là những suy nghĩ, những xúc cảm. Suy nghĩ độc lập và những xúc cảm cũng từ trái tim mình. Chúng tôi không (hay chưa) biết nói dối, không biết nói theo, ăn... leo. Sống theo khẩu phần ít ỏi được chia, và nói những điều mình nghĩ. Chúng tôi cũng không nghĩ gì sai quấy lắm đâu, có điều, giống như chị Thùy Trâm, chúng tôi dị ứng với sự dối trá, với lối sống hay cách nói cách nghĩ mà chúng tôi cho là không trung thực. Có nhiều cái nhỏ nhen giữa cuộc chiến đấu lớn, điều ấy cũng có thể chấp nhận, vì đó là đời. Có cả những người nhỏ nhen ngay giữa chiến trường mà sự sống và cái chết chỉ cách nhau gang tấc. Cũng đành! Nhưng khi cái nhỏ nhen, người nhỏ nhen mà khoét vào đánh vào rửa vào người trung thực cả tin hiền lành và không biết tự bảo vệ mình, thì đau lắm. Ác thay, những người hay được gán cho mỹ từ “tiểu tư sản” lại thường là nạn nhân trong các cuộc khoét rửa không rõ ràng và không quân tử đó. Bản tính hiền nhưng cọc, tôi đã không ít lần nổi khùng vì những cú “rửa” này.

Bây giờ, đọc nhật ký chị Thùy Trâm, càng thông cảm hơn với chị. Không phải ai cũng vượt qua được những “test” đau đớn này...

...Nếu chị Trâm còn sống ngày hôm nay, tôi chắc chắn chị không cho in cuốn nhật kí. Chị sẽ sống thầm lặng, biết đâu cũng như thượng sĩ Nguyễn Trung Hiếu, sống ngoài chữ Thờ. Ở cái thời như bây giờ, những người như thế, sống chắc cũng buồn. Con đường thẳng tiến, từ bệnh xá lên

bệnh viện trưởng, phó giám đốc, giám đốc sở y tế, hay cao hơn nữa, đối với một người như chị Trâm chắc cũng khó. Cho dù có bề dày thành tích “vừa hồng vừa chuyên” như thế, một con người tuyệt đối trong sáng, tuyệt đối trung thực như chị, cũng khó thành đạt. Tôi nghĩ nếu còn sống, chắc chị cũng khổ.

...Nhà thơ Thanh Thảo là người mình quý trọng về nhân cách và về văn tài. Mình có những kỉ niệm sâu sắc với anh khi trở về Quảng Ngãi cùng đoàn làm phim để thực hiện “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”. Chúng mình đã từng cùng ở chiến trường khốc liệt, có nhiều kỉ niệm thật sâu sắc mà chỉ những người tham gia chiến tranh như chúng mình mới thấm thía...

Thực ra cảm giác hào hùng có thể có trong khoảnh khắc nào đó thôi, chứ ai đã từng chứng kiến sự tang tóc của chiến tranh thì không mấy người có thể kể về chiến tranh một cách hào hùng được. Thậm chí trong nhiều cuộc giao lưu mình còn nói, nếu chúng ta tránh được chiến tranh thì tốt nhất. Nói thế vì mình đã thoát chết hàng ngàn lần, không phải sống sót để mà ngồi đây nói khoác với nhau.

Đừng cho rằng mình nói xóc óc, nếu có hương hồn Đặng Thùy Trâm ở đây thì chắc Trâm cũng tán thành rằng nhiều người anh hùng gấp nhiều lần Trâm. Cái điều ấy không sai đâu mà, chỉ có điều họ không có cuốn nhật ký; thứ hai nữa là họ... chưa chết.

NĂM

Bò xa miệng hầm chừng dăm ba mét, mình lật ngửa người ra thở. Đây là một bãi gianh người ta trồng để lợp nhà. Lần đầu tiên trong đời mình thấy không khí quý giá đến thế, ngọt ngào đến thế!

Ba thằng nằm ngửa nhìn trời hít thở no nê. Con chim sâu nhảy nhót trên cành xoan: chích chích... chích chích ...Nó hạnh phúc quá, tự do quá, không cơ cực như con người....

Đặt chân đến “chiến trường” là lập tức xông lên... nương!

Chiến trường Khu 5 không chỉ phải đối phó với ca nông bầy hay gọi là pháo bầy (các khẩu pháo ở các nơi khác nhau như tàu biển, đồn bốt v.v... đồng thời bắn dồn dập vào một điểm), đối phó với bom bi, bộ binh đi càn, B57, B52... mà còn đối phó với những cái khác không kém phần khốc liệt. Đó là cái đói, bệnh tật và thiếu thốn. Thiếu mọi thứ, thiếu cái ăn cái mặc, thuốc men, thiếu cả ánh sáng vì luôn luôn sống về đêm, sống trong rừng sâu, chui hầm chui hố, ẩm mốc ướt át; thiếu cả không khí để thở khi ngộp hầm. Anh hoạt động báo chí truyền truyền văn hóa văn nghệ gì không biết, cứ phải tự túc lương thực sáu tháng, phải tìm được đất trồng được ngô trồng được lúa để tự túc sáu tháng, cấp trên chỉ cung cấp sáu tháng thôi. Về đến khu lại trừ bót, chỉ cung cấp năm tháng thôi, về đến đơn vị điện ảnh lại trừ 10 ngày. Có nghĩa mỗi năm phải tự túc bảy tháng hai mươi ngày.

Cái khốn nạn nhất là phải đi làm nương. Có người quanh năm chỉ đi làm nương. Nhiều khi nghĩ mà uất. Nếu làm nương làm rẫy thì ở ngoài Bắc lên mẹ nó Hòa Bình mà làm, vào đây làm gì cho nó khổ! Chết đói không ít. Mấy anh em điện ảnh bọn mình phải đi kiếm ăn hằng năm trời, phát quang cả mấy cái đồi, hú lên chẳng nghe tiếng nhau. Phát quang rồi, chờ cây cỏ khô đi rồi đốt. Thế thì là lạy ông tôi ở bụi này chứ còn gì nữa. Nó biết Việt cộng ở đấy chứ đâu! Thế mà cứ cặm cụi làm, nhin đói phát cây dọn nương, cái gì đốt được thì đốt, rồi lấy gậy nhọn đâm lỗ tra ngô chờ thu hoạch chống đói! Cứ hai đứa một, thay nhau đứa chọc lỗ đứa tra ngô. Chỉ chọc với tra mà hoa cả mắt! Tình hình nước sôi lửa bỏng là thế, trang bị máy móc, nhân lực chuẩn bị công phu gian nan là thế mà vút hết, chỉ lo ăn! Chờ cho ngô trở cò ra bắp để có cái đút vào mồm! Mà có những thằng cả năm làm nương, kể cả khi nắng đẹp, khi có nhiều sự kiện để quay cũng chẳng được sờ đến máy!

So với mấy anh em khác cùng đi một đợt như Dân, Hiến, Sửu, mình may mắn được xuống đồng bằng sớm. Trường và Tâm thì đi tuốt vào trong rồi.

Xuống đồng bằng thì nguy hiểm nhưng no hơn, dân nuôi mà! Cũng lén lút thôi nhưng mà có cái ăn, người có da có thịt phổng phao hơn, và cũng là vùng có chiến sự, có chuyện để quay

phim. Tất nhiên nguy hiểm hơn, cận kề với cái chết hơn. Mình tán tỉnh mấy ông phụ trách và được nhận một máy quay 16 ly cực tốt, máy Paya Porex cùng với một cơ sở phim trên 30 hộp.

Chẳng hiểu biết gì nhiều về phim nhựa nên mình rất yên tâm khi người phụ trách căn dặn: *“Cơ sở phim cậu nhận toàn bộ là négatif AgFA color của Tây Đức, cực tốt. Phim này máy này đoàn quay phim của Trung Quốc để lại, ta không nhập được đâu!”*.

Ai ngờ rằng cái phim AgFA color cực tốt đó sau này làm khổ mình...

Sông Thu Bồn có cái cồn cát rộng mênh mông ở giữa, cầu Chiêm Sơn bắc qua đó. Phía Nam cây cầu nằm trên xã Xuyên Trường. Ở đó có nhiều kỉ niệm khi mình làm “Những Người Dân Quê Tôi”. Có cụ già vẽ tranh, cụ giáo Niên, chữ nghĩa nhiều. Cụ dịch truyền đơn ra chữ Hán để vận động lính Nam Hàn, về sau điệp báo biết được và bọn lính Nam Hàn đã giết cụ.

Mình đã ở nhà cụ nhiều lần, cụ có con tập kết ra Bắc, là cán bộ có tên tuổi. Anh Toán, con trai cụ sau năm 1975 là trưởng phòng giáo dục huyện Duy Xuyên, hơn tuổi mình. Giờ đây anh vẫn thỉnh thoảng viết thư cho mình, lời lẽ rất thân thương.

Thôn của cụ nằm sát sông Thu Bồn. Hồi chiến tranh bọn mình phải chú ý, ngòi đầu đồ đạc phải ở liền đó, thứ gì cũng phải ở trong tầm tay, không thể để đây cái quần kia cái áo, thời gian đâu mà nhặt nhạnh, chỉ trong vài giây là quơ được hết và ù té, xuống sông xuống hầm gì đó thì tùy. Vấn đề không phải là tài sản mà đồ đạc là bằng chứng chứa chấp Việt cộng, nhà bị đốt, người bị giết.

Hồi mới xuống đồng bằng mình trắng trẻo trẻ trung, vác máy quay phim ra chợ giải phóng, người ta gọi là thằng Tây con, lớ nga lớ ngớ. Có lần ngủ cạnh chợ Bàn Thạch pháo bày bắn tới. Khi đó phải lập tức lăn mình xuống đất hoặc chui xuống hầm; còn mình cứ nằm trên võng. Ông Tý bảo:

- *Cha này điên!!!*

- *Sao?*

- *Tụt xuống võng chui vào hầm đi!*

Về sau Tý hỏi:

- *Sao ông liều thế?*

Ca nông bắn tới mình không thềm nằm xuống, cứ ngơ ngác như bò đội nón vì nghĩ đứng hay nằm thì cái xác to hay nhỏ vẫn thế. Mình chẳng biết làm gì, có ai huấn luyện cho đâu.

Cả một vùng tan hoang, nhà cửa tung tóe, lợn gà táo tác...

Vì thế ông Tý mới thương và đi theo mình. Ông Tý nói với mấy ông lãnh đạo: *“Không để tôi đi với nó thì trước sau thế nào nó cũng chết. Nó chẳng biết cái gì cả!”*.

Căng thẳng khủng khiếp, không giây phút nào được thanh thoi, lúc nào cũng phập phồng. Bọn mình lúc đó gồm anh Sơn giáo viên ở Hải Phòng, anh Ba du kích ở địa phương chạy xe

lambretta; một người nữa rất quan trọng trong cuộc đời làm phim của mình ở khu 5, đó là anh Tý, sinh năm Mậu Tý gọi là Tý, bút danh Triều Phương. Anh là nhà thơ, nhà giáo có lúc là trưởng phòng giáo dục, có lúc lại là trưởng đoàn Văn công của tỉnh Quảng Đà. Anh này thương mình, tự nguyện đi theo mình, tất nhiên được sự đồng ý của cấp trên. Sau này, Tý nhiều lần viết thư cho mình, kể cả khi mình đã ra Bắc, những bức thư hay kinh khủng. Bây giờ con cái của Tý giữ những bức thư đó.

Có một lần ở Xuyên Trường, gần nhà cụ giáo Niên, mấy anh em tụ bọ tếu táo qua đêm, thì khoảng 4 rưỡi sáng hôm sau, máy bay quần đảo ngay trên đầu. Nhiều trực thăng lắm, chắc là đổ quân. Và ngay lập tức họ đổ quân, đông đến nỗi đám lính có thể cầm tay nhau mà quây cả vùng. Họ lung sục. Không kịp chạy, tất cả lao xuống hầm hết. Các hầm thường có lỗ thông hơi dẫn lên nơi có những bụi lau, gốc tre... Đêm hôm qua trời mưa, lỗ thông hơi bị bít kín. Mình nhảy xuống cái hầm một người. Thế rồi ông Ba nhảy xuống, lát sau lại thêm ông Tý cũng chui vào. Ba thẳng rúc xuống cái hầm một người, lỗ thông hơi tắc, đây nắp xuống không tài nào thở được, mình không quen...

Hồi đó đi đến đâu là phải xem hầm đã rồi mới tắm rửa, kiểm cái ăn hay bàn công việc, không thể làm bất cứ việc gì mà chưa biết cái hầm ở đâu.

Anh Sơn, giáo viên Hải Phòng hồi tối còn nằm tào lao với tội mình, lúc chạy ra bị bắn chết ngay. Chúng mình chạy sau còn trông thấy anh ấy nằm sấp, nửa thân trước chìm dưới nước. Sau này hồi tưởng lại, mình cứ bị ám ảnh rằng nếu bố mẹ Sơn trông thấy cảnh thê thảm này...

Ở dưới hầm chỉ một lát thì ngộp thở, không thể nào chịu nổi nữa. Mình bảo:

- Anh Tý ơi, anh cho tôi lên!

Mình nghĩ ở lại thì chắc chết – chết như Lê Anh Xuân. Chui ra chưa chắc họ đã thấy, thấy chưa chắc đã bắn, bắn chưa chắc đã chết.

Tiếng máy bay. Tiếng người la hét, tiếng súng, tiếng lựu đạn nổ...

Mình lịm đi lúc nào không biết. Khi thiếu ôxy, cái chết đến một cách rất lạ, có trải nghiệm mới biết. Quanh đầu như có một cái vành đai thép xiết dần lại, xiết mãi, xiết mãi. Ốc như muốn vỡ ra. Khi lịm dần đi, mình chỉ có một ý nghĩ là nhục nhã quá, vô lý quá... Mọi sự thiếu thốn trên cõi đời này đều có thể tưởng tượng được, cơm gạo, quần áo thuốc men, tình yêu thương, ánh mặt trời, nhưng thiếu ôxy để thở thì mình không thể hình dung nổi.

Mình nài nỉ, ông Tý bảo:

- Không được. Nó biết, nó đốt, nó giết hết cái nhà này, cái gia đình ở trên kia chứ không phải thân xác của ông.

Nhưng rồi ông Tý cũng không chịu nổi và ông cũng biết rằng ở lại thì chết thê thảm. Ông Tý là người địa phương, ông quen với những trò đó, ông lại xuống sau, còn khỏe, ông khẽ đẩy nắp

hầm lên. Mình hồi tỉnh, thấy ông đang nâng cằm mình ghé mũi mình sát vào cái khe hở nắp hầm. Tỉnh dậy trong tay ông Tý, mình xúc động lắm.

Lúc đó đã khoảng 10 sáng. Mình bảo:

- *Thôi ông Tý ơi ta lên thôi!*

- *Không được.*

- *Thế này ông Tý nhé, chúng ta không thể đem tất cả đồ đạc máy móc lên được. Nếu ta còn sống thì sẽ quay lại tìm kiếm. Tôi để lại hết, ông cho tôi lên. Các ông có lên không thì tùy.*

Mình nâng nắp hầm chui lên, bỏ lại mũ, dép, phim máy và tất cả đồ đạc vì còn phải bò.

Bò xa miệng hầm chừng dăm ba mét, mình lật ngửa người ra thở. Đây là một bãi gianh người ta trồng để lợp nhà. Lần đầu tiên trong đời mình thấy không khí quý giá đến thế, ngọt ngào đến thế!

Một lúc sau mình thấy có người chạm vào chân, ông Tý lên. Dăm phút sau, ông Ba cũng lên. Ba thằng nằm dài bên cạnh nhau. Cái bãi gianh rộng chừng vài trăm mét.

Tiếng súng im ắng, mấy thằng Mỹ khiêng từ trong nhà ra một cái gương to. Chúng quét xà phòng lên mặt cạo râu rồi khui đồ hộp ra ăn. Giờ nào việc ấy đúng kiểu Mỹ! Bây giờ mà chúng nó nhìn thấy mấy thằng Việt cộng trong gương thì bỏ mẹ!

Ba thằng nằm ngửa nhìn trời hít thở no nê. Con chim sâu nhảy nhót trên cành xoan:

chích chích... chích chích...

Nó hạnh phúc quá, tự do quá, không cơ cực như con người.

Tý dúm cho mình quả lựu đạn M26, mình hỏi khẽ:

- *Ném thế nào?*

- *Thì gỡ cái nịt thun này ra rồi ném. Đừng để nó bật cái mỏ vệt trên tay thì đi đời cả lũ.*

Mình cầm quả lựu đạn bò đi được một đoạn thì nó vướng víu quá, mình trả lại ông Tý cho xong chuyện. Mình có được huấn luyện súng đạn gì đâu.

Mình chỉ còn cái quần đùi, áo cộc tay. Y như khi bị ném xuống công viên Thống Nhất mấy năm sau. Mình theo hai ông kia cứ thế bò đi như con rệp, không mũ, không dép, qua vườn cây, qua cống rãnh, chuồng trâu, chuồng tiêu, chân tay người ngợm xước xát hết...

- *Bò đi đâu thế này?*

- *Bò lên núi Dục.*

- *Bao giờ thì đến núi?*

- *Không xa đâu, năm ba cây số thôi.*

Di chuyển trong tầm kiểm soát của Mỹ và quân đội Cộng hòa nhưng cũng có lúc đứng lên đi được. Đến triền núi thì chiều đã muộn. Ba thằng đều diện “đồng phục”: Quần đùi áo cộc, nhem nhuốc xác xơ và đều chẳng có gì trong bụng.

Đến tối thì bò đến núi Dựng. Đó là một nhánh núi đâm ra biển, rất gần địa danh “Đập Vĩnh Trinh” khét tiếng với vụ thảm sát dưới chính quyền thời Ngô Đình Diệm.

Đến một cái hang, đó là cái khe đá nứt nghiêng, bên trong chỗ ẩm ướt nước, chỗ khô. Chiều cao chỉ đủ để ngồi và nằm. Mới vào thấy im phăng phắc, sau đó thấy xì xào đủ giọng Nam, giọng Bắc, giọng Huế...

Khoảng 4 giờ sáng. Mình bảo:

- Anh Tý ơi, ta đi thôi. Thế nào nó cũng phát hiện được, nó phụt súng phun lửa thì chết cháy hết.

Trăng bàng bạc, sương se lạnh, xung quanh im phăng phắc, thỉnh thoảng đâu đó vọng lại những âm thanh là lạ, rờn rợn. Mấy thằng bảo nhau chuồn. Chuồn đi đâu? Có đi đâu cũng chỉ loanh quanh trong vùng mà thôi. Cả ngày lang thang trong các khu nhà vườn bỏ hoang, nhiều nhà bỏ hoang lắm. Có nhà có cây cảnh có cả cây cổ thụ, xác xơ hết cả. Và chẳng có gì ăn được. Tối đến cũng không về hang nữa, ngồi ở bờ ruộng. Muối như trấu, chỉ còn cách bẻ cành cây mà xua, trụi lá rồi thì bẻ cành khác, không thì muối nó làm thối.

Mấy ngày như thế? Sáu ngày! Bên kia họ gọi là cuộc hành quân, bên này gọi là trận càn.

Đến ngày thứ sáu, ba thằng đi men theo một con suối to. Đây là vùng bán sơn địa, con suối có hai bờ dốc đứng. Mấy đứa rủ nhau xuống suối, ba thằng tô hồ tắm rửa giặt giũ cho bớt ngứa ngáy. Bỗng dung ca nông bắn tới rầm rầm đúng chỗ đang tắm, ba thằng tồng ngồng chạy chí chết.

Tưởng đơn giản, cứ chạy theo vách đất bờ suối là được, nào ngờ con suối có trong bản đồ. Đám biệt kích ở trên cao soi ống nhòm và gọi ca nông bắn theo tọa độ. Chạy đến đâu ca nông nổ theo đến đó mà không hiểu sao ba đứa nguyên vẹn cả. Về sau chắc quá tầm quan sát hoặc ra ngoài tọa độ, chúng không bắn nữa. Giả sử ba đứa đừng chạy dọc suối mà tản ra thì chưa chắc đã bị săn đuổi...

Chạy đến đập Vĩnh Trinh. Sát ngay đó có một con đường sắt. Người ta bóc tà vẹt dựng một cái hầm chữ A. Ba đứa chui vào đấy.

Mới được dăm bảy phút, ca nông lại bắn ầm ầm. Máy bay kéo đến bắn phá, bom hất đất từ sườn núi phủ lên nóc hầm rồi bom lại thổi đất đi làm trơ nóc hầm.

Bom đạn thừa thãi, người ta phí phạm quá.

Khói bom mù mịt, trời tối đen. Lúc đó khoảng 11, 12 giờ đêm.

Đói. Mệt. Chán nản và tuyệt vọng.

Sáu bảy ngày không ăn gì. Có gì mà ăn!

Lại mò về sát làng Xuyên Trường. Gặp du kích, họ bảo: *“Biến ngay! Chúng nó đông lắm!”*.

Họ bấm đèn. Ba đứa bây giờ mới nhìn thấy mặt nhau. Đứa nào đứa ấy như Tây đen, mắt

trắng, răng trắng, mặt đầy bùn đất lại bị khói bom hun cho đen kịt. Những chuyện này mấy năm sau ông Tý còn kể lại trong những bức thư.

Mình sốt ruột quá, chỉ sợ phim hỏng máy hỏng.

Tý hỏi đám du kích:

- Có gì ăn không?

- Chẳng có gì cả.

- Thế thì bây giờ đi đâu?

- Các anh quay lại, trèo qua cái núi này, đi ngược lên đến xã Xuyên Thanh.

Đêm khuya. Sáu, bảy ngày nay bụng rỗng, chân ngâm nước xây xát, tóe máu, quần áo tả tơi ướt át... sức đâu mà đi nữa!

- Rét quá, có mảnh quần áo nào khô không?

Một cậu du kích bảo:

- Có ngay, có ngay.

Nói rồi anh ta rút dao găm phạt mấy tàu lá chuối, khoét cái lỗ ở giữa rồi trèo qua đầu mình, bẻ gập nửa trước nửa sau tàu lá, lấy dây chuối buộc ngang lưng. Choàng cho ba thằng ba cái “ba đờ xuy” rồi, anh ta hô: Biển!

Ba thằng mò mẫm trong bóng đêm mờ mờ leo qua núi đến được xã Xuyên Thanh. Tý bảo để tôi dẫn đi. Lại cống rãnh, chuồng trâu, hố xí... Rồi Tý dẫn vào nhà bà cô. Bà nhìn ba đứa như ba con ma.

- Thôi vào đi, rửa ráy rồi vào bếp mà sưởi.

Bà già đi nấu cơm. Bữa cơm ăn với mắm, ngon chưa từng có trên đời!

Chiều hôm sau trở về làng, lại còn mang theo mấy nắm cơm.

Nhà cháy, người chết, tiếng gọi nhau, tiếng khóc than. Tan hoang, tang tóc, thương đau...

Mình mò đến vườn gianh, mở nắp hầm tìm lại được phim máy, ba lô quần áo nguyên vẹn.

Chiến trường khốc liệt, người cơ cực, phim máy cũng cơ cực, bom đạn cày xới, đất vùi, nước ngập, lang thang mọi nẻo đường...

SÁU

Cô gái nhìn thẳng vào mặt mình. Bốn mắt nhìn nhau một giây.

Rồi cô gạt cây súng garant trên vai ra phía sau, nghiêng mình sang bên, vung chân đá tung làn nước, một động tác xoay vòng như múa ba lê. Vô vàn hạt nước trong như ngọc bay lên rồi theo nhau rơi xuống vẽ thành những đường vòng cung long lanh trong nắng sớm. Và một chuỗi tiếng cười hồn nhiên trong vắt vang lên lan dài trên mặt sóng nước lăn tăn... Anh phóng viên nhiếp ảnh dẫn đường tên là Hy bảo:

- Đó là Xoa, Văn Thị Xoa, xã đội trưởng Xuyên Châu đấy.

...Cầu Chiêm Sơn bắc qua sông Thu Bồn là cái cầu xe lửa, chỉ kém cầu Long Biên ngoài Hà Nội. Mình phải ngâm mình dưới nước để quay phim. Khi cầu Chiêm Sơn nổ tung, từng đợt sóng duềnh lên, tràn tới, mỗi lần như thế mình lại phải giơ cao máy lên. Quay xong, phải di chuyển ngay vì máy bay sẽ ập đến, pháo sẽ dập vào. Đạp chân xuống bùn thấy có một vật cứng, mình còn kịp lặn xuống móc lên. Đó là một cái hộp sắt. Mở ra, đầy ắp những viên đạn sáng choang. Hỏi người du kích, hòm đạn rơi xuống đây bao lâu rồi. Anh ta bảo cách đây hai năm có một trận càn. Mình nghĩ ngay, đựng phim vào đây thì tốt quá. Đổ đạn ra, đó là băng đạn dài để quần quanh người.

Cái hộp ấy mình để đựng phim. Cái hộp rất hay, bỏ phim vào còn thừa mỗi bên một khoảng bằng đốt tay để nhồi gạo rang chống ẩm.

Không thể nào cõng nổi số phim lớn như thế đi khắp nơi khắp chốn trong suốt thời gian ở đồng bằng được. Cả một xưởng phim trên lưng! Mình mới nghĩ phải kiếm những cái hộp như thế. Phim quay rồi, bỏ vào hộp đem chôn, quay đến đâu chôn đến đó. Mốc đánh dấu là những cái cây to, khuỷu sông, tảng đá... Nhưng rồi bị cày xới cả lên. Chôn như thế là cực kỳ phiêu lưu, dễ mất như không, khi đó biết nói thế nào với cơ quan! Mà thật kì lạ, bằng ấy cơ số phim đi ròng rã bao nhiêu tháng trời, lộn đi lộn về mà mình vẫn đào được bằng hết để gói ghém mang theo và cuối chuyến đi thì cõng lên núi.

Nhớ lại chuyện quay phim chiến trường nhiều lúc thấy lạ, thấy “vô lý” vì sao mình chưa chết! Phải chết hàng trăm lần mới... phải chứ.



...nhiều lúc thấy lạ, thấy “vô lý” vì sao mình chưa chết!

...Chúng mình đi từ phía trên xuống, đang lội trên sông Thu Bồn. Lúc đó có một đám du kích đi ngược lại, tiếng cười tiếng nói lao xao. Mình đang nhìn xuống nước cắm cúi lội, một cặp chân trắng nõn nà hiện ra. Ngẩng lên, một người con gái, con gái duy nhất trong tốp trai trẻ. Cô mặc chiếc quần đùi ngắn chèn, đôi chân trần dài nuột nà, dáng người thon thả, cao dong dong. Khuôn mặt thanh tú, sống mũi thẳng, đôi mắt sáng trong...

Nhưng, khuôn mặt đẹp như thiên thần chỉ còn một bên lành lặn! Một bên bị biến dạng khủng khiếp (sau này mới biết đó là một vết thương do đạn bắn thẳng...).

Cô gái nhìn thẳng vào mặt mình. Bốn mắt nhìn nhau một giây.

Rồi cô gạt cây súng garant trên vai ra phía sau, nghiêng người sang bên, vung chân đá tung làn nước, một động tác xoay vòng như múa ba lê. Vô vàn hạt nước trong như ngọc bay lên rồi theo nhau rơi xuống vẽ thành những đường vòng cung long lanh trong nắng sớm. Và một chuỗi tiếng cười hồn nhiên trong vất vang lên lan dài trên mặt sóng nước lăn tăn...

Bốn mươi lăm năm đã qua đi, cho đến bây giờ mình vẫn còn nhớ như in tiếng cười của cô. Tiếng cười không giống bất kỳ tiếng cười nào mình đã nghe, nó phảng phất một tâm trạng như hận đời...

Anh phóng viên nhiếp ảnh dẫn đường tên là Hy bảo:

- Đó là Xoa, Văn Thị Xoa, xã đội trưởng Xuyên Châu đấy.

Mình bị ám ảnh ghê gớm bởi khuôn mặt đẹp bị tàn phá của Xoa. Sau đó mấy hôm, mình đề nghị các bạn giúp mình tổ chức quay một trường đoạn về Xoa và các cô du kích Xuyên Châu.

Hàng chục người đang tập trung, chưa kịp bắt đầu thì ca nông bắn tới, mạnh ai nấy chạy, tan hoang hết cả. Phải đến ba tháng sau mới có thể liên hệ lại được, mình đề nghị ông Lai bí thư huyện Duy Xuyên cho cô Xoa xuống chợ Bàn Thạch, chỗ mình để quay phim.

Ông Lai tận tình lắm, trong cảnh nước sôi lửa bỏng như thế mà cử cô xã đội trưởng xuống hẳn chỗ chúng mình để quay phim.

Bị búng ra khỏi đồng đội, tách ra khỏi môi trường, không còn mặt sông Thu Bồn, không còn bãi dâu, cô không còn là một Văn Thị Xoa năng nổ, hồn nhiên, chủ động, tự tin nữa! Loay hoay thử mãi vẫn khô cứng, nhạt nhẽo. Cuối cùng mình đành chịu thua, sau ba ngày, đành trả cô về.

Mãi về sau, mình đến quay ngay tại xã Xuyên Châu, địa bàn hoạt động của cô và các đồng đội thì mới thành công, hình ảnh cô Văn Thị Xoa mới sống động như sau này đã thấy trên phim.

Một đêm anh Tý và mình rời vùng cát sát biển thuộc huyện Thăng Bình để đi ngược lên. Chúng mình đã quen đi đêm để tránh đụng độ với phía bên kia. Đến gần một con sông lớn rộng

mệnh mông. Đó là sông Châu Giang, cái tên anh Tý lấy để đặt cho con trai đầu lòng.

Cho đến bây giờ gần nửa thế kỉ trôi qua, mình vẫn nhớ cảm giác kì ảo của đêm vùng biển, nghe được tiếng gió đuổi nhau trên ngọn phi lao, nghe được cái mùi nồng nồng của nước biển. Những giây phút thanh bình như thế này thật hiếm hoi. Bất chợt Tý hỏi mình:

- *Anh có thấy những ánh đèn bên kia sông không?*

- *Thấy chứ!*

- *Chợ Bà đó! Vợ tôi và gia đình bên ngoại đều ở đó. Đã lâu rồi tôi chưa về thăm, chưa gặp vợ.*

- *Thế thì nhân đây chúng ta tạt về được không?*

- *Để tính. Tôi đi một mình thì được, có anh, e lỡ xảy ra chuyện gì thì phiền phức lắm!*

- *Thế bên ấy địch đóng à?*

- *Không, ban ngày là địch, ban đêm thường là ta.*

- *Vậy thì phải về thôi. Tôi cũng muốn về thăm nhà anh, gặp chị và gia đình.*

Chúng mình quyết định bơi qua sông. Gọi dò thì nguy hiểm, sợ điệp báo, không an toàn. Thế là hai đứa trút hết quần áo, đồ đạc máy móc gói buộc bằng nhiều lớp ni lông, diện bộ *complet* Chữ Đồng Tử, khế khàng đặt gói đồ xuống mặt nước đen ngòm, đẩy đi và nhẹ nhàng bơi theo, không một tiếng động.

Ra đến giữa sông thì lũ cá tưởng bỏ vớ được con mồi lạ cứ hỗn hào đớp rĩa cái chỗ không nên đụng vào. Nhột cả người mà cứ cố tỉnh bơ mà bơi.

Sang đến bờ bên kia, cách xa chỗ đèn sáng chùng cây số, chúng mình mặc quần áo, soạn lại đồ đạc. Anh Tý dặt tay dúi mình vào bụi duối, bảo ngồi im ở đây để anh mò vào trước xem động tĩnh ra sao rồi trở ra đón mình.

Mình ngồi bất động trong bụi duối, muỗi đốt chí chết. Chừng nửa tiếng sau anh Tý bảo “*yên ắng lắm, ta vào thôi*”.

Nhà bên vợ anh Tý là gia đình khá giả bên chợ Bà. Một ngôi nhà lầu, tầng dưới bán thuốc bắc và tạp hóa. Tầng trên có nhiều buồng để ở. Chúng mình tắm rửa pha trà uống. Được một lát, có thằng nhỏ lên khoanh tay mời:

- *Cô Hai mời các bác xuống nhà dưới dùng bữa.*

Chúng mình xuống, một mâm trứng vịt lộn bốc khói và bia ướp lạnh cùng đồ ăn bày giữa nhà. Hai con ma đói được một bữa thỏa thuê, bù cho những ngày đói khổ triền miên.

Sáng hôm sau địa phương cho người gác, canh chừng bốn phía để mình quay phim quang cảnh họp chợ. Những cảnh sinh hoạt đông vui như vậy rất ít khi gặp ở những vùng gọi là giải phóng. Chị hai Hoàng, vợ anh Tý ra chợ, nổi bật như một kiều nữ trong bộ lụa trắng ngà. Không hiểu sao hôm đó phía địch không lòng sục chợ Bà. Chúng mình rời đi yên ổn trong sự lưu luyến của gia đình bên ngoại anh Tý, của chị hai Hoàng. Những kỉ niệm ấy vẫn sâu sắc đọng lại trong

kỉ ức của mình, đã trở thành nỗi buồn của mình sau này khi chị hai Hoàng bị bắt, bị tù và anh Tý đã gửi cho mình bài thơ anh viết gửi người vợ trong tù, có những câu:

CHỜ

(viết cho Hoàng)

Anh chờ em như chiều đợi gió

Cho đêm tan mây rục trời sao

Buồm giương cánh xuôi về bến đỗ

Hàng phi lao tâm sự rì rào...

Chị hai Hoàng và các cháu đã trở thành người thân của gia đình mình cho đến tận bây giờ. Chị và các cháu đã đôi lần ra Hà Nội chơi và lưu lại nhà mình và mình cũng đã về lại thăm bà con...

Những hầm những hố gắn chặt với cuộc sống nơi đây. Có hầm khô, có hầm đầy bùn, có cỏ nhái rần rết. Nhiều khi ở hầm nhiều ngày đi vệ sinh cũng trong hầm rồi hít thở cả những gì con người thải ra. Nhưng đâu chỉ có vậy, do địa hình mặt đất trống trơn, có những cái hầm không đào được theo cách thông thường, lối vào phải khoét ngầm dưới nước, ở mép sông mép ao, chui vào rồi đào ngược lên cao như tổ của loài hải ly, mỗi lần muốn vào phải lấy tay rờ rẫm để tìm cái hang như hang cua. Bọn người nhái của đối phương cũng thường xuyên lặn xuống nước rờ rẫm như thế...

Có những lần đang đêm được tin biệt kích mò vào, không tiếng động, không tiếng chó sủa. Chỉ trong năm bảy phút mình phải gói xong đồ đạc lạng lẽ chuồn ra sông. Cánh làm phim như mình mang theo người không phải là vũ khí mà là máy quay, là phim nhựa, phim sống lẫn phim đã quay và cả quần áo, kể cả quần áo đang mặc nữa chứ! Tất tậ gói lại trong vài ba lớp ni lông thật kín như cái phao để chìm xuống được và cất giữ được. Rồi lại đánh bộ trang phục của Chữ Đồng Tử nhẹ nhàng ngâm mình xuống nước nhẹ nhàng bơi và đẩy túi đồ đi. Tìm được cửa hầm rồi, dừng lại hít một hơi dài sao cho đủ ôxy để lặn và chìm túi đồ xuống, di chuyển năm bảy mét rồi chui lên vào hầm!

Mình thầm cảm ơn những ngày trốn nhà đi học bơi ở Ấu Trĩ viên Hà Nội trước 1954.

Trải qua bao trận mưa rừng, nước ngập, đất vùi, nằm hầm nằm hố, lội suối bơi sông... Vậy mà khi ra Bắc, chưa nói đến chuyện in trắng ra sao, ông Đoàn có ngay nhận xét: Phim không bị mốc chút nào!

Chuyện về ông Đoàn với cuốn phim mình mang từ chiến trường ra mình sẽ kể sau.

- Kinh thật. Trong hoàn cảnh chiến sự ác liệt, bom cày đạn xối, việc bảo vệ tính mạng, bảo vệ phim máy an toàn và mang ra đầy đủ toàn bộ cơ sở phim đã quay, đã gần như là không tưởng. Nhưng riêng chuyện giữ gìn cho phim không hỏng không mốc lại là một kỳ tích khác!

Khi nghe ông Đoàn nói phim không bị mốc chút nào mình cũng rất ngạc nhiên và vui mừng không để đâu cho hết!

Phải nói thêm điều này, người phóng viên quay phim mặt trận tất nhiên phải mạo hiểm tính mạng, đến chỗ nóng bỏng nhất, chọn vị trí bao quát nhất để có thể quay nhiều góc độ, chiếm chỗ cao để hình rõ nhất nhưng người thì không được... chết! Phim không được hỏng! Nhiệm vụ của anh ta không phải để giành chiến thắng trong một trận đánh, không thể lấy thân làm giá súng hay lấp lỗ châu mai. Nhiệm vụ anh ta trước tiên là phải...sống, sống để quay phim, để đem phim về tận phòng in tráng thì mới “hoàn thành nhiệm vụ”. Chết là toi cơm, bao nhiêu công lao đào tạo, trang bị đồ nghề đắt tiền, bao nhiêu hình ảnh quan trọng dở dang... đổ xuống sông xuống biển hết.



*...Nhiệm vụ của anh ta trước tiên là phải... sống, sống để quay phim, để đem phim về...
(mấy cuốn phim tài liệu không mốc mà cái ảnh thì mốc!)*

Lẽ thường, thằng sống không được trọng vọng bằng thằng chết, nhưng không ai ngu gì mà chọn cái chết. Đặng Thùy Trâm cũng vậy. Tất nhiên chết thì có cái hên là để được danh hiệu anh hùng liệt sĩ, được xuýt xoa, được nhớ ơn đời đời... Nói năng như vậy tuy nó trần trụi nhưng đó là sự thật, một sự thật phũ phàng. Trên chiến trường, mưa bom bão đạn sự còn mất không chỉ thuộc vào ý chí, sự khôn ngoan mà còn là may rủi, là số trời. Có rất nhiều đồng nghiệp của mình đã không trở về sau chiến tranh, họ ra đi mãi mãi, để lại những khoảng trống không thể lấp đầy với gia đình, họ mạc và đồng nghiệp từ Bắc chí Nam. Nhiều lắm, mình chỉ đơn cử một trường hợp của một đồng nghiệp đã cùng gắn bó với mình, cùng ngụp lặn trong một chiến trường, vào cùng một thời điểm. Mình đã có dịp viết về anh trên một bài báo cách đây gần ba mươi năm:

So với các đồng nghiệp, có lẽ tôi biết Nguyễn Giá muộn hơn và ít hơn.

Tôi băn khoăn khi nhắc lại những kỉ niệm tưởng như mới ngày hôm kia nhưng bất chợt nhận ra rằng những kỉ niệm đó đã lùi xa một quãng rất dài của tuổi trẻ và của đường đời.

Vào những năm tháng chiến tranh ác liệt, hầu hết những người làm điện ảnh chúng tôi, những phóng viên chiến tranh đều ra mặt trận. Năm 1967, từ căn cứ của Khu ủy khu 5, chúng tôi được tin Nguyễn Giá người vừa thực tập ở Nga về đã vào Quảng Đà. Tôi thì chưa một lần gặp anh. Anh chàng này ra sao nhỉ? Một thân một mình xoay sở thế nào ở một chiến trường ác liệt như thế được? Không ai bảo ai nhưng chúng tôi điều hiểu, Nguyễn Giá đã quyết định thân vào một cuộc chiến không cân sức. Cũng giữa năm 1967, tôi may mắn được nhận phim máy, từ giã lán trại nương rẫy xuống Quảng Đà. Ròng rã bao nhiêu tháng ngày bom cày đạn xối, địch càn đi quét lại, tôi đã gặp hàng ngàn bà con lạ và quen nhưng không sao gặp được Giá. Cái ác của chiến trường Quảng Đà là vậy. Có khi chỉ cách nhau một vạt ruộng, một đường nương, một cái hầm bí mật, rồi ập một cái, pháo bầy dập tới, trực thăng đổ quân xuống, đạn bay như vãi trấu, thế lại tan tác mỗi người một ngả.

Khi đã quay xong những cảnh chót của bộ phim “Những Người Dân Quê Tôi” ở huyện Duy Xuyên, chúng tôi bị một trận càn ác liệt mà đời tôi chưa từng thấy. Chẳng ngờ trong lúc thập tử nhất sinh ấy tôi được nhìn, vâng, đúng là nhìn thấy Giá. Trên đầu trực thăng bu như ruồi, tiếng Mỹ la hét ở tất cả các ngả vào làng. Trên bốt Dục, quân đội Cộng Hòa đập rào đi xuống. Đạn cứ rít từ tầm ngang bụng trở lên. Tôi vừa bị ngạt nặng trong hầm bí mật, người ta xốc nách kéo tôi ra khoảng trống để thở, thì một người rít lên:

- Giá! Kia thằng Giá!

Tôi cố rướn người lên. Một “thằng Giá” bằng xương bằng thịt đang khom lưng vọt qua cách chúng tôi mười thước. “Nó trẻ cỡ mình”. Hơi đen, mập, bận đồ bà ba màu lá cây, trên lưng đeo ba lô tùm, chắc là đựng máy quay. “Nó vọt ra từ hầm nào? Định ra khỏi vòng vây bằng cách nào?”.

Tất cả như một bức ảnh chụp vội.

Phim quay xong, từ giã bà con, từ giã Triều Phương, tôi theo mấy anh chị giao liên ngược lên căn cứ. Hết hy vọng gặp Giá. “Mình chỉ mới nhìn thấy nó thôi! Thằng có vẻ lì!”. Có lẽ giờ đây, hoàn cảnh sống đã đổi thay, làm phim là đi bằng ô tô bằng máy bay, thì sự ước ao gặp nhau cũng vừa vừa thôi; còn ngày ấy ở chiến trường gặp đồng nghiệp đồng hương là an ủi nhau được nhiều lắm.

Con đường bán sơn địa lên căn cứ heo hút và dài dằng dặc. Đến chiều ngày thứ tư, ở một trạm giao liên, tôi nhận được lệnh của vị lãnh đạo khu ủy:

- Cậu trở lại ngay chiến trường Quảng Đà.

- Để làm gì cơ? Phim tôi đã quay xong.

- Đây là lệnh của Khu, công việc phổ biến sau.
- Tôi chẳng còn thước phim nào cả.
- Cứ trở lại, phim sẽ tính sau.

Tôi đành quay xuống, cũng chẳng ngán gì, ít ra thì đường đất, hầm hố tôi đã quen. Vả lại thằng Giá vừa đi Nga về, nó còn dám trụ hẳn ở đây thì sao? Có điều ác là các cha không cho biết quay gì, và lấy phim đâu ra mà quay.

Chập tối 30 Tết Mậu Thân 1968, các phóng viên mặt trận đủ loại: Báo, đài phát thanh, thông tấn xã, nhiếp ảnh, điện ảnh và các nhạc sĩ các nhà văn được tập kết, đúng hơn là được lừa vào cái hầm lớn tránh đạn pháo. Có lẽ đây là cuộc hội ngộ đông nhất, bất ngờ nhất. Vị chỉ huy trưởng đọc lệnh. Lệnh tổng tấn công và nổi dậy trên toàn chiến trường miền Nam!

Tôi chưa hiểu ất giáp gì thì chợt nhìn thấy Giá. Thằng Giá y chang như hôm chạy càn ở Xuyên Trường đang ngồi ở góc hầm. Nó vẫn đeo cái ba lô túm ở sau lưng, nét mặt hồn nhiên như chưa bao giờ chạy càn vậy. Tôi tiến đến:

- Giá hả? Tớ, Thủy đây.
- Ờ... ờ... Triều Phương nó bảo cậu ngược lên "cứ" rồi cơ mà?

Giá có giọng nói như người vùng Lai Xá. Tình hình cũng chẳng cho chúng tôi thăm hỏi xã giao. Tôi bảo:

- Lệnh vừa đọc không phải cho tớ vì tớ không thể quay bằng máy quay không phim được.
- Cậu đừng lo, tớ cho. Tớ còn một ít đen trắng nhưng để mãi trên Điện Hồng cơ.

Giá đúng người Lai Xá, hiền, không màu mè, chắc chắn. Giá kéo tôi ra ngoài hầm, hai chúng tôi bất giác ngửa cổ lên trời: Đêm Ba mươi mà một trời đầy sao? Hay là bầu trời miền Trung nó vậy? Giờ này ở Hà Nội, trời đâu có sao? Giá phăm phăm đi trước và tôi gần như chạy theo sau. Trên đầu, những chiếc máy bay B57 di động tít trên cao lấp lánh như những ngôi sao.

Phải như mọi hôm, sau tiếng rít kéo dài đến ghê người thì mặt đất sáng lòà, rung chuyển, bốc cháy khét lẹt...

- Đi đâu vậy Giá?
- Lên... Điện Hồng...!

Nếu ở Hà Nội thì tôi bảo thằng cha này tâm thần rồi. Xã Điện Hồng ở mãi huyện Điện Bàn. Bơi qua sông Thu Bồn, ngã lên ngã xuống, vừa lặn vừa bò trong đêm tối mịt mùng quăng hai mươi cây số!

Sau khi phải chui ra chui vào dăm ba cái hầm cháy dở, chúng tôi tìm ra cái hầm mà Giá gửi phim.

Giá từ trong hầm chui ra, tôi sờ vào bọc phim nó ôm trong tay:

- Có thể này thôi à?

- Ừ, các ông ấy bảo sẽ gửi vào sau, cậu cứ lấy một nửa.

Một nửa mà Giá nói là một nửa của cái hộp 300 mét 16 ly. Tôi vốn là một thằng tinh ranh mà Giá thì thật thà tốt bụng quá. Cái ông nào ấy ngoài Hà Nội lại hứa với nó như vậy? Còn vài ba tiếng nữa là giao thừa, là giờ nổ súng của toàn miền Nam, cấp trên bảo thế, không phải là ngưng bắn như thông lệ mỗi dịp Tết.

Hai thằng ôm bành phim 300 mét, không cassette không bobin (để chia nhỏ phim ra). Quay bằng cách nào? Giá mới vào mà đã có nhiều người địa phương thân quen. Anh dẫn tôi mò mẫm một hồi thì chui vào nhà một ông thợ rèn.

Ông trở dậy, tỉnh như chưa hề chớp mắt (sau này tôi mới hiểu dân vùng bom bầy pháo kích dậy là dậy chứ không có cái thói ngáp dài ngáp ngắn, vươn vai vắn mình). Theo đề nghị của Giá, ông lôi ra mớ đồ nghề: những ống pháo sáng, kìm kéo đục giữa...

Giá đặt trước mặt ông cái bobin mẫu để ông làm thử: Bobin máy quay Paya Porex! Ông thợ rèn sốt sắng quá, ông vào việc với thói quen coi thường kỹ thuật hiện đại của những nước văn minh. Chúng tôi thì đói, mệt và không có cách nào khác là cứ ngồi dần ra chờ đợi.

Cuối cùng, cái bobin tự tạo đã xong. Nếu bỏ qua màu sắc, khó mà phân biệt được cái nào là của ông thợ rèn, cái nào là của nước Thụy Sĩ. Tôi thấy Giá đổ mồ hôi hột tuy đêm đã về khuya trời trở lạnh. Anh mở ba lô lôi chiếc máy quay của mình ra và lắp cái bobin của ông thợ rèn vào.

Chúng tôi đều hồi hộp, Giá lên dây cót và bấm thử. Máy chạy xè xè một hồi, hai thằng mắt sáng lên, rồi nó...đứng khựng lại. Sửa đi sửa lại tháo ra lắp vào cũng không chạy được cho tử tế, chỉ được năm ba giây lại khựng lại. Chúng tôi đành từ biệt ông thợ rèn.

Khi cám ơn ông, xiết chặt tay ông, chúng tôi vẫn nhận ra rằng ông chưa bao giờ chịu thua kỹ thuật hiện đại cả, kể cả những thứ ầm ầm ào ào trên trời dưới đất xung quanh ông bao nhiêu năm nay.

Giá buồn và lo lắng, thứ nữa mới đến tôi. Chúng tôi cứ khốn khổ lặn lội như thế cho đến giao thừa. Đâu đó xa gần, tiếng súng đạn gầm rít bủa vây...

Sông Cấm Nam ở phía Nam thị xã Hội An. Vùng gần sát biển nên quãng 4 giờ sáng đã rõ mặt người. Hàng trăm chiếc thuyền to nhỏ từ phía bờ Nam chở đầy người ào ào trống mõ tiến sang thị xã. Cấp trên bảo là đi "cuớp chính quyền". Giá ngồi một thuyền, tôi một thuyền. Khi các thuyền rời bến độ hai con sào thì tôi thấy Giá đưa tay khua khua lên trời ra hiệu. Tôi không hiểu. Chỉ thấy phía thị xã bắn sang xối xả. Có tiếng ai đó la lên: Ta đó, ta đã làm chủ thị xã, bắn để đánh lạc hướng địch đó! (Sau này tôi mới biết là nói láo). Thế là sau liếng la, thuyền lại ào ào tràn sang. Đạn từ phía thị xã vãi xuống sông, đạn của súng đại lên cực nhanh thì cứ như một vòi nước đổ ục ục... ục ục. Một số thuyền trúng đạn tròn trĩnh rồi chìm.

Tiếng la hét, tiếng chửi tục... Một số thuyền quay mũi, đạn lại xối xả dữ dội hơn. Sau này tôi cũng chẳng nhớ chúng tôi tháo chạy trở lại bờ Nam bằng cách nào. Thế là Giá và tôi lại tan tác mỗi đứa một nơi.

Sau tổng tấn công đợt 2, đối phương phản kích dữ dội, rồi đợt ba. Vùng giải phóng mất dần. Quảng Đà không còn đất. Có lẽ vì vậy mà trên đường từ cứ ra Bắc tôi bất ngờ gặp Giá ở bìa rừng. Chúng tôi mừng quá, biết tôi ra Bắc, Giá không cầm được nước mắt, ôm tôi, ôm cái xác gầy nhẳng và hôi hám của tôi. Còn Giá thì già và gầy xọp hẳn đi. “Bom đạn là thế, nó còn sống là phúc tổ rồi!” Tôi bụng bảo dạ. Tối hôm ấy hai thằng nằm với nhau một đêm. Sáng ra Giá kiểm đầu được hai lon gạo dồn vào cái ruột tượng cho tôi, nhưng tôi từ chối: “Tôi ra đến đường đây thì có cái ăn ngay mà.”

Giá đưa tôi phong thư và một gói quà nhỏ nhờ chuyển cho vợ con. Đi với nhau một đoạn dài mới chia tay. Giá rưng rưng:

- Tôi sẽ ra, mày nhớ nói với vợ tao. Có điều tao không thể ra tay trắng được. Tao phải quay được một cái gì, mày hiểu chứ?

Đấy là lần thứ ba và là lần cuối cùng tôi gặp Nguyễn Giá. Nhiều bạn bè đạo diễn, đồng nghiệp như Xã Hội, Đức Hóa, Phạm Thụ, Ma Cường, Nghiêm Phú Mỹ, Lô Cường, Hoàng Thành, Mai Lê Yên và nhất là Trần Đống - người đứng mũi chịu sào của Điện ảnh khu 5 trong suốt cuộc chiến tranh có thể kể với chúng ta rất nhiều điều về Nguyễn Giá. Ở anh có một quyết tâm không gì lay chuyển được là không thể ra Bắc với hai bàn tay trắng.

Cuộc đời anh thật lận đận, lội xuống vùng nào là vùng ấy bị càn tàn bạo; mẻ phim đầu tiên gửi ra Bắc in tráng thì bị “phi-la” toàn bộ (giật giật không ra hình); đi với Lê Bá Huyền thì Huyền bị bắt; cháu bé ra đời thì anh chưa biết mặt.

Và thế rồi, đau đớn thay, anh hy sinh khi quay những thước phim cuối cùng mà anh tâm đắc trên đất Quảng Ngãi.

(Trần Văn Thủy tháng 9-1985)

BẢY

...Mình tách con cua ra ăn cái mai. Cuối cùng ăn đến cái thân. Không bỏ một cái gì cả! Phải đến vài chục phút đồng hồ mới ăn hết con cua.

Xong rồi mình lặng lẽ mò về lán của mình và chui vào võng.

Sáng hôm sau thằng bé khóc văng lên vì mất con cua. Mình thấy nhục nhã quá!

Qua Mậu Thân, tiếp theo là phía bên kia phản kích đợt 2 đợt 3. Tan tác, điêu linh. Chúng mình cứ luôn luôn tháo chạy, luôn luôn ăn đòn...

Mình có nhiệm vụ phải bảo quản số phim đã quay để sau này mang nó ra Bắc, đưa đến tận Cục Điện ảnh không để thất lạc suy suyển. Khi đó mình gầy guộc tong teo, ốm đau sốt rét, tóc rụng chỉ còn thưa thưa. Có người bảo mình: *“Tôi ngồi gần ông thấy mùi tử khí”*... Đó là chị Tú, em ruột chị Thúy Băng vợ nhạc sĩ Văn Cao. Lúc đó chị Tú đang cùng với chồng làm việc ở Thông Tấn Xã Khu 5.

Cơ quan tuyên huấn văn hóa văn nghệ nó càng kèn kửi, nhất là xưởng in, rồi xưởng phim, nào phim, nào máy chiếu, máy quay, linh kính không như mấy ông nhà văn nhà báo có tập giấy cái bút, đi chạy như bay...

Mình kể về Trần Thế Dân một chút. Dân ngày xưa học quay phim ở trường Điện ảnh Bắc Kinh, rất giỏi tiếng Tàu, tốt nghiệp về làm ở xưởng phim truyện, sau này từng là Cục phó Cục Điện ảnh, phó Tổng Thư ký Hội Điện ảnh.

Dân nghĩ gì làm gì đều chín chu theo cách chính thống, theo những gì đã được dạy dỗ ở nhà trường và gia đình.

Dân đối với mình quá tốt, có nhiều kỷ niệm với nhau hồi đi chiến trường, Dân săn sóc mình rất tận tình, đặc biệt khi mình đã quí rồi. Có lần Dân để mình đứng dựa cột và tiêm cho mình, rút mũi tiêm ra tự nhiên mình xỉu đi, đổ sập xuống, Dân nhặt vội vỏ ống thuốc lên xem có nhảm thuốc? Chỉ là B1 thôi...

Dân đã từng cắt những lát sâm cuối cùng cho mình; chỗ sâm ấy là của bà Hảo cho, bà là vợ nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, là chị kết nghĩa của Dân. Có lần nhân có việc xuống vùng giáp ranh trồng rau, Dân mang về cho mình mớ rau muống, đi ba bốn ngày đường, mớ rau héo teo tóp gần hết, phải nhặt ra từng cọng một. Khi mình ra Bắc, Dân sẻ gạo cho mình...

Dân điếc đặc một bên tai, (thế mà vẫn được quan tâm chiếu cố cho đi chiến trường). Khi có tiếng nổ, phải quay một vòng mới định hướng được nổ ở đâu. Cũng vì vậy Dân không thể xuống đồng bằng, nơi bom đạn tứ bề, đụng lính như cơm bữa được. Dân ở lại trên núi và đã làm được cuốn phim “Những Người Săn Thú Trên Núi Đak Sao” và đoạt giải vàng tại Liên hoan phim Maxcova. Chẳng mấy ai làm được như thế trong hoàn cảnh bom đạn, đói ăn, bệnh tật...

Dân chu đáo với bạn bè, tính tình điềm đạm, ai cũng thích...

Những đợt phản công của phía bên kia sau Mậu Thân 1968 dồn ta sang tận Lào. Mỗi lần di chuyển cơ quan lại đèo bồng thêm mấy thằng ốm o loẻo khoẻo...Mình ở lại là một gánh nặng cho anh em, không ai khênh vác mình đi được. Mặt khác, cơ sở phim đã quá lớn. Cần phải xem nó có thành phim hay không; bản négatif có hình hay không...

Cho nên anh em quyết định mình phải ra Bắc. Mình không có nhu cầu trở ra. Nếu mình khỏe mạnh thì chưa chắc mình đã ra mà người khác sẽ mang phim ra; ngoài này sẽ in tráng, làm hậu kỳ, làm montage; mình chỉ viết những ý tứ, địa danh... liên quan đến mỗi đoạn phim.

Mình ra trong hoàn cảnh như thế. Có không ít những trường hợp B quay. Chưa xong nhiệm vụ tỏ vẻ ốm đau bệnh tật để trở ra.

Khi ra, mình để lại cho anh em tất cả, ba lô tốt để lại, chỉ mang một cái túi vải vắn đựng gạo buộc dây lại thành ba lô, cái “hăng gô” nấu cơm cũng để lại, mình mang đi cái vỏ lon lấy dây thép xoắn lại để dọc đường đun nấu và hai bộ quần áo. Chẳng biết đi đến bao giờ thì gặp đường dây cho nên anh em thương mình trút gạo vào cái ruột tượng cho mình mang đi, người nửa lon, người miệng lon, người một nắm. Hồi đó đi đái mình cũng phải vịn cây, mình yếu thế mà mang từng ấy thứ thì mang thế nào! Anh em mới để mình thử. Đeo các thứ vào người, cái thân xác gầy thẳng đuột như chiếc đũa, đứng lên thì ruột tượng gạo tụt xuống chân, vì không còn hông không còn mông để giữ. Thử vắt bao gạo lên vai, mình chịu không nổi ngã sấp xuống. Mà có bao nhiêu đâu, vài ba cân gạo...Thế mà lại còn thêm mấy chục hộp phim négatif, và phải trèo đèo lội suối....

Vẫn phải đi.

...Anh em đi theo tiền, động viên, “đi nhé, cố gắng nhé...”

Và mình đã đi đến nơi.

Yếu tố tinh thần ghê gớm thật.

Không phải mình mang cái xác mình ra để được nghỉ ngơi, bồi dưỡng thuốc men đâu. Những thước phim trên vai mình là bao nhiêu hình ảnh của bao nhiêu con người, bao nhiêu câu chuyện, bao nhiêu trận đánh ...

Trên chặng đi ra để đến được đường dây thì tự nấu lấy thức ăn. Người thì ốm yếu, miệng nôn trôn tháo. Cơ cực. Cái túi nước cam của bọn Mỹ đó, pha nước suối vào là uống ngay được và khỏi hẳn bệnh ỉa chảy. Mình lên cơn sốt, mặc cả hai bộ quần áo lót, quần áo dài vào người, cẩn thận viết vào mảnh giấy và đặt trong túi phim: *“Tất cả đây là phim négatif quay ở chiến trường, chưa tráng. Nếu có rơi vào tay ai thì xin bảo quản hết sức cẩn thận và chuyển giùm đến*

cơ quan có trách nhiệm của ngành Điện ảnh. Không được mở ra."

Khi lên cơn sốt giữa đường, mình mở tăng ra, nửa trái nằm nửa đắp, khur khur ôm túi phim trong lòng ngay trên con đường mòn rộng hơn mét, để nếu chết, người qua lại còn thấy.

Mình đã nhiều lần chứng kiến những người chết dọc đường. Nhiều lắm. Khi đi lấy sản thấy người nằm rên hừ hừ, trên vông, còn có cái mũ, cái bình tông, cái ba lô... Lúc về chỉ thấy cái xác còng queo, đồ đạc chẳng còn cái gì. Mình đã thấy những cái chết như thế, nhiều, nhiều lắm.

Mình nghĩ nếu mình chết đi, ai đụng vào sẽ biết được mình mang cái gì. Mình sốt và nằm đó, miệng rên hừ hừ, mưa rơi lộp độp trên tấm tăng. Rất nhiều người sốt rét mà chết chứ chẳng phải bom đạn gì đâu.

Thế rồi mình nghe thấy tiếng nói chuyện xa xa... tiếng chân bước huỳnh huỵch, bước chân trẻ khỏe, chắc là đám thanh niên xung phong hay dân công gì đó.

Tiếng chân bước ngày càng gần, mình mừng lắm. Tiếng người nói xôn xao hăng hái, họ còn khỏe mà. Một người đến gần: *"Ô có thằng nào nằm đây, có khi nó chết rồi."* Một người vén tăng lên. Bốn mắt nhìn nhau. *"Còn sống chúng mày ạ"*. Họ đập tấm tăng lại và đi tiếp...

Đã nhiều lần không đủ sức để bám theo giao liên nữa, mình bảo: *"Các anh cứ đi trước đi, đánh dấu đường giùm, tôi sẽ về được trạm, không lạc đâu"*. Trời tối mù mịt, mình và một cậu nữa, vừa đi vừa sờ sẫm, không hiểu sao mà rồi cũng về tới nơi.

Cậu này là một thương binh, những người trở ra hầu hết đều là thương binh, cụt chân cụt tay, ốm đau sốt rét, công trẻ con... Thực tế là một đám tàn quân. Mình còn lạnh lặn nhưng ốm đau và vác một đồng phim trên người.

Cậu này gãy một chân một tay. Cậu ta bảo, em bơi giỏi lắm. Mình bơi cũng giỏi, nước chảy xiết mấy vẫn bơi được, bây giờ hơn bảy chục tuổi mà chiều nào cũng bơi ngàn hai, ngàn rưỡi mét ở Câu lạc bộ Ba Đình. Mình không biết bơi thì toi nhiều lần rồi.

Cậu này lội sông thì không sao nhưng ra chỗ sâu nhoài người bơi mà tay cứ buông xuôi theo dòng nước, trông tội lắm. Một tay một chân thì bơi làm sao!

Ranh giới giữa cái sống và cái chết thật là mong manh.

Có lần mười lăm ngày bị biệt kích đổ quân chặn đường, ngày đầu một lon gạo, ngày thứ hai miệng lon, ngày thứ ba thứ tư nửa lon, sau đó thì không còn được hột nào. Đi lấy lá môn, lá dóc, lá lốt và các lá linh tinh nấu lên ăn. Sau này cứ nghĩ thấy mùi là ghê sợ. Lá môn tựa như lá khoai, nấu lành lành, cho tí muối tí mì chính vào, người ốm người khỏe đều ăn thế.

Có một chuyện thế này. Trong đoàn có đủ nam phụ lão ấu, một chị đem theo đứa con bốn năm tuổi, mình còn nhớ tên nó là Vinh, thằng Vinh. Cả đoàn thương hai mẹ con lắm, nhường

chỗ tốt, có gì ăn lại đem cho. Một cậu giao liên qua suối bắt được con cua đá đem về cho thằng bé vì nó chẳng có gì chơi. Anh ta lấy sợi chỉ dài, một đầu dây buộc vào còng con cua, đầu dây kia buộc vào cái cột buộc dây võng của mình và võng của hai mẹ con. Mình nằm trên võng cúi xuống nhìn thằng bé đùa với con cua. Thằng bé tội quá, nó cũng đói khát lại chẳng có gì chơi...

Đến đêm, mình đói quá, háo quá, có gạo rang trong túi phim nhưng có chết đói cũng không dám sờ vào một hạt. Đó là gạo rang để chống ẩm cho phim! Mình nhớ ra, đầu võng có buộc con cua. Mình đấu tranh tư tưởng (cái từ rất quen dùng một thời) rất dữ dội: Có nên ăn trộm con cua đó nướng lên ăn không?

Mình nghĩ đi nghĩ lại, thế rồi quyết định phải ăn con cua đó. Hai mẹ con ngủ rồi, mình mới khê khàng tụt khỏi võng, mở ba lô lấy bình tông nước. Nước do người giao liên lấy hộ chứ mình không đủ sức xuống suối sâu, bốc một nhúm muối bỏ vào cái bát sắt Trung Quốc.

Thế rồi mình khê khàng gỡ con cua ra khỏi sợi dây, lọ mọ đem xuống lán dưới. Cái bếp ở đó vẫn còn đỏ lửa. Mình lấy chút ít nước rửa sạch con cua, cời than ra, đặt con cua lên lật đi lật lại, lật đi lật lại. Con cua vàng ươm chín đều. Đã đói đến như thế thì cũng có thể vội vàng được. Mình bẻ cái chân cua bé nhất, chấm muối, bỏ vào miệng, nhai mãi nhai mãi rồi chiêu ngậm nước suối, cứ thế ăn dần đến cái càng to nhất, cứ ăn hết một thứ lại chiêu một ngụm nước. Mình tách con cua ra ăn cái mai. Cuối cùng ăn đến cái thân. Không bỏ một cái gì cả! Phải đến vài chục phút đồng hồ mới ăn hết con cua.

Xong rồi mình lạng lẽ mò về lán của mình và len lén chui vào võng.

Sáng hôm sau thằng bé khóc váng lên vì mất con cua. Mình thấy nhục nhã quá...

...Cả đoàn vẫn đi với nhau. Đem quần áo đổi sẵn, mật ong, chiếc quần dài được vài củ sắn, cái áo được nửa lít mật ong, mình cho thằng bé một ít sắn và mật ong.

Nếu ông trời để cho cu Vinh còn sống thì nay nó đã ngót nghét năm mươi chứ không còn trẻ trung gì.

Thật ra con người ta trong cảnh tận cùng đói khát đôi khi thú tính nảy sinh. Mật ong trong ba lô của mình, đêm đến có người cạy ra lấy trộm, rơi rớt cả ra ngoài.

Phải kể thêm rằng, những người dân tộc ở tút hút trên đỉnh Trường Sơn hoặc phía Tây Trường Sơn cũng là những tộc người nghèo khổ, chẳng khác gì những người Khù Xung, Toong Lương ở cực Tây Bắc năm xưa mà mình đã cùng chung sống. Họ thiếu tất cả, từ manh quần tẩm áo, cái kim sợi chỉ... Bình thường, việc mang đến biếu tặng, chia sẻ với đồng bào một chút chắc chắn là một điều hạnh phúc, nhưng chúng mình đói quá, ốm yếu quá đành lục lọi có gì đổi được để có cái đút vào mồm là chúng mình đổi. Người dân tộc không biết đong đếm, tính toán

như loại người Kinh... hỡi chúng mình. Một cuộn chỉ đổi lấy hai củ sắn, mà nếu xổ cuộn chỉ ra, cứ hai sợi tay dứt ra đưa cho những người dân tộc và họ đưa cho mình hai củ sắn. Cứ như thế cái thú tính ấy đã trở thành máu thịt chúng mình lúc nào không hay.

Cuộc sống run rủi thế nào mình vẫn được sống tiếp, rồi được đi đây đi đó.

Quãng hai chục năm sau, khi mình là khách mời, ngồi ở những phòng tiệc sang trọng, ở Paris, Tokyo, Sydney, Luân Đôn, Boston, New York... với các nhân vật quan trọng, ở bộ Ngoại giao Pháp, thị trưởng Yamagata, các đạo diễn Điện ảnh Úc Nhật, ông Chris Moulin hạ nghị sĩ Anh, các đạo diễn lừng danh của Mỹ, ông John Kerry ứng cử viên tổng thống Mỹ (trong dịp kỷ niệm 20 năm William Joiner Center ở Massachusett, ngày thứ năm 25-10-2002)... thỉnh thoảng mình vẫn nhớ lại nỗi nhục nhã năm xưa, cái đêm lợ mọ ăn cắp con cua của thằng Vinh để nướng ăn; những ngày sống như con ma đói trên đỉnh Trường Sơn, cái hình hài thân tàn ma dại đầy thú tính của mình lúc đó: xổ cuộn chỉ ra, cứ hai sợi tay thì dứt một cái và người dân tộc đen đúa nghèo khó đưa cho mình hai củ sắn bằng cái chuôi dao...

Giá mà làm một cuốn phim truyện...

Nhưng rồi người ta sẽ bảo là chuyện bịa.

Đến Chỉ huy sở Đoàn 559 thì mình kiệt sức hoàn toàn, phải ở lại, không thể đi tiếp được nữa.

Người ta đi làm hết. Nhiều lán lăm không biết cái nào với cái nào, mình nằm một góc sập trong cái lán vắng teo, đắp cái chiếu.

Mình thức dậy vì một tiếng quát:

- *Thằng nào đây? Thằng nào giờ này vẫn còn nằm đây?*

Một giọng lễ phép thưa:

- *Thưa thủ trưởng, đây không phải anh em trong trạm đâu ạ. Một anh phóng viên ở chiến trường ra bị sốt nằm đây.*

- *Thế thì phải làm sao chứ, sao lại để nằm đây? Chuyển về trạm xá đi!*

- *Dạ, đồng chí đó cứ khư khư ôm cái túi, bảo là phim quay ở chiến trường, phải mang ra.*

- *Thế thì càng không nằm ở đây được, phải tìm cách đưa nó ra.*

Mình thò đầu ra hỏi người lính:

- *Ông nào đấy?*

- *Ông thủ trưởng đấy!*

- Thủ trưởng tên là gì?

- Ông Đồng Sĩ Nguyên đấy!

Ông Tư lệnh trưởng đi rồi nhưng vẫn bảo người quay trở lại đưa mình ra.

Mình được sự quan tâm không phải vì cái thân xác của mình mà vì đồng phim mình đang ôm đây.

- Vậy là, trước đây ông công phim đi, bây giờ đến lượt phim “công” ông về!

- Đúng thế, dù sao mình cũng rất cảm ơn ông tư lệnh đã giúp mình làm nhiệm vụ và làm điều mình mong ước. Ông ấy coi người là phim hay coi phim là người, với mình đều đúng cả. Nghề mình và nghiệp mình là vậy, suốt đời gắn bó với nó...

...Sáng hôm sau người ta báo với mình: Có xe ô tô. Mình nghĩ có chiếc xe nhỏ nào đấy. Thì ra là một chiếc xe tải. Phía sau xe không có mui che như các xe khác vào chiến trường. Một chiếc máy phát điện điê-den to tướng chiếm gần hết thùng xe được buộc chằng chịt bằng những sợi thép to để chống xóc, tránh xô dịch làm lật xe. Người ta kiếm một cái bạt, lót một cái ổ sát cabin rồi bảo:

- Đây, đồng chí lên đây.

Cái bạt vừa bẩn vừa rách lại vừa hôi hám. Mình hỏi:

- Trên cabin thì sao?

- Cabin hết chỗ rồi.

Sau mình biết trên cabin, ngoài lái xe còn hai người nữa.

Mình ôm túi phim nằm trong cái ổ đó, trời nắng kéo bạt lên che, trời mưa cũng kéo bạt lên che. Có gì ăn thì họ ném cho mình.

Qua sông Bến Hải sang bờ Bắc, mình nằm ngửa nhìn những tán cây vun vút lướt trên đầu. Gắng chút sức tàn, ngẩng cổ nhìn qua thành xe, thấy xa xa một nóc nhà thờ... một cái làng... Mừng quá, mình nghĩ giá bây giờ xe dừng lại và chân còn khỏe thì ta đã có thể đến tận nơi được. Nghĩ lại hồi ở chiến trường nấp sau những cái mả ở bãi tha ma nhìn xe ô tô, xe lambretta ào ào phóng qua, chỉ cách vài trăm mét mà không tài nào đến được đường quốc lộ để đặt chân lên đó. Vì thế bây giờ nhìn cảnh vật xung quanh, mình có cảm tưởng lạ lẫm...

Thế rồi sau mấy ngày đêm ra đến công viên Thống Nhất. Tiếng đập thùng xe thành thành:

- Đến rồi, xuống đi!

Xe đỗ nơi cửa vào công viên phía đường Nguyễn Đình Chiểu, gần cái câu lạc bộ hát chèo bây giờ. Hồi đó công viên còn đơn sơ lắm, chưa có tường rào gì...

Về sau có người không hiểu tại sao mình có thể đi một mạch từ đoàn 559 đến tận công

viên Thống Nhất.

Điều này chính mình cũng không dám tin!

Người ta ở trong ra, qua vĩ tuyến 17 được phát ít tiền và quần áo, mình không hề biết mặt mũi bất kỳ cái trạm nào, không được lĩnh một khẩu phần ăn nào, không được lĩnh một mảnh quần áo, một đồng xu nào cả.

Ba người trên cabin cũng chẳng tệ bạc gì với mình khi họ quăng mình xuống đây. Chiến tranh là vậy.

Mình ôm túi phim xuống xe. Một cậu nói:

- Nhà em ở Bông Ruộm, lúc nào khỏe chúng mình tìm nhau nhé...

Thế là chia tay.

Mình ngồi vĩa hè nghĩ ngợi.

Lẽ ra họ đưa mình đi theo đường dây, mình sẽ về Ban Thống Nhất, Ban Tổ chức Trung ương, Khu Điều dưỡng K25 hay là một cơ quan nào đó, được tiếp đón, được ăn, được phát quần áo, có hồ sơ giấy tờ hẳn hoi...

Bây giờ họ ném mình xuống công viên Thống Nhất! Hoàn cảnh như thế, biết làm thế nào!

TÁM

- Không hiểu sao tôi tin cậu, tôi tin là cậu đã quay thật, nhưng chúng ta không thể tránh được négatif AgFA color của Tây Đức. Tôi đã làm mọi cách rồi. Bây giờ thì tôi không dám hy vọng nó sẽ trở thành phim mà chỉ cần nó có hình, đủ để minh oan cho cậu.

... Ngồi một lúc, chẳng biết đi đâu, chẳng biết Ban Tổ chức Trung ương, Ban Thống Nhất, Trạm đón tiếp ở đâu cả. Trong túi không có một xu, thân tàn ma dại. Đi không được vì yếu quá, mình cố lê đến chiếc ghế đá để ngồi.

...Mình và Hằng biết nhau từ trước khi đi B, biết nhau trong tình bạn và cũng mến nhau. Giá như mình ở lại thì cũng có thể thân thiết, cũng có thể gắn bó rồi có thể thành vợ thành chồng. Mình kể tâm trạng mình như thế vì khi bị ném xuống công viên Thống Nhất, nhìn những đôi bạn trẻ đi chơi mà thấy chạnh lòng, thấy mặc cảm, tủi thân lắm.

Công viên Thống Nhất là nơi mình và Hằng đã đi chơi với nhau trước khi mình vào chiến trường. Vậy mà giờ phút này đây, thằng ăn mày cũng không thể bắn thỉu hôi hám hơn mình được.

Trước khi đi, nói chính xác hơn là mình buộc phải đi B, mình đã nói với Hằng:

- Thôi em ạ, cái nơi anh đến bom đạn kinh khủng lắm. Mười người vào biết mấy người ra. Nhất là cái nghề của mình là quay phim, phải đứng lên mà quay chứ không thể đứng dưới hố, dưới giao thông hào được. Quay phim chết nhiều lắm, cho nên em đừng chờ anh. Chúng ta chia tay nhau, vĩnh biệt tại đây. Em có con đường của em, con gái có thì..

Nói thế rồi, mình còn viết một bức thư cho Hằng với nội dung như thế. Mình nhờ Đặng Trần Sơn đưa đến tận nhà. Cái điều quan trọng nhất là mình không muốn để người con gái phải chờ đợi một cách vô vọng.

Sau đó lẳng đi một thời gian, mình đi cũng lâu, mưa bom bão đạn...

Đây là lý do chia tay nhau. Nếu mình về lại còn cụt tay cụt chân thì lại càng không nên, ràng buộc nhau làm gì. Vậy thì khẳng định như thế cho yên một bề...

Chẳng ai hy vọng mình có thể sống sót trở về. Khi mình đi B, mẹ mình lo lắng, xót xa, thất thần đến nỗi đặt ấm nước lên bếp rồi bốc tro bỏ vào; nấu cơm thì bỏ gạo vào nồi, không cho giọt nước nào, cứ thế đặt lên bếp đun...

Anh Vĩnh mất đi rồi, mình là con trai trưởng, đi trong hoàn cảnh bố mẹ già, các em chưa đâu vào đâu. Phải cắn răng mà đi. Biết làm thế nào được. Cho nên mình không thích cái chuyện

bây giờ cứ thối phồng nó lên, tôi anh hùng, tôi căm thù, tôi quan điểm, tôi lập trường thế nọ thế kia. Nếu mình nói một cách thật thà, nói thẳng tuột những ý nghĩ của mình ra thì người ta nhìn mình bằng con mắt không bình thường...

Nhà bà chị mình ở phố Hòa Mã gần đây. Tốt nhất hãy về đấy đã. Chị Muội lấy chồng tên Mạc nên gọi là chị Mạc. Chị sinh năm 1939, hơn mình một tuổi, là con út của mẹ cả, em anh Vĩnh.

Trông thấy mấy ông xích lô, mình nghĩ, chưa chắc họ đã chở.

- *Xích lô...*

Anh ta nhìn mình chằm chằm rồi lẳng lẳng đạp xe đi.

Một ông cao tuổi hơn đạp xe qua.

- *Bác xích lô!*

Ông ta nhìn do dự.

- *Thưa bác tôi về phố Hòa Mã, nhà 52...*

- *Có tiền không?*

- *Chắc chắn là có. Ngay bây giờ tôi không có nhưng về đó gia đình tôi có. Gần đây thôi.*

Mình bước lên định ngồi thì ông ấy vén manh chiếu lên. Khổ cái manh chiếu thì có sạch sẽ gì cho cam, mình ngồi vào cái phản gỗ không. Mông teo tóp gầy guộc trơ xương ngồi trên tấm gỗ, đường xóc, đau ê ẩm cả người.

Số nhà 52 đây rồi.

Mình trông thấy chị Mạc đang đi ngay bên trong hàng rào sắt. Mình gọi:

- *Chị Mạc!*

Bốn mắt nhìn nhau...

Chị không hề hỏi “ai đấy” hay gì đó mà lại lúi lúi đi vào nhà. Ông xích lô hỏi:

- *Hay là anh nhầm?*

- *Không, chị tôi đấy mà! Bác ơi, bác làm ơn vào gõ cửa tử tế và gọi bà Mạc, bảo ra ngoài này có người nhà.*

Ông xích lô làm đúng như thế.

Chị bước ra khỏi cổng hai ba bước rồi cứ đứng nhìn trân trân. Khi nhận ra thằng em, chị luống cuống, ông xích lô cũng chẳng biết phải làm gì. Chị đưa mình vào nhà, kéo cái phản ra cho mình nằm. Mình nhận ra đó là tấm câu đối của nhà, thời cải cách ruộng đất, sợ bị đấu tố, phải cưa ra làm phản để nằm, mặt bên kia vẫn còn chữ.

Anh Mạc đi vắng. Hai chị em mãi nói chuyện, câu nọ xọ câu kia cũng đủ cho ông xích lô nghe thủng câu chuyện. Mình chợt nhớ ông xích lô vẫn chờ đó.

- *Chị cho em ba hào trả bác xích lô.*

- *Tôi xin lỗi, tôi tưởng anh ấy ở trại cải tạo ra hay tù trốn, cho nên tôi không định chở. Bây giờ*

biết câu chuyện rồi thì tôi giúp thôi, tôi không cầm tiền đâu.

Nói thế nào ông ấy cũng không nhận rồi ông chào và thủng thẳng đạp xe đi...

- Em ở chiến trường ra, người ta thả em xuống công viên Thống Nhất. Chưa biết cơ quan ở đâu, chị cho em ở tạm đây để em tìm cơ quan...

Anh Mạc về.

- Ôi, sao thế này? Cho em nó đi tắm đi chứ!

Anh lấy ra hai bộ quần áo tốt nhất cho mình. Hồi đó mỗi người mỗi năm được mua 5 mét vải. Trên đời này mình chưa thấy ông anh rể nào tốt đến thế, từ xưa anh ấy đã vậy rồi. Sau này thầy mình đã trút hơi thở cuối cùng trên tay anh.

Anh Mạc lấy các hộp phim ra, còn những thức linh tinh, ống bơ, túi vải... ném ra xe rác hết. Anh nấu một nồi nước to như nồi luộc bánh chưng để mình tắm rửa và mặc quần áo mới.

Anh chạy sang Ban quản lý xe khách, cơ quan anh ở phố Ngô Thì Nhậm, phen về Nam Định.

Thầy mình cao lớn, đến mét tám, giọng nói sang sảng, không mấy khi rỏ nước mắt. Ông từ Nam Định lên đi thẳng vào nhà con gái, trông thấy thằng con nằm đó, hai bàn chân trắng như tờ giấy. Ông quỳ xuống ôm hai bàn chân con trai và khóc...

Đây là lần thứ hai trong đời mình thấy ông khóc; lần thứ nhất là khi ông ôm xác anh Vĩnh hôm anh chết trong trận càn 1949.

Thầy mình mất năm 1975, đến nay đã 37 năm rồi.

Phải liên hệ với cơ quan. Mình chẳng biết bắt đầu từ đâu. Anh Mạc lại phen mấy nhát ra hết. Chưa đầy một tiếng sau, một chiếc com-măng-ca phóng đến.

Họ đưa thẳng mình vào Bệnh viện Việt-Xô. Từ phòng cấp cứu đến phòng tiếp máu, mình vẫn khư khư ôm túi phim. Hồng cầu hai triệu tám, nặng 42kg. Tiếp máu và truyền đạm ba tháng liền! Chữa chạy kéo dài nửa năm mới khôi phục được sức khỏe đến mức tạm tạm.

Ngay tức thời, từ bệnh viện mình nhờ liên lạc với Cục Điện ảnh về chuyện cuốn phim.

Về quản lý con người thì mình thuộc Ban Thống Nhất, chuyện phim ảnh thì Ban không biết mô tê ất giáp gì.

Nghe tin có phóng viên ở chiến trường ra, lại có phim chưa tráng, Cục cử người đến ngay. Có một nhân viên đến xin nhận phim, mình không giao; phải là người có trách nhiệm có chức danh. Không phải chuyện đùa bỡn.

Ông Nguyễn Thế Đoàn đến. Ông là trùm về kỹ thuật in tráng, chỉ có thể giao cho ông mà thôi. Con người này mình không bao giờ có thể quên được. Ông người Nam bộ, là người đi đầu của đội ngũ điện ảnh cách mạng, nổi tiếng với những thước phim quay Đại hội Đảng lần thứ II tại Việt Bắc và những thước phim về cụ Hồ đi thăm dân công, thăm nông dân, cưới ngựa đi

công tác, lội suối, băng rừng, tập võ, chơi bóng chuyền...



Ông Nguyễn Thế Đoàn (người cầm máy) những ngày ở Việt Bắc



và khi về già

Có nhiều câu chuyện thú vị, sinh động khi ông quay những hình ảnh này nhưng chưa mấy khi được kể lại. Những tư liệu hiếm hoi này được các thế hệ sau dùng tràn lan, ở mọi nơi, mọi lúc, mọi chương trình nhưng tên tuổi của ông thì ít người nhắc tới. Tháng 1-2009, ông đã được Nhà nước trao Huân chương Độc lập hạng nhì, sự vinh danh cho ông cũng muộn màng, không được rầm rộ, hoành tráng như khi vinh danh các nghệ sĩ sáng tác.

Khoảng những năm 90, mình có lần vào Vũng Tàu thăm ông. Người nghệ sĩ già nhìn ra biển, hàng giờ chẳng nói một câu...

Hồi mình mang phim ra Bắc, có dư luận không tin những gì mình báo cáo. Người độc miệng bảo: Nó quay quắt gì đâu, bấm cho hết phim để chuồn ra Bắc chứ chẳng có gì trong đó cả. Chẳng ai tin được mình có thể quay được gì cho ra hồn, học hành dở dang, kinh nghiệm chẳng có, được bấm máy có hai lần; AgFA color là sao, ORWO color là sao, còn mù tịt!

Sau khi hỏi han kỹ lưỡng về các vấn đề kỹ thuật, về nguồn gốc phim, ông dặn mình:

- Yên tâm mà điều trị, việc tráng phim tôi sẽ cố gắng lo!

Mình không hiểu được sự bần khoản trong ông. Tráng phim là chuyện bình thường trong nghề, nhất là với bậc “sư phụ” như ông thì có gì mà phải “cố gắng”.

Ông Đoàn mang về tráng thử. Mình đã đánh dấu sẵn đoạn phim có thể lấy ra để thử.

Lần đầu ông chỉ thử một đoạn hai mươi phân, tức là chỉ tráng trong lọ, trong bát, trong chậu...

- Thủy ơi, có điều đáng mừng là phim rất nét và không bị mốc! Nhưng không ra màu.

- Anh xem giúp em, nói thật, anh không tráng được là em đi đời nhà em. Họ không tin là em đã quay!

Ông Đoàn chỉ biết ậm ừ.

Hồi đó đã có lệnh, phim đem vào chiến trường không được để cả bảnh to 300 mét mà phải san ra, sặc vào hộp thành những bô-bin nhỏ 30 mét để lắp vào máy quay, tránh sau này phải chui hầm ẩm ướt mà làm.

Phim của mình đã quay là phim AgFA color, lắp trong những hộp đẹp để chính xác và đúng chuẩn mực. Và thế là họ có ý định bỏ phim đã quay của mình ra để lấy hộp sặc phim sống gửi vào chiến trường!

Ông Đoàn xót quá. Ông bảo, nhiều người nói với ông rằng thằng Thủy chẳng quay được gì đâu, đừng tráng mất công.

Ông vào bệnh viện nói với mình:

- Tôi nghĩ nó phải có cái gì đó cho nên tôi quyết tâm tráng. Nhưng cậu quay bằng AgFA color, phải tráng theo cách đặc biệt. Cậu đào đâu ra số phim này? Có bao giờ ngoài này gửi vào đâu, và có bao giờ ta dùng AgFA color đâu! Ta chỉ dùng ORWO color, mà trong chiến trường chỉ quay đen trắng, có bao giờ quay màu đâu?

- Anh ơi em có biết gì đâu, vào đấy làm nương làm rẫy, rồi xin đi quay. Họ giao cho phim máy thì cứ thế quay, có biết AgFA với ORWO là cái gì đâu!

Ông Đoàn bảo AgFA là phim của Tây Đức, ORWO là phim của Đông Đức và ta chỉ tráng được ORWO thôi!

...Thế là suốt một thời gian dài đến hơn ba năm, qua cả Mậu Thân 1968, lặn lội ghi hình trong bom cày đạn xối, ác liệt triền miên mà đến bây giờ mình mới biết một điều tối thiểu, tối quan trọng như thế!

Nghĩ lại, nếu dạo đó mà biết trước được rằng những cuộn phim mình cõng trên vai, dẫn thân trong bom đạn, nắn nót chặt chiu từng hình, từng cảnh cuối cùng sẽ không tráng được thì liệu mình có đủ máu me, đủ sự liều lĩnh để quay những cận cảnh chiến sự, xe tăng, bộ binh trong đó cả cảnh máy bay bổ thẳng nhào vào ống kính như đã có ở trên phim hay không?

Chắc chắn không!

Nằm trong bệnh viện, mình bần thần nhớ lại chuyện vừa qua. Khi ấy, quay xong phim, thì ốm thập tử nhất sinh do bệnh tật, đói khát, kiệt sức và được điều ra Bắc. Đứng không vững, đi không nổi, nhưng trên vai vẫn nguyên vẹn từng ấy hộp phim négatif AgFA color và vẫn yên chí rằng đây sẽ là bộ phim màu đầu tiên của Điện ảnh khu 5.

Cay đắng quá.

Liền ba tháng trời ông Đoàn đánh vật với đồng phim của mình mang ra, nhưng không tài nào tráng nổi.

Tin được loan báo ra gần như chính thức rằng: Trần Văn Thủy là một kẻ lừa dối, có quay quắt gì đâu, chiến trường ác liệt quá thì bấm đại cho hết cơ số phim được giao và... “B quay” (chuồn ra Bắc). Vào thời điểm đó “B quay” là tội lớn nhất, lại phí phạm bấm đại cho hết cơ số phim quý được giao thì chắc chắn đi tù.

Thời điểm đó để tin vào nhau cũng khó, lấy gì làm bằng chứng mà tin? Bởi vậy điều khổ khổ đối với mình trong những ngày nằm tiếp máu, chạy chữa ở Bệnh viện Việt-Xô là làm sao chứng minh được là đã quay thật, quay rất công phu, với sự hy sinh, công sức và xương máu của rất nhiều người.

Một buổi chiều vào giờ thăm bệnh nhân, ông Đoàn lại vào bệnh viện thăm mình.

Ông là người hiểu hơn ai hết cái sự nguy hiểm nếu như đồng phim của mình mang ra không tráng được. Ông bảo:

- Không hiểu sao tôi tin cậu, tôi tin là cậu đã quay thật, nhưng chúng ta không thể tráng được négatif AgFA color của Tây Đức. Tôi đã làm mọi cách rồi. Bây giờ thì tôi không dám hy vọng nó sẽ trở thành phim mà chỉ cần nó có hình, đủ để minh oan cho cậu.

Mình lo sợ và buồn nát ruột nát gan. Suốt thời gian đó, tuy được bệnh viện thuốc men, bồi dưỡng nhưng mình cứ gầy rộc đi, đêm không ngủ được. Mình lo sợ nếu ông Đoàn nản chí, cuộc đời mình rồi đây sẽ ra sao.

Ông Đoàn mầy mò mấy tuần, trực tiếp tìm tòi, ông pha một bài thuốc khác, đóng guồng gỗ để tráng thủ công.

Một hôm ông bảo:

- Thủy ơi đành tráng đen trắng thôi, tráng inversif, có nghĩa là tráng trực hình, ra dương bản luôn.

Tôi bảo Thủy:

- Bây giờ cái cần nhất không phải là hoàng hôn tím, lá dừa xanh, lửa đỏ, cỏ úa mà là “đen trắng” - đen trắng cho rõ ràng, nghĩa là thẳng Thủy quay thật sự, không quay bậy! Đen trắng là quan trọng nhất bây giờ.

Sác lô “chơi” đen trắng, Võ An Ninh “chơi” đen trắng...Cái đó ông hiểu hơn tôi! Yên tâm đi!

Tuy ông Đoàn tính toán là vậy, dự định là vậy rồi cũng phải mấy tháng sau kể từ ngày mình ôm đồng phim ấy ra đất Bắc thì ông mới thực sự bắt tay vào tráng những mẻ đầu tiên.

Sau này mình mới hiểu inversif là hai lần lộ sáng, một lần là lộ sáng khi quay phim, sau đó tráng bằng một bài thuốc gì đó rồi cho ra ngoài lộ sáng lần hai, rồi đưa vào buồng tối chạy qua thuốc, lúc đó mới hiện ra *positif*.

Nhưng có thể những người giúp việc cho ông Đoàn nghĩ đó là những tư liệu không có hình hoặc không giá trị cho nên làm ẩu, lộ sáng lần hai chưa đủ thời gian, chưa thành *positif*. Kết quả là có nhiều chỗ đáng đen thì trắng và ngược lại, như bầu trời đen, cây dừa trắng, máy bay trắng, ngoài ra nhiều cảnh còn chớp chớp...

Tôi chọc Thủy:

- *Nghệ sĩ chơi đen trắng thì nhiều, nhưng lại “chớp chớp” nữa thì trên thế giới này chỉ có Trần Văn Thủy! Bản quyền đấy!*

Mình được gặp ông Đoàn cũng là lần đầu được quen biết, không thân thiết, không ân huệ, không đi tìm danh lợi gì mà sao ông đắm đuối với công việc, lo cho mình đến thế. Mình biết, ngoài trách nhiệm rất bản năng của ông đối với công việc, đối với những thước phim sinh ra trong máu lửa, bom đạn ngày ấy, ông còn nặng lòng thương mình, thương mình đã lăn lộn những năm ác liệt ở chiến trường; thương mình gầy gò, ốm yếu, bệnh tật, đang nằm chạy chữa ở bệnh viện và mong tin ông từng ngày.

Ông là người tin rằng “phim sẽ có hình” và hơn ai hết ông hiểu rằng nếu không tráng được mớ phim *néгатif* này thì chắc chắn “tác giả” của nó sẽ bị rơi vào vòng lao lý. Thời điểm đó đã có những ứng xử không bình thường với mình về mặt chính sách đối với một người từ chiến trường trở về. Lúc đi, lương 52 đồng, lúc về thân tàn ma dại, sau hơn bốn, năm năm trời bom đạn vẫn 52 đồng.

Mình chỉ còn biết khắc khoải chờ tin từ phòng in tráng của ông...

Thế rồi một hôm ông Đoàn nhả vào:

- *Thủy ơi đã có kết quả, cậu đến xem.*

Ông cho người đón mình từ bệnh viện đến thẳng số 42 Yết Kiêu, trường Đại học Mỹ thuật

nơi Hãng phim Giải phóng làm việc. Mình nhớ buổi xem nháp hôm đó có cả ông Hà Mậu Nhai - Giám đốc Hãng phim Giải phóng.

Mình nói thật, xem phim, mình choáng váng, chết lặng người.

Mình ơn ông Đoàn không biết để đâu cho hết, tuy nhiên hình ảnh và chất lượng khác rất xa những gì mình tưởng tượng khi ghi hình: Đâu rồi những cảnh chân trời bầm tím sau những rào thép gai của đồn bốt, đâu rồi những cảnh cây lê ki ma bị cháy nửa vàng nửa xanh, đâu rồi những hàng dương xanh mượt, những con sóng bạc đầu...

Có phải công lao của một mình mình đâu!

Những người trong phim có đến hàng trăm, may lắm có hai người còn sống! Đó là cô Văn Thị Xoa ở huyện Duy Xuyên và một cô ở văn công. Còn thì chết cả rồi. Anh Hy phóng viên nhiếp ảnh chuyên đưa mình đi thời kì đầu cũng chết. Anh Tý tiếp tục hướng dẫn mình, lẫn lộn bao ngày nay đây mai đó, hết lòng với cuốn phim, anh pha sữa với bia cho uống khi mình đau bụng, công phim giúp mình cũng chết.

Tất cả nhân vật trong phim đều do anh dẫn mình đi tìm gặp chứ mình biết ai vào ai! Biết ở đâu có chuyện gì! Nhờ anh ấy mà mình biết những con người, những thân phận để đưa vào phim thành câu chuyện... Mình âm thầm chịu ơn anh ấy và nghĩ rằng nếu cuốn phim ra được thì chắc chắn phải đề tên anh là đồng tác giả. Nhưng trong hoàn cảnh gian nan ác liệt như thế, chắc gì đã thành phim mà nói trước! Mình chỉ giữ ý nghĩ đó trong đầu. Nói độc miệng, mà chắc gì phim đã còn, mình đã còn!

Khi mình ra Bắc, một trong những động lực làm cho ra cuốn phim là món nợ với bà con trong kia, đặc biệt là với anh Tý (Triều Phương)...

...Trong khi mình chán nản rã rời thì ông Hà Mậu Nhai tỏ ra phấn khích đặc biệt. Ông nhìn mình bằng con mắt thân thương và động viên:

- Hãy dựng đi, tiếp tục đi!

Sau này chính ông đã góp công sức để bộ phim ấy được đến bờ đến bến.

Ông Đoàn thì vẫn trầm tư chẳng nói một câu.

Thế là được cứu thoát khỏi tội danh “lừa dối”, tội danh “B quay”. Tuy nhiên, hình ảnh là một sự thất vọng lớn, tất nhiên về mặt kỹ thuật mà thôi.

Mình ngồi vào bàn dựng, cũng vẫn ở 42 Yết Kiêu, trường Đại học Mỹ thuật. Thoạt đầu mình loại bỏ toàn bộ những cảnh hỏng, những cảnh giống như *négatif*, bị chớp nháy. Lòng đau như

cắt.

Ông Đoàn suy nghĩ rất nhiều, sau vài ngày ông bảo mình:

- *Thủy ạ, những cảnh tráng hồng mà cậu loại ra ấy, tôi có một cảm giác rất lạ!*

Mình chợt giật mình vì nhận xét của ông. Sau vài ngày đêm bị ám ảnh, bị giày vò vì tiếc nuối, thế rồi theo gợi ý của ông Đoàn, mình quyết định dựng những cảnh hồng ấy vào một trường đoạn chiến sự ác liệt.

Quả là ấn tượng không ngờ.

Phim dựng xong và ra bản đầu.

Buổi chiếu ra mắt diễn ra ở 22 Hai Bà Trưng. Có mặt nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, ông Hà Mậu Nhai, ông Khánh Cao (thân sinh nghệ sĩ điện ảnh Trà Giang) và những anh em làm Điện ảnh, Văn nghệ khu 5.

Xem xong tất cả đều bị choáng!

Họ không tưởng tượng được, một cuốn phim lạ lùng như thế. Kẻ vô nghề vô nghiệp như mình, chưa biết mặt phải mặt trái cuốn phim ra sao mà trông ngô trông sẩn kiếm ăn, tự biên kịch, đạo diễn, quay phim, tự đào hầm bí mật, đào hố giấu phim, rồi tự công phim trở ra Bắc giao cho Cục Điện ảnh!

Thế mà thành phim thật sự!

Và được giải quốc tế!



... *"Những Người Dân Quê Tôi"* quay ở chiến trường ra dự thi tại Liên hoan phim Leipzig 1970.

Tấm thân còn gầy tong teo lên nhận giải Bồ Câu Bạc...

Sau này, trong Liên hoan phim quốc tế, ông Roman Karmen, khi ấy là thành viên Ban giám khảo, có hỏi mình rằng: *"Những cảnh như âm bản, chớp chớp bão bùng ấy là chủ ý làm kỹ xảo hay vì in tráng hồng?"*.

Mình đành phải kể thật sự tình. Ông Karmen bảo: *"Chính những cảnh hồng ấy đã gây ấn tượng đặc biệt cho ban giám khảo"*.

Vào thời điểm ấy mình làm sao mà tưởng tượng được rằng hai năm sau đó mình được là học trò trực tiếp của Roman Karmen trong 5 năm ở trường Đại học Điện ảnh Quốc gia Toàn Liên bang ở Matxcova!

CHÍN

“Anh đã để lại trong tôi một thằng bạn chân thành, gắn bó nhất từ khi tôi biết tiếp xúc với đời. Nhớ anh, nhiều khi tôi suy nghĩ mông lung, nếu như một trong hai đứa mình mất đi, thằng sống sẽ nghĩ gì về thằng chết... (viết thư cho anh trong lúc pháo Bô Bô, An Hòa cứ bắn cầm canh, rung cả hầm).”

Mình kể tiếp hôm chiếu phim ở 22 Hai Bà Trưng. Mọi người đều ngỡ ngàng rồi hân hoan chúc mừng. Riêng có một người chỉ ngồi trầm tư, không nói năng gì.

Anh tên là Trần Hữu Nghĩa, làm việc ở Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng, trụ sở ở số 19 Hai Bà Trưng, phía bên kia đường, đối diện nhà 22.

Nghĩa là anh con ông bác của Triều Phương. Biết nhau từ lâu, mình mời anh ấy sang xem.

Khi mọi người tản đi rồi anh mới nói:

- Anh Thủy ơi, tôi xúc động lắm, anh làm phim về quê tôi quá hay, mà lại nhận quê tôi cũng là quê anh: “Những Người Dân Quê Tôi”. Khi tôi thấy Triều Phương đứng tên là đồng tác giả với anh, tôi đau đớn quá, tôi muốn khóc, nó đã không được xem phim... Triều Phương vừa chết rồi anh ạ!

Mình như chết lặng. Bao nhiêu công sức đã đổ ra, bao nhiêu hiểm nguy đã vượt qua, trồng cây đến ngày hái quả thì Triều Phương không còn nữa, bao nhiêu đồng đội bạn bè cũng đã khuất bóng.

Ngày giỗ anh là rằm tháng 5, anh ra đi để lại hai đứa con thơ dại, Châu Giang, Cẩm Linh và người vợ trong tù.

Thủy đưa tôi xem những bức thư tình nghĩa sâu nặng của anh Tý viết gửi ra từ Quảng Đà và kể:

...Vì sợ thất lạc, những năm đi học ở Nga 1972-1977, mình đã mang theo những bức thư đó bên mình và giữ gìn cẩn thận.

Năm 1988, khi vào Đà Nẵng dự Liên hoan phim, mình đã tìm đến mộ anh Tý.

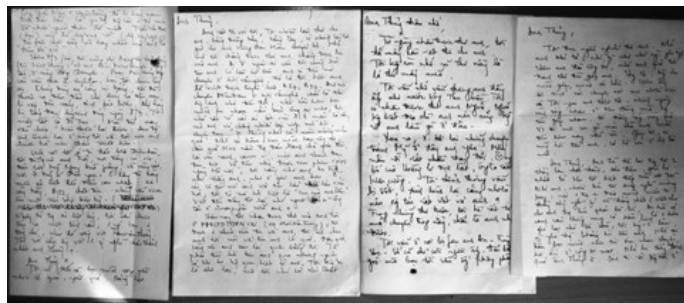
Anh nằm cạnh hai người em ruột, Sửu và Mão, trong nghĩa trang liệt sĩ huyện Duy Xuyên. Trước khói hương và vong hồn của người bạn đã khuất, mình đã trao tận tay những bức thư này cho con anh Tý để các cháu giữ làm kỷ niệm về nét chữ, tình cảm và suy nghĩ của người cha trong hoàn cảnh chiến tranh khi chúng còn nhỏ, mới vài ba tuổi. Mấy chục năm qua, đây là lần đầu tiên trong đời, chúng được thấy nét chữ của người cha cùng những chuyện kể thời chiến tranh. Khi đọc những bức thư này, chúng khóc như mưa như gió, nhất là cháu Cẩm Linh. Các

phóng viên của đài Truyền hình Đà Nẵng đi theo đã không bỏ lỡ cơ hội, họ đã làm bộ phim “Trở Lại Chiến Trường Xưa”, một bộ phim tài liệu xúc động kể về chuyện này.

Thủy nhận các cháu photocopy và gửi những bức thư đó ra theo đường chuyển phát nhanh. Tôi đã đọc hết và đọc nhiều lần.

...Anh Thủy,

Tôi đọc ngẫu nhiên thư anh. Nhớ anh khó tả (nhớ gì như nhớ người yêu ấy). Hôm anh đào công sự, nhớ anh quá, tôi tranh thủ tìm gặp anh. Hy vọng, không cho mình gặp, mình ức lắm... Vợ tôi nuôi con gà mái chờ anh mãi, đến hôm nay vẫn còn. Gặp tôi, ai cũng hỏi đến anh, cả bà con ở chợ Bà nữa. Anh đã để lại trong tôi một thằng bạn chân thành, gắn bó nhất từ khi tôi biết tiếp xúc với đời. Nhớ anh, nhiều khi tôi suy nghĩ mông lung, nếu như một trong hai đứa mình mất đi, thằng sống sẽ nghĩ gì về thằng chết (viết thư cho anh trong lúc pháo Bồ Bồ, An Hòa cứ bắn cầm canh, rung cả hầm). Có một hôm ghé lại nhà bà Hảo, tôi không muốn ở lâu vì nghe thằng Thắng hỏi đến anh. Nhớ cái hôm bọn mình nhịn đói ôm nhau chuyện hơi ấm ở công sự mật. Nhớ lại thấy thích quá anh Thủy à. Anh đi rồi không còn ở chia lửa với bọn tôi.



...viết thư cho anh trong lúc pháo Bồ Bồ, An Hòa cứ bắn cầm canh, rung cả hầm...

Độ này tôi vất vả lắm anh à. Hết hóm hỉnh, hết nghịch ngợm rồi, có ngày chạy ăn từng bữa cho đơn vị. Tôi chỉ lo nếu sau này anh gặp lại, tôi không còn bản lĩnh của thằng Tý ở huyện Duy Xuyên. Tôi đã quên đi tất cả – trừ anh. Hôm qua tôi ghé lại thả hương ở mộ cho Sơn – tôi cảm thấy mình yếu đuối quá, có cái gì sốt ruột. Một nhớ thương, một kỷ niệm đã làm giàu cho nguồn sống.

Có lẽ tôi nhớ anh hơn anh nhớ tôi...

...Ai ở ngoài đó vào tôi cũng hỏi tin anh. Có lần họ bảo anh đến nói chuyện ở Hội Văn Nghệ, thế là tôi biết anh đã vượt được tuyến lửa B57, B52. Anh nói chuyện ở Hội Văn Nghệ về miền

Nam chắc là anh nhớ đến tôi, nhớ cái hôm bọn mình ôm nhau nằm dưới công sự mật, tôi nhớ rất rõ cái áo lót bằng vải “mồng 8 tháng 3” màu lá cây của anh vá chồng nhiều lớp, ướp mồ hôi thuốc đạn, “ôi nhớ cái mùi nồng mặn quá”. Nhớ cái hôm bọn mình bật công sự, cầm quả M26 nằm trong đám tranh, mặt anh đen kịt thuốc đạn. Về trên này được xem phim “Một Ngày Hà Nội”, tôi càng nhớ anh da diết, như thấy anh, như ở gần anh hơn. Ồ cái cô gái mở cánh cửa trên lầu nhìn lên vòm trời, tôi tò mò hỏi biết là “em của anh Dân”. Viết đến đây tôi lại nhớ người bác sĩ công tác ở Quảng Ngãi nữa anh ạ!

...Từ trong ác liệt tôi chưa tìm ra một tình cảm, một người bạn, một đồng chí như đã sống với Trần Văn Thủy. Tôi nói câu ấy với một ý nghĩa chân thành nhất anh Thủy ạ!

...Anh có trở lại miền Nam không? Anh đi rồi tôi mới hiểu rằng “con người Hà Nội” rất mau quen với cuộc sống đầy gian khổ ác liệt ở vành đai hỏa lực này. Chính cái đó gây cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc... những ngày đắng cay gian khổ đã xui bọn mình gặp nhau và trở thành gắn bó.

...Anh Thủy ạ, vợ tôi bị tù, chắc nó cũng thầm nhắc đến anh, điều ấy rất dễ hiểu anh ạ. Tôi thấy có nhiều lần nó viết thư cho anh, tình cảm rất chân thành và thoáng có cái giọng của “người chị”, có lẽ cũng vì thế, nó viết thư mà lại không gửi. Nhớ anh tôi hay hát những bản nhạc anh hay hát. Hiện nay bệnh tình anh thế nào? Bộ phim ấy đã gửi nước ngoài tráng xong chưa? Anh có thỏa mãn không?...

...Cho đến hôm nay tôi vẫn mơ về “Một Ngày Hà Nội” và không có gì sung sướng bằng anh dắt tôi đi giữa lòng Hà Nội, dù tôi chỉ là “con nai vàng ngơ ngác đạp trên lá vàng khô”. Tôi đi xa đề quá anh Thủy nhỉ...

Những bức thư của anh Tý cứ đầy ắp dạt dào tình cảm như thế, chả lẽ trích hết ra đây. Tôi không phải Thủy mà đọc thấy ghen ghen trong cuống họng.

Tôi nhớ hồi giữa những năm sáu mươi, người ta phổ biến “Những bức thư từ tuyến đầu Tổ quốc”. Tôi đã đọc nhưng không hề có cảm giác như khi đọc bức thư của anh Tý. Phải chăng vì đó là những dòng chữ in trong sách, đã qua biên tập chứ không phải nguyên nét chữ, màu mực từ chiến trường gửi ra.

Lời bình luận nào cũng là thừa đối với những dòng thư viết từ trong trái tim, giữa bọn bề khói lửa như thế...

MƯỜI

...“Nhà trường VGIK này và tôi có dạy bảo các em thì cũng chỉ là hướng dẫn cho các em hơn hai chục chữ cái. Những chữ cái đó ghép thành từ, viết nên trang nên quyển là tùy ở sức lực và lòng yêu nghề của các em.

Tôi muốn nói rằng tôi chưa dạy được gì cho các em cả. Bởi vì không ai dạy ai trở thành nghệ sĩ thực sự. Tôi cũng không muốn các em thành những Roman Karmen, các em phải trở thành chính các em...”

Trần Văn Thủy nhớ lại...

Vậy là nhờ sự cứu mang của ông Đoàn, nhờ sự quan tâm của một số vị lớn tuổi, có trách nhiệm, “Những Người Dân Quê Tôi” ra đời và đoạt giải Bồ Câu Bạc ở Liên hoan phim Quốc tế Leipzig 1970. Nó cũng được in ra rất nhiều bản, chiếu ở nhiều nơi kể cả trong chiến trường, rồi nhận giải Bông sen bạc trong Liên hoan phim Quốc gia.

Từ đó tôi có cảm giác mọi người nhìn tôi với ánh mắt thân thiện và cởi mở hơn. Tôi được giữ lại miền Bắc, một mặt do điều kiện sức khỏe của tôi khó bề trụ được để lại tiếp tục xông pha ở chiến trường như những năm về trước; mặt khác trường Điện ảnh cũng cần một người đã từng quay phim ở chiến trường làm chủ nhiệm lớp đào tạo phóng viên quay phim tiếp theo để cung cấp cho chiến trường miền Nam lúc đó.

Học viên lớp quay phim tôi được phân công phụ trách phần lớn là các em có gốc từ miền Nam tập kết ra Bắc; còn lại là từ miền Bắc và các cơ quan khác gửi đến. Sau này nhiều người trong số họ rất thành đạt.

Khi nhận làm chủ nhiệm lớp này, tôi vẫn còn ốm yếu lắm, cũng chẳng đóng góp được gì nhiều nhưng bằng chút kinh nghiệm quay phim chiến trường, tôi giúp các em hình dung và thích nghi dần với một tương lai nghiệt ngã đang chờ đợi các em.

Hiệu trưởng thời đó vẫn là thầy Trần Đức Hình hiền lành, đức độ; trưởng phòng giáo vụ vẫn là anh Trương Huy vui tính; trưởng phòng hành chính là anh Sáng, người miền Nam, hết lòng tận tụy lo cái ăn chỗ ở cho học viên. Cơ ngơi trường Điện ảnh lúc đó chỉ là mấy dãy nhà tranh mái lá quây quanh một cái sân đất ở 33 Hoàng Hoa Thám.

Giữa năm 1972 thầy Hình cho tôi biết là tổ chức cố ý định đào tạo tôi trở thành đạo diễn, cho tôi đi học ở Liên Xô. Tôi rất mừng nhưng cũng rất phân vân chuyện đi hay ở. Tôi xa gia đình trên mười năm liền, 5 năm Tây Bắc, 5 năm đi Nam, bố mẹ già cả, các em chưa đâu vào đâu. Vợ tôi sinh con đầu lòng, cháu Trần Nhật Thăng mới mấy tháng tuổi, chạy ăn từng bữa, sơ

tán từng ngày.

Thế rồi cũng phải đi. Đi để tìm đường đi tiếp; đi để tìm đường cứu nhà - như vợ tôi nói khi chia tay ở Lập Thạch, Vĩnh Phú, nơi sơ tán của máy cơ quan thuộc Bộ Văn hóa.

Bây giờ nhớ lại những ngày xưa, tôi không thể không cảm ơn gia đình, cảm ơn vợ tôi đã can đảm hứng chịu mọi gian nan của những năm khốn khó tiếp theo để tôi yên tâm ra đi. Bố tôi cũng phấn chấn hẳn lên, không phải vì tôi đã thành đạt gì mà có lẽ cái ám ảnh của chủ nghĩa lý lịch trong ông đã vơi bớt đi chăng.

Trong đợt máy bay Mỹ ném bom năm đó, lưu học sinh đi Liên Xô phải tập trung ở Đại Từ, Thái Nguyên. Phần lớn là các em mới tốt nghiệp phổ thông trung học, ngoài ra có một số lớn tuổi hơn, đã ra công tác như tôi và một số người nữa. Ca Lê Thuần được cử làm trưởng đoàn, tôi làm phó đoàn.

Trong khi chờ tàu, tránh máy bay tại Đồng Đăng, hai trưởng phó đoàn đi uống rượu chui, say túy lúy đi lang thang trên bờ suối đầy sỏi đá, văng ra đủ chuyện tếu táo và hện nhau không bao giờ quên kỉ niệm này.

Những ai đã đi tàu liên vận Hà Nội – Bắc Kinh – Ulanbator – Matxcova đều không thể quên chuyến đi mười ngày chín đêm này. Bây giờ đi máy bay thì nhanh chóng tiện lợi hơn thật đấy nhưng nếu đi để nhìn, để lấy cảm xúc thì đi tàu hỏa là nhất. Chặng đường ấy đã đưa ta đến với rất nhiều cảnh quan, những thành phố, làng mạc, đồng ruộng, sông ngòi, màu da, tiếng nói khác nhau. Ấn tượng không thể nào quên được khi tàu chạy men hồ Baikan. Gọi là hồ nhưng mênh mông bát ngát như biển. Trên bản đồ, hồ Baikan như một hạt gạo nhưng tàu đi nửa ngày mới qua hết đoạn đường dưới mũi nhọn của hạt gạo đó. Mọi người đều nhòai ra cửa sổ để nhìn, để ra sức cảm nhận sự vô cùng của tạo hóa...

Rồi những hàng bạch dương, không, những cánh rừng bạch dương trùng điệp bạt ngàn...

Tôi nhớ Baikan không chỉ vì vẻ đẹp mê hồn của nó. Tôi có những kỉ niệm khó quên ở đây, khi học năm thứ hai ở trường Điện ảnh Quốc gia Toàn Liên bang, tên viết tắt là ВГИК, (всесоюзный государственный институт кинематография), thường gọi là VGIK, tôi đã trở lại đây làm phim về công trình đường sắt nối liền sông Amua với hồ Baikan, gọi tắt là BAM.

Bộ phim tuy là bài tập nhưng đã cho tôi nhiều ân huệ, sẽ kể sau vì đó là chuyện làm nghề.

Năm 1972, 1973 tôi cùng các bạn Việt Nam và các bạn nước ngoài học tiếng Nga ở Đại học Lomonoxov. Đây là lần đầu tiên tôi được thấy một trường đại học bề thế đến vậy.

Mùa hè 1973 tôi đến VGIK để thi tuyển theo qui định.

Một bất ngờ và hạnh phúc tột độ là tôi được gặp lại Roman Karmen. Ông ngồi chiếc ghế

bành sang trọng đặt giữa phòng, xung quanh là các giáo sư, các trưởng khoa. Tôi ngồi đối diện với ông, có anh Nguyễn Mạnh Lân, một người bạn thân sang trước ba bốn năm, thông thạo tiếng Nga ngồi cạnh để giúp đỡ nếu tôi lúng túng.

Karmen nhìn tôi cười và nheo nheo con mắt:

- *Oh là là! драгмуў студент - лауреат* (xin chào chàng sinh viên đoạt giải thưởng)!

Ông hỏi tôi đã có vợ con chưa? Chiến tranh Việt Nam sẽ đi đến đâu? Ông Mai Lộc, ông Phạm Văn Khoa có khỏe không? ...Karmen rất nhớ thời kỳ 1953-1954 ông quay phim ở Việt Nam...

Cứ lan man như vậy chẳng có câu nào mang tính thi cử cả. Các giáo sư ngồi bên tỏ vẻ sốt ruột nhưng Karmen đâu có để ý.

Ông hỏi:

- *Em muốn học năm thứ mấy?*

Tôi bật lên như lò xo:

- *Em muốn học thầy, học từ năm thứ nhất như mọi người.*

- *Vậy thì từ nay em có thể tự coi mình là sinh viên năm thứ nhất được rồi.*

Có tiếng xì xào. Một vị giáo sư lên tiếng:

- *Ấy, không nên nhanh chóng quá, đơn giản quá như thế.*

Karmen quay lại nhún vai:

- *Cậu ta đã đoạt giải thưởng ở Liên hoan phim Quốc tế ba năm trước, năm 1970, khi tôi làm giám khảo. Nếu các vị xem bộ phim đó thì các vị cũng có ý nghĩ như tôi. Cậu ta đã quay những thước phim bằng chính sinh mạng của mình. Với tôi, việc cậu ta sống và đang ngồi đối diện với chúng ta ở đây, đã là một điều kỳ diệu rồi.*

Anh Nguyễn Mạnh Lân đã chứng kiến và nghe rõ những gì Karmen nói hôm đó. Vậy là coi như tôi không cần phải thi cử gì cả. Cuộc đời tôi có lúc may mắn là vậy, tám năm trước, khi vào học trường Điện ảnh Việt Nam, tôi cũng không phải thi: Ông Nông Ích Đạt lí sự với thầy Trần Đức Hình rằng tôi là người miền núi gửi về phải được chiếu cố...

Hai lần đi học. Lần thứ nhất, anh chàng “dân tộc” nhưng chẳng Lò, chẳng Nông, chẳng Ma về xuôi vào học ở trường Điện ảnh Hà Nội, không phải thi. Lần thứ hai, anh chàng “nhà quê Hà Nội” ấy sang tận Liên Xô, xứ sở của những cuốn “Phim màu Liên Xô màn ảnh rộng” chiếu cùng trời cuối đất ở Việt Nam để học đại học.

Và cũng không phải thi!



“Vậy thì từ nay em có thể tự coi mình là sinh viên năm thứ nhất được rồi”.

Từ năm thứ nhất đến năm thứ 4, chúng tôi được học hết lý thuyết và thực tập làm phim; đến năm thứ 5 thì người ta dành cho cả một năm với kinh phí lớn để làm phim tốt nghiệp. Lớp học năm cuối cũng gần tan tác, ai cũng lo việc thi cử, làm luận án, giờ lên lớp chẳng còn bao nhiêu. Thầy Karmen cũng ít khi đến lớp vì thầy có việc của thầy - ông đi khắp nơi trên thế giới.

Tôi đã nói với thầy:

- *Thưa thầy, em muốn về Việt Nam sớm.*

- *Tại sao không ở lại để tiếp tục làm luận án cao học?*

- *Thưa thầy, không ạ!*

Tôi nghĩ đã làm nghề thì phải làm phim cho hay chứ cầm một tấm bằng cao học hay gì đấy mà làm phim dở thì chẳng để làm gì. Tôi học để làm nghề chứ không để lấy một bằng cấp cao hơn.

- *Xin thầy cho em được bảo vệ sớm. Nếu ở thêm một năm nữa thì mất nhiều thời gian quá.*

- *Được. Lấy phim Там где мы жили (Nơi Chúng Tôi Đã Sống) làm phim tốt nghiệp nhé?*



Xiberi - chọn cảnh cho phim “Nơi Chúng Tôi Đã Sống”

Đó là phim tôi làm cuối năm thứ hai, cuốn phim tài liệu nói về sinh hoạt và lao động của những sinh viên quốc tế trên công trường Đường Sắt Baikal – Amur ở Xiberi.

Ngay sau khi ra đời nó đã đoạt giải Hoa Cẩm Chướng Đỏ, tức giải cao nhất của Liên hoan phim trường VGIK, dự thi ở Ba Lan và được đưa đi trình chiếu ở nhiều nơi.

Tôi đã dùng bộ phim đó để bảo vệ tốt nghiệp, được nhận bằng đỏ và về nước sớm một năm. Như vậy tôi chỉ ở Nga từ năm 1972 – 1977.

Về sau bộ phim này đã trở thành bộ phim kinh điển, hàng năm sinh viên khoa đạo diễn năm thứ nhất sẽ xem phim này. Các sinh viên Việt Nam rất tự hào về thành công đó.

Nhưng thực ra nó chỉ hay vừa vừa, là một *добрый фильм* (phim tốt, phim xem được), thầy bạn động viên thêm thôi.



Thủy với bà phụ giảng Garivovna và Roman Karmen

Được học Roman Karmen là điều may mắn với tôi. Suốt mấy năm học ông, tôi nhận được nhiều sự ưu ái của ông, trước tiên là ông tin tôi, không đòi hỏi gì nhiều ở tôi. Ngày 18-3-1976 ông được trao giải thưởng lớn của nhà nước Liên Xô, khi lên lớp ông mang theo tờ báo Советская Культура (Văn hóa Xô viết) đăng tin này và ảnh của ông. Các sinh viên xúc động chúc mừng thầy, mỗi đứa đều muốn được thầy tặng tờ báo đó với lời đề tặng. Ông nói: *“Các em có 17 người mà báo chỉ có một tờ, tôi chỉ có thể tặng cho một người.”* Ông nheo mắt nhìn khắp lượt, đứa ở Uzbekistan, đứa ở Sudan, đứa ở Palestine, Kierghizi, Kapkaz, đứa ở Ba Lan...

Ông dừng lại nhìn tôi và nói rằng: *“Trong chúng ta Thủy là đứa ở xa nhất, các em hãy tán thành để Thủy giữ tờ báo này làm kỉ niệm khi nó trở về Việt Nam.”* Ông mở cây bút dạ nét đậm và ghi lên tờ báo, chỗ in ảnh của ông: *“Tặng Trần Văn Thủy người em Việt Nam của tôi”*.



“Thủy là đứa ở xa nhất, các em hãy tán thành để Thủy giữ tờ báo này làm kỉ niệm khi nó trở về Việt Nam”

Khi tôi về thăm ông ở nhà vườn ngoại ô, ông nói với tôi về Điện Biên Phủ, về cuốn sách “Свет в джунглях” (Ánh Sáng Trong Rừng Sâu) ông viết khi rời Việt Nam. Tôi rất tiếc là ở Việt Nam, nói đến ông, nhiều người chỉ biết và chỉ quan tâm đến bộ phim “Việt Nam Trên Đường Thắng Lợi” - bản tiếng Việt do Nguyễn Đình Thi viết lời bình (bản tiếng Nga do chính Roman

Karmen viết lời và tên phim chỉ có hai chữ: Việt Nam).

Người ta ít biết đến cuốn sách cực hay này của ông viết về Việt Nam thời kì đó. Ngay bộ phim của ông, thế hệ trẻ bây giờ cũng không mấy người được tỏ tường. Nghe nói cách đây mấy năm nhân viên truyền hình Việt Nam qua Matxcova “phát hiện” ra bộ phim này và bỏ ra một số tiền không nhỏ để mua bản quyền. Không biết thì phải hỏi. Bản quyền phim “Việt Nam Trên Đường Thắng Lợi” (tức phim “Việt Nam”, như nói ở trên) là của chúng ta (và của Liên Xô - đương nhiên). Ai đòi lại chi tiền ra mua bản quyền của chính mình, rồi tung lên truyền hình như một phát hiện, một chiến công; lại còn phụ đề rằng “Bản quyền là của Đài Truyền hình Việt Nam”.

Những cha chú ngành Điện ảnh Đồi Cọ khi xưa cùng ê-kíp của Karmen làm “Việt Nam Trên Đường Thắng Lợi” nghĩ gì? Lẽ ra nếu trót lỡ hành xử như vậy, tối thiểu Truyền hình Việt Nam phải có lời xin lỗi, xin lỗi nhà nước vì tiêu tiền vô lí, và phải xin lỗi ngành Điện ảnh Việt Nam về việc làm vô duyên, vô tích sự.

Nhà vườn của Karmen, của Simonov, của Eptusenko liền cạnh nhau ở ngoại ô phía Bắc Matxcova. Đám sinh viên chúng tôi hay tụ bạ ở đây và có dịp được hầu chuyện các nhân vật nổi tiếng thời đó. Ông Simonov cả đời chẳng biết phim nhựa là gì nhưng sau tập thơ “Nỗi Đau Khổ Không Của Riêng Ai” của ông nói về trẻ em Việt Nam trong chiến tranh ra đời và đạo diễn Marian Babak đã làm thành cuốn phim cùng tên thì Simonov lại là tác giả chính.

Trong việc làm cuốn phim này có chuyện bếp núc, chuyện làm nghề. Tất cả các nhà lí luận, những thầy giáo điện ảnh đều dạy rằng: Lời bình nhất thiết phải viết sau khi hình ảnh đã được dựng hoàn chỉnh. Đằng này lời bình, lời thơ của phim có trước, Marian Babak sang Việt Nam tìm hình ghép vào sau. Lý sự về cách làm phim tài liệu bị phá vỡ và nó chỉ lệ thuộc vào hai tiêu chí: Thật và Hay. Chính bởi vậy khi làm phim, đã nhiều lúc tôi viết lời trước, đành rằng sau khi dựng có khi phải chỉnh trang đôi chút.

Trong thời gian ở Nga, tôi được học đủ các môn về điện ảnh và khoa học xã hội. Tôi được mở mang rất nhiều. Nhưng có một điều mà gần như tôi ù ù cạc cạc, các bạn Nga nói với nhau những gì đó trước mặt tôi rồi còn bảo nhau: *“Nó không hiểu đâu”...*

Cũng phải nói thành thật rằng tuy được sống ngay thủ đô của Liên bang Xô viết nhưng tôi

không hiểu biết sâu về xã hội Liên Xô lúc ấy cho lắm, tôi chỉ thấy được một chút phần nổi của cả trái núi băng trôi. Tôi không biết Xôlzenitxin, không biết Pastenak, không biết Sakharov, không biết Trotski... Xem phim Liên Xô thì tin rằng Hồng quân tất thắng, Bạch vệ tất thua...



...tôi không hiểu biết sâu về xã hội Liên Xô lúc ấy cho lắm, tôi chỉ thấy được một chút phần nổi của cả trái núi băng trôi.

Trường VGIK và kí túc xá chúng tôi ở gần khu triển lãm Kinh tế Quốc dân, gọi tắt theo tiếng Nga là ВДНХ. Ở đó một thời có một khẩu hiệu bằng đồng, mỗi chữ cái cao bằng đầu người: “Đảng Cộng Sản Liên Xô long trọng hứa với thế hệ ngày nay rằng: Chúng ta sẽ sống trong Chủ nghĩa Cộng Sản”.

Quả thực hồi đó chúng tôi yêu nước Nga, yêu người Nga nhưng chúng tôi không hiểu được trí thức Nga, trí thức Xô-viết nghĩ gì. Về sau tôi mới hiểu dần họ không tán thành nhiều quan điểm của nhà cầm quyền, họ bất mãn với chế độ...

Tôi từ chỗ nghèo đói khổ sở, được du học thế này là một ân huệ trời biển rồi...

Tôi còn nhớ lễ bảo vệ tốt nghiệp hôm đó vì có hai học trò của hai ông thầy nổi tiếng bảo vệ: Thành bạn “mắt lác” người Algeria, học trò của Gheraximov (sau này trường VGIK đổi tên thành trường Gheraximov) và tôi, học trò của Roman Karmen.

Tôi nhận bằng tốt nghiệp là lên tàu về nước ngay.

Đó là cuối năm 1977. Tôi may mắn là sinh viên duy nhất của lớp đó bảo vệ tốt nghiệp có sự hiện diện của thầy. Các bạn cùng lớp đều bảo vệ vào các tháng 8, 9, 10-1978. Khi đó Roman không còn nữa. Ông sinh tháng 11 năm 1906, mất tháng 5 năm 1978, thọ 72 tuổi.

Thành phố Ôđexa quê hương ông có một con đường yên ả mang tên Roman Karmen.



Tôi nhận bằng tốt nghiệp là lên tàu về nước ngay. Đó là cuối năm 1977.

Nhớ lại trong lễ bảo vệ tốt nghiệp của tôi ở Matxcova ngày ấy, thầy Roman Karmen hỏi tôi:

- Về nước em sẽ làm gì, em quan tâm đề tài gì?

Tôi lễ phép trả lời:

- Thưa thầy, Việt Nam đã hòa bình, vĩnh viễn không còn chiến tranh, không còn kẻ thù nào dám nhòm ngó đất nước tôi như lời của Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nói. Bởi vậy đề tài mà tôi quan tâm là thân phận con người và xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn...

Nhưng khi tôi được về nước thì cũng là lúc có chuyện bất ổn ở biên giới Việt - Trung, rồi chuyện “Nạn kiều”, rồi xảy ra chiến tranh tàn khốc hủy diệt sáu tỉnh biên giới phía Bắc. Luận bàn về cuộc chiến tranh này cần nhiều giấy mực, thời gian và cả sự ngay thẳng. Làm sao có thể chấp nhận được việc quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc mặc quân phục bộ đội Việt Nam tràn vào lãnh thổ Việt Nam, đốt nhà tàn sát trong sự ngơ ngác thất thần hoảng loạn của dân chúng? Thời đó các xưởng phim trong Nam ngoài Bắc, bên Quân đội, bên Phim truyện và tất nhiên cả xưởng phim Tài liệu của chúng tôi đổ xô lên biên giới làm phim về đề tài này.

Tôi mới về nước, theo dõi thời sự từ tháng 3 -1978, khi trên đài phát thanh, ông Xuân Thủy trả lời báo chí nước ngoài về những bất ổn ở biên giới. Tôi có linh cảm chiến tranh chắc chắn sẽ xảy ra. Tôi có nói chơi với anh Lý Thái Bảo, giám đốc xưởng phim Tài liệu lúc đó:

- Đánh nhau đến đít rồi mà các bố cứ đi làm những thứ nạn kiều, cầu Bắc Luân, những chuyện giời ơi đất hỡi chi chi đó thì chết cả lũ...

Anh Lý Thái Bảo gật gù. Một ngày sau gặp lại tôi, anh bảo rằng:

- Tớ đã họp bàn trao đổi trong Ban giám đốc, Hội đồng Nghệ thuật, mọi người đều thấy đúng nhưng chẳng biết làm thế nào, ý tứ ra sao cho kịp với tình hình...

Và anh tặc lưỡi:

- Thôi! Cậu nói ra ý đó thì tốt nhất cậu làm đi.

Tôi giật mình. Theo thông lệ của nghề này, về xưởng phim thì phải có thời gian thực tập, đi phụ cho các bậc đàn anh vài ba phim, vài ba năm mới được xét làm đạo diễn chính.

Ông Lý Thái Bảo giao việc, tôi đành bắt tay vào làm bộ phim đầu tiên của tôi ở hãng phim này.

Tôi tự mò mẫm đọc tài liệu, làm kịch bản, lên biên giới khảo sát thực tế. Tôi đạo diễn, tổ chức quay và viết lời. Phạm Quang Phúc, em rể tôi là quay phim chính...

Phim có tên là “Phản Bội”.

Một thời gian sau, bùm một cái, nó gây chấn động, đoạt giải vàng, giải đạo diễn xuất sắc trong Liên hoan phim Quốc gia 1980.

Đó là bộ phim nhựa 35mm, dài nhất trong lịch sử Hãng phim Tài liệu Việt Nam cho đến thời điểm đó: 90 phút.

Phim tài liệu thường khó làm, khó xem nhưng “Phản Bội” hấp dẫn như một bộ phim truyện hay, hóm hỉnh và đầy tính kịch, được giới làm phim trong nước và quốc tế rất quan tâm như ở Thụy Điển, ở Liên hoan phim Tasken, ở Liên hoan phim Leipzig. Đặc biệt là Hainoski và Soiman (hai tác giả tinh quái người Đức đã làm phim “Phi Công Mặc Quần Áo Ngủ”) đánh giá cao bộ phim này. Có lẽ vì vậy mà cuộc đời làm phim của tôi không có may mắn đi cấp tráp, đi phụ cho các đạo diễn đàn anh. Tôi không bị hoặc được ảnh hưởng từ ai. Nghĩ gì tôi làm nấy.

Bây giờ người ta không chiếu bộ phim này, không muốn nhắc đến nó nữa vì những lí do tế nhị chính đáng và không chính đáng của sân khấu chính trị. Nếu làm lại “Phản Bội”, tôi sẽ cấu trúc lại, viết lại lời bình và tên phim có thể sẽ là “Nỗi Buồn Nhược Tiếu”.

MƯỜI MỘT

Trong mắt Quang Trung lúc bấy giờ, quốc gia chỉ có thể trường tồn, xã tắc chỉ có thể hưng thịnh khi kẻ thường dân dám nói với bề trên điều ngay thẳng và người có quyền uy phải biết nghe kẻ dưới nói điều phải trái.

Phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” khởi quay năm 1982 và lập tức gây ra một cơn sóng. Người đã xem thì phần lớn tán đồng và bình luận sôi nổi.

Và nó mau chóng... bị cấm!

Đạo diễn Trần Văn Thủy điều đúng.

Vì bị cấm cho nên nhiều người ở thế hệ đó cũng chưa được xem; lớp trẻ bây giờ càng không mấy ai biết.

Nhưng bộ phim vẫn nổi tiếng và sống rất lâu, cho đến bây giờ nhiều người vẫn tìm xem. Báo chí xới lại và đăng nhiều bài phỏng vấn đạo diễn.

Sẽ rất thú vị nghe Thủy kể về bộ phim và số phận của nó.

...Một thời gian sau sự vang dội của phim “Phản Bội”, tôi bị khựng lại, chẳng biết làm cái gì cho đỡ bị hẫng hụt. Đề tài trên giao xuống vẫn là phát triển kinh tế, xây dựng hợp tác xã, giáo dục chính trị, ca ngợi lòng tin...

Tháng tháng tôi vẫn lĩnh suất lương còm và rong chơi. Chơi mãi thì cũng ngượng, cũng chán. Cả năm 1981 chẳng làm gì cho hãng phim cả. Cuối năm bình năng suất lao động, tôi thuộc diện yếu kém. Đâu có phải lúc nào cũng có đề tài ngon! Lúc nào cũng làm được phim hay! Nó còn do cuộc đời đưa đẩy, tâm linh mách bảo.

Đầu năm 1982, tôi quyết định gặp lãnh đạo hãng phim xin làm một phim bất kỳ cho tròn bốn phần của một người làm công ăn lương, để cuối năm có “năng suất” như mọi người.

Phim nào cũng được, đề tài nào cũng được, hay dở gì cũng được, miễn là tròn bốn phần.

“Hà Nội Trong Mắt Ai” bắt đầu như thế chứ tuyệt đối không phải như bản án chính trị là “*âm mưu của một thế lực xấu xa*”, càng không phải như lời đồn “*tác giả của nó là một người can trường, uyên bác*”...

Ông Lưu Xuân Thư, Giám đốc hãng phim, một người lô tô, tốt bụng, hiểu tâm trạng của tôi, một hôm ông đi qua phòng hành chính, chỗ tôi ngồi, tay khua khua tập giấy:

- “Hà Nội Năm Cửa Ô” đây, phim du lịch đây, ai muốn làm thì xin mời đây...!

Tôi bước ra giật lấy tập giấy trong tay ông.

Đó là kịch bản “Hà Nội Năm Cửa Ô” của tác giả Đào Trọng Khánh đã được hãng phim duyệt để đưa vào sản xuất. Trang đầu, ông Trương Huy trưởng phòng biên tập (là trưởng phòng giáo vụ ở trường Điện ảnh mới chuyển về) có ghi một số ý kiến thẩm định nội dung: *“Phim quảng bá du lịch, chất liệu chủ yếu của cụ Hoàng Đạo Thúy...”* (Tài liệu này tôi còn lưu giữ cẩn thận).

Đọc kịch bản xong, ngó ra ngoài phố xá, cảnh người rờn rợn xếp hàng mua khẩu phần lương thực, những người cơ nhỡ lay lắt nơi công viên vỉa hè. Cảnh quan thời đó (1982) thực sự điêu tàn. *Chùa chiền di tích, phố cổ, cửa ngon vật lạ, con người thanh lịch...* đâu còn như trong giấc mơ xưa của cụ Hoàng Đạo Thúy để mà quảng bá du lịch. Làm một bộ phim màu dài năm sáu cuộn là một số tiền không nhỏ chỉ để chiếu chác vài lần lấy lệ rồi bỏ xó thì thật là thất nhân tâm.

Điều này ám ảnh tôi rất nhiều đến nỗi sau này làm thành bộ phim khác với cái tên “Hà Nội Trong Mắt Ai” như mọi người đã biết, sau đoạn nói về sự anh minh của Nguyễn Trãi: *“Chấn lạnh vắt vai đêm chẳng ngủ. Suốt đời ôm mãi nỗi lo dân”*, tôi tưng vào một đoạn thơ thiếu như sau: *“Dân mình còn nghèo, còn thiếu, cuộc sống còn vất vả nhiều, làm một bộ phim nói chuyện cha ông tốn tới nửa triệu đồng mà không mang lại lợi ích gì thì quả là một điều phù phiếm. Thường những chuyện ấy phải tính bằng thế kỷ còn dân ta lo cuộc sống thì lại phải tính bằng ngày bằng giờ.”*

Bên bàn trà chén rượu với bạn bè tôi thường ví tôi như “một cỗ xe cũ không phanh” là thế...

Nhận kịch bản thì đương nhiên phải làm, nhưng làm thế nào với “Hà Nội Năm Cửa Ô” thì tôi bí. Có thể vào tay người khác thì nhaoáng cái là xong phim, là có phim. Tôi nhận tôi thua kém nhiều đồng nghiệp vì sự chậm chạp, cả nghĩ và cầu toàn. Hàng tháng trời tôi lang thang vào các đền chùa, điện Huy Văn, gọi là điện thì thật là tội nghiệp, chùa Bộc, đền Quan Thánh, nhà thờ Nguyễn Trãi, nhà thờ Chu Văn An, nhà thờ Ngô Thời Nhậm, Văn Miếu, mộ nữ sĩ Đoàn Thị Điểm, dấu xưa của Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương... Cả tháng trời tôi lần mò đọc sách ở Thư viện Quốc Gia, Thư viện Hà Nội, Thư viện Khoa học; tìm gặp các nhà nghiên cứu như ông Nguyễn Vinh Phúc, ông Trần Huy Bá (ông Bá là anh em thúc bá với sử gia Trần Huy Liệu)...

Có lúc bỗng như bừng tỉnh, tôi tự hỏi, tôi đang làm gì thế này? Quên bém rằng công việc trước mắt của tôi là làm phim chứ không phải tìm đọc lan man như thế. Tất cả những gì làm nên sự tích của các bậc tiên liệt tôi sưu tầm được, học hỏi được đều ám ảnh tôi, lôi cuốn tôi.

Đêm ngày tôi sống với những chuyện ấy, bị hút hồn vào những chuyện ấy. Tôi bàng hoàng và mặc cảm, thì ra trước đây tôi chẳng hiểu gì về Hà Nội cả. Tôi thấy ngàn lần có lỗi với tiền nhân vì không ý thức được rằng cha ông ta đã dày công như thế nào, đã hoài vọng như thế nào đối với hậu thế...

Thôi thì đành nào cũng nhận làm rồi. Cũng tiền của ấy, công sức ấy, thời gian ấy, cũng vẫn đề tài Hà Nội nhưng làm khác đi về nội dung, về hồn cốt.

“Hà Nội Năm Cửa Ô” là Hà Nội cho quảng bá du lịch.

“Hà Nội Trong Mắt Ai” là Hà Nội tư tưởng, Hà Nội cho cách thức trị nước yên dân.

Trước khi khởi quay, tôi bỏ thời gian lấy giấy bút ra làm rất kỹ cái việc “kê đơn bốc thuốc”, nghĩa là xã hội đương thời có những khuyết tật gì, bệnh hoạn gì cần điều trị, tôi ghi ra theo cách gạch đầu dòng để khi trích các tích tuồng của lịch sử trong quá vãng mà có thể khiến người ta liên tưởng, người ta giật mình, người ta ngẫm nghĩ thì tôi tương vào.

Thủy tìm trong chồng tư liệu lấy ra một tập lời bình phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” do chính Trần Văn Thủy viết và Lưu Hà chép lại, trang giấy đã ố vàng. Thủy đọc:

- Những tấm bia ở Văn Miếu còn đến bây giờ là do công lao của Lê Thánh Tông. Ông vua hiền mẫn chuộng văn chương đã cho dựng từ năm 1475 để ghi tên những người đỗ tiến sĩ. Nhà vua đã cho lập hội Tao đàn, đứng đầu là “Nhị Thập Bát Tú” gồm 28 nhà thơ lớn đương thời; cùng với các ngự sử xây dựng bộ luật Hồng Đức. Trong thời trị vì của nhà vua, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư của Ngô Sĩ Liên cùng nhiều trước tác khác đã ra đời.

(Cảnh: Chùa Huy Văn)

Đến phố Hàng Bột, tạt vào chùa Huy Văn, xưa gọi là điện Huy Văn. Ta gặp lại Lê Thánh Tông, gặp lại những chuyện kể mà người đời nay còn phải nhiều ngẫm nghĩ.

Bởi từng có thời thơ ấu gian nan, chịu nhiều oan trái hay bởi chữ Tâm mà xưa trên mảnh đất này, nơi vườn hoa Cửa Nam bây giờ, năm 1491, Lê Thánh Tông đã cho dựng đình Quảng Văn, trong đình đặt trống Đăng Văn để ai có điều gì oan khuất, hết nơi bày tỏ, đến đây đánh lên ba hồi trống, nội quan ra nhận đơn và nhà vua sẽ xét xử.

Luận về các thời phong kiến xưa, các sử gia góp rằng “*giá như thời hậu Trần hay thời Lê mạt mà đặt trống Đăng Văn ở đây thì dân chúng quanh vùng sẽ phải đình tai nhức óc*”.

Thủy buông tập giấy:

- Khốn nạn quá! Cái chữ “xưa” sau này làm mình điều đứng. Người ta thẩm vấn: Thế thì tại

sao không phải thời phong kiến mà lại là thời phong kiến xưa? Anh nói như thế là có thời phong kiến nay à? Rồi thì “Lê mặt là Lê nào?”

Tiếp lời bình trên phim:

...Vua Lê Thánh Tông ra đời không phải trong hoàng cung mà ra đời trên mảnh đất dân dã này, vào lúc mẹ ông, bà Ngô Thị Ngọc Giao đang gặp cảnh éo le, ơn nhờ Nguyễn Trãi, ra nương nấu ở đây. Sau này phía trái điện còn dựng tượng vợ Lê Thánh Tông là Trường Lạc Hoàng hậu. Điện Huy Văn này được xây cất từ thời Lê Thái Tông. Sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông đã cho tu sửa lại để hoài niệm nơi mình ra đời.

(Cảnh đồ nát của điện Huy Văn)

Khéo thay 38 năm Lê Thánh Tông cầm quyền lại là một giai đoạn cực thịnh của đất nước. Vua hiền, tôi giỏi, tỏ rõ cái tài coi sóc trăm họ của một người công minh.

Có phải A-bu-ta-líp đã nói với chúng ta rằng:

“Nếu anh bắn vào quá khứ bằng súng lục thì tương lai sẽ bắn vào anh bằng đại bác.”

Thăm Gò Đống Đa, một trong mười ba gò đồng chôn vùi xác quân xâm lược Mãn Thanh. Cảnh trí này gắn liền với tên tuổi của Quang Trung vĩ đại.

Năm 18 tuổi Huệ đã cùng các anh dấy binh khởi nghĩa.

Năm 32 tuổi đập tan chúa Nguyễn ở phương Nam, tiêu diệt hai vạn quân Xiêm trên sông Rạch Gầm.

Năm 36 tuổi, diệt Trịnh phía Bắc, đánh tan tác 20 vạn quân Thanh, 4 lần tiến quân vào Gia Định, 3 lần ra Thăng Long, lần nào cũng kinh thiên động địa.

Đâu đó như còn vang vọng lời Quang Trung hào hùng lệnh cho tướng sĩ:

“Đánh cho nó tan tành xe pháo;

đánh cho nó mảnh giáp sạch không;

đánh cho nó biết nước Nam anh hùng có chủ...”

Ngôi chùa này - chùa Bộc nằm ngay trên chiến trường cũ của vua Quang Trung. Một tấm bia trong chùa còn ghi rằng:

“Khoảnh dĩ binh tai chi hậu chuyển nhĩn thành không”; nghĩa là: Sau trận hỏa công chớp mắt tan ra mây khói.

Trong chùa này chứa đựng một chân lý vĩnh hằng. Đó là Lòng Dân.

Ngay dưới thời nhà Nguyễn chống Tây Sơn, dân chúng vẫn dựng tượng Quang Trung, tôn thờ người anh hùng áo vải mà tấm lòng bao dung quảng đại còn lớn hơn cả uy vũ vốn đã rất lẫy lừng.

Chuyện kể rằng: Hồi cuối Lê, Quang Trung Nguyễn Huệ sau khi diệt Trịnh đã đến thăm vua

Lê Cảnh Hưng. Ông vua già mất quyền đã lâu, quan văn quan võ thừa thót, nay Bắc Bình Vương đường hoàng bước lên thềm rồng, lưng đeo kiếm, mọi người xanh mắt sợ...

Chỉ có một mình Phương Đình Pháp tiến ra, lễ phép nhưng đồng dặc nói: *“Thưa tướng quân, phép nước lên điện không được đem vũ khí, xin tướng quân cởi kiếm!”* Nguyễn Huệ trừng mắt, nhưng Pháp vẫn điềm nhiên. Chợt nghĩ phải, Nguyễn Huệ thản nhiên trao kiếm cho Pháp...

(Lời bình có tiếng vọng (echo) vang lên trang nghiêm và đĩnh đạc):

Trong mắt Quang Trung lúc bấy giờ, ***quốc gia chỉ có thể trường tồn, xã tắc chỉ có thể hưng thịnh khi kẻ thường dân dám nói với bề trên điều ngay thẳng và người có quyền uy phải biết nghe kẻ dưới nói điều phải trái.***

...Phải chăng vì thế từ năm Bính Ngọ, trong lúc mọi di chỉ Quang Trung đều bị nhà Nguyễn thù hận đốt phá tan tành nhưng dân chúng vẫn dựng tượng Quang Trung.

Dòng chữ “Bính Ngọ tạo Quang Trung tượng” được tạc kín đáo ở phía sau chân tượng.

Phải chăng vì thế mà phía trên đầu Quang Trung không thờ chữ Dũng, chữ Vũ, chữ Uy, chữ Linh mà rục rờ chỉ một chữ Tâm.

Vào Bảo tàng Lịch sử đi tìm nghĩa của chữ Tâm cũng nên đến với Nguyễn Trãi. Đất nước chỉ để lại một Nguyễn Trãi. Ông tiếng là người làng Nhị Khê nhưng sinh thành ở Hà Nội.

Sử viết rằng: Mùa xuân năm Bính Thân 1416 ở Lũng Nhai, Lam Sơn, Lê Lợi cho lập đàn cao một trượng rồi cùng Phạm Văn Xảo, Trần Nguyên Hãn, Nguyễn Trãi và các nghĩa sĩ làm lễ tế trời đất, kết nghĩa ăn thề nguyện đồng cam cộng khổ, sống chết có nhau trừ ngoại xâm cứu trăm họ.

Lúc ấy Lê Lợi chân thành nói: *“Ta là người mặc áo vải chuyên nghề cày cấy nay vì trừ bạo mà nổi binh, lòng không nghĩ đến việc xưng vương xưng bá”*.

Bia Vĩnh Lăng được dựng lên để ghi công lao to lớn của Lê Lợi, Nguyễn Trãi và nghĩa quân Lam Sơn, nhưng không thấy trên bia ghi rằng khi Lê Lợi lên ngôi bị bệnh tật ốm đau, con trưởng là Tư Tề thì ngu dốt nông cuồng; con thứ Nguyên Long thì còn nhỏ, bởi thế đem lòng trắc ẩn, lo cho ngôi báu sau này mà nghi kị các công thần.

Cũng không thấy ghi rằng năm 1429 vì ngờ vực mà Lê Lợi đã sai giết Phạm Văn Xảo; sai 42 lực sĩ về trại Sơn Đông nơi Trần Nguyên Hãn cáo quan ở ẩn, bắt Hãn về kinh trị tội. Dọc đường Hãn đã nhảy xuống sông tự vẫn.

Cũng không thấy ghi rằng chính Lê Lợi đã sai bắt Nguyễn Trãi, tước hết quan chức và tống ngục...

...Mười năm nằm gai nếm mật với nhau là thế.

(Trở lại hình ảnh bức tượng vua Lê cầm gương chỉ ra phía trước)

Xưa, Lê Lợi từng nói: “...Ta là người mặc áo vải chuyên nghề cày cấy. Nay vì trừ bạo mà nổi binh, lòng không nghĩ đến việc xưng vương xưng bá”.

Với vua Lê, Nguyễn Trãi vẫn:

“...Nguyện xin bề hạ thương yêu nuôi dưỡng lấy dân chúng, khiến cho trong xóm ngoài làng không còn tiếng oán hận sầu than. Đó chính là cái gốc của quốc nhạc vậy... Thương yêu dân chúng hãy làm những việc nhân đức. Đừng vì ơn riêng mà thưởng bầy, chớ vì mình giận mà phạt bừa. Đừng thích tiền của mà xa xỉ. Có thể quốc gia mới yên ổn bền vững lâu dài được.”

Thờ chữ Tâm trong lòng và ngòi bút dám viết lên trời xanh những điều trung thực, Nguyễn Trãi ghi: ***“Trời không che riêng ai; đất không chở riêng ai. Mến người có nhân là dân, mà người chở thuyền lật thuyền cũng là dân.”***

Trong “Quân Trung Từ Mệnh Tập”, Nguyễn Trãi viết: ***“Lẽ thành bại và sự hưng vong của một quốc gia có liên quan mật thiết tới nỗi vui buồn của người dân.”***

Phải chăng Nguyễn Trãi đã kế thừa tinh thần của Trần Thủ Độ, vị khai quốc công thần đời Trần. Độ nói: ***“Phàm đã làm vua trong thiên hạ phải biết lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, phải biết lấy tâm lòng của thiên hạ làm tấm lòng của mình.”***

Phải chăng Trãi đã kế thừa lời trăng trối của Trần Hưng Đạo với vua Trần Anh Tông. Khi Anh Tông vào hỏi kế giữ nước nếu giặc phương Bắc xâm lấn: ***“Khoan sức dân làm kế sâu gốc bền, lẽ đó là thượng sách để giữ nước.”***

...Tô Hiến Thành là người Hạ Mỗ, Đan Phượng, ngoại thành Hà Nội. Cuối đời bệnh nặng, có viên tham tri chính sự trong triều là Võ Tán Đường ngày đêm chăm sóc thuốc men; còn quan gián nghị đại phu Trần Trung Tá bận việc triều chính thì ít đến.

Khi ông sắp mất, hoàng thái hậu mới hỏi ông rằng:

- *Thưa tướng công, chẳng may một mai tướng công qua đời lấy ai nối nghiệp?*

Không đắn đo, ông trả lời:

- *Gián nghị đại phu Trần Trung Tá.*

Thái hậu rất ngạc nhiên mà rằng:

- *Võ Tán Đường mới là người hết lòng phục dịch tướng công, có sao tướng công không tiến cử lại lại tiến cử Trần Trung Tá là người ít chăm lo đến tướng công?*

Tô Hiến Thành nghĩ rất lung mà rằng:

- *Xét trong triều chỉ có Trần Trung Tá là người làm được việc lớn nên tôi tiến cử; nếu thái*

hậu hỏi người giỏi việc hầu hạ thì tôi sẽ tiến cử Võ Tấn Đường!

(Màn hình hiện lên những pho tượng trong chùa Tây Phương)

...Những pho tượng lặng im. Các vị nói gì với hậu thế? Đất nước tồn vinh phải chăng bởi có người tài; người tài tạo dựng nên dung mạo và sự trường tồn của chính các vị đó!

Nội dung bộ phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” là như vậy. Nhưng vừa mới ra đời nó đã bị bầm dập không tưởng tượng nổi.

Hãy nghe Trần Văn Thủy kể:

1983, 1984, 1985... tôi không còn cái gì nữa. Kể cả điều kiện làm việc cho đến “miếng cơm manh áo”, tất tột. Vợ tôi bảo tôi điên, bạn bè cũng nói vậy, nhưng khổ nhất là sự cô đơn.

Tất nhiên tôi không hề run sợ mà còn cảm thấy thanh thản, tự tin vào điều tôi nghĩ, vào việc tôi làm. Khi bị truy hỏi, tôi khẳng định với cơ quan công an và những người có trách nhiệm rằng:

- Kịch bản “Hà Nội Năm Cửa Ô” chỉ là cái cớ để tôi khởi đầu, để tôi có người cộng sự, có máy móc, có phim nhựa, nó không có liên quan gì đến hồn cốt của “Hà Nội Trong Mắt Ai” cả.

- Nội dung “Hà Nội Trong Mắt Ai”, tức là cái kịch bản đích thật để làm phim là do chính tôi viết, tôi thực hiện, tôi chịu trách nhiệm.

- Khi phim dựng xong, cái tên phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” do tôi đặt và toàn bộ lời bình cũng do tôi viết.

Tôi không thể đổ sự phiền lụy cho ai và càng không thể bịa ra rằng ai đã xúi bẩy tôi trong công việc này.

...Hàng ngày tôi tìm đến những nơi từng quay bộ phim này để suy ngẫm, thắp hương và khẩn cầu: “*Thưa các bậc tiên liệt, con có tội tình gì không? Bộ phim chỉ nói về sự anh minh của các vị, lẽ nào lại bị đổ?*” ...

Tôi “kêu” với các vị chức sắc: “*Xin các anh chỉ bảo cho những chỗ không phải, những chỗ sai để chúng tôi sửa.*”

Ban giám đốc hãng “kính chuyển” nguyện vọng này lên những người “cầm cân nảy mực”. Họ đồng ý cho sửa bộ phim, nhưng khi hỏi “cần sửa chỗ nào” thì một vị nói gọn lỏn: “*Bộ phim này sai đến mức không thể sửa được!*”

Cùng kíp làm phim có Lưu Hà, quay phim chính, con trai anh Lưu Xuân Thu. Đây là bộ phim đầu tay của Hà ở trường Sân khấu Điện ảnh. Tôi xui Hà đề nghị nhà trường tổ chức chiếu phim này ở Cung Thiếu nhi với danh nghĩa “báo cáo tác phẩm”. Cung Thiếu nhi là điểm chiếu phim sang nhất Hà Nội lúc bấy giờ với hơn 500 chỗ, màn ảnh trắng, ánh sáng mạnh.

Danh sách mời, ngoài thầy trò của trường Sân khấu Điện ảnh, có các học giả, nhà nghiên cứu, lãnh đạo nhiều Cục, Vụ, Viện...

Ơn trời, kế hoạch được chấp thuận! Khán giả đến chật cứng các hàng ghế. Trong khi xem họ reo hò, vỗ tay tán thưởng ầm cả rạp.

Sau buổi chiếu, lãnh đạo Xí nghiệp hỏi tôi:

- *Bây giờ ý cậu thế nào?*

- *Bộ phim này ra đời không chỉ có công sức cá nhân tôi mà còn của cả tập thể, của cả Xí nghiệp. Nếu phim hay, được khen ngợi thì là công chung, nhưng tại sao phim “có vấn đề” thì cả 100 roi các anh đánh cả vào tôi?*

Họ thành thật:

- *Cậu nói phải! Nhưng bây giờ sửa thế nào?*

- *Sửa thế nào là chuyện của các anh. Cụ Hồ dạy phải biết lắng nghe ý kiến quần chúng. Ít nhất thì các anh cũng phải chiếu cho anh chị em trong hăng, trong Cục Điện ảnh, Xưởng phim bạn, cho các Hội văn học, nghệ thuật để người ta góp ý...*

Xem phim xong, nhiều người thốt lên: “Sao cái phim như thế này lại bị cấm?”. Không ai, kể cả các vị bên Viện Triết, Viện Sử, Viện Văn, Viện Hán Nôm... đều tán thành nội dung cuốn phim. Nhưng vẫn có lệnh bất thành văn từ đâu đó: “*Không được chiếu bộ phim này dưới bất kỳ hình thức nào!*”.

Đó là vào giữa năm 1983.

Tôi hết hy vọng...

Bỗng một hôm, ông Nguyễn Việt Dũng, phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ (Hội đồng Bộ trưởng) gọi điện đến hăng phim, yêu cầu mang phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” lên chiếu. Lãnh đạo hăng trả lời:

- *Đã có lệnh của cấp trên là không được chiếu!*

Ngày 15-10-1983, Văn phòng lại gọi xuống, vẫn bị từ chối với lý do: “*Phim đang được cắt ra để sửa*”. Nhưng từ đầu dây bên kia, ông Dũng nói:

- *Chúng tôi biết phim ấy có thể chiếu được hay không. Đây là chỉ thị của Thủ tướng Phạm Văn Đồng!*

Kế hoạch chiếu phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng xem được ấn định lúc 3 giờ chiều ngày 18-10-1983. Tôi đề nghị được đi cùng, giám đốc Bùi Đình Hạc từ chối:

- Đi sao được. Vào đấy phải qua “cổng đỏ”, người ta điểm danh!

- Anh Hạc ơi! Anh cứ cho tôi đi cùng vì tôi muốn nghe bằng chính tai của tôi xem ông Đồng nói gì.

Thế nhưng ông Hạc không đồng ý.

Gần đến giờ hẹn, tôi lên lên “con” Lada trắng của giám đốc, ngồi sẵn ở ghế sau, bên cạnh 5 hộp phim.

Đến nước ấy thì ông Hạc đành chấp thuận. Tới nơi, bảo vệ từ chốt gác hỏi vọng ra:

- Xe nào đấy?

- Xe xưởng phim vào chiếu phim cho ông Đồng xem!

Cái barie được kéo lên, vẫn cái giọng ấy vọng ra:

- Vào đi!

Tôi bảo ông Hạc:

- Đấy, có kiểm tra giấy tờ, điểm danh gì đâu!

Tôi bê 5 hộp phim vào phòng khách.

Gần 30 phút sau Thủ tướng bước vào. Ông bực mình nói ngay:

- Muốn xem một bộ phim mà khó thế à? Nếu khó quá thì tôi không phiền các đồng chí nữa.

Có ai tưởng tượng nổi không: Thủ tướng đã phải chờ ngót nửa tháng kể từ lúc yêu cầu xem bộ phim....

.....

Khi hết phim, đèn bật sáng, ông Đồng vẫn ngồi lặng lẽ, đầu hơi cúi, tay đặt lên trán. Những người có mặt trong phòng cũng im lặng, nghe rõ tiếng quạt trần quay nhẹ nhàng trên đầu.

Một lát sau ông quay sang hỏi tôi:

- Những ai đã xem phim này và họ nói những gì?

Tôi nhường lời để ông Hạc trình bày cho phải phép. Ông Hạc nói:

- Thưa, các đồng chí có trách nhiệm đánh giá là đây là bộ phim có vấn đề, mượn xưa để nói nay. Bộ phim đã không cùng Đảng giải quyết những khó khăn hiện tại mà nuối tiếc quá khứ phong kiến và gieo rắc vào quần chúng đảng viên những bi quan, hoài nghi và tiêu cực...

Ông Hạc nói thêm:

- Các đồng chí đó kết luận rằng tác giả bộ phim là một nghệ sĩ, chứ không phải là nghệ sĩ cách mạng.

- Ai nói thế?

- Thưa, các đồng chí Hoàng Tùng, Hà Xuân Trường, Văn Phác...

Nghe đến đó ông Đồng rất bức xúc và dằn giọng:

- Ai cho phép các anh tự cho mình cái quyền là người phán xử cuối cùng?

Ông trầm ngâm hồi lâu và nói:

- Tôi không nghĩ sự thể lại quan trọng đến mức này. Ý kiến thứ nhất của tôi là: Nếu đã là anh em văn nghệ với nhau thì phải biết thương yêu, bảo vệ nhau. Các anh mà không bênh vực nhau thì còn ai bênh vực các anh? Ý kiến thứ hai của tôi, anh Dũng ghi vào biên bản để gửi sang Văn phòng Ban Bí thư: Tổ chức chiếu công khai bộ phim này cho nhân dân xem, chiếu càng rộng càng tốt, càng nhiều càng tốt.

Chiếu ngay lập tức! Nếu phát hiện ra cái gì sai thì sửa!

Trước khi chúng tôi ra về, ông còn ân cần dặn riêng tôi, nếu có chuyện gì không hay thì tìm mọi cách chủ động liên hệ với ông.

Không biết có phải vì bức xúc trước số phận của bộ phim và tình cảnh của tôi hay không mà tại buổi khai mạc Đại hội Điện ảnh toàn quốc lần thứ II diễn ra tại Cung Thiếu nhi chỉ 2 ngày sau khi xem phim “Hà Nội Trong Mắt Ai”, thủ tướng Phạm Văn Đồng đến rất sớm và đã có bài phát biểu hơn một giờ đồng hồ trước hơn 500 nghệ sĩ điện ảnh toàn quốc.

Ông nói rất kỹ, rất mạnh mẽ, rất sâu sắc, về cách thức quản lý, lãnh đạo văn nghệ: “Đừng bắt anh em văn nghệ sĩ phải chui qua một cái lỗ kim, theo một khuôn mẫu có sẵn...”.

Hắn những người có mặt tại buổi lễ còn nhớ mãi hình ảnh đầy ấn tượng khi ông hướng về phía Chủ tịch đoàn Đại hội mà rằng: “Tôi lạy các anh! Tôi xin các anh! Khi duyệt phim thì cố gắng rộng lượng như tôi”. Cả hội trường lập tức vỡ òa bởi những tràng vỗ tay. Ai nấy đều hiểu ông muốn nói gì. Từ đó, bộ phim bắt đầu được chiếu cho một số cơ quan hội đoàn, câu lạc bộ...

Câu chuyện trên một số báo đã kể lại, trong đó nhà báo Trần Ngọc Kha viết kỹ hơn cả và đăng trên Đời sống Pháp luật, Hà Nội mới, Vietnamnet, Vanchuongviet.org.vn.

Không ai ngờ, chỉ vài ba tháng sau kể từ khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng can thiệp, “Hà Nội Trong Mắt Ai” lại biến khỏi màn ảnh.

Chỉ biết là không được chiếu, bị cấm. Cứ thế mà thi hành.

Chẳng ai trả lời cho có đầu có đuôi, cho ra ngọn ra ngành.

Đối với một tác phẩm hay tác giả, lệnh cấm có thể là một biên bản hội nghị hằn hoi được truyền đạt nội bộ, hoặc có khi chỉ là một câu nhún nhe, một cú phôn và thường là không thời hạn...

Cũng nên kể cho đúng sự thật là, vào dịp này tôi còn được gọi lên chiếu “Hà Nội Trong Mắt Ai” cho ông Lê Đức Thọ (ở nhà nghỉ Nghi Tàm) và ông Trường Chinh (ở Văn phòng Trung ương) xem và hỏi chuyện tôi. Những buổi gặp này có nhiều điều khó quên, nếu thuận tiện, tôi có thể kể vào một dịp khác. Điều cụ thể đáng nói là phim vẫn bị cấm, không được chiếu.

Rồi mấy năm sau, phim được công chiếu, được giải thưởng thì người ta mời ông Trường Chinh xem lại. Lần này thì ông vui vẻ, cởi mở và có những lời khen ngợi chúng tôi. Những lời khen đó tôi không dám nhắc lại vì quả tình chúng tôi không xứng đáng với lời khen như thế.

MƯỜI HAI

“Bộ phim này chỉ có thể thôi à các đồng chí? Nếu nó chỉ có thể này thôi thì tại sao lại cấm? Hay là vì trình độ tôi có hạn mà tôi không hiểu được?”

Có lẽ phải trở lại một chút để nói về việc làm bộ phim này.

...Dựng phim xong, cho đến trước khi hòa âm tôi vẫn chưa biết đặt tên phim thế nào, chỉ biết chắc chắn phải có hai chữ Hà Nội. Bí quá, mông lung quá. Rồi trời lại xui đất lại khiến thế nào đó, tôi cầm tờ báo Nhân Dân lên như hành động vô thức vì chẳng bao giờ đọc tờ báo này, lật lật xem qua. Trang 3 có bài báo của một nhà văn đương đại Mỹ (quên mất tên) viết về Hemingway. Tôi chăm chú đọc vì tôi thích Hemingway, hơn nữa khi học ở Nga đã cùng các bạn người Cu Ba đã tham gia làm phim về ông.

Đọc xong chẳng thấy có gì giống Hemingway trong đầu tôi cả. Tôi thấy khó chịu. Nhưng khi đọc lại cái tên bài báo, thấy cha này lấu cá, viết rằng “Hemingway trong mắt tôi”.

Chẳng thể cãi nhau với hắn được: Hắn nói “trong mắt tôi” kia mà! Như một ánh chớp lóe lên, một tích tắc, tôi thầm nghĩ: Thằng cha này biểu mình một cái tên rất độc.

Tôi đọc rành rọt thành tiếng: Hà-Nội-Trong-Mắt-Ai.

Hà Nội trong mắt ai? Hà Nội trong mắt họa sĩ Bùi Xuân Phái; Hà Nội trong mắt nghệ sĩ ghi-ta Văn Vượng; Hà Nội trong mắt vua Lý Thái Tổ khi viết Chiếu Dời Đô; Hà Nội trong mắt nhà thơ Hy Lạp Ludemit và cứ thế người ta nhìn và ngâm nghĩ về Hà Nội, Hà Nội trong mắt ai cũng được!

Sự lấu cá của tôi hơn hẳn hẳn ta là cái chắc; tôi đạo chữ là cái chắc, nhưng tôi đạo tài đấy chứ!

Và cũng nên nói thêm về cái chữ “ai”, chữ ai đa nghĩa, nó không chỉ là đại từ nhân xưng như qui, who, кто,... ở tiếng nước ngoài mà chữ ai còn có thể liên tưởng tới ai oán, bi ai...



Hà Nội trong mắt họa sĩ Bùi Xuân Phái



...và trong mắt nghệ sĩ ghi-ta Văn Vượng

Giờ đây khi thì trả lời phỏng vấn, khi thì trên diễn đàn, tôi đã nói lời gan ruột: tôi chẳng hào hứng gì phải nhắc lại cái thời làm phim “Hà Nội Trong Mắt Ai”, tôi cũng không muốn xem lại bộ phim và kể lại những chuyện lằng nhằng vinh nhục xảy ra sau đó nữa.

Bởi nhiều lẽ:

- Chuyện này ai cũng biết rồi, nói đi nói lại thành lăm lờ.

- Ba mươi năm qua rồi, xem lại thấy ngượng về nghề, về technique, về thủ pháp, chẳng có ấn tượng gì đáng kể, chỉ là những cảnh đơn sơ lắp ghép lại, được dẫn dắt bởi lời bình mang tính ẩn dụ.

- Cuốn phim quay bằng phim nhựa ORWO color 35mm màu sắc phai nhạt, xước xước, chẳng còn một bản nào nghiêm chỉnh đủ tiêu chuẩn kĩ thuật.

- Phần kết phim đã bị sửa một cách ngớ ngẩn. Thời ấy trong một tình thế lúc nào cũng có thể bị bắt, tôi đã phải thêm vào một đoạn cuối cảnh quảng trường Ba Đình vào những ngày lễ lạt. Toàn bộ đoạn ấy xuất hiện trong phim nằm ngoài ý muốn của tôi.

- Và đặc biệt là, ba mươi năm trước, khi làm “Hà Nội Trong Mắt Ai”, xã hội tuy có nhiều ngang trái nhưng nó không tồi tệ như bây giờ.

Tôi muốn nói thêm rằng bộ phim này nổi tiếng không phải vì thông tuệ hoặc hay ho tài giỏi gì mà vì nó gây ra sự tranh cãi ồn ã một thời gian dài. Người ta đã chen nhau xếp hàng mua vé đi xem chỉ vì nó... bị cấm, bị đưa lên thớt, bị qui thành vấn đề chính trị: chống đảng; dạy đảng cầm quyền; kêu gọi mọi người xuống đường; sau lưng đạo diễn là một lực lượng chính trị...

Chung qui nó nổi tiếng vì sự đa nghi thái quá, miễn cán thái quá của một số người có chức quyền thời đó.

Thế rồi phải mấy năm sau, ngày 15 tháng 12 năm 1986 Đại hội VI của Đảng Cộng Sản Việt Nam khai mạc. Ông Nguyễn Văn Linh được bầu là Tổng Bí thư.

Đây là một đại hội vô cùng quan trọng, nó quyết định cho sự đổi mới và đã nêu ra những khẩu hiệu:

“Nhìn thẳng vào sự thật, phản ánh đúng sự thật, đánh giá đúng sự thật”

“Hãy cởi trói cho văn nghệ sĩ”

“Văn nghệ sĩ hãy tự cứu mình trước khi trời cứu”

“Đừng bẻ cong ngòi bút, phải viết cái điều mình nghĩ”.

Nhiều học giả cho rằng đó là những khẩu hiệu rất cách mạng trong tình hình Việt Nam thời điểm đó nhưng với nhân loại thì đó là một chuyện “xưa như trái đất”.

Chua chát quá, nói thật mà lại được coi là một cuộc cách mạng! Mà mới bắt đầu thôi, chẳng biết kéo dài được bao lâu...

Chủ trương đổi mới đặt ra vấn đề xem xét lại toàn bộ các vấn đề của xã hội Việt Nam trong đó có khoa học xã hội, văn hóa văn nghệ, một vấn đề không lớn so với những vấn đề đối nội, đối ngoại, phát triển kinh tế...

Có một nghị quyết vô cùng quan trọng đối với giới văn nghệ sĩ trí thức lúc đó là Nghị quyết 05 của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về lãnh đạo, quản lý Văn hóa Văn nghệ với nội dung sửa đổi, chấn chỉnh lề lối, cách thức lãnh đạo trong lĩnh vực Văn hóa Văn nghệ.

Từ trước đến giờ các nghị quyết của Đảng chỉ là dân chúng phải làm gì, đảng viên phải làm gì, chứ không bao giờ có nghị quyết nói rằng lãnh đạo Đảng cần phải sửa chữa điều gì. Lúc bấy giờ ông Trần Độ là cánh tay phải của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh. Chính ông thảo ra Nghị quyết này.

Tháng 5-1987 ông Nguyễn Văn Linh trực tiếp xem phim “Hà Nội Trong Mắt Ai”. Ông rất ngỡ ngàng vì những đồn thổi bấy lâu nay về bộ phim. Ông thành thật hỏi chúng tôi:

- Bộ phim này nó chỉ có thể thôi à các anh?

- Vâng, bộ phim nó chỉ có thể thôi ạ!

- Nếu chỉ có thể này thôi thì tại sao lại cấm. Hay vì trình độ có hạn mà tôi không hiểu được?

Câu nói giản dị ấy làm tôi xúc động và bị ám ảnh mãi tận sau này. Tiếp đó ông đã cho tổ chức chiếu lại “Hà Nội Trong Mắt Ai” ở Hội trường Nguyễn Cảnh Chân, mời những người có trọng trách, những người lãnh đạo Văn hóa văn nghệ, phụ trách các Hội văn học nghệ thuật đến xem và bỏ phiếu thuận hay chống.

Tất cả đã bỏ phiếu thuận. Có nghĩa là bộ phim sẽ được ra công chúng.

Ngày 26 tháng 9 năm 1987, Văn phòng Trung ương đã ra văn bản yêu cầu Ban Văn hóa Văn nghệ, Ban Tuyên huấn, Bộ Văn hóa công chiếu phim “Hà Nội Trong Mắt Ai”.

Ngày 7, 8 tháng 10 năm 1987, ông Nguyễn Văn Linh tổ chức một cuộc họp với hơn 200 văn

nghệ sĩ trí thức lớn ở Hội trường Nguyễn Cảnh Chân.

Mở đầu hội nghị, ông nói: *“Các đồng chí, hôm nay mời các đồng chí đến đây để các đồng chí bộc bạch, kể cho nghe tất cả những quan tâm, những sự trăn trở trước đường lối, trước những cách thức đối với văn hóa văn nghệ để chúng ta có thể làm việc một cách tốt hơn với nhau. Tôi đến đây để nghe chứ không phải đến đây để nói...”*

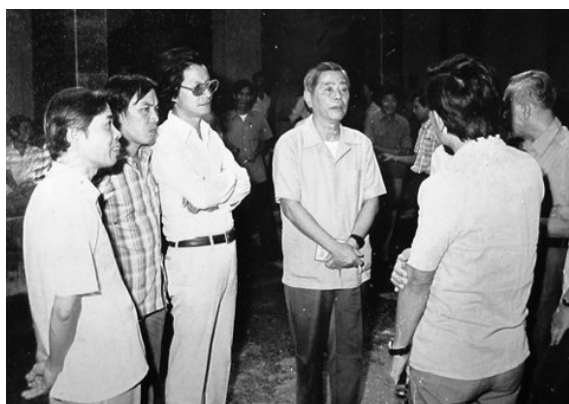
Sau đó ông ngồi xuống và bắt đầu nghe mọi người nói. Thời kỳ đó còn có những cây đại thụ như Nguyễn Khắc Viện, Cù Huy Cận, Nguyễn Đình Thi,... tất cả những văn nghệ sĩ trí thức lớn nhất của phía Bắc, các nhà nghiên cứu đều có mặt.

Buổi họp đầu tiên (7-10-1987) chuông reo, nghỉ giải lao, mọi người tản ra sân. Tôi đang nói chuyện với nhà văn Nguyễn Khải. Trong bộ phim “Chuyện Tử Tế”, tôi có dẫn những câu chữ của Nguyễn Khải nhưng tôi không nói hẳn ra là của ông, như đoạn phim trước khi chuyển sang cảnh ông thầy giáo bán rau, người đông nghịt, chen chúc... *“Một nhà văn từng viết, con người là một sinh vật không bao giờ chịu sống thúc thủ, nó luôn muốn vươn tới cái tuyệt vời, cái vô biên, cái vĩnh cửu là những mục tiêu mãi mãi không bao giờ đạt tới”*. Thời gian đó “Chuyện Tử Tế” chưa được công chiếu, tôi mới chỉ thì thầm cảm ơn ông Nguyễn Khải.

Lưu Quang Vũ đến bên và nói: “ông Nguyễn Văn Linh bảo mình gọi cậu ra nói chuyện một tý”.

Tôi ra gặp và chụp ảnh chung với ông Nguyễn Văn Linh, Trần Độ, Lưu Quang Vũ, Nguyễn Văn Hạnh... Ông Nguyễn Văn Linh nói với tôi:

- *Đến bây giờ tôi đã hiểu tại sao người ta cấm bộ phim ấy.*



Đến bây giờ tôi đã hiểu tại sao người ta cấm bộ phim ấy.

(Từ trái qua: các ông Nguyễn Văn Hạnh, Lưu Quang Vũ, Trần Văn Thủy, Nguyễn Văn Linh, người không rõ, Trần Độ)

Có thể thấy việc này đã ám ảnh ông đến như thế nào (ông xem bộ phim này từ 5-1987!) Ông nói:

- *Tôi đề nghị anh nên làm tập 2.*

Nghe ông nói vậy, tôi đã nghĩ đến phải làm cái gì rồi.

Khi đó, bộ phim “Chuyện Tử Tế” đã làm xong cũng để đấy bởi vì bộ phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” vẫn bị cấm. Không có cách gì để quảng bá “Chuyện Tử Tế” hoặc mang bộ phim này ra để duyệt, để phát hành và công chiếu được. Chuyện đó là không tưởng. Còn bây giờ là thời cơ! Tan họp, tôi về hãng phim gặp họa sĩ Trịnh Quang Vũ, nhờ anh viết thêm cho tôi chữ “Tập 2” dưới cái tên “Chuyện Tử Tế”, ngụ ý đây là tập 2 của “Hà Nội Trong Mắt Ai” được làm theo ý của Tổng Bí thư. Tôi rất biết làm thế là không phải với ông Nguyễn Văn Linh, nhưng tình thế buộc tôi phải hành xử như vậy. Tôi nghĩ việc cầm cân nảy mực quốc gia đại sự là việc của bề trên; còn việc làm phim như thế nào là bốn phận của chúng tôi. Như vậy là nhờ cái vía của ông Linh mà “Chuyện Tử Tế” ra đời, tồn tại và lang thang khắp nơi khắp chốn...

MƯỜI BA

Từ rất xa xưa, cha bác có dạy rằng: Tử tế có trong mỗi con người, mỗi nhà, mỗi dòng họ, mỗi dân tộc. Hãy bền bỉ đánh thức nó, đặt nó lên bàn thờ tổ tiên hay trên lễ đài của Quốc gia. Bởi thiếu nó, một cộng đồng dù có những nỗ lực tốt bụng và chỉ hướng cao xa đến mấy thì cũng chỉ là những điều vớ vẩn. Hãy hướng con trẻ và cả người lớn đầu tiên vào việc học làm người, người tử tế trước khi mong muốn và chần dặt họ trở thành những người có quyền hành, giỏi giang, hoặc siêu phàm...

Trong khi đang bị công an theo dõi, đang lặn lội vì “Hà Nội Trong Mắt Ai” thì Trần Văn Thủy cả gan làm phim “Chuyện Tử Tế”, một bộ phim còn đốp chát trực diện hơn, không ẩn dụ nhẹ nhàng như “Hà Nội Trong Mắt Ai”.

Cái “tội” đó thì chỉ có thần linh giúp cho mới thoát nổi.

Bộ phim này cũng gian nan chìm nổi không kém thằng anh nó, “thằng” *Hà Nội Trong Mắt Ai*. Sinh sau đẻ muộn cho nên nó ma lạnh hơn nhưng cũng điều đứng hơn.

Câu chuyện làm bộ phim “Chuyện Tử Tế” cũng khá ly kỳ, chứa đựng khá nhiều thông tin đáng để suy ngẫm.



Trong khi đang bị công an theo dõi, đang lặn lội vì “Hà Nội Trong Mắt Ai” thì Trần Văn Thủy cả gan làm phim “Chuyện Tử Tế”

Sách báo nói quá nhiều về những gì xung quanh cuốn phim “Chuyện Tử Tế”. Nhưng bản thân cuốn phim đó mặt mũi ra sao mà ồn ã vậy? Không phải mọi người đều đã xem hoặc có thì giờ để xem lại cuốn phim này, vì thế ta thử “xem lại” cuốn phim “Chuyện Tử Tế” qua lời bình của phim, nó chỉ là một nửa nhưng là hồn cốt của bộ phim.

Lời bình phim “Chuyện Tử Tế”

CUỐN 1

(Quyển sách mở, bút lông ngỗng ...)

Có lần, tranh luận về việc làm phim, bạn tôi bực mình, mắng tôi một câu nghe rất lạ tai:

(Chữ viết)

“...Tất nhiên, chỉ có súc vật mới có thể quay lưng lại nỗi đau khổ của con người, và chăm lo

riêng cho bộ da của mình...”

(Bút lông ngỗng)

Chữ nghĩa đến là nóng nảy, táo tợn – Tôi ngờ rằng lời lẽ ấy, bạn tôi đã vay mượn ở đâu đó.

(Tên phim)

“Chuyện Tử Tế”

(Tên các tác giả xen kẽ hình ảnh)

Người biên tập bộ phim này cho hay: Từ rất xa xưa, cha bác có dạy rằng:

Tử tế có trong mỗi con người, mỗi nhà, mỗi dòng họ, mỗi dân tộc. Hãy bền bỉ đánh thức nó, đặt nó lên bàn thờ tổ tiên hay trên lễ đài của Quốc gia. Bởi thiếu nó, một cộng đồng dù có nỗ lực tột bậc và chỉ hướng cao xa đến mấy thì cũng chỉ là những điều vớ vẩn.

Hãy hướng con trẻ và cả người lớn đầu tiên vào việc học làm người – Người tử tế, trước khi mong muốn và chặn dắt họ trở thành người có quyền hành, giỏi giang hoặc siêu phàm.

(Những người đi viếng mộ)

Hôm nay, 20 tháng 4 âm lịch – Ngày giỗ đầu một bạn đồng nghiệp của chúng tôi – Cũng không hiểu sao, đồng nghiệp của chúng tôi qua đời trong những năm qua, phần đông đều do một căn bệnh hiểm nghèo: Bệnh ung thư.

Nhà quay phim Nguyễn Quý Nghĩa, Nguyễn Quang Trình, nhà biên kịch Quang Minh, đạo diễn Tô Cương, nhà quay phim Phan Trọng Quý, đạo diễn Trần Thịnh, đạo diễn Xuân Thành và bây giờ là Đồng Xuân Thuyết nữa.

Chúng tôi đã theo Thuyết gần hai năm trước khi anh qua đời. Vào những giờ phút cuối, anh bình thản nói:

(Thuyết nói với bạn bè)

“Mấy ngày hôm nay tớ đau kinh khủng, như xé ruột. Nhưng những lúc đỡ, đọc cuốn sách này tớ thấy hay quá. Đọc thử các cậu nghe một đoạn nhé!



...đọc cuốn sách này tớ thấy hay quá... các cậu nghe một đoạn nhé!

“...Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác – Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi. Bởi thế người đời chúng ta chừng nào còn sống hãy cố gắng giúp nhau để cho tâm hồn trở

nên bất tử. Ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người khác lại giúp người khác nữa, và cứ như thế cho đến vô cùng... Sao cho cái chết của một người không đẩy ta vào tình trạng cô đơn trong cuộc sống...". Các cậu có thấy lạ không chứ!

(Bạn bè khiêng quan tài Thuyết – Tiếng nói của Thuyết lặp lại trên hình đám ma của mình).

"...Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác. Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi. Bởi thế người đời chúng ta chừng nào còn sống hãy gắng giúp nhau để cho tâm hồn trở nên bất tử. Ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người khác lại giúp người khác nữa, và cứ như thế cho đến vô cùng... Sao cho cái chết của một người không đẩy ta vào tình trạng cô đơn trong cuộc sống."

(Thuyết nói với bạn bè)

- Nếu tớ khỏe, tớ về với các cậu thì lại vui như Tết. Nhưng chẳng may thì... cũng chẳng ân hận lắm, vì lúc sống chúng mình ăn ở với nhau rất là tử tế đấy chứ!

- Thế nhờ chẳng may, thì cậu có "Đối đẳng" gì không?

- "Đối đẳng" thì tớ sợ nhiều việc rồi các cậu cũng quên đi mất - Mấy ngày nay tớ cứ nghĩ là các cậu nên làm với nhau một cái gì đó - Một cái gì đó bắt đầu từ tình thương yêu con người, đi từ nỗi đau của con người chẳng hạn.

- Khó đấy!

- Khó cũng phải làm. Các cậu mà vô tích sự, tớ đi trước là tớ lôi các cậu xuống đấy.

(Bầu trời. Đọc lại lời của Thuyết)

"...Cũng chẳng ân hận lắm, bởi lúc sống chúng mình ăn ở với nhau rất là tử tế đấy chứ... Tớ cứ nghĩ, các cậu nên làm với nhau một cái gì đấy - Một cái gì đấy bắt đầu từ tình thương yêu con người, đi từ nỗi đau của con người."

Không có gì thành thật bằng lời nói của người sắp qua đời.

(Đoàn làm phim quay bên lò gạch)

Từ đấy chúng tôi định bụng rủ nhau đi làm một bộ phim tử tế - Tử tế dù là tương đối.

Nhưng việc có lẽ không thành, bởi một hôm chẳng rõ vì đâu người làm gạch bất bình xăm xăm chạy ra, xua đuổi chúng tôi té tát:

"... Xin các ông đi chỗ khác cho chúng tôi nhờ. Không có quay quắt gì ở cái lò gạch của tôi tất cả! Chán cái đám phim ảnh các ông lắm rồi – Có giỏi thì cứ chụp cái chúng tôi sống thật như thế nào đi! Cứ bày đặt ra mãi như thế mà không thấy ngượng hả? Không thấy ngượng hả?"

(Đoàn làm phim đi – Tiếng chó sủa)



“Xin các ông đi chỗ khác cho tôi nhờ, không có quay quắt gì ở cái lò gạch của tôi tất cả! ...”

Cũng có lúc ngượng lắm chứ, hồi cái ông có cái lò gạch! Người xưa từng nói: “Lập thân tối hạ thị văn chương”. Nghĩa là lập thân bằng nghề văn chương, nghệ thuật là cái nghề thấp kém, hèn mọn nhất.

Ừ! Nghề của chúng tôi cũng là một nghề hèn, nghề mọn. Hèn vì nghĩ nhiều mà không dám nói ra, mọn vì cái làm ra cũng chẳng ai cần đến.

Ông có cái lò gạch đâu có biết, bấy lâu nay chúng tôi mắc phải một thói quen cố hữu: chỉ mong sao làm vừa lòng bề trên - Một cuốn sách, một vở diễn, một bộ phim ra đời đâu có mấy phụ thuộc vào sự hữu hiệu của nó với cuộc đời, lại chẳng mấy phụ thuộc vào mong muốn của những người lam lũ như ông - Mà thường, nhất nhất trông đợi ở sự xem xét của bề trên chúng tôi.

(Mặt trời, cây tre)

Bề trên chúng tôi bằng lòng thì được, không bằng lòng ắt phải bỏ.

Bề trên chúng tôi khen, thì chúng tôi sung sướng.

(Đoàn làm phim)

Bề trên chúng tôi chê, thì chúng tôi buồn rầu.

Ngay cái chuyện vào nghề của người quay bộ phim này, tuy cũ nhưng cũng vẫn còn là một thí dụ đấy.

(Vịt bơi)

Thời niên thiếu, anh ta ở quê, đi chăn vịt - Cái nghề chăn vịt nào có hứng thú gì - Một trưa hè, mệt quá - Anh ta chui bừa vào một cái lều để ngủ - Lũ vịt vô kỷ luật đã xục vào ruộng của hợp tác.

(Mở lý lịch)

Các bác ở Ủy ban xã giận lắm, liền ghi chuyện đó vào lý lịch - Bên cạnh bốn chữ ký của các bác ở Ủy ban xã có cả xác nhận của huyện và hai chữ “Tối mật”.

(Đoàn làm phim)

Thế là đằng đẳng nhiều năm, không thể thi vào bất kỳ một trường nào, một ngành nào mà anh ta vẫn mộng mơ - Mãi sau tình cờ, có một lớp quay phim, anh ta thi đại vào.

Vậy là, nghề chẵn vệt với nghề làm phim như chúng tôi cũng chỉ cách nhau có gang tấc.

CUỐN 2

(Lò gạch)

...“Xin các ông đi chỗ khác cho tôi nhờ, không có quay quắt gì ở cái lò gạch của tôi sắt cả...”.

(Đoàn làm phim)

Gã có cái lò gạch xua đuổi chúng tôi là hấn bậy rồi - Chúng tôi, ít ra cũng là người của Nhà nước.

(Cô gái và hai đứa trẻ)

“...Có giỏi thì cứ chụp cái cảnh chúng tôi sống như thế nào đi! Cứ bày đặt ra mãi thế mà các ông không thấy ngượng hả?”.

(Người đeo kính, trẻ con)

Hình như hấn có cái lý của hấn. Đến như bọn trẻ con, đã có lần toét miệng cười và bảo chúng tôi rằng: “À! Các chú quay cái loại phim này, chúng cháu xem là chúng cháu hay buồn ngủ lắm đấy”.

(Phim tư liệu)

Đâu phải thế! Chúng tôi từng làm hàng trăm bộ phim: Nhân dân chiến đấu anh hùng như thế nào - Nhân dân quyết tâm sản xuất như thế nào - Nhân dân phấn khởi tin tưởng như thế nào - Những bộ phim đó đã đi vào lịch sử và một thời, đã mang lại vinh quang cho chúng tôi.

(Ông đánh dậm...)

Nhưng phải công nhận rằng: chẳng có mấy bộ phim miêu tả nhân dân ăn ra sao? Nhân dân ở ra sao? Nhân dân đi lại sinh sống như thế nào? Và nhất là nhân dân nghĩ ngợi, bàn tán những gì?...

(Chợ quê)

Nhân Dân! Hai tiếng thật thiêng liêng - Chẳng thế mà Nhân Dân có mặt ở khắp nơi - Về văn hóa thì có: Nghệ sĩ Nhân Dân, hiệu sách Nhân Dân, giáo viên Nhân Dân, nhà hát Nhân Dân, báo Nhân Dân - Ở những cơ quan nghiêm mật thì có: Hội đồng Nhân Dân, Ủy ban Nhân Dân, Tòa án Nhân Dân, Viện kiểm sát Nhân Dân, Công an Nhân Dân, Quân đội Nhân Dân ...

(Đoàn bộ đội đi)

Một thời, chúng ta đã có những lời ca về Nhân Dân thực sự xúc động lòng người: Vì Nhân Dân quên mình, vì Nhân Dân hy sinh, anh em ơi, vì Nhân Dân quên mình - Nhiều khẩu hiệu đã trở thành tâm niệm của một lớp người: Phục vụ Nhân Dân, đầy tớ Nhân Dân và cao hơn nữa là Hiếu với Dân.

(Một bộ đội)

- Trung với Đảng với nước thì đã rõ, còn nội dung cụ thể của hiếu với Dân, theo anh là gì?

- Cái này tôi phải nghĩ một tí đã. Thế các anh hỏi để làm gì nhỉ?

(Ông và cháu)

Cứ nghĩ như con có hiếu với cha chẳng hạn. Chăm sóc cha lúc tuổi già, phụng dưỡng cha lúc ốm đau, thờ phụng cha khi cha qua đời, kế tục những mong mỏi, hoài bão của cha còn dang dở.

(Hai ông bà già bán nước)

Hiếu phải đi đôi với thảo - Không thể đẩy cha mẹ ra lề đường kiếm sống mà lại cứ tự xưng rằng: tôi là đứa con có hiếu.

(Chen chúc vào ga)

Còn như, đạt tới sự hiếu thảo với Dân thì ý nghĩa và nhân quả của nó còn to lớn hơn nhiều

(Đoàn ô tô con)

Cụ Hồ có căn dặn rằng:

“...Bất kỳ ở địa vị nào, làm công tác gì, chúng ta đều là đầy tớ của Nhân Dân - Cơm chúng ta ăn, áo chúng ta mặc, vật liệu chúng ta dùng đều là mồ hôi nước mắt của Nhân Dân mà ra - Vì vậy, chúng ta phải đền bù xứng đáng cho Nhân Dân”.

(Chen chúc vào ga)

Người có lương tâm đều hiếu, không phải lúc nào và ở đâu, Nhân Dân cũng đã được đền bù xứng đáng. Có thể vì vậy, mà ông lò gạch đã đối xử với chúng tôi - Những người của Nhà nước - Chưa được mặn mà, tử tế cho lắm.

(Một thanh niên)

- Chào anh! Theo anh thế nào là sự tử tế?

- Chịu thôi. Thế nào là tử tế, bây giờ là khó lắm đấy!

(Một phụ nữ)

- Ý chị thế nào?

- Có được nói thật không ạ?

- Xin mời.

- Vâng, vâng... Người mình coi là tử tế, theo tôi, trên thực tế là người mình được nhờ vả một cái gì đó về quyền lực hoặc về vật chất - Chữ tử tế bây giờ thường chỉ ở miệng những người có tuổi hoặc những người hơi xưa. Thời buổi này, mấy ai có thì giờ để luận bàn những chuyện xa xôi ấy.

(Một đàn ông và một đứa trẻ)

- Xung quanh ta có nhiều người tử tế lắm chứ! Những người tử tế là những người nhân hậu, thương yêu con người, ham làm điều thiện, lo việc công ích, chứ không vì chức vụ hay bổng lộc. Những người nghèo khó, người cô đơn, người bất hạnh và nhất là những người trung thực thì luôn luôn mong mỏi sự tử tế hơn ai cả.

(Một thanh niên ngồi trong xe)

- Đây là một câu hỏi lằm cằm! Tử tế à? Các ông cứ nghĩ mà xem: Người cần cứu giúp gặp kẻ muốn ban ơn thành sự tử tế - Người sa cơ lỡ vận gặp kẻ cần tiếng thơm để toan tính những việc xa hơn cũng thành sự tử tế - Tử tế là một cái gì đó tế nhị, có đi có lại.

(Một ông già)

- Tử tế các nhà làm phim thân mến ạ! Gốc của nó là từ chữ Hán. Chữ “Tử” có nghĩa là những chuyện nhỏ bé. Chữ “Tế” có nghĩa là những chuyện bình thường - Hai chữ “Tử Tế” gộp lại có nghĩa là cẩn thận từ những việc nhỏ bé, rồi do lâu đời, người ta đọc khác đi và nghĩa cũng khác đi.

Sự tử tế, tử tế thật sự không phải là chuyện có tiền bạc hoặc muốn là có ngay - Nó cũng phải được học hành, được dạy dỗ, được tập luyện, kế thừa và gìn giữ - Tử tế như hoa thơm, hoa đẹp, không thể thiếu được của cuộc đời.

(Một cô gái)

- Ăn ở với nhau tử tế là lẽ thường, là niềm an ủi của người đời - Chỉ có đồ hủi mới ăn ở với nhau chẳng ra gì.

(Bờ biển - Người hủi ngồi cô độc)

Đồ hủi

Không dây với hủi

Xấu như hủi

Bẩn như hủi

Lười như hủi

(Bầu trời)

Cũng là để hiểu những người mắc bệnh phong, mà người đời vẫn gọi là người hủi - Ăn ở với nhau ra sao - Chúng tôi đã gặp vài ba cảnh đời, thiết nghĩ cũng nên kể lại.

(Hai bà cháu)

Cháu có tên là Tú Anh. Nhưng bà bảo cái tên Tú Anh nó Hà Nội quá! Mình thì người nhà quê - bố cháu là Chiện, bà gọi cháu là Chiền.

Thằng Chiền một thời ít bạn vì tiếng đồn khắp vùng: Mẹ nó là người hủi.

Mẹ nó là người hủi thì bố nó bỏ đi luôn.

Mẹ nó, chị Nguyễn Thị Hằng phải bỏ quê lang thang bờ bụi. Kiếm được đồng tiền, bát gạo, đêm đêm chị lần mò mang về cho nó. Nỗi đau thể xác và nhất là sự xỉ nhục về tinh thần đã đẩy chị tới một quyết định: Phải tự vẫn.

(Cậu bé)

Nhưng còn thằng Chiền?

Thằng Chiền phải có một nếp nhà trước khi mẹ nó qua đời.

(Phim négatif)

Vậy là, đêm đêm chị lần về, bằng hai bàn tay cùi cụt, co quắp, không đủ ngón đốt, đã đóng một vạn tám ngàn viên gạch.

Hỡi những người lành mạnh và tử tế! Một vạn tám ngàn viên gạch - Đêm - Lạnh buốt và đau đớn.

Khi ngôi nhà đã dần hình thành, mẹ thằng Chiền - một người hủi còn có ước vọng rất thơ mộng là viết để lại cho con những dòng thơ tâm sự.



...đêm đêm chị lần về, bằng hai bàn tay cùi cụt, co quắp, không đủ ngón đốt, đã đóng một vạn tám ngàn viên gạch...

CUỐN 3

(Cậu bé)

Sổ thơ của người hủi có cả ảnh và thơ của Blốc.

- Chữ viết của người hủi có bao giờ thẳng hàng:

Túp lều nát rùng mình trong gió rét

Chiếc nôi nghèo run rẩy giữa đêm đông

Bố bỏ đi biệt xứ chẳng một lời

Thế là hết, chẳng còn ai chăm sóc con ư?

Tội nghiệp cho Tú Anh cái tên trong sáng

Như chim non bé bỏng mồ côi

Mẹ nghĩ: phải gắng sống, sống vì con

Gắng làm cho con một nếp nhà xinh

Đó là nếp nhà mẹ chịu nắng sương

Chịu cái rét giá của đêm dài cô quạnh...

(Hai mẹ con)

Tạo hóa bao giờ cũng có nhân, có quả - mẹ thằng Chiền đã được các thầy thuốc tận tình cứu chữa và đã qua khỏi.

Nhiều lần dắt con đi bên bờ sông Trà Lý, nhắc đến tên các thầy thuốc chạy chữa cho mình, chị đã khóc.

(Một thầy thuốc)

“...Nhiều đồng nghiệp của tôi và tôi nghĩ ngợi: Thế là mình đã dành gần trọn cuộc đời cho nghề thầy thuốc – Trải qua một thời gian dài, rất dài, chúng tôi mới chiêm nghiệm ra một điều rằng: Để thấu hiểu nỗi đau của con người không phải là một việc dễ dàng gì”.

(Ô tô đi)

Lần tìm chuyện về những người phong mà người đời vẫn gọi là những người hủi, cũng nên đến trại điều trị phong Quy Hòa.

(Các bác sĩ)

Ở đây chúng tôi gặp mặt đông đảo các thầy thuốc - Câu hỏi của chúng tôi:

- Thừa các thầy thuốc, ở đây ai là người tận tâm chạy chữa, chia sẻ với người phong ạ?

- Các bà sơ! Chuyện đó phải kể đến các bà sơ.

Các thầy thuốc, trong đó có những thầy thuốc từ khi rời ghế trường Y, cho đến bây giờ đã hai thứ tóc, làm việc ở các trại phong, đều trả lời chúng tôi như vậy.

(Hai bà sơ cầm hoa đi trong rừng)

Các sơ cao tuổi rất biết về Hàn Mạc Tử, một thi sĩ nổi tiếng thời tiền chiến, lâm bệnh hủi đã qua đời tại đây, gần nửa thế kỷ trước.

Các sơ kể rằng: Thời Hàn có hai điều các sơ để tâm: Thứ nhất là thời ấy, do ít hiểu biết, người ta thật tàn bạo với người phong.

(Bia mộ)

Thứ hai là khi Hàn lâm bệnh, rất nhiều người xa kẻ gần kiếm thuốc, tìm thầy, chạy chữa cho Hàn rất công phu, tốn kém. Nhưng điều đáng nghĩ ngợi là phần lớn họ đều giấu tên để Hàn khỏi mang ơn.

Xem vậy thời Hàn cũng có người ăn ở với nhau đến là tử tế.

(Các sơ chữa bệnh)

Gặp các sơ chúng tôi sực nhớ lại lời thề Hypocrate treo ở giảng đường viện da liễu: “...Tôi xin hứa và thề nhất luật tuân theo những ước lệ của tính thanh cao và lòng chính trực trong khi hành nghề - Tôi sẽ chữa bệnh không lấy tiền cho những người nghèo khó và không bao giờ được đòi hỏi thù lao quá với công sức của mình... Tôi chỉ mong mọi người dành cho sự quý mến, nếu tôi làm đúng lời thề.”

(Bảng chữ)

Lời thề Hypocrate là một lời thề tử tế.

Từ lâu lắm, loài người đã cố tìm những lời đích thực để thề - Thề vì con người - Vì lòng tin

và sự đau khổ của con người - Dần xa lánh những lời thề vu vơ...

(Bà sơ dầu người tàn tật)

Chúng tôi hỏi: Thừa, đâu là nơi bắt đầu để các sơ yên tâm, tận tụy phục vụ người mắc bệnh phong ạ?

- Dạ! Chỗ bắt đầu của chúng tôi và đồng nghiệp là lòng tin.

- Vâng! Nếu không có lòng tin thì con người không thể sống với con người được - Con người đã từ lòng tin thần thánh, lòng tin tôn giáo mà đến với lòng tin có chứng cứ. Tin vào những cái đích thật!

(Sóng biển)

Lòng tin vốn tự nhiên và mãnh liệt!

Lòng tin vốn không thể vay mượn, áp đặt hoặc tước đoạt.

Mất lòng tin là mất tất cả!

(Người phong kéo lưới trên biển)

Bi kịch lớn nhất chưa hẳn là do nghèo túng, mà là do mất lòng tin, khi con người không tìm ra cái đích thật để mà tin, khi giữa cuộc đời và thuyết giáo là một khoảng cách quá xa - Có muôn vàn thí dụ.

(Một lớp học)

Trước ngưỡng cửa cuộc đời, những đứa trẻ ngây thơ được chúng ta dạy rằng: Các em yêu quý! Các em là những đứa trẻ hạnh phúc, vì các em là con Hồng, cháu Lạc - Giang sơn của các em là gấm vóc, thiên nhiên ưu đãi, tài nguyên giàu có, tiền rừng bạc biển.

(Trẻ em Nhật Bản)

Cũng ở một lớp học như vậy, ở nước Nhật thì người ta lại dạy con em người ta rằng: Các bạn nhỏ yêu quý! Các bạn là những đứa trẻ bất hạnh - Bất hạnh bởi các bạn sinh ra ở một đất nước hoàn toàn không có tài nguyên, không hề được thiên nhiên ưu đãi. Một đất nước đã từng thua trong cuộc chiến tranh - Gương mặt của đất nước này, tương lai của các bạn là trong tay các bạn.

(Trẻ em Việt Nam)

Giá như một lần, chúng ta dạy con em chúng ta rằng: “Các em ạ! Cái nhục của sự nghèo khổ cũng chẳng kém gì cái nhục của sự mất nước. Đừng nghe những lời tâng bốc hảo huyền. Vì các em ạ! Bi kịch và hài kịch thường xảy ra ở bất cứ đâu khi giữa cuộc đời và thuyết giáo là một khoảng cách quá xa.

(Các học sinh dán khẩu hiệu, có hai chữ “Vĩ đại”!)

- Chào các em - Theo các em thì xung quanh chúng ta cái gì là “Vĩ đại”?

- Cháu chịu!

- Nào em?

- “Vĩ đại” thì cháu nói thật là cháu chỉ được nghe, chứ cháu chưa được nhìn thấy.

Thế các chú bảo cái gì là “Vĩ đại” cơ?

(Một tri thức)

- Cái “Vĩ đại” - Vĩ đại nhất đã được tạo dựng trên trái đất này là con người, chính là con người.

(Bà giáo già)

- Nhưng tạo hóa đã không sinh ra một loại sinh vật nào đau khổ hơn con người và khát khao sự tử tế hơn con người.

CUỐN 4

(Đường phố)

Thật vậy! Một nhà văn từng viết: “Con người là một sinh vật không bao giờ chịu sống thục thủ - nó luôn luôn muốn vươn tới cái tuyệt vời, cái vô biên, cái vĩnh cửu - Là những mục tiêu mãi mãi không bao giờ đạt tới.” Còn cuộc đời thì biến động, chẳng chờ đợi... con người.

Người quay phim của bộ phim này, một lần đi tìm cảnh ở phố chợ đầu ô, tình cờ gặp lại một người mà thời ngồi trên ghế nhà trường, anh ta hằng kính trọng.

(Ông bán rau)

Đó là thầy chủ nhiệm Lê Văn Chiêu - Cũng phải nói ngay rằng: Thầy Chiêu không bằng lòng cho quay những cảnh thầy bán rau, lòng thầy trong sáng, thầy cho rằng như vậy là bôi bác chế độ.

(Đi xe máy)

Do vậy, những cảnh này, trò của thầy không dám bấm máy, mà nhờ một người khác quay lên.

(Lùm cây, trường học vắng người).

Thầy Chiêu đã nhiều năm gắn bó với ngôi trường này, trường phổ thông Tô Hiệu, huyện Thường Tín. Ở đây thầy là một giáo viên dạy toán giỏi, chuyên luyện cho các em ở cuối cấp đi thi.

(Học bạ)

Những nhận xét của thầy chủ nhiệm Lê Văn Chiêu trong học bạ của học trò - Nay là người quay phim của bộ phim này.

(Người bên xe máy)

Người học trò, cậu bé chăn vịt đỉnh đoảng năm xưa, thì trở thành người quay phim.

(Ông bán rau)

Người thầy chủ nhiệm, giáo viên dạy toán giỏi, chẳng hiểu đã đi bán rau từ bao giờ.

Bây giờ thầy hiểu rau quả, thời vụ cũng chẳng kém gì hiểu môn toán mà thầy đã yêu. Mùa rau rút thầy bán rau rút - Mùa cà chua thầy bán cà chua - Mùa rau muống thầy bán rau muống.

(Một người đàn ông)

Chuyện tình cờ, anh xích lô này được mời lên màn ảnh - Cùng một thời với người đạo diễn và biên kịch của bộ phim này, vào những năm đánh Mỹ ác liệt nhất ở miền Nam, vợ chồng anh có mặt ở chiến trường khu 5. Chị là bác sĩ, anh là chiến sĩ an ninh của khu ủy - Năm 1973, anh chuyển sang phái đoàn quân sự 4 bên - Và cuối cùng là vào chiến trường Tây Nam.

(Chuyển đề lên xích lô)

Anh tên là Trần Thanh Hoài. Ủ! Con người ta sau khi làm tròn bốn phận với Tổ quốc thì cần phải kiếm sống, đừng có công thần và mặc cảm. Kiếm sống bằng chính sức lao động của mình là điều trong sạch lắm chứ.

Hoài cởi mở và tự tin vào nghề nghiệp hiện tại của mình.

(Hoài đạp xích lô)

Khác với thầy giáo Chiêu, có lần Hoài đã hồn nhiên hỏi chúng tôi:

- Này! Tại sao phim ảnh, văn nghệ các ông không mấy khi lấy đám xích lô chúng mình làm nhân vật chính nhỉ?

- Thì chúng tôi đang quay phim ông đấy thôi!

Nói thế cho qua chuyện chứ, nghĩ cũng lạ.

(Những người nghèo)

Lạ vì, khi chúng ta chưa có chính quyền trong tay, thì nhân vật của văn nghệ chủ yếu là những người nghèo khổ: Một bác phu xe, một em bé bán báo, một bé đi ở, một bà mẹ nghèo, một tiếng rao đêm.

(Trở lại Hoài đạp xích lô)

Ngày nay, khi quyền hành đã về một mối, thì những người nghèo khổ, bất hạnh trong văn nghệ bỗng dung biến mất.

(Người nghèo)

Y như đồng bào của chúng ta bây giờ rất xa lạ với sự nghèo khổ, hoặc giả những người nghèo khổ đã chạy sang thế giới bên kia cả rồi.

Ăn ở với nhau như vậy thì, không những chưa được tử tế cho lắm mà còn... đáng sợ.

(Một thanh niên)

- Theo tôi, đáng sợ hơn chính là sự dốt nát. Loài người chưa có bộ luật nào xử lý tội dốt nát - Cũng chưa có một cơ quan thống kê nào tính đến những hậu quả do bệnh dốt nát gây ra - Mà

suy cho đến cùng, thì mọi chuyện đau lòng của xã hội nếu có, to nhỏ đều bắt đầu từ sự dốt và nát.

Tôi thấy không ai định nghĩa chuẩn xác hơn người sáng lập ra Chủ nghĩa Cộng sản Khoa học: “Dốt nát là sức mạnh của ma quỷ”.

(Một ông cao tuổi)

- Nếu sa đà vào việc luận bàn về sự dốt nát và sự thông thái, tôi e rằng đó là chuyện muôn thuở. Người đời thường nói: “Phú quý sinh lễ nghĩa, Bần hàn sinh đạo tặc.” Có thể đó là vấn đề gần với chúng ta hơn – Khi đời sống vật chất tồi tệ, bất công, thì nhân tính bị xói mòn, thiện ác lẫn lộn. Chống sự suy thoái trong đời sống, chính là chống sự xói mòn nhân tính.

(Chỗ bán xổ số...)

Nếu nhân tính bị xói mòn, con người phải nói thật rằng: Không phải trong hoàn cảnh nào cũng có thể sống tử tế và nghĩ ngợi những điều nghiêm chỉnh được đâu.

Bạn nghĩ gì về chữ “Hạnh phúc” bán la liệt ở phố Hàng Mã? Con người đã viết một tỷ cuốn sách để định nghĩa thế nào là hạnh phúc và tìm kiếm hạnh phúc.

(Những cuốn sách)

Sinh thời Mác viết: “Hạnh phúc của một người là làm cho nhiều người được hạnh phúc.” Trên lề đường của chúng ta, có rất nhiều người một thời hồn nhiên ý thức như vậy - Người chữa xe đạp bình thường này chẳng hạn.

(Người đi)

Hãy theo ông ta, ông Trần Xuân Tiến về nhà tìm lại những kỷ niệm quý giá nhất của thời trai trẻ.

(Các huân chương)

- Ông tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử.
- Vào giải phóng thủ đô năm 1954.
- Có mặt trong đại đội chủ công sư 308 tiến công đầu tiên vào cứ điểm Khe Sanh.
- Được tặng danh hiệu dũng sĩ diệt xe cơ giới - 8 lần bị thương.



Chiến sĩ Điện Biên, chiến sĩ Khe Sanh Trần Xuân Tiến (Hình ảnh trong phim và trên áp-phích quảng cáo phim tại Pháp)

Dũng sĩ Trần Xuân Tiến đã về già, có cháu nội, cháu ngoại. Ông vẫn là một người rất mực

thật thà và tử tế.

(Phía sau ông Tiến)

Dũng sĩ Trần Xuân Tiến đã về già, có cháu nội, cháu ngoại. Ông vẫn là một người rất mực thật thà và tử tế.

(Phía sau ông Tiến)

Một con người trên mình 8 lần mang thương tích, không thể không nói đến nỗi đau thể xác. Nỗi đau thể xác, mối lo về miếng cơm manh áo hàng ngày - Có đấy! Nhưng thật là nhỏ bé so với nỗi đau tâm hồn, những hiểu biết, nghĩ suy về họ mạc, đất nước, đồng bào.

(Sau cảnh bà ngủ gật)

Từ xa xưa, con người đã luận bàn về hạnh phúc. Hêraclit - một triết gia cổ Hy Lạp, 500 năm trước Công nguyên viết:

“Nếu hạnh phúc là sự thỏa mãn vật chất thì chúng ta có thể coi con bò là hạnh phúc.”

CUỐN 5

(Một bà cao niên nói)

- Hạnh phúc của một loài bò sát như con kỳ nhông – là khi nằm trên lá khô, nó có màu nâu – Khi trườn trên lá tươi, nó có màu lục – nó biết cách băng qua đám lửa cháy mà không hề bị xây xát.

Có những con người cũng giống như loài kỳ nhông, họ vòng vo, tinh khôn và chẳng bao giờ bộc lộ cái gì có thể phương hại đến bản thân mình.

Chúng ta sẽ còn khốn đốn, nếu nhiều người không thật, nhiều điều không thật, nhiều sự việc không được gọi bằng đúng cái tên thật của nó.

(Một ông cao niên)

Cũng chẳng thể khốn đốn mãi được - Rất nhiều người và tôi - Chúng tôi tin tưởng một cách sâu sắc, chắc chắn rằng: Dù Đông Tây kim cổ thì đạo lý, sự tử tế bao giờ cũng trường tồn, bất biến. Nó luôn có mặt trong đời sống của chúng ta - Thiếu hẳn nó thì chúng ta không còn là con người nữa.

Một dân tộc, một xã hội dù ở bước khốn đốn, vong nô thì sự tử tế, sự hoàn thiện vẫn hiện nguyên hình trong đó. Nó là cái đích để tập hợp, là ánh sáng để vươn tới.

(Cụ già nhất)

Tôi cũng tâm niệm như vậy, nhưng tôi e rằng: Khi vươn tới một sự hoàn thiện, sự tử tế như

mong muốn, thì tiếc thay, cánh già chúng ta đã rủ nhau sang thế giới bên kia cả rồi.

(Đám ma)

Và cuối cùng thì sau một cuộc đời tử tế hoặc không tử tế, dài lâu hoặc ngắn ngủi, mọi người đều được tạo hóa cho một cái quyền bình đẳng là: Trở về với đất.

Có người cứ nói bừa rằng: Chết là hết. Nhưng thực ra, chết và con đường đi đến cái chết cũng nhiều chuyện lắm. Ví như trong đám có giọng thành kính xót thương: “Tiếc thay, ông ta là một người ăn ở tử tế” hoặc bật ra “Hừm, đáng đời cái lão chúa xu thời.”

(Những người đào mồ)

Có lẽ chẳng mấy ai biết lắm chuyện về những người chết bằng những người đào mồ. Ấu đây cũng là một dịp để làm quen. Cái công việc nặng mưa, nặng nhọc này, đôi khi bị coi là tận cùng của xã hội, lại cần cho bất cứ ai. Cho ông, cho bà, cho tôi và cho tất cả. Và không hiểu, bởi một lý do gì, chúng ta thiếu đi một tấm lòng cần thiết đối với họ.

(Khiêng quan tài)

Người đào mồ gửi vào đất cả quan chức lẫn thường dân, cả nhà học giả và thằng vô lại - Có điều, người ta trở về với đất trong những hoàn cảnh khác nhau, bằng những con đường khác nhau, mang theo xuống mồ những điều thiện và ác khác nhau.

(Mộ xây)

Nhân đây cũng nói thêm rằng: Người tử tế ai cũng mong muốn trông thấy đồng loại của mình có mồ yên, mả đẹp - Vì mồ yên mả đẹp an ủi được con người.

(Những mặt buồn)

Nhưng mong muốn hơn và an ủi được con người hơn vẫn là sự tử tế, là tình thương yêu, là công đức của người quá cố để lại cho đời. Đừng để rồi mai một, mang theo xuống mồ một nỗi buồn có thể to hơn cả phần mộ của mình.

(Một người đào mồ nhìn)

Cùng với người đào mồ có nên nghĩ ngợi rằng:

(Bầu trời)

Làm sao, để khi già từ thế giới, ta không chỉ nằm xuống như một người tử tế, mà điều quan trọng là ta có thể từ già một thế giới tử tế hơn, trong đó con người được chăm lo hơn.

(Máy ghi âm...)

Vậy ra, nghĩ cho đến cùng, ở trên đời này, không có một nghề nghiệp nào, không có một công việc gì, và cũng không có một con người nào trở nên tử tế - Nếu không bắt đầu từ tình thương yêu con người, sự trân trọng đối với con người và đi từ nỗi đau của con người.

Khi bấm những cảnh cuối bộ phim này, người trông coi mồ mả, giám đốc các nghĩa trang Hà Nội - Cháu gọi nhà văn Ngô Tất Tố là bác, đã chép miệng bảo chúng tôi rằng:

(Một người nói)

- Rõ chán, chuyện các anh cũ như trái đất. Tôi ở với người chết đã lâu, tôi thấy có cái hay là họ chẳng thèm tranh cãi với ai bao giờ. Dĩ nhiên, nếu họ có thể tham gia tranh cãi, thì ối điều phải bác bỏ - Kể cả tôi là người quản lý họ và cả cái phim mà các anh đang làm.

(Xếp đồ lên ô tô)

Vâng, thì có gì mới đâu và có dám tranh cãi gì đâu - Khi mà ở đây, trong cái nghĩa trang bình dân tồi tàn này có mặt rất đông những người giỏi chữ nghĩa:

Nhà văn Nguyễn Huy Tưởng

Nhà ngôn ngữ Vũ Ngọc Phan

Nhà thơ Xuân Diệu

Nhà văn Nguyễn Tuân

Và nhiều người nổi tiếng khác

(Trong xe ô tô...)

Có dám tranh cãi với ai đâu và có gì mới đâu? Chỉ thương người bạn đồng nghiệp xấu số, lúc sống và lúc chết đều vui lòng để chúng tôi quay phim. Nỗi bất hạnh to lớn trong quá khứ của gia đình cậu ta kể ra ở đây, không tiện - Vậy mà vẫn đùa bỡn đến lời cuối. Cậu ta bảo rằng:

“Tớ rất muốn sống, để xem cái phim của các cậu làm về cái chết của tớ như thế nào?”

(Máy ghi âm)

“Trải qua một thời gian dài, rất dài, chúng tôi mới chiêm nghiệm ra rằng: Để thấu hiểu nỗi đau của con người không phải là một việc dễ dàng gì.”

Vâng! Không thể là một việc dễ dàng gì, nhất là khi ta không sống cuộc sống của người đời.

(Trong xe và trên mặt đường)

Chỉ có sống cuộc sống của người đời, chia sẻ những nỗi buồn và niềm vui của người đời, thì may ra mới tìm được, hiểu được, nghĩ được và làm đúng được đôi điều.

(Người đeo kính)

Nhưng, cũng như chúng tôi, ít có mấy ai lại lẩn tránh một cuộc sống đầy đủ hơn, quyền thế hơn để sống cuộc sống như mọi người - Cái nghịch lý là ở chỗ đó và cuối cùng, dù nhọc lòng, mất công, những điều chúng tôi, những người làm phim biết được chỉ bằng giọt nước, còn những điều chưa biết lại là biển cả.

(Tượng đài)

Đến đây mới nhận ra rằng, ở bộ phim này quá lạm dụng lời các danh nhân. Lời bình do những người làm phim viết ra, rất có thể là những điều vớ vẩn, tầm phào, làm mệt lòng người duyệt kỹ tính.

(Nến cháy)

Còn lời các danh nhân thì thực sự yên tâm. Đó là chân lý, là danh ngôn. Vì vậy, trộm nghĩ, cũng nên thay chữ “Hết” của bộ phim nhỏ bé này bằng việc nói thêm rằng, cái câu nóng nảy táo tợn:

(Chữ viết)

“Tất nhiên, chỉ có súc vật mới có thể quay lưng lại nỗi đau khổ của con người, mà chăm lo riêng cho bộ da của mình.”

May thay! Là của Karl Marx tôn kính, chứ không phải của bạn tôi.

(Chữ ký của Karl Marx).

Hết phim.

Người đọc lời bình của phim “Chuyện Tử Tế” cũng như của phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” trước đó đều là anh Trần Đức bên Truyền hình. Lúc đó anh ở vào thời điểm sung mãn, có một chất giọng truyền cảm và lay động lạ thường...

MƯỜI BỐN

...Làm sao, để khi già từ thế giới, ta không chỉ nằm xuống như một người tử tế, mà điều quan trọng là ta có thể từ già một thế giới tử tế hơn, trong đó con người được chăm lo hơn...

Trần Văn Thủy kể với hai chuyên gia người Mỹ, Giáo sư Micheal Renov và Tiến sĩ Dean Wilson về việc làm bộ phim “Chuyện Tử Tế”:

Bộ phim “Chuyện Tử Tế” bắt đầu quay năm 1985, trong hoàn cảnh phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” vẫn bị cấm và tôi bị giám sát. Bối cảnh kinh tế xã hội năm 1985 đã thúc đẩy và dẫn dắt tôi chọn đề tài này.

Bắt đầu từ việc một bạn đồng nghiệp rất thân, anh Đồng Xuân Thuyết đổ bệnh ung thư. Chúng tôi quyết định bấm máy.

Năm sau anh ấy qua đời, một năm sau nữa giỗ đầu. Để quay nhân vật này phải mất khoảng hai năm.

Khi quay Đồng Xuân Thuyết nhiều người trong cơ quan phản đối, cho rằng anh ta không phải là nhân vật đặc biệt gì, không công trạng, không danh hiệu, không đảng viên. Nhưng rõ ràng đó là một thân phận con người nên chúng tôi quay. Đồng Xuân Thuyết được mọi người yêu quý, không phải là một người quá tài giỏi, giàu có hay có chức quyền gì nhưng cách sống tình nghĩa, chân thành của anh làm mọi người thương và tin. Tôi nghĩ anh bị ung thư, theo lẽ thường, anh không gượng dậy được và chết thì đó là cái cớ để có một bộ phim hay. Nhưng nếu anh không chết thì phim đổ.

Đã có giai đoạn Thuyết được người bạn tên là Lò Minh cho uống mật gấu và khỏe lên. Thuyết phóng xe máy ầm ầm đến nhà tôi ở Hàng Bún và hét lên: “*Thủy ơi, tao không chết, phim của mày đổ rồi!*”.

Tôi đi xuống đón Thuyết và nghĩ “*nếu phim này không thành công thì làm phim khác, nhưng một thằng bạn tốt như thế mà trời tha, để cho sống thì còn gì bằng*”.

Nhưng vài tháng sau, Thuyết qua đời ở Thủy Nguyên, Hải Phòng, quê anh. Trước khi chết, đêm nào anh cũng gào thét như điên dại. Vâng, chúng tôi theo đuổi nhân vật này hai năm, mở đầu là Thuyết và kết thúc vẫn trở lại Thuyết.

Rồi tôi nghe những câu chuyện về người bệnh phong đã bị rẻ rúng miệt thị, những ông bơm xe là thượng tá, trung tá đã tham gia chiến tranh và có công lao...

Cả đời tôi chưa bao giờ làm một bộ phim mỏng lung như bộ phim sau này gọi là “Chuyện Tử Tế”.

Để làm bộ phim này, anh em trong đoàn làm phim bảo nhau “*làm gì biết nấy*”. Anh Hồ Trí

Phổ tạm viết một kịch bản với cái tên là “Đi từ nỗi đau của con người” – nộp cho lãnh đạo hãng. Nó chỉ là một đề cương nói về tình yêu và sự bất hạnh, về thầy thuốc và bệnh nhân, về những người bị bệnh phong và các bà nữ tu – viết rất vô thưởng vô phạt để cấp trên yên tâm rằng chúng tôi đi làm một bộ phim tầm tầm...

Kịch bản đích thật là không có, nó chỉ dần hình thành trong đầu của đoàn làm phim. Đây không phải là tài giỏi gì, tôi khuyên các sinh viên đừng bao giờ làm như thế, đó chẳng qua thần linh nâng đỡ run rủi đưa đẩy tới mà thôi.

Chúng tôi nghĩ rằng trong phim này phải có một anh xích lô, có một tâm trạng hay gia cảnh gì đấy. Chúng tôi đi tìm một anh xích lô ở ga Hàng Cỏ. Giữa những người đạp xích lô đang đứng chờ khách, có một anh cao to đẹp trai, tóc xoăn, mặc quần jean rách. Mấy anh em trong đoàn bảo nhau chắc là nó cà chớn thế nào chứ trông thế này đâu phải dân đạp xích lô. Chúng tôi đến bên cạnh và hỏi:

- *Xin lỗi anh, anh có chở khách không?*
- *Có ạ, em đang chờ khách đây.*
- *Thế anh là dân xích lô chuyên nghiệp hay là...*
- *Em làm thật để kiếm sống, em nuôi các cháu và gia đình em chứ ạ.*
- *Thế anh có thể cho chúng tôi quay anh một đoạn được không?*



- *Em làm thật để kiếm sống, em nuôi các cháu và gia đình em chứ ạ.*

Lúc bấy giờ chúng tôi chỉ nghĩ đơn giản là đưa anh ta ra con đường trước công viên Thống Nhất quay cận cảnh, trung cảnh, toàn cảnh mà chưa có ý gì trong những cảnh đó cả. Nhưng khi đến trước cổng công viên thì trời đổ mưa, cả bọn kéo nhau vào quán uống nước chờ trời tạnh. Chúng tôi hỏi những câu xã giao, anh tên gì, những năm chiến tranh anh làm gì. Anh ta mới kể là chiến sĩ an ninh khu ủy khu 5 - mà tôi cũng ở trong khu 5. Lúc ấy vợ anh cũng vào và làm bác sĩ. Sau khi chiến tranh kết thúc, anh ta làm sĩ quan bảo vệ trong phái đoàn 4 bên ở trại Đa-vít.

Tôi sững người và nghĩ, một thằng ất ơ ngoài đường không hỏi thì thôi, hỏi ra lại là người

đã từng công cán như thế. Đây không phải chuyện đùa nữa rồi, tôi nói:

- *Thôi, anh em uống nước đi, đêm nay về nghĩ xem quay cái gì thì quay, viết gì thì viết chứ bây giờ mà quay ngay thì không biết quay cái gì.*

Cách làm bộ phim đó là... vừa đi vừa tìm, vừa làm vừa nghĩ mà không có cái gì trước cả. Khi quyết định mời Lê Văn Long quay phim chính - cũng chờ nắng chờ mưa như thế, tôi hỏi chuyện:

- *Quê cậu ở đâu?*

- *Quê em ở Thường Tín. Anh không biết chứ em mà về làng thì oai lắm. Làng em nghèo, toàn chăn vịt, trồng lúa, trồng khoai, làm lặt vặt thôi. Có mỗi em là quay phim...*



Cách làm bộ phim đó là... vừa đi vừa tìm, vừa làm vừa nghĩ mà không có cái gì trước cả
Sau đó về nhà cậu ấy chơi, cậu ấy mới kể:

- *Hồi bé em đi chăn vịt, có lần mệt quá nên em chui vào một cái lều em ngủ, thế là vịt sục vào ruộng ăn lúa của Hợp tác xã. Các bác ủy ban ghi vào lí lịch như thế nên em không thi được vào trường đại học nào cả. Em thi đại học nào cũng trượt vì lí lịch; về sau loạng quạng thế nào thi được vào trường điện ảnh. Bỗng dưng trở thành quay phim nên em oai nhất làng (lúc bấy giờ trường Điện ảnh mới là trung cấp).*

Từ hiện trường trở về, tôi vào ngay phòng nhân sự, bảo họ đưa lý lịch của Long. Quả nhiên trong lý lịch của Long, người ta có ghi như vậy!

Câu chuyện Long kể tưởng là chơi nhưng tôi thấy đau quá, vào thời điểm đó chủ nghĩa lý lịch vẫn còn vô cùng nặng nề. Vấn đề không chỉ là của cá nhân Long mà còn là của cả xã hội. Chủ nghĩa lý lịch đã kim hãm đất nước, ly tán lòng người.

Tại sao một chi tiết nhỏ như vậy mà làm người ta bị sốc? Vì nó đã đụng chạm đến những chuyện một thời đã làm tan nát đất nước này, mà nó cũng kì quặc nữa.

Sau đó Long kể chuyện ngày xưa ở trường Tô Hiệu huyện Thường Tín anh có học một thầy giáo dạy toán tên là Lê Văn Chiêu - một thầy giáo giỏi phải bỏ nghề dạy học đi bán rau. Một trí thức đi bán rau - đấy là không chỉ là chuyện của ông Lê Văn Chiêu mà của cái xã hội bạc đãi trí thức.

Đưa chúng tôi đến chợ đầu ô phía cuối đường Bạch Mai, Long chỉ một người bán rau và nói:

- *Đấy! Đấy là thầy giáo của em!*

Sau đó tôi nhờ Long đến nhà thầy Chiêu thưa chuyện, xin phép để được quay.

Thầy Chiêu bảo:

- Được rồi, khi nào các anh muốn quay thì báo trước. Tôi đi chợ về, tắm rửa sạch sẽ, thay quần áo, pha trà, nói chuyện để các anh quay phim.

Thuyết phục kiểu gì ông cũng không cho quay ở chợ.

Những cảnh trong phim trông đơn giản nhưng để quay được thì rất phức tạp, vì phải làm sao mà quay được khi ông không đồng ý.



- Đấy! Đấy là thầy giáo của em!

Cái gì tôi cảm thấy cần và có ích thì bằng mọi cách tôi sẽ làm bằng được. Tôi bảo với Long:

- Ngày kia sẽ quay nhưng em phải ở nhà, không được đến hiện trường.

Tôi nhờ một người quay phim khác, anh Nguyễn Trung Hiếu. Tôi bảo Hiếu giả vờ như quay cảnh du lịch, quay phong cảnh gì đấy, đứng quay lưng về phía ông Chiêu và ở tư thế có thể xoay người 360 độ. Đấy là tất cả những cảnh quay trộm. Sau này phim ra, tin đồn đến tai ông Chiêu, ông đã tìm đến Trường Đại học Bách khoa mua vé vào xem và mất ngủ mấy đêm liền. Ông đã gọi Long đến và nói:

- Tôi rất buồn vì người ta nói các anh đã quay phim tôi. Tôi không muốn bêu riếu chế độ. Nhưng rồi nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy các anh chẳng nói điều gì sai đâu.

Đụng vào phim nhựa, là đụng vào chuyện điều hành xe cộ máy móc, phương tiện thu thanh; vậy mà chúng tôi cứ tha lời đồ đạc lĩnh kính trên đường với ý định không rõ ràng, nhân vật không cụ thể. Đó là một điều kỳ quặc, không ai làm như thế cả.

Khi nằm ở bệnh viện Bạch Mai tôi viết được khá nhiều, hầu như trong 10 ngày nằm viện chờ kết quả thử máu, chiếu chụp..., tôi đã viết xong lời bình tương đối ưng ý. Tôi xin ra viện vì tôi khỏe rồi.

Bác sĩ cười và bảo: *“Ông đang trong thời kỳ xét nghiệm chứ đã uống viên thuốc nào đâu, đã chữa chạy gì đâu!”*.

Quả thực là viết xong lời bình, tôi cảm thấy khỏe. Lúc đó sổ khám bệnh của tôi đăng ký ở bệnh viện Việt-Xô, bệnh viện dành cho cán bộ cao cấp. Ở đó được ưu ái hơn, một phòng nhiều nhất chỉ có 3, 4 giường và được phục vụ chu đáo chứ không ồn ào nhếch nhác như bệnh viện Bạch Mai – một bệnh viện, thời đó của thập loại chúng sinh. Phòng bệnh tôi nằm rộng như cái hội trường, có đến mấy chục giường, người bán hàng vào tận nơi rao: *“ai xôi đây!”*, *“ai nước đây!”*...

Lý do quan trọng nhất để tôi viết lời bình trong bệnh viện Bạch Mai lại chính là thế. Nằm ở đây tôi mới thấu hiểu ra rằng ở trên đời này không ai tự mình đại dốt bỏ cái sự sang trọng, cái đầy đủ, cái quyền thế của mình để lựa chọn cuộc sống như của người thường.

Ở đoạn cuối phim, tôi có viết rằng:

“Trải qua một thời gian dài, rất dài, chúng tôi mới chiêm nghiệm ra rằng: Để thấu hiểu nỗi đau của con người không phải là một việc dễ dàng gì.

Vâng! Không thể là một việc dễ dàng gì, nhất là khi ta không sống cuộc sống của người đời.

Chỉ có sống cuộc sống của người đời, chia sẻ những nỗi buồn và niềm vui của người đời, thì may ra mới tìm được, hiểu được, nghĩ được và làm đúng được đôi điều.

Nhưng, cũng như chúng tôi, ít có mấy ai lại lăm cấm từ chối một cuộc sống đầy đủ hơn, quyền thế hơn để sống cuộc sống như mọi người – Cái nghịch lý là ở chỗ đó và cuối cùng, dù nhọc lòng, mất công, những điều chúng tôi, những người làm phim biết được chỉ bằng giọt nước, còn những điều chưa biết lại là biển cả”.

Hình ảnh trên phim lúc bấy giờ là cảnh chúng tôi ngồi trên xe ô tô, nhai kẹo cao su, hút thuốc lá, còn người dân thì khổ sở lay lắt ở trên đường, người đẩy xe bò, người gồng gánh. Hình ảnh ấy đi với lời bình ấy.

Nhiều người nhận xét, kể cả Dean và Michael, đây là bộ phim mà chúng tôi tự mang thân xác mình ra để giễu cợt. Ngay từ đầu phim đã thế, khi bị người chủ lò gạch xua đuổi thì chúng tôi bảo: *“Ừ, nghề của chúng tôi cũng chỉ là nghề hèn, nghề mọn. Hèn vì nghĩ nhiều mà không dám nói ra, mọn vì cái làm ra thì không mấy ai cần đến”*.

Cho đến thời điểm 1985, hình như chưa có một bộ phim nào, buổi diễn, bài báo nào công bằng với những người Kitô, tức là nói đến những mặt tích cực của họ khi họ đóng góp trí tuệ,

công sức, tình cảm và thậm chí cuộc đời của mình để cứu rỗi con người, lo cho con người.

Phải nói rằng tuyệt đại đa số họ là những người tử tế, biết thương người, biết trọng chữ tín, thật thà, không biết dối trá.

Vào thời điểm làm bộ phim này, khi chứng kiến những nữ tu tận tình chăm sóc người bệnh phong ở trại phong Qui Hòa, tôi rất xúc động. Mấy năm đó, một loạt trại phong trại hủi vẫn là những chỗ chữa bệnh từ thiện. Những cán bộ nhà nước vào làm việc ở đây phần nhiều là bất đắc dĩ. May mắn là ông giám đốc trại phong Qui Hòa vào thời điểm quay bộ phim “Chuyện Tử Tế” nay vẫn còn sống, ông tên là Trần Hữu Ngoạn, nhà ở ngay đầu chợ Bưởi, gần nhà tôi. Ông như một ông thánh vậy, tốt bụng đến lạ lùng. Ông chính là hiện thân của một người tử tế. Nhờ ông, chúng tôi mới được vào trại phong Qui Hòa để quay phim, được chứng kiến đời sống thật của các nữ tu. Trong phòng của các bà sơ không có bất kỳ cái gì ngoài cái giường, bề rộng 80cm bề dài 1m8, và một bộ quần áo tu treo trên cái đinh.

Và họ sống bất hợp pháp!

Không có hộ khẩu, họ trốn chui trốn lủi từ một nhà thờ nào đó đến trại từ thiện để được phục vụ những người mắc bệnh phong!



...họ trốn chui trốn lủi từ một nhà thờ nào đó đến trại từ thiện để được phục vụ những người mắc bệnh phong!

Họ phải làm vụng trộm vì không được phép.

Khi còn làm thủ tướng, ông Phan Văn Khải đã từng nói chuyện với những người có chức quyền của giáo hội rằng, trong cộng đồng giáo dân, tệ nạn xã hội ít hơn so với bên ngoài. Ít nghiện ngập, trộm cắp, chup giật, lừa đảo hơn vì con người ta biết sợ dù rằng cái sợ cũng chỉ là vu vơ, không thể giải thích tường tận được. Một xã hội gồm những con người vô đạo, không biết sợ cái gì, không biết tin vào cái gì là một xã hội cực kỳ nguy hiểm.

Trước khi làm bộ phim này, tôi phải đọc khá nhiều.

Napoléon, một con người tiếng tăm lẫy lừng về mặt dùng vũ lực để cai trị thiên hạ nhưng ông cũng là người cho soạn thảo bộ luật dân sự mà bây giờ trở thành nền tảng của luật pháp các nước châu Âu và có thể nói chừng mực nào đó, châu Âu đẻ ra nước Mỹ và nước Mỹ đã thừa

hưởng cái tinh thần những bộ luật dân sự của Napoléon.

Có sức mạnh quân sự rồi, có luật pháp rồi, thế là đủ để cầm quyền?

Không!

Ông vẫn cảm thấy con người sống không yên.

Đến cuối đời Napoléon đã phải thốt lên rằng “*Một dân tộc phi tôn giáo thì chỉ có cai trị bằng súng đạn*”.

Mà cai trị bằng súng đạn có nghĩa là không yên! Qua đó có thể thấy vai trò của tôn giáo quan trọng đến chừng nào.

Bộ phim làm xong thì vẫn để đấy, tuyệt đối không đưa cho bất kỳ ai xem, và phải bịa ra lý do để che giấu đi, trì hoãn việc lãnh đạo hãng nghiệm thu như thường lệ...

Thế rồi cuối năm 1987 bộ phim “Chuyện Tử Tế” ra mắt.

Mọi người đều nói ầm lên đấy là ý kiến của Tổng bí thư, không một hội đồng duyệt nào dám ho he.

Tiếp đó bộ phim được chiếu rộng rãi, trong Nam ngoài Bắc. Đến lượt “Hà Nội Trong Mắt Ai” “ăn theo”, cũng được chiếu lại và cũng là lần đầu tiên trong lịch sử phim ảnh Việt Nam có chuyện chiếu phim tài liệu mà bán vé lấy tiền.

Đến tháng 3 năm 1988 tại Liên hoan phim Quốc gia Đà Nẵng, “Hà Nội Trong Mắt Ai” được giải vàng đặc biệt, giải biên kịch xuất sắc, đạo diễn xuất sắc và quay phim xuất sắc.

Nhưng “Chuyện Tử Tế” bắt đầu bị lơ đi.

Qua một bài báo của Matthias Weile, phóng viên thường trú tại Hà Nội của hãng ADN (Cộng hòa Dân chủ Đức) được tung lên các tờ báo của Đông Đức, rồi lan sang các nước khác. Khi đến Việt Nam tham gia Liên hoan phim Quốc gia tháng 3 năm 1988 tại Đà Nẵng, hầu hết các đoàn đại biểu quốc tế đã biết có một bộ phim như thế. Đọc chương trình cũng thấy có phim “Chuyện Tử Tế” nhưng cuối cùng họ không được xem.

Trong đoàn đại biểu quốc tế có một nhân vật rất quan trọng, đó là Santiago Anvares, đạo diễn nổi tiếng thế giới, người Cuba. Ông là người rất có công với Việt Nam, đã từng làm 13, 14 bộ phim về Việt Nam trong thời điểm chiến tranh hoặc làm về chân dung Hồ Chí Minh. Ông được coi là một người rất thân thiết và có uy tín đối với Việt Nam. Ông cũng bảo “*Rất lạ là*

trong chương trình thì có bộ phim ‘Chuyện Tử Tế’, thế mà chúng tôi không được xem. Các điểm chiếu phim của Đà Nẵng, nơi diễn ra Liên hoan phim lẽ ra phải chiếu phim cho nhân dân xem nhưng không có chỗ nào chiếu phim đó cả. Thế thì nên cho chúng tôi xem”.

Vậy mà Ban tổ chức cứ lơ đi và trả lời theo cách mập mờ. Nhưng ông Anvares đòi xem và nhiều đoàn đại biểu khác như Ba Lan, Nga, Cộng hòa Dân chủ Đức cũng đòi xem.

Lúc bấy giờ tôi vừa nhận giải về “Hà Nội Trong Mắt Ai” và đang cùng bạn bè vui vẻ, tôi không có quyền gì để đòi hỏi rằng trong chương trình có “Chuyện Tử Tế” thì phải chiếu “Chuyện Tử Tế”. Nói thực lòng, không biết đến bao giờ người sáng tác của Việt Nam mới có được quyền đó. Chiếu hay không là do Ban tổ chức, nhưng họ làm theo lệnh của cấp trên là lảng tránh và lơ nó đi.

Mặc dù ngay từ tháng 10 năm 1987, ông Nguyễn Văn Linh đã bật đèn xanh và đến tháng 3 năm 1988, “Chuyện Tử Tế” đã chiếu nát từ Bắc chí Nam rồi nhưng vào thời điểm ấy họ không muốn chiếu nữa. Đặc biệt họ không muốn bộ phim ấy xuất hiện trong một Liên hoan phim có sự hiện diện của nhiều đại biểu quốc tế.

Hồi đó các đoàn đại biểu như Ba Lan, Nga, Nhật Bản đều muốn bộ phim này đi ra nước ngoài và đến với Liên hoan phim của họ. Đặc biệt có hai đại biểu thay mặt Liên hoan phim Quốc tế Leipzig thì tha thiết hơn và nói thẳng rằng: *“Liên hoan phim Leipzig đã từng là ngõ ra của tất cả các phim ảnh tài liệu Việt Nam trong thời kỳ chiến tranh. Chúng tôi đã ủng hộ bao nhiêu giải cho miền Nam, miền Bắc Việt Nam, để quảng bá hình ảnh chiến đấu Việt Nam, cuộc chiến tranh giải phóng của Việt Nam. Có lẽ gì, một bộ phim, theo chúng tôi được biết, đã chiếu ở Việt Nam mấy tháng trời mà bây giờ chúng tôi chỉ cần xem lại cũng không được. Điều đó thật vô lý.”*

Cuối cùng uy tín của ông Santiago Anvares và sự đòi hỏi tha thiết của nhiều đoàn đại biểu quốc tế đã khiến Ban tổ chức phải chấp nhận đưa phim đó ra, nhưng chỉ chiếu riêng cho các đoàn đại biểu quốc tế xem chứ không chiếu cho công chúng!

Buổi chiếu đó như cái gì đó vỡ òa, nhiều đại biểu quốc tế đã nói:

“Đây mới là cái cần xem, đây mới là cái quan trọng, nếu không được xem bộ phim này thì chẳng đến Festival này làm gì”.

Tất cả mọi người đều cổ vũ vô cùng nhiệt thành. Trong đoàn đại biểu quốc tế có hai người, một nam một nữ đến từ Cộng hòa Dân chủ Đức đại diện cho Liên hoan phim Quốc tế Leipzig. Công an cũng gây khó dễ với họ và can dự vào việc tiếp xúc của họ với mọi người.

MƯỜI LĂM

- Anh chú ý nghe này, 3 giờ chiều chủ nhật này, trên đường Bách Thảo, một cái xe ô tô màu trắng mang biển số ngoại giao đỗ bên phải đường, cốp đằng sau xe mở, tôi đứng trên hè quay lưng lại hút thuốc. Bằng mọi cách anh ném cái thùng phim vào trong cốp xe và đừng để ai trông thấy. Xong rồi anh biến đi, mọi việc để đấy tôi...

Các đoàn đại biểu rất mong bộ phim “Chuyện Tử Tế” đến Liên hoan phim của họ, nhưng bộ phim bị giấu đi. Người ta cố gắng im đi sao cho thật khéo, thật gọn.

Tôi chẳng có quyền gì về việc này, mặc dù bộ phim đó đã được nhà nước làm ra mấy chục bản gửi đi mấy chục tỉnh thành, cho công chiếu từ Bắc chí Nam nhưng lại có một cái lệnh rất quái gở là không cho nó xuất ngoại. Họ cũng không cho tôi được gặp gỡ, tiếp xúc với các đoàn đại biểu. Công an luôn luôn theo dõi. Thời kỳ đó nghiêm ngặt không từ gì có thể tả nổi. Nhiều khi chẳng phải suy xét gì nhiều, chẳng cần một hội đồng để tham vấn cân nhắc để đi đến kết luận cuối cùng; lệnh của cấp trên chỉ là một ông nào đấy cầm điện thoại lên là xong.

Các đoàn đại biểu quốc tế rất bức xúc. Đoàn Đông Đức đòi hỏi gắt gao bằng cách nào để bộ phim ấy tới được Leipzig. Tại sao họ khát khao như thế? Lúc đầu tôi tưởng họ thấy một tác phẩm khác lạ hay có một điều gì đấy mà họ tìm kiếm được sự đồng cảm hay chia sẻ. Hai năm sau tôi mới hiểu.

Khi đó đoàn đại biểu của Liên hoan phim Leipzig xin phép Ban tổ chức cho tôi ra bờ sông Hàn với một một cô gái Đức trong đoàn để chụp ảnh. Ban tổ chức không muốn có sự tiếp xúc nhưng họ bàn với nhau là ông Thủy chỉ biết tiếng Nga thôi vì học ở Nga về, cũng biết một chút ít tiếng Pháp còn đoàn của Đức lại chỉ biết tiếng Đức nên ra bờ sông Hàn để chụp ảnh cũng không có gì “đáng ngại” lắm. Về ngôn ngữ mà nói, không thể đàm thoại với nhau một chuyện gì mang tính chất như kế hoạch hay âm mưu gì cả, nên tôi đã được ra bờ sông Hàn để chụp ảnh với cô gái đó.

Nhưng đến bây giờ tôi phải nói thật là đám công an theo dõi và Ban tổ chức cũng không biết cô này là người Nga và càng không biết cô này là bạn học của tôi thời kỳ học ở Nga. Cô học ở trường Điện ảnh Quốc gia toàn Liên bang, khoa Kinh tế Chủ nhiệm. Sau khi tốt nghiệp, cô lấy lấy chồng người Đông Đức, và người chồng cũng học cùng với tôi.

Sau khi cưới, cô ấy theo chồng về sống ở Đức. Hai vợ chồng làm việc ở bộ phận điện ảnh trong Ban tổ chức của Liên hoan phim Quốc tế Leipzig và cô ấy từ Đức sang Việt Nam với tư cách đại diện cho Liên hoan phim Leipzig. Ai cũng nghĩ cô ấy là người Đức.

Đúng là loài “Thủy quái”. Hắn không làm phim truyện mà chuyện gì của hắn cũng như... phim!

Khi ra đến bờ sông Hàn, cô ấy đã nói với tôi tất cả những điều cần nói:

- Trời ơi, tôi không thể tưởng tượng được, bằng ấy năm đã qua đi kể từ khi chúng ta chia tay ở trường Điện ảnh Quốc gia toàn Liên bang, giờ mới gặp lại và thấy bạn làm được một bộ phim như thế, trước đó bạn còn bao nhiêu phim nữa. Tôi thực sự vô cùng cảm động. Tôi không biết nếu ông Roman Karmen còn sống và xem bộ phim này thì ông nghĩ gì? Tôi chỉ nói ngắn gọn rằng chúng ta không có nhiều thì giờ và người ta không cho chúng ta được gặp gỡ, được nói chuyện thoải mái cho nên tôi chỉ nói vắn tắt là chúng tôi đã hội ý trong đoàn là bằng mọi cách bộ phim này phải có mặt ở Leipzig.

Tôi trả lời:

- Vậy thì tốt quá, tôi rất cảm ơn.

Nhưng để chuyển một bộ phim nhựa 35mm gồm 5 cuộn phim, mỗi cuộn 300m, nặng 2,3 kg cùng với một hộp sắt; 5 cái hộp đó lại để trong một cái thùng sắt nữa tức là khoảng 20kg, thật không dễ dàng.

Vấn đề đầu tiên là làm sao để có được bản phim ấy!

Trên nguyên tắc, một bản phim đưa đi Liên hoan phim Quốc tế phải là bản phim chưa qua lửa tức là chưa chiếu lần nào và không bị xước. Thứ hai là thủ tục hải quan giải quyết thế nào? Giấy phép ở đâu ra? Đây là những chuyện không thể tưởng tượng được.

Tôi nói với cô gái:

- Tôi cảm ơn lòng tốt của các bạn. Tôi đã đến Leipzig nhiều lần rồi và bộ phim đầu đời của tôi đã đoạt giải ở đấy. Một nơi đầy kỷ niệm. Bộ phim “Phản Bội” 1980 cũng chiếu ở đấy, tôi cũng rất muốn bộ phim này có mặt ở đó nhưng người ta không cho nó xuất ngoại. Chỉ chiếu cho các bạn xem mà đã khó khăn thế nào thì bạn biết đấy.

Cô gái bảo: “Không, tôi chỉ nói ngắn gọn với bạn là bằng mọi cách bạn phải làm được một việc là có trong tay bản phim đó còn bằng cách nào thì tôi không biết, tôi không thể khuyên và bàn cách với bạn. Còn việc chuyển bản phim ấy đi thế nào, thì bạn liên lạc với Rugerd – tùy viên văn hóa sứ quán Đông Đức tại Hà Nội. Anh ấy sẽ lo việc chuyển bộ phim đấy đi”.

Tôi nói: “Tôi cảm ơn bạn, cho tôi gửi lời chào thân ái tới chồng bạn và bảo rằng Thủy nó vẫn làm việc. Có dịp nào qua bên đó tôi sẽ gặp hai bạn chứ tại đây chúng ta nói chuyện dài không tiện, thứ hai nữa là tôi chẳng hứa được điều gì, tất nhiên tôi sẽ cố gắng bằng mọi cách để làm theo hướng dẫn của bạn và mặc dù tôi biết đấy là điều cực kỳ khó khăn”.

Một tỷ câu hỏi trong đầu tôi. Lấy bản phim ở đâu? Liên lạc với Rugerd và chuyển bản phim đó đi như thế nào? Không sớm thì muộn người ta cũng biết rằng tôi là thủ phạm của việc để bộ phim đó ra nước ngoài. Hơn nữa chắc gì đã được giải, như bài báo đó nói “256 phim từ 40 nước trên thế giới”. 256 phim một giải vàng, hai giải bạc. Xác suất tôi đoạt giải là bao nhiêu?

Được giải hay không được giải, hoàn toàn không phải ở cái danh. Vấn đề ở chỗ khắc nghiệt hơn nhiều: Nếu phim không được giải thì tôi đi tù! Điều đấy là chắc chắn. Sau gót chân tôi là vực thẳm. Một chuyện cực kỳ phiêu lưu ở đất nước này.

Vào tháng 3 năm 1988, nhân kết thúc Liên hoan phim Đà Nẵng, anh em rủ nhau đi xuyên Việt vào miền Trung, miền Nam, rồi vào Sài Gòn. Chúng tôi đi khắp các địa phương có thắng cảnh, có bạn hữu, có khán giả yêu mến phim ảnh để chiếu cho người ta xem, để tâm sự, tiếp xúc với khán giả, để hiểu hơn cuộc sống của đồng bào. Trong chuyến đi ấy, đầu óc tôi cứ rối bời với ý nghĩ bằng cách nào để có thể kiếm được một bản phim. Cuối cùng cũng chẳng làm được điều gì hơn là về Hà Nội.

Đến giữa năm 1988, tôi nghĩ rằng phải trở lại Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long thăm anh em, bạn bè. Nói gì thì nói, dân miền Nam rất chịu chơi, không hèn, không so đo vặt vãnh. Nhớ lại, có lần tôi cùng Lưu Hà quay phim ở Mỏ Cày, đi thuyền trên sông, mấy cậu tự vệ vác súng chạy theo trên bờ và bắn bùm! bùm! bắt phải quay mũi thuyền và lên bờ. Chúng tôi đành phải làm theo lệnh. Họ bảo “vô đây” rồi “áp giải” chúng tôi vào một cái lều. Thì ra bọn họ đang uống rượu, và chúng tôi phải theo lệnh: “Dzô! Nhậu!”.

Theo lệnh của Tổng bí thư, “Chuyện Tử Tế” và “Hà Nội Trong Mắt Ai” được chiếu rộng rãi cho nên bản phim nằm ở kho phim của tất cả các tỉnh.

Vào giữa năm 1988 tôi đi bằng xe lửa vào Nam. Không mua được vé ở ga, tôi lên tàu nói với người trưởng toa là cho mua vé. Nhưng mua vé xong thì không có chỗ, chỗ nằm không mà chỗ ngồi cũng không. Thế là người ta cạo sạch một cái toilet rồi bắc một tấm ván cho tôi qua đêm. Cái toa lét hẹp, nằm gác chân lên cửa sổ thì bị cành cây quật vào đầu gối, co chân lại một lúc thì mỏi. Rồi mùi chua loét từ toa ăn phả ra; cánh cửa không chốt vào được mà cũng không mở hẳn được ra, cứ bập bình bập bình hắt ánh sáng vào mặt. Đến 2 giờ sáng, có một người đứng ở ngoài, nhìn chăm chăm vào tôi đang nằm co ro và hỏi:

- Anh có phải là anh Thủy không?

Tôi chột dạ. Những người bị theo dõi đều có sự ám ảnh kinh hoàng. Tôi nghĩ bụng “sao nó lại biết được?” Tôi bảo:

- Ờ, thế anh hỏi làm gì nhỉ?

Tôi không dám nhận và không dám chối vì không biết người này là thế nào. Anh ta nói:

- Đúng mà, tuần trước anh đến nói chuyện ở Câu lạc bộ Đường sắt, chiếu phim và nói chuyện

cho anh em nghe, hôm đấy em cũng đến dự. Các anh lãnh đạo Tổng Cục đang đi trên đoàn tàu này, các anh ấy đi kiểm tra. Mà tại sao anh lại nằm khổ thế này, để em lên báo cáo với các anh ấy.

Mấy ông xồng xộc chạy xuống...

Sau đó tôi được đưa lên toa trên. Cơm bụng nước rót...

Tàu xập xình về đến Sài Gòn và các ông ấy giao tôi cho anh em Đường sắt: “Đưa anh Thủy đến nhà khách của Tổng Cục, lo ăn nghỉ tử tế những ngày anh ở đây, xong việc thì chở anh ấy ra - đây là thượng khách của Tổng Cục”.

Trong những ngày ở miền Nam, nhờ sự giúp đỡ của một người bạn chịu chơi, tôi đã có bản phim. Đây là bản phim tốt nhất, chưa chiếu lần nào. Giờ đây tôi vẫn chưa thể công khai nói người bạn đó là ai.

Nhân đây cho tôi gửi bức thư ngỏ tới người bạn thân thiết năm xưa.

“Bạn T. thân,

Vậy là đúng một phần tư thế kỷ qua đi, từ năm 1988, khi đó vì quý tôi và hồn nhiên tin tôi, bạn đã tìm bằng được một bản phim “Chuyện Tử Tế” tốt nhất, kín đáo trao cho tôi để tôi chuyển đi Leipzig cuối năm đó. Tôi muốn ngàn lần cảm ơn bạn, tôi muốn thay mặt hàng triệu khán giả truyền hình, các Liên hoan phim, hội thảo, các Đại học Quốc tế cảm ơn bạn. Tôi không (hay chưa) được kêu tên bạn trong bức thư ngỏ này vì e rằng có những phiền lụy trên trời rơi xuống đầu bạn. Cuộc đời bạn lận đận đã đủ rồi. Tận tình và trong sáng, yêu nghề và yêu người đủ rồi. Bạn đã liều lĩnh giúp tôi một việc nguy hiểm nhưng vô cùng quan trọng, có ích cho cộng đồng, cho đất nước chúng ta mà không chờ đợi một lợi lộc gì. Cũng cho phép tôi tâm sự với bạn rằng, vì tình riêng với nhau bạn đã lượng thứ cho tôi nhiều điều, bạn cũng biết rằng nếu “Chuyện Tử Tế” không được giải, tôi khó trở về nước, về nước tôi ngồi tù. Phim được giải tôi chẳng nhận được gì. Tôi phải lo chạy trốn. Phim bán bản quyền tứ xứ, tôi không được nhận xu nào. Ngẫm ra đó chỉ là cuộc chơi, cuộc chơi kỳ diệu của chúng ta như có thần linh dẫn dắt che chở, phải không? Có thể nói không quá đáng rằng đó là cuộc chơi của những người tử vì đạo, đạo làm nghề.

Bạn thân mến, thời gian thấm thoát trôi đi và chúng ta đã về già rồi, phải không, nhưng tôi vẫn nhớ bạn, gia đình bạn với tấm lòng tha thiết, với lời cầu chúc bằng an tụt đáy lòng...

Và như vậy, nếu bạn đọc cuốn sách này, phần nói về “Chuyện Tử Tế” bay đi Leipzig, bạn sẽ thấy rằng người phải cảm ơn bạn không chỉ có Trần Văn Thủy...”

Anh em đi làm phim nhựa bao giờ cũng có một cái thùng sắt để đồ đạc, tiền bạc. Tôi cất phim vào thùng rồi lên tàu ra Bắc.

Cầm trong tay bản phim rồi tôi mới nghĩ đến chuyện làm sao để nó đến được Leipzig. Nói thật lòng, cho đến bây giờ những anh em tham gia làm phim với tôi cũng không ai biết nó đã “vượt biên” như thế nào, đến như Lê Văn Long, quay phim, còn đoán là tôi mượn bản phim này của Việt kiều.

Công an theo dõi từng bước đi, từng mối quan hệ của tôi. Không ai dám làm những việc phiêu lưu như thế này. Thời kỳ đó một băng cát sét mang qua biên giới cũng phải có giấy phép.

Tôi không tìm kiếm gì cho bản thân mình, tôi làm việc này không phải để lợi lộc, để nổi tiếng, để có tiền. Cái chính là tôi thấy nó phải như thế, nó có ích cho đất nước này. Khi làm phim không bao giờ tôi nghĩ đến để được thưởng, được lên lương, hay được đề bạt, tôi chỉ làm cho thỏa lòng mình. Nhiều người nghĩ rằng tôi nói như thế là đạo đức giả.

Hôm vừa rồi có một đạo diễn trẻ người Mỹ đến hãng phim của tôi nói chuyện với giám đốc hãng phim. Giám đốc hãng phim hỏi: *“Khi bắt đầu làm một bộ phim, với anh điều gì là quan trọng nhất? Người xem, tiền bạc, tiếng tăm, danh vọng?”* Cậu đạo diễn nói: *“Tất cả đều cần.”*

Còn tôi khi bắt đầu làm phim, tôi chỉ muốn biết một điều duy nhất: Người đời xem có sướng không? Chưa bao giờ tôi làm phim xong để cấp trên bằng lòng, để đúng đường lối, để được thưởng hay được tặng danh hiệu gì đó. Tuyệt đối tôi không nghĩ đến điều đó – tôi nói điều này trước bàn thờ gia tiên. Tôi ăn ở thế nào thì trời lại cho tôi thế đó thôi.

Hồi đó tôi ở 52 Hàng Bún. Nhà tôi lúc nào cũng có công an gác 2 phía là phố Hàng Bún và ngõ Yên Ninh.

Tôi đến một máy điện thoại lạ, quay vào số của Rugerd. Tôi không biết tiếng Đức nhưng may là anh ta thông thạo tiếng Việt.

- Rugerd à, khỏe không?

- Thủy đấy à, khỏe lắm!

- Buồn quá, lâu ngày không gặp nhau, muốn ra ngoài để xả stress một tý hoặc ngồi đâu với nhau để thư giãn một tý, hay đi uống café đi.

- Ừ, đi uống café.

Thời kỳ đó đi với một người nước ngoài cũng đã có vấn đề, đã là mạo hiểm rồi. Chúng tôi ngồi ở chỗ vắng vẻ uống café với nhau trên phố Bà Triệu. Đây là quán của họa sĩ Ngọc Linh, cũng làm việc trong ngành Điện ảnh. Ngồi uống nước, nói chuyện và quan sát một lúc, thấy

bình thường, tôi nói:

- Có bản phim rồi.

-Ồ, tuyệt vời.

- Tôi chỉ muốn báo với anh như thế thôi còn làm cái gì tiếp theo thì theo lời của mấy người ở

Liên hoan phim Leipzig là do anh quyết định.

- Cứ yên tâm, người Đức chúng tôi không biết có tài giỏi gì không nhưng làm việc cực kỳ chính xác.

- Hôm sau đi uống café thì tôi sẽ nói với anh cụ thể là nên như thế nào.

Một buổi khác, lại đi uống café, lại ngồi nói chuyện trên trời dưới đất rồi nhìn ngang nhìn ngửa xem có ai theo dõi.

- Anh chú ý nghe này, 3 giờ chiều chủ nhật này, trên đường Bách Thảo, một cái xe ô tô màu trắng mang biển ngoại giao đỗ bên phải đường, cốp đằng sau xe mở, tôi đứng trên hè quay lưng lại hút thuốc. Bằng mọi cách anh ném cái thùng phim vào trong cốp xe và đừng để ai trông thấy. Xong rồi anh biến đi, mọi việc để đấy tôi.

Cứ như chuyện trinh thám vậy. Tôi ngồi xe máy Honda 82 từ Hàng Bún lên. Thùng phim đặt đằng sau không buộc. Xe qua cổng đỏ Phủ Chủ tịch. Đường Bách Thảo 3 giờ chiều chủ nhật rất vắng. Xa xa một chiếc xe hơi màu trắng đỗ bên đường, cốp đằng sau mở, một người đứng trên hè quay lưng lại, có vẻ như đang hút thuốc.

Khi đến gần chừng 15-20m, thấy một vài người từ dốc Ngọc Hà đi ngược lại tôi bèn rẽ ga phóng thẳng đi. Đến chỗ rẽ xuống dốc Ngọc Hà tôi vòng xe trở lại và quan sát, thấy đường vắng tanh. Tôi đi với tốc độ đều đều, tay phải giữ ga, tay trái - tôi vốn thuận tay trái - ném cái thùng nặng trĩu vào trong cốp xe.

...Trần Văn Thủy chỉ làm phim tài liệu, nhưng những tình huống oái oăm xảy ra khi quay và số phận chìm nổi của nó sau khi ra đời lại có thể là kịch bản của một cuốn phim truyện dài dạn.

Những bộ “phim truyện” này nếu thực hiện cũng sẽ có mở có thắt, có cao trào có bùng nổ, ly kỳ y hệt “cinema” thứ thiệt, hơn nữa nó còn đặc biệt ở chỗ không cần hư cấu, vì những chuyện thực, người thực, việc thực xảy ra như chỉ có trong những trí tưởng tượng phong phú nhất, mà chuyện này chỉ là một thí dụ.

...Từ đó đến nay, tôi không biết bản phim đó đã đi như thế nào, qua đường ngoại giao hay gì đó.

Trong khi đó, nội bộ những người quản lý lãnh đạo văn hóa văn nghệ đang bàn lên bàn xuống về chuyện đưa hay không đưa bộ phim này đi. Rất nhiều ý kiến ủng hộ việc đưa đi.

Ngày 24-8-1988, một cuộc họp diễn ra ở 49 Phan Đình Phùng có ông Nguyễn Văn Hạnh - Phó Ban Văn hóa Văn nghệ, (tức phó của ông Trần Độ) và ông Văn Phác - Bộ trưởng Bộ Văn hóa. Không biết làm sao hôm đó tôi cũng được dự. Ông Nguyễn Văn Hạnh viết gì đó vào một mẫu giấy rồi đẩy đến trước mặt ông Văn Phác. Ông Văn Phác viết mấy chữ và đẩy lại cho ông Hạnh. Ông Hạnh đọc rồi đẩy đến trước mặt tôi và nói: “*Đấy, đã OK rồi, Thủy yên tâm đi*”.

Tôi đọc lướt mẫu giấy:

- Anh V. Phác, tôi tha thiết đề nghị anh cho phim “*Chuyện Tử Tế*” đi liên hoan ở CHDC Đức.
- Đã giải quyết rồi.

Theo phép lịch sự, đọc xong tôi sẽ cảm ơn và trả lại mẫu giấy, nhưng tôi gấp nó lại bỏ vào túi để phòng thân.

Sau này, trong nhiều lúc bị truy bức, cật vấn xung quanh chuyện này, tôi lại phải giở mảnh giấy ra. Đó là chữ viết tay của các ông ấy chứ không phải chữ đánh máy.

Phim thì tôi không mang đi. Họ cứ bàn việc đồng ý hay không đồng ý đưa đi, sửa hay không sửa. Cho đến sát tháng 11 năm 1988...

MƯỜI SÁU

Tôi phải làm vậy vì không muốn bị người ta trùm chần đánh chết. Nếu đạo đó tôi hèn và để bị chèn ép đến mức không ai được xem bộ phim đó thì tôi đã chết rồi.

Trong 256 phim dự thi ở Leipzig 11-1988 (như báo đã đăng) thì liệu khả năng cuốn phim của tôi được giải là bao nhiêu phần trăm? Nếu nó không được giải thì tôi đành phải sống lưu vong, kiếm một cái quán ăn nào đó mà rửa bát cho đến bây giờ...

Trước đây việc đi nước ngoài khó khăn lắm, ngay đến các chuyến đi thuần túy vì công việc vì nghề nghiệp cũng không đơn giản như bây giờ. Nhiều khi Liên hoan phim, hội thảo này họ mời người này thì cấp trên thay bằng người khác, chẳng có liên quan gì đến công việc. Vì vậy mới có chuyện trong giấy mời đích danh Trần Văn Thủy (Sehr geehrter Genosse Tran Van Thuy) có ghi rõ lời mời chỉ hợp lệ với một người và không thể chuyển nhượng (Diese Einladung gilt nur für eine Person und ist nicht übertragbar)

Người Đức hết sức rõ ràng, họ hiểu hoàn cảnh của tôi, hiểu việc “Chuyện Tử Tế” tới Leipzig là rất phiêu lưu khi hai đại diện của họ đã chứng kiến sự kiện linh xình xung quanh chuyện chiếu hay không chiếu “Chuyện Tử Tế” ở Đà Nẵng tháng 3 năm 1988. Điều đáng chú ý là Liên hoan phim diễn ra vào cuối 11-1988 mà giấy mời họ gửi từ 10-6-1988. Họ hiểu khá rõ thủ tục hành chính ở cái xứ này.

Sát ngày lên đường tôi được mời lên họp để phổ biến quyết định của cấp trên. Cuộc họp gồm có Cục phó Cục Điện ảnh Bùi Đình Hạc, thời kỳ đó Cục này gọi là Liên hiệp Điện ảnh, ông Cao Nghị - Cục phó phụ trách tài chính, ngoài ra còn người phụ trách đối ngoại, người bên an ninh và một số người nữa. Ông Bùi Đình Hạc thay mặt lãnh đạo nói rằng:

- Chúng ta đã nhận được lời mời của Liên hoan phim Quốc tế Leipzig, cấp trên quyết định đồng ý cử anh Thủy đi. Để cho nó trọn vẹn công việc và có trách nhiệm, anh Cao Nghị sẽ làm trưởng đoàn. Anh Nghị sẽ có trách nhiệm quan sát, lo lắng, đôn đốc để làm tốt nhiệm vụ. Tức là cử hai người đi, nhưng tuyệt đối không cho bộ phim đi. Nếu để xảy ra chuyện gì, và nếu để xảy ra “Chuyện Tử Tế” có mặt tại Leipzig và chiếu ở Leipzig thì các anh, mà trước tiên là anh Cao Nghị sẽ phải chịu trách nhiệm...

Thời kỳ đó người đi nước ngoài thường được dặn dò kỹ lưỡng những điều đại loại như thế. Một trong những người có mặt trong cuộc họp hôm đó là anh Nguyễn Văn Tình, làm đối ngoại của Cục Điện ảnh; hiện nay giữ chức Cục trưởng Cục hợp tác quốc tế của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch.

Khi ông Bùi Đình Hạc nói xong, tôi hỏi:

- Thế anh đã nói xong chưa?

Ông ấy bảo:

- *Tất cả những điều tôi cần truyền đạt là như thế!*

Tôi hỏi:

- *Tất cả những điều anh vừa nói là tâm tình bạn bè, đồng nghiệp với nhau trước khi tôi lên đường hay đây là lệnh của cấp trên?*

Ông Hạc nói:

- *Đây là lệnh của cấp trên, nhất thiết không được để xảy ra cái việc “Chuyện Tử Tế” chiếu ở Leipzig!*

Tôi cũng nói thẳng:

- *Anh Hạc à, nếu anh ngại những việc đó xảy ra thì tốt nhất anh làm thủ tục giữ tôi lại, bởi vì tính tôi nó khác người ở cái chỗ là tôi đã đi ra khỏi biên giới thì tôi chẳng nhớ cái gì và mọi việc đều có thể xảy ra.*

Có thể họ nghĩ tôi nói như thế là nói phét. Tôi nói thêm:

- *Bây giờ là sáng thứ 7 (dạo đó làm việc cả thứ bảy), còn buổi chiều nay, các anh làm thủ tục giữ tôi lại; chứ nếu qua ngày chủ nhật không động tĩnh gì thì sáng thứ 2 theo lịch bay tôi và anh Cao Nghị sẽ ra sân bay. Và chúng tôi sẽ bay ra khỏi đất nước, khi đó tôi không biết chuyện gì sẽ xảy ra.*

...Sáng thứ 2 tôi với ông Cao Nghị ra sân bay đi Matxcova rồi đến Berlin. Từ Berlin chúng tôi đi ô tô hơn 300km đến Leipzig, một thành phố ở phía Đông Nam nước Đức. Đến nơi, chúng tôi được chở thẳng tới Ban tổ chức Liên hoan phim làm thủ tục, nhận phù hiệu, chương trình, tiền bạc và giấy giới thiệu để về khách sạn Astoria nhận phòng. Khách sạn Astoria là khách sạn cổ và sang trọng nhất của thành phố Leipzig lúc bấy giờ.

Chúng tôi vừa nhận phòng được khoảng nửa tiếng thì có tiếng gõ cửa, chưa kịp hỏi ai đấy thì nắm đấm cửa tự xoay, cánh cửa mở ra và xuất hiện một người tự giới thiệu:

- *...Tôi là công an của Đại sứ quán Việt Nam tại Berlin, được Đại sứ đặc trách cử về đây gặp các anh để tìm hiểu và khẳng định xem phim “Chuyện Tử Tế” có mặt ở đây không vì lệnh ở nhà điện sang không được để bộ phim xuất hiện ở Liên hoan phim.*

Tôi bảo tôi chỉ là đoàn viên, người phụ trách đoàn là ông Cao Nghị. Câu chuyện cứ loanh quanh: “...các anh có mang gì không. Ông đại sứ đang chờ ở đầu dây tại Berlin...”

Ông Cao Nghị vốn thật thà, hiền lành, ông lại bị bệnh tim nữa, tôi còn phải đỡ đần và chỉ lo ông bị làm sao thôi. Tôi thấy tội nghiệp ông Nghị, từ góc độ nào đấy tôi thấy tôi hơi ác bởi ông là người tử tế mà bị người ta ấn vào tình huống kẹt như thế này. Ông không biết gì cả cho nên

cứ thanh minh:

- Khổ lắm, cái thùng phim nó to lắm chứ nó có bé như cái hộp diêm đâu mà bảo giấu giếm được, chúng tôi đi qua hải quan có giấy tờ thủ tục hàng hoàng, để có được bản phim đấy chỉ nhà nước có chứ sao cá nhân ai có được bản phim ấy mà anh đi hỏi điều đó.

Nhưng viên công an bảo:

- Trong chương trình ngày 27 tháng 11, 8h30 tối tại rạp Capitol có lịch chiếu bộ phim này.

Ông Cao Nghị nói:

- Thế thì anh lên ban tổ chức Liên hoan phim mà hỏi. Chúng tôi vừa đến, mới chỉ vào phòng này thôi, bảo ngủ đây thì tôi ngủ đây thế thôi. Đã kịp rửa mặt ăn uống gì đâu!

Lúc bấy giờ cậu em ruột của vợ tôi ngồi phòng trong, em tên là Dũng, Nguyễn Tiến Dũng, thấy câu chuyện căng quá, lo sợ, mặt tái dại. Khi tôi vào phòng trong lấy giấy tờ thì Dũng khẽ bảo:

- Anh ơi, anh phải lùi thôi, anh phải nghĩ đến chị và các cháu, anh mà bước thêm bước nữa thì không có đường về đâu.

Tôi ghé vào tai cậu em:

- Sau gót chân của anh là bờ vực, không thể lùi được một milimét nào.

Tôi phải làm vậy vì không muốn bị người ta trùm chặn đánh chết. Nếu dạo đó tôi hèn và để bị chèn ép đến mức ở nước ngoài không ai được xem thì coi như tôi bị hạ huyết rồi.

Trong 256 phim (như báo đã đăng) thì liệu khả năng cuốn phim của tôi được giải là bao nhiêu phần trăm? Nếu nó không được giải thì tôi đành phải sống lưu vong, kiếm một cái quán ăn nào đó mà rửa bát cho đến bây giờ.

Điều tôi sợ nhất là phải sống ở nước ngoài, phải sống xa quê hương, mồ mả ông cha. Tôi quen mùi hương mùi khói, mùi thơm mùi rạ. Gần ba chục năm trời nay, tôi cứ nghĩ nếu như tôi sống lưu vong thì đâu có được “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”, “Nếu Đi Hết Biển”, “Người Man Di Hiện Đại”, “Vọng Khúc Ngàn Năm”; đâu có những xóm làng được kiến thiết cầu, đường, trường học khang trang như thế.

Viên công an nói đi nói lại mãi với ông Cao Nghị chán rồi mới đến gặp Ban Tổ chức Liên hoan phim. Có lẽ anh ta tỏ ra là người có quyền, nói năng thế nào đó không biết, nhưng Ban Tổ chức trả lời: “Chúng tôi chỉ có thể nói chuyện với Bộ Văn hóa Việt Nam”.

Suốt trong những ngày ở Leipzig, từ ngày 20 đến ngày 27 chờ người ta chiếu bộ phim “Chuyện Tử Tế”, người tôi gầy rộc, không ăn không ngủ được.

Để được cái gì? Nếu phim không được giải, về nước tôi là tội đồ, không về là sống lưu vong, mồ ông mả cha ông, bốn phận bỏ đó, gia đình vợ con bạn bè bỏ đó...

Tôi không hề tìm kiếm vinh quang gì, tên tuổi gì, tôi chỉ khát khao làm điều có ích. Tôi

tưởng tượng, khi xem bộ phim đó người nước ngoài sẽ cảm động và có thiện cảm với người Việt Nam. Họ không nghĩ đây là phim của Trần Văn Thủy mà nghĩ là phim của Việt Nam.

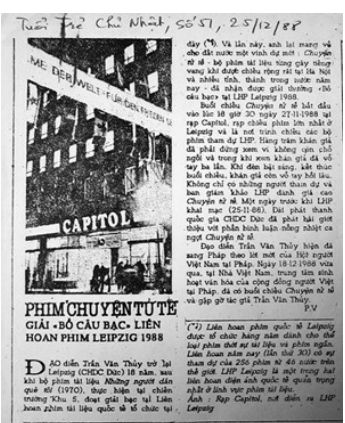
Những người quản lý phim ảnh có cơ may làm sang mà không biết đường xử sự, họ lại coi tôi như một tội đồ. Mẹ tôi thì khóc, khóc triền miên khi tôi cứ dính vào việc này việc kia “*Con ơi con, sao khổ thế con! Mẹ thấy thằng Phúc nó có thể đâu...*”

Phúc là con rể bà, chồng của em gái tôi - nó đi làm phim vừa vui vẻ vừa mang trứng gà, trứng vịt về. Cậu này làm phim khoa học nên đi đâu người ta thường biếu quà, cụ vui nên cụ bảo “*Đấy, làm phim thì phải như nó chứ mẹ thấy con làm phim xăm xăm xì xì như là buôn bạc giả, mẹ lo lắm con ạ, không ngủ được con ạ*”!

Tôi sống trong một tình cảnh như thế. Trước khi sang Đức, tôi đã có lời mời của Hội Việt Nam tại Pháp và tôi đã được ông Trần Độ kí quyết định cho đi. Tôi đến Đại sứ quán Pháp làm visa nhập cảnh. Thật ra, việc sang Pháp theo lời mời của bạn bè là điều may mắn, tôi cũng rất háo hức vì chưa đặt chân lên nước Pháp bao giờ. Nhưng điều quan trọng hơn cả đối với tôi trong hoàn cảnh này là phải có đường lui nếu gặp phải trường hợp xấu quá. Đường lui đó là nước Pháp. Tôi có thể ở lại đó.

Chiều 27, tôi nhờ cậu em trông nom ông Cao Nghị. Tôi dặn:

- ...Em đưa anh Cao Nghị về ký túc xá, lo cho anh ăn nghỉ tử tế, chỉ nên uống rượu vang. Sau đó phải cố gắng bịa ra lý do gì đấy giữ anh lại ngủ qua đêm, đừng cho anh về khách sạn hoặc đến rạp chiếu phim.



Báo Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 51 ngày 25-12-1988

Dững làm đúng như thế, em mời ông uống rượu vang nhẹ rồi nói rất thân tình:

- *Thôi anh ơi, bây giờ khuya rồi mà tuyết bắt đầu rơi. Đêm nay anh nghỉ lại đây với em rồi sáng mai em đi làm em đưa anh về khách sạn.*

Trong khi đó tôi ra rạp Capitol, quang cảnh xảy ra đúng y như bài báo trên Tuổi Trẻ Chủ

Nhật ngày 25-12-1988 đã viết, hết chỗ ngồi, người ta đứng đông nghịt, đông không thể tưởng tượng được và trong khi xem người ta vỗ tay ba lần.

Xem xong tất cả rạp lại đứng lên vỗ tay. Bạn bè tôi đông lắm, bạn học ở Nga với nhau, bạn quen biết nhau ở các Liên hoan phim, các Hội thảo quốc tế... Họ reo hò rồi đưa tôi về khách sạn, rượu hoa đầy ở tầng trệt. Tôi nói:

- *Vui quá, tôi rất cảm ơn, nhưng cho phép tôi bận một chút.*

Tôi lên lầu, lấy toàn bộ đồ đạc đã chuẩn bị sẵn, rồi để lại tờ giấy đã viết sẵn:

“Anh Cao Nghị thân mến, tôi có việc đi Berlin mấy ngày để mua vé đi Paris. Xin anh ở nhà ăn uống giữ gìn sức khỏe, em Dũng lo cho anh mọi chuyện. Mọi việc liên quan đến phim hoặc giải thưởng, dù có hoặc không, xin anh cho tôi được quyết định”.

Tôi phải viết vậy vì tôi sợ rằng ông Nghị sẽ có ý kiến với Ban Tổ chức về việc nọ việc kia. Tôi đặt tờ giấy lên đầu giường của ông và cầm tất cả đồ đạc biến ngay khỏi Leipzig.

MƯỜI BẢY

- *Không sao, anh yên tâm. Thế anh đang đứng ở đâu? Anh ở ga nào?*
- *Tôi không biết ga nào cả, tôi chỉ biết là tàu đi từ Tây Đức sang thôi.*
- *Anh đứng ở chỗ nào?*
- *Tôi đang đứng ở trong ga.*
- *Anh nhìn xem anh đứng ở đường tàu số bao nhiêu?*
- *Tôi đứng ở đường tàu số 13.*
- *Anh đứng nguyên ở đấy nhé, đừng đi đâu cả....*

Nhiều người nghĩ là phải đến Berlin mới có tàu đi Paris, nhưng không, nhà ga trung tâm nằm ngay cạnh khách sạn Astoria.

Nhà ga Leipzig được coi là một ga lớn ở châu Âu, nhưng thuở đó tối và lạnh như một nhà mồ. Tôi lên tàu đi sang Tây Đức. Nếu ở lại đêm hôm ấy, chắc chắn tôi sẽ bị bắt.

Trên hành trình từ Leipzig đi Paris, khi tàu vào biên giới Tây Đức, hải quan biên phòng của Tây Đức lên kiểm tra giấy tờ. Tôi không có visa vào Tây Đức! Đến lúc đó tôi mới biết một chi tiết trong hành trình, đó là đến Frankfurt/M phải rời khỏi tàu và chuyển sang tàu khác. Đặt chân xuống ga tức là đặt chân vào lãnh thổ của Tây Đức, phải có visa! “*Bỏ mẹ rồi, kiểu này nó cho tôi xuống ga và giữ tôi lại thì tôi luôn, hỏng việc rồi*”.

Người ta hỏi đi hỏi lại bằng tiếng Đức, tiếng Pháp và cả tiếng Nga, từ đầu đến cuối tôi chỉ nói một câu cụt lủn thế này “*I am a film director – Hanoi - international film Festival Leipzig - Paris*” (tôi là đạo diễn phim - Hà Nội - Liên hoan phim Quốc tế Leipzig - Paris). Tôi cố tình không nói tiếng Nga, chỉ nói đi nói lại như thế. Đoàn tàu phải dừng nửa tiếng đồng hồ vì trường hợp của tôi.

Mấy người lính biên phòng Tây Đức hỏi mãi, thấy tôi chỉ nói mỗi câu đó nên chán, không thể nói chuyện được với một thằng mà chỉ nói đi nói lại một câu đến 10 lần! Họ cầm cái hộ chiếu, liệng vào góc tôi ngồi, phẩy tay một cái rồi bỏ đi.

Tôi phờ phạc, cầm cái túi bẹp trong có mấy bộ quần áo và nắm cơm thằng em nắm cho buổi tối hôm trước. Mấy miếng thịt kho, mấy quả dưa chuột không gói riêng, cái nước chua của dưa chuột lại dây sang cơm nắm nên nuốt không được.

Tàu đến Frankfurt/M, hàng quán sáng trưng ánh đèn. Frankfurt/M của Tây Đức là mảnh đất của một nước Tư bản mà hôm nay tôi đặt chân đến lần đầu. Tôi xuống ga để chuyển sang

tàu khác. Chuyển tàu xong thì đi vào biên giới Đức - Pháp. Tôi mệt quá rồi, cơm thì có mùi như nước gạo không thể nuốt được. Tôi vào toilet để rửa mặt và uống nước cho đỡ khát. Lính biên phòng Pháp tưởng tôi là người chui lủi gì nên cứ đá vào cánh cửa rầm rầm. Tôi bước ra, mặt mũi hốc hác, người ngòm nhếch nhác như vừa chui từ đồng rác ra.

Sau đó họ hất hàm hỏi, coi tôi như một người phạm tội vượt biên trái phép. Tôi nói:

- *J'étais Tran Van Thuy, réalisateur. Je suis invité ici par le responsable. Attendez moi un peu, je viens là-bas pour prendre mon passport.*

(Tôi là Trần Văn Thủy, đạo diễn phim, tôi được mời sang đây. Xin chờ tôi một chút, tôi lại chỗ ngồi của tôi lấy hộ chiếu.)

Xem xong giấy tờ, người lính biên phòng làm một động tác trang trọng kiểu cổ điển, cúi gập người, vung rộng cánh tay thành một đường vòng cung chỉ phía lối ra và nói:

- *"S'il vous plait, monsieur"* (Xin mời! Thưa ngài).

Cái tên ga biên giới rất dễ nhớ, đó là ga La Fontaine - Tác giả *"Ve sầu kêu ve ve..."*

Sau đó tàu đến Paris.

Người ta mời ngày 1 tháng 12 có mặt, mà đêm 28 - 11 tôi đã lò mò sang rồi!

Cái điện thoại công cộng ở Pháp nó phức tạp và nhiều nút hơn điện thoại của xứ ta. Không biết bấm thế nào, trong túi lại không có một xu, tôi nhìn chăm chăm mấy người gọi điện thoại xem họ làm thế nào. Thấy một bà già trông hiền lành phúc hậu, tôi bèn chìa số điện thoại ra nhờ bà gọi giúp. Bà ta đưa cho tôi mấy xu nhưng tôi bảo là tôi không biết gọi, bà ấy quay số và đưa máy cho tôi. Đầu dây bên kia có giọng phụ nữ nói tiếng Việt:

- *Alô...*

- *Thưa chị, có phải chị ở Hội người Việt Nam tại Pháp không ạ?*

- *Vâng, có việc gì đấy anh?*

Lúc bấy giờ tôi mới cảm ơn bà già, bà ấy đi tôi mới nói:

- *Chị ơi, xin chị nói chuyện với tôi một cách thật rõ ràng, nếu chị bỏ máy là tôi đứng đường đấy. Tôi là Trần Văn Thủy, tôi được các anh các chị gửi giấy mời sang đây, nhưng sự có mặt của tôi đáng lẽ là 1/12 mà hôm nay mới là 28/11. Chị có thể giúp tôi liên hệ với anh Trần Hải Hạc, anh Nguyễn Ngọc Giao hoặc anh Bạch Thái Quốc để các anh ấy ra đón tôi được không?*

- *Không sao, anh yên tâm. Thế anh đang đứng ở đâu? Anh ở ga nào?*

- *Tôi không biết ga nào cả, tôi chỉ biết là tàu đi từ Tây Đức sang thôi.*

- *Anh đứng ở chỗ nào?*

- *Tôi đang đứng ở trong ga.*

- *Anh nhìn xem anh đứng ở đường tàu số bao nhiêu?*

- *Tôi đứng ở đường tàu số 13.*

- Anh đứng nguyên ở đấy nhé, đừng đi đâu cả.

Sau này đến Pháp nhiều lần, ở lâu, tôi mới biết cái ga đấy tên là ga De L'Est (Ga Đông). Ở Paris mà gọi nhau, hẹn hò, đón rước thường phải trước vài ngày; đằng này đang đêm gọi nhau có mặt tức thì là một điều không thể.

Vậy mà chỉ 40 phút sau, anh Trần Hải Hạc chạy ra đúng đường tàu số 13. Anh mặc áo jean, bên trong lót lông trắng, tà áo bay bay theo bước anh chạy!

Câu đầu tiên tôi bảo:

- Anh Hạc ơi, tôi sang sớm có phiền không?

- Không, không, không có phiền gì. Anh sang được là mừng lắm, không có phiền gì đâu.

Trong thời gian dài và nhiều lần qua Pháp, tôi thường ở nhà anh Trần Hải Hạc, Place d'Italie, quận 13.

Qua anh tôi may mắn được biết thêm rất nhiều bạn bè và chúng tôi đã trở nên thân thiết. Đó là các anh chị có tấm lòng chân thành, gắn bó với quê hương Việt Nam, tha thiết với niềm vui nỗi buồn của đồng bào quê nhà. Tuy vậy, kể về các anh chị ở đây không tiện vì nhiều lí do khác nhau.

...Năm 1946, khi sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau, Cụ Hồ đã bế cậu bé Việt kiều một tuổi chụp ảnh. Cậu bé đó là Trần Hải Hạc.

Sau “Tâm Thư” 1989, cái tên Trần Hải Hạc cùng nhiều cái tên khác của Hội người Việt Nam tại Pháp đã được đưa vào sổ đen. Những người này về nước bị công an theo dõi, có những lúc khó về, nếu không nói là cấm nhập cảnh...

Mấy hôm sau Hội người Việt Nam tại Pháp cử chị Thanh Thiện dẫn tôi đi “tân trang”. Cắt một cái séc không biết mấy ngàn quan, mua sắm quần áo trong, quần áo ngoài... thậm chí bắt tôi bỏ giày ra xem tất có rách không.

Oách ra phết.

Để làm gì? Để Trần Văn Thủy đi nói chuyện, giao lưu với khán giả nhiều nơi ở nước Pháp này.

Khi đó điều tôi sốt ruột đến cồn cào muốn biết tất nhiên là kết quả của Festival International Film Leipzig. Suốt ngày đọc báo, tìm đủ các loại báo đọc, tờ Liberation có bài viết về “Chuyện Tử Tế” và về tôi dài nhất, tác giả bài báo đó là Elizabeth D. Tờ Le Monde Diplomatique với bài của nhà báo nổi tiếng Jacques Decornoy, rồi Le Peuple Du Monde, Le Figaro, Telegrama, Le Gardien... nhiều lắm.

Tôi đọc trên Le Monde Diplomatique rồi Liberation có đăng kết quả của Liên hoan phim Quốc tế Leipzig.



Tờ Libération đưa tin về phim Chuyện Tử Tế

Ôi trời ơi! Có tên phim “Chuyện Tử Tế” trong danh mục phim được giải! Khi đó tôi đang ở phòng trong; anh Trần Hải Hạc đang ngồi ở phòng làm việc, cách một cái bếp.

Tôi hét lên: *“Ha ha ha... Thế là ta được về nước rồi!”*

Tôi chỉ chăm chăm nghĩ chuyện làm thế nào về nước mà được yên thân.

Tháng 12-2012, vợ chồng em Dũng về Hà Nội thăm gia đình. Hỏi lại chuyện xưa, em vẫn giữ những tình cảm với ông Cao Nghị và kể chi tiết rằng:

Tối 30-11-1988 tại rạp Capitol diễn ra lễ trao giải và bế mạc Liên hoan phim. Khi Ban Tổ chức xướng tên phim “Chuyện Tử Tế” đoạt giải Bồ Câu Bạc thì khán phòng gần ngàn chỗ vỡ òa. Người ta mời đoàn Việt Nam lên nhận giải.

Dũng bảo anh Cao Nghị:

- Anh lên nhận giải đi kìa!

Ông Cao Nghị giãy nảy:

- Thăng đạo diễn thì nó biến rồi. Anh không lên đâu, anh nhận giải để về nhà chết à!

Nghe Dũng kể đến đây tôi bất giác thấy chua chát: *Không biết trong lịch sử điện ảnh thế giới có trường hợp nào, có tác giả, tác phẩm nào tham dự Liên hoan phim đoạt giải mà trải qua những khổ khổ lạ lùng như thế không?*

Trong tình thế “chữa cháy” đó, em Dũng đã phải thay mặt đoàn Việt Nam lên nhận giải.

May mà cậu ta cao lớn đẹp trai, ở Đức lâu rồi nên nói tiếng Đức thông thạo như người bản xứ.

Cho đến bây giờ, gần ba mươi năm trôi qua tôi vẫn không biết cái giải hình thù thế nào và nó nằm ở đâu.

Đợt ấy tôi ở Paris đúng ba tháng, cho đến ngày 31-3-1989. Ông Cao Nghị về nhà khổ, làm tường trình, làm kiểm điểm với Bộ Văn hóa, với Công an, người ta quần cho lên bờ xuống ruộng. Bây giờ mỗi lần nghĩ lại tôi vẫn thấy mình chẳng ra gì, có gì đó không phải với ông. Ngoài ra tuyệt nhiên tôi chẳng ân hận về một điều gì khác cả. Vấn đề không nằm ở ông Cao Nghị hay ở tôi mà ở chỗ khác. Ông Nghị khổ, tôi cũng nhiều phen trầy da tróc vẩy và biết bao nhiêu người nữa long đong lận đận vì những chuyện không đâu. Họ có đáng bị như thế không? Cái đất nước khổ khổ này được gì sau hàng loạt những hành xử kiểu như thế? Thôi cứ để cho mọi người phán xét.

...Gần đây tôi có gọi điện thăm ông Cao Nghị. Bây giờ ông sống ở Sài Gòn. Khi tôi nhắc lại chuyện xưa ở Leipzig. Ông chỉ nói: *“Cậu đừng cảm lắm và đã làm được nhiều việc có ích...”*. Về chuyện bị hạch sách, ông nói sơ sơ thôi nhưng ai cũng biết là rất nặng nề.

Trái lại các đồng nghiệp Đức đối xử rất tốt với tôi. Năm sau, 1989, Liên hoan phim cuối cùng trước khi nhà nước Cộng hòa Dân chủ Đức sụp đổ, họ đã mời tôi tham gia Ban Giám khảo. Lúc đó tôi đang ở Pháp, tôi không phải xin phép, trình báo ai. Từ Paris tôi bay thẳng sang Berlin rồi Leipzig. Những phim tham gia tranh giải ở Leipzig năm đó rất hay, đặc biệt là bộ phim “Parad” (Cuộc diễu hành) của Ba Lan, tôi đã cho điểm 10 và sau đó quả nhiên phim đoạt giải Bò Câu Vàng.



Ban Giám khảo Liên hoan phim Leipzig-1989 (Trần Văn Thủy đứng thứ 3 từ phải sang)

Tôi trở lại Paris và Tây Âu cho đến đầu tháng 7-1990. Đó là thời gian xảy ra những sự kiện hết sức trọng đại trong lịch sử thế giới: Bức tường Berlin sụp đổ; hệ thống Xã hội chủ nghĩa tan rã và Liên bang Xô Viết cũng sụp đổ... Tất nhiên tôi được trực tiếp nhận những thông tin trung thực nhất. Ở một số địa điểm, một số sự kiện, chúng tôi còn ghi hình được và dựng vào bộ phim “Thầy Mù Xem Voi”.



Tôi trở lại Paris và Tây Âu cho đến đầu tháng 7-1990...

MƯỜI TÁM

Người ta bảo chữ Tiền đi đôi với chữ Bạc. Chuyện xưa rồi, nhưng tôi buồn lòng nhận ra rằng ngày nay vì đồng tiền mà người ta bạc ác hơn ngày xưa nhiều.

Than thở, thổ lộ về chuyện tiền bạc quả thực là điều bất đắc dĩ. Nhưng nói ra để mọi việc được tỏ tường, để thấy một bài học xương máu là: Chớ có dây vào chuyện tiền bạc, có ngày bị đập một phát chết tươi như con ruồi. Có nhiều chuyện để nói rằng trong chuyện này, nhà nước mà cụ thể là cơ quan quản lý Điện ảnh đã không đàng hoàng với những người làm phim.

Trong điện ảnh (tài liệu) nói riêng và trong văn học nghệ thuật nói chung rất hiếm một tác phẩm, khi ra đời đã nhận được sự quan tâm đón nhận của người xem trong và ngoài nước nồng nhiệt như trong trường hợp hai cuốn phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” và “Chuyện Tử Tế”. Họ đón nhận nồng nhiệt trước tiên về mặt tư tưởng, tình cảm và nhận thức, họ chia sẻ trước thời cuộc trước nhân tình thế thái.

Tiếp đó, nói một cách thô thiển: Tiền!

Hai bộ phim đó nếu không được thừa nhận, không được tồn tại thì tôi là người liên lụy và rơi vào vòng lao lý. Được thừa nhận thu được tiền thì nhà nước hưởng. Tiền thu được rơi vào túi nhà nước hoàn toàn. Nhưng nếu nó được dùng vào việc có ích thì chẳng nói làm gì. Vấn đề là nó đi đâu, để làm gì. Cho đến bây giờ chẳng ai biết rằng:

Sau khi thượng cấp bật đèn xanh, “Hà Nội Trong Mắt Ai” và “Chuyện Tử Tế” được chiếu liên tục nhiều tháng trời khắp từ Bắc chí Nam, ở các rạp lớn, các bãi chiếu phim, các câu lạc bộ hội đoàn... Số tiền thu được do cho thuê phim, chiếu phim đi đâu?

Số tiền bán bản quyền cho hơn 10 đài Truyền hình lớn ở nước ngoài có trị giá ban đầu cả trăm ngàn USD. Số tiền ấy đi đâu?

Đến đây, tôi lan man một chút, hình như chưa có nhà quản lý nào, nhà lý luận phê bình Điện ảnh nào lưu tâm đề cập tới việc thô thiển này. Đương nhiên, tiền không phải là mục đích tối thượng, nhưng lần đầu tiên trong lịch sử phim tài liệu Việt Nam, việc hai bộ phim này thu lại khá nhiều tiền cho nhà nước cũng là chuyện đáng nghĩ đấy chứ.

Vậy mà trước đó “Hà Nội Trong Mắt Ai” bị cấm 5 năm (1982-1987) “Chuyện Tử Tế” bị cấm xuất ngoại (1988).

Thật trớ trêu, một chuyện đáng ghi vào Guinness Việt Nam mà các quý vị ngại ngùng, tỉnh bơ như chẳng có chuyện gì. Hình như từ khi khai sinh ra phim ảnh Việt Nam, phim tài liệu chưa thu được đồng vốn nào đã bỏ ra; phần lớn nó thuộc loại phim “cúng cụ”; đầu tư tốn kém; vất vả long đong; duyệt lên duyệt xuống long trọng lắm, thế rồi chiếu vài ba lần, cuối cùng... bỏ kho. Hình như điện ảnh tài liệu, các xưởng làm phim tài liệu của Việt Nam đã tồn tại theo cách

như thế hơn nửa thế kỷ và cứ tiếp tục sống vật vờ như thế.

Tất nhiên trong quá trình dài lâu ấy cũng xuất hiện một số tác phẩm có giá trị nào đó, đoạt giải thưởng nào đó nhưng tuyệt đối chưa có bộ phim nào thu lại được nhiều tiền đến thế cho nhà nước (có một số trường hợp thu được món tiền còm do bán tư liệu – những hình ảnh thời chiến tranh cho nước ngoài để họ sử dụng vào những phim tài liệu do họ sản xuất). Trước tình cảnh đó có người cũng xót xa, cũng bận tâm, cũng nghĩ ngợi lắm nhưng vì “định hướng”, vì “cờ đèn kèn trống” mà tặc lưỡi cho qua.

Mọi người đều biết, ở các nước phát triển, chuyện này hoàn toàn khác.

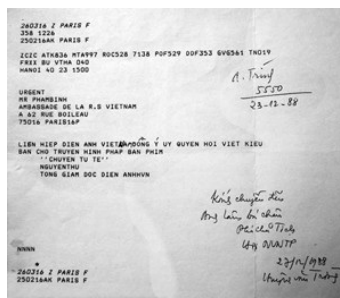
Trong bối cảnh đó, tôi và một số đồng nghiệp thường bị lấn cấn về chuyện tiền của dân bị tiêu pha một cách vô tội vạ và xảy ra triền miên.

Hồi ấy, sau những cấm kị ngăn cản răn đe không thành, “Chuyện Tử Tế” bung ra ở Liên hoan phim Quốc tế Leipzig tháng 11 năm 1988, những người quản lý thực sự rơi vào tâm trạng hoang mang và lúng túng. Họ cũng không hiểu được cấm đoán đe nẹt kiểm tra gay gắt như vậy mà tại sao bùm một cái nó vẫn có mặt và đoạt giải ở Leipzig.

Một cái “vinh quang”... khó chịu.

Sau khi hội họp hàng chục buổi ở các cấp để bàn thảo đối sách, họ đành cắn răng đi đến một quyết định: Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam thay mặt nhà nước gửi công điện cho đại sứ Phạm Bình ở Paris, ủy quyền cho Hội người Việt Nam tại Pháp bán bản quyền cho các đài Truyền hình nước ngoài. Ông Christophe Walker giám đốc Incarus International Film, một công ty Mỹ đã ký hợp đồng làm trung gian bán bản quyền “Chuyện Tử Tế” cho một loạt các đài truyền hình trên thế giới. Incarus International Film là một công ty có uy tín, cho nên bán rất “được”.

Để gửi tiền bán bản quyền về nước được nguyên vẹn như hợp đồng, mọi chi phí giao dịch, lệ phí ngân hàng đều do anh chị em Hội người Việt Nam tại Pháp và tôi bỏ tiền túi ra lo hết. Bạn bè tôi ở Pháp, các anh chị trong Hội người Việt Nam tại Pháp đã bỏ ra gần hai mươi ngàn franc để hoàn tất mọi việc và chuyển nguyên vẹn số tiền đó về Việt Nam. Chi tiết số tiền đó có trong văn thư kèm theo của Hội người Việt Nam tại Pháp gửi Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam. Trong đó câu: “...*Bước đầu, theo Icarus, sẽ nhắm bán cho một số đài truyền hình ở Anh, Úc, Nhật, Mỹ - giá bán ước tính tổng cộng có thể lên đến 100 ngàn đô la...*”



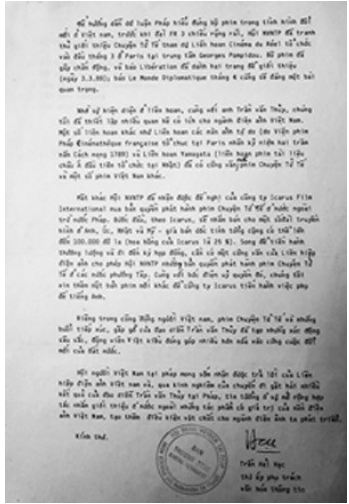
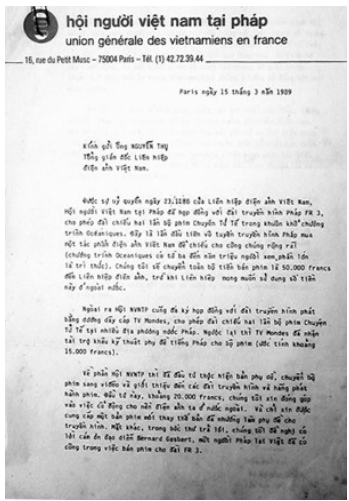
Công điện của Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam ủy quyền cho Hội người Việt Nam tại Pháp bán bản quyền “Chuyện Tử Tế”

Tôi không đụng đến một xu. Bản tính của tôi được cha tôi dạy làm người là như vậy chứ không hẳn vì tôi e sợ sự liên lụy, mặc dù rõ ràng số tiền đó là mồ hôi nước mắt của cả đoàn làm phim, của hãng phim Tài liệu Trung ương, là sự dấn thân đánh đổi bằng chính sinh mạng của bản thân tôi như đã kể ở trên.

Cái tôi tìm kiếm là sự thanh thản trong lòng. Thật kỳ quặc, nếu phim vượt biên không thành công, phim không được giải thì tôi về nước ngồi tù hoặc hèn quá thì sống chui lủi tại Paris; phim vượt biên thành công, được giải (một Liên hoan phim có 256 phim tham dự mà chỉ có một giải vàng hai giải bạc - chuyện được giải là phiêu lưu chẳng kém chuyện Robinson Crusso) thì nhà nước cầm tiền, tiêu gì không ai được biết.

Cũng cần phải nói thêm rằng cho đến khi Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam bị giải thể bởi kết quả thanh tra liên Bộ Văn hóa - Công an - Tài chính, cũng chẳng ai được biết số tiền đó thất thoát ra sao.

Vậy là đi tù là việc của tôi; tiêu tiền là việc của những người nhân danh nhà nước. Nói thế cho nó minh bạch chứ phần tôi rất nhẹ lòng, nhẹ lòng vì cái đích tôi muốn tới đã tới. Phim của chúng tôi đã không bị trùm chặn đánh chết, đã tới được với người xem ở các quốc gia Âu, Á, Mỹ, Úc. Và điều quan trọng là thiên hạ có thể nể trọng người Việt Nam chúng ta hơn; con người với con người xích lại gần nhau hơn.



Văn thư của Hội người Việt Nam tại Pháp gửi Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam về việc bán bản quyền “Chuyện Tử Tế” cho các đài Truyền hình nước ngoài.

Những bạn đồng nghiệp đã từng chung sức chung lòng với tôi nhưng có thể còn ít biết về chuyện tiền bạc, xin các bạn hiểu cho rằng, Trần Văn Thủy trước sau vẫn thế.

Cả cuộc đời làm phim, phụ trách các đoàn làm phim nhưng tuyệt đối chưa một lần nào tôi cầm tiền để chi chác hay để tư túi. Tôi cũng cảm ơn các đồng nghiệp đã kiêm nhiệm giúp tôi việc này một cách thật lòng và minh bạch. Nhân đây cũng xin kể một câu chuyện nhỏ để các đồng nghiệp hiểu cho rằng tôi sợ dây với tiền nong như thế nào.

Tháng 3 năm 1989 trong khuôn khổ Liên hoan phim Hiện Thực Pháp (Cinema du Réel) phim “Chuyện Tử Tế” được chiếu 2 buổi ở Trung tâm Văn hóa mang tên Pompidou ở Paris, hàng trăm người phải ra về vì không mua được vé.

Ở tất cả các nước mà tôi có mặt, xem phim tài liệu phải mua vé, không có chuyện chiếu chùa. Có nghĩa là: Phim phải hay để người xem có thể móc ví lấy tiền mua vé vào xem.

Tiền bán vé phim “Chuyện Tử Tế” dùng vào việc gì là việc của Ban Tổ chức, tôi không biết và không được “phong bì” như ở Việt Nam và tôi cũng chẳng quan tâm. Tôi chỉ quan tâm phim của chúng ta, của Việt Nam đến với người xem ở những xứ văn minh như thế nào mà thôi. Về

hiệu quả của các buổi chiếu phim “Chuyện Tử Tế” của tôi ở Pháp thì các báo Pháp đã viết nhiều.

Có nhiều khán giả nán lại rất lâu sau buổi chiếu để giao lưu, chuyện trò, trong số đó tôi chợt để ý đến một người đàn ông rất lịch lãm kiệm lời. Khi mọi người đã tản ra, ông đến bên tôi:

- Tôi là Michell Nguyễn Thế Minh, linh mục dòng Tên, trong bốn phần tôi được bề trên trao cho là việc quan tâm đến văn hóa Việt Nam. Thế mà hôm nay xem phim của ông xong tôi nhận thấy tôi có lỗi, tôi đã không hiểu gì và không làm được gì cho Việt Nam như bề trên đã giao phó.

- Thưa cha, cha qua đây chắc lâu rồi ạ?

- Tôi qua đây từ 1952, khi ấy tôi còn là một cậu bé.

Rồi ông kể nỗi bận tâm của một linh mục xa xứ, sự xúc động của ông qua thân phận từng con người trong “Chuyện Tử Tế” và ông không đắn đo ngỏ ý muốn giúp tôi một ngân khoản để tiếp tục những dự định sáng tác. Tôi xúc động trong sự tĩnh táo. Chuyện trò qua lại, chúng tôi lấy số phone, địa chỉ của nhau và tôi từ tốn nói rằng:

- Thưa cha! Việc phim của tôi được đông đảo khán giả Paris đón nhận ở Centre Pompidou này và được hàng vạn người xem qua đài truyền hình FR3 đã là phần thưởng vô cùng vinh hạnh với tôi rồi. Xin cảm ơn cha, cảm ơn thịnh tình của cha đối với Việt Nam, nhưng theo tôi có lẽ cha cho phép chuyển số tiền của cha về Việt Nam, cho một nơi nào đó có ý nghĩa và cần thiết hơn tôi.

Ông Michell Nguyễn hỏi luôn:

- Thế thì chúng ta chuyển tiền cho ai? Cho nơi nào trong phạm trù hoạt động văn hóa?

Tôi nghĩ nhanh trong đầu và nói:

- Thưa cha! Có lẽ đầu tiên là Trung tâm Đại học Tư Thục Thăng Long, nó vừa mới khai trương. Tôi nghĩ chúng ta cần ủng hộ mô hình giáo dục dân lập.

Ông bằng lòng ngay và hỏi:

- Thế nếu muốn giúp một nơi thứ hai nữa thì đó là nơi nào?

- Thưa cha, Hội Điện ảnh Việt Nam, đó là một hội nghề nghiệp cần có sự chia sẻ.

Bây giờ nghĩ lại, lúc đó tôi nói tùy hứng. Tùy hứng giới thiệu Hội Điện ảnh chỉ vì ở đó có những anh chị em thân quý nhau. Thế thôi. Sau này cấp trên đã qui định các hội thuộc Liên hiệp Văn học Nghệ thuật trong đó có Hội Điện ảnh là Hội Chính trị Nghề nghiệp... Nếu sau này ông Michell Nguyễn biết cái Hội tôi giới thiệu là một Hội Chính trị gì đó thì không hiểu ông sẽ nghĩ gì về tôi.

Sau đó tôi có tới nhà thờ của ông ở 42 Rue Grénelle nhiều lần. Chỉ là để chơi, dự lễ, ăn cơm cùng các cha ở năm châu bốn biển về họp mặt. Số tiền mà cha Michell Nguyễn chuyển về Việt Nam cho Đại học Thăng Long và Hội Điện ảnh Việt Nam là tiền mặt, đô la Mỹ.

Có câu bạn trẻ từ Việt Nam qua du học bảo tôi:

- *Anh đưa em số tiền đó, em giúp anh!*

- *Giúp anh làm gì?*

- *Em chỉ làm nhóáy một cái, úm ba la là ít nhất nó gấp đôi.*

- *Cách nào tài vậy?*

- *Em đặt mua xe máy cũ, đánh một quả container thì có số tiền gấp đôi!...*

Tôi cảm ơn anh bạn trẻ, nhưng tôi gửi ngay số tiền đó về Việt Nam và yêu cầu người nhận viết giấy biên lai, có ghi rõ ràng mã số từng tờ đô la để chứng minh được rằng số tiền đó không đi vòng vèo để dùng vào những việc khác. Những biên nhận đó của chị Hoàng Xuân Sính và của anh Đặng Nhật Minh ghi số seri từng tờ đô la hiện tôi còn đang giữ.



...tôi gửi ngay số tiền đó về Việt Nam và yêu cầu người nhận viết biên lai...

Tôi mong các đồng nghiệp hiểu cho rằng một trong những lí do mà tôi còn tồn tại đến bây giờ là tôi minh bạch. Tôi hành xử như vậy để tránh hậu họa, tránh tai bay vạ gió có thể chụp xuống đầu. Không làm như vậy biết đâu người ta lại cho rằng tôi nhận tiền từ những “thế lực thù địch” thì khổ.

Minh bạch về chuyện tiền bạc thôi còn những “chuyện làm nghề” thì tôi cũng không được minh bạch cho lắm đâu, thậm chí có người bảo tôi là ma quái.

Cũng nên kể thêm rằng sau đó cha Michell Nguyễn đã về Việt Nam, lần đầu tiên kể từ 1952. Cha bảo: *“Tôi quyết định về Việt Nam sau khi xem ‘Chuyện Tử Tế’ và gặp anh ở Paris.”*

Những ngày ở Việt Nam cha rất vui và phấn khích, cái gì cũng thích, cái gì cũng khen, khen cả những tấm biển ghi tên đường phố Hà Nội. Tôi cũng hơi lạ vì cha đã từng sống ở các nước văn minh, ở Roma và trong tòa thánh Vatican.

Thế mới hay sự đẹp xấu, hay dở, vui buồn, không hẳn là do bản thân sự vật mà còn do cách

nhìn nhận của mỗi con người.

Cha cùng gia đình tôi đi chơi, thăm viếng đây đó, thưởng thức những món ăn Hà Nội. Cha bảo chúng ta hãy ngồi quán nào đó ở gần Ô Quan Chưởng. Suốt những ngày ở Việt Nam cha vui như chưa bao giờ được vui như thế, với gia đình tôi đó cũng là một kỉ niệm khó quên.

Nhân nói chuyện “tiền bạc” trong chuyện làm nghề, tôi kể thêm chuyện tôi “*mang phim tài liệu Việt Nam đi bán bản quyền*” xảy ra như thế nào.

Từ những năm cuối thập kỉ 80, tôi sang châu Âu nhiều lần và chứng kiến một hiện tượng không thể bỏ qua.

Đó là các cháu thế hệ 2 thế hệ 3 của người Việt mình rất khó giữ được văn hóa cội nguồn. Từ ngôn ngữ, phong tục tập quán đến quang cảnh các lễ hội lịch sử Việt Nam...đều rất xa lạ với các cháu. Tôi thấy điều đó rất trái ngược với các cộng đồng khác như Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập, Do Thái... Con em của họ dù ở đâu, bao nhiêu đời vẫn giữ được và nói được tiếng mẹ đẻ, vẫn thấm nhuần và giữ gìn văn hóa quê gốc.

Bị ám ảnh bởi chuyện này, về Việt Nam tôi mang đề tài này ra trao đổi với anh Đặng Nhật Minh, lúc đó là Tổng Thư ký hội Điện ảnh, với anh Ma Cường lúc đó là Giám đốc hãng phim Tài liệu Trung ương. Tôi xin được in những phim tài liệu cũ về đề tài văn hóa lễ hội phong tục, di tích lịch sử... gồm 12 phim tất cả với ý định khi trở lại châu Âu, sẽ chiếu cho các cháu xem và khi về Việt Nam thì để lại biếu bà con.

Sau khi tôi trình bày và đưa danh sách các phim định in, các anh Đặng Nhật Minh, Ma Cường đều ủng hộ. Tôi cũng cẩn thận trao đổi xin phép các tác giả của những bộ phim đó. Tất cả đều đồng thuận. Tôi tự bỏ tiền mua băng, thanh toán chi phí “in”.

Kỹ thuật băng hình thời đó rất thô sơ. Bản phim 35mm (cũ, xước) lắp vào một máy chiếu lưu động chiếu lên màn hình là tấm vải màu nước dừa. Anh Đỗ Khánh Toàn dùng camera VHS quay lại. Xong xuôi, Giám đốc hãng phim giúp tôi làm công văn xin phép hải quan để được mang ra nước ngoài. Hải quan cho qua và tôi bay sang Tây Đức, điểm đến đầu tiên trong chuyến đi dài ngày đó của tôi.

Hồi ấy do yêu công việc tôi xin cấp trên cho phép nhà quay phim Đỗ Khánh Toàn sang châu Âu giúp tôi.

Anh Toàn vừa tới Frankfurt/M chân ướt chân ráo đã báo ngay cho tôi một tin sét đánh: “Ở nhà” đang điều tra việc tôi “*mang phim ra nước ngoài bán bản quyền*”. Anh Toàn còn kể rành mạch rằng anh ấy chứng kiến ông Tổng Giám đốc Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam sai người cầm hồ sơ điều tra vụ này sang Bộ Công an.

Tôi chán nản vô cùng và cay đắng ném đồng băng cassette ấy vào ngăn kéo và thề rằng không bao giờ mở ra nữa.

Để có nó chúng tôi đã mất bao nhiêu thì giờ và công sức!

Ngẫm ra ở đời cái gì cũng cần có giới hạn, kể cả lòng tốt, lòng yêu nước.

Một người đứng đầu ngành Điện ảnh mà có thể nghĩ rằng tôi mang những cuốn phim chất lượng tồi tàn như thế sang châu Âu bán bản quyền!

Người ta cho rằng tôi hám tiền, vì tiền. Người ở nhà duy nhất công khai bên vực tôi lúc đó là đạo diễn Thanh An. Bấy giờ ông là phó Tổng Thư ký Hội Điện ảnh Việt Nam. Ông bạn này hài hước bô bô lên rằng:

- Nếu tay Thủy bán được bản quyền cái mớ tạp pí lù ấy thì khi hắn trở về phải phong anh hùng!

Và khi tôi trở về sau đúng một năm ở châu Âu, nhiều con mắt tò mò đổ dồn vào tôi. Tôi được anh Kim Dao, Trưởng ban Thanh tra của hãng phim Tài liệu gọi đến. Anh cười khì khì và đưa tôi tờ giấy:

- Cậu cầm lấy làm kỉ niệm về tấm lòng của ông Tổng Giám đốc Liên hiệp Điện ảnh Việt Nam.

Tôi mở tờ giấy ra đọc. Đó là văn thư viết tay yêu cầu anh Kim Dao thẩm tra và báo cáo việc tôi đem phim ra nước ngoài.

Tôi muốn nói thêm rằng: Thuở hàn vi, chưa có chức quyền, ông Tổng Giám đốc là con người dễ mến, dễ gần. Có đêm khuya khoắt, vừa từ biệt thự một quan to đi ra, hai anh em đạp xe dọc phố Quán Thánh, trời mưa lâm thâm. Ông lẩm bẩm: *“Ở Nga chúng nó làm ‘Bài ca người lính’, ‘Đàn Sếu bay’ là có lí của nó. ‘Xét lại’ xét đi cái quái gì.”*

Lúc ấy ông cũng có nỗi đau đời như tôi, như mọi người.

Vậy ra chẳng riêng gì ông mà người Việt Nam ta thường là vậy, khi có tí chức tí quyền vào thì hay khệnh khạng tinh tướng mà không biết rằng để được cái đó, họ đã đánh mất cái quý hơn rất nhiều.

Nhân đây tôi có một nhận xét, có thể đúng có thể sai, đó là hầu hết đồng nghiệp của tôi đều thích chức quyền, ngoại trừ một ít người phớt đời như anh Trần Vũ, anh Trần Phương bên phim truyện. Một vài người buộc phải dính líu với quản lí do yêu cầu của công việc, do sự tín nhiệm của anh em, còn lại hầu hết đều thích chức quyền. Rất nhiều người được nhà nước đào tạo công phu, cho đi nước ngoài 5 năm, 7 năm học chuyên môn để có một học vị nào đó trong điện ảnh như sáng tác, kỹ thuật, kinh tế. Lúc đầu cũng đắm đuối với nghề lắm nhưng khi được cất nhắc, có được một chức mọn nào đó, trưởng nọ phó kia thì phần lớn vứt mẹ nó nghề đi. Với họ, nghề chẳng là cái quái gì cả.

Tôi nghĩ không phải bỗng dưng mà người Việt Nam ta, từ xa xưa có phong tục thờ Nghề, thờ Tổ Nghề. Hình như Nghề có một cái gì đó thiêng liêng, cái gì đó thuộc về tâm linh, về nhân cách, nó vượt ra ngoài phạm vi đôi bàn tay khéo.



Nhà thờ Tổ Nghề Điện ảnh - Bảo tàng anh em nhà Lumière ở Lyon

Trở lại vài câu về chuyện tiền bạc.

Tôi mà ham tiền thì sập bẫy từ lâu rồi. Khi bắt đầu một công việc, một bộ phim, tôi không bao giờ vì tiền, vì danh lợi, vì để vừa lòng ai đó và cũng tuyệt đối không phải để được cất nhắc. Tôi trân trọng việc làm nghề, khi làm nghề tôi chỉ chăm chăm một điều: Có ích không? Người xem có sướng không?

Suy ra tôi muốn nói với các đồng nghiệp trẻ, những người làm phim tài liệu xấp xỉ tuổi tôi cách đây 50 năm rằng: Khi bắt tay vào làm phim thì hãy thể hiện những điều mình nghĩ, những khát khao của cuộc đời, những điều có ích cho xã hội cho đất nước một cách chân thành thẳng thắn.

Người ta bảo chữ **tiền** đi đôi với chữ **bạc**.

Chuyện xưa rồi, nhưng tôi buồn lòng nhận ra rằng ngày nay vì đồng tiền mà người ta bạc ác hơn ngày xưa nhiều.

Nếu tôi nghĩ sai thì xin thứ lỗi.

MƯỜI CHÍN

“Tập này mà in thì cậu không về nước được! Về nước thì không bao giờ có chuyện in. Chưa có thằng nào qua đây in sách kiểu này mà dám vác mặt về nước.”

Tôi nhớ Trần Văn Thủy có một bức thư ngỏ đăng trên các trang mạng của Nguyễn Huệ Chi, của Nguyễn Trọng Tạo và của Trần Nhượng trao đổi xung quanh những cáo buộc của một số người Việt ở Hoa Kỳ đối với cuốn “Nếu Đi Hết Biển”.

Để mở đường dẫn vào tập sách “Nếu Đi Hết Biển”, không gì thích hợp hơn là đọc lại bức thư ngỏ đó:

Kính thưa anh Huệ Chi, anh Nguyễn Trọng Tạo, anh Trần Nhượng.

Trước hết tôi xin có lời cảm ơn các anh và cáo lỗi cùng các anh. Cáo lỗi bởi tôi là tác nhân đầu tiên, tác nhân chính gây ra vụ trao đổi ồn ã, căng thẳng cả tháng qua trên các trang mạng của các anh xung quanh cuốn “Nếu Đi Hết Biển” của tôi và cuốn sách phản đối nó. Sự việc đã làm mất nhiều thì giờ và làm bận tâm các anh. Nhân đây tôi cũng xin cáo lỗi và cảm ơn ông Nguyễn Hữu Đính, ông Trần Huy Thuận, trang mạng Facebook, Đàn Chim Việt. Info và một số bạn đọc đã quan tâm tới đề tài này.

Thành thật mong các anh lượng thứ.

1- “ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT CỘNG”

Như các anh biết, có ý kiến khẳng định rằng: Tôi được “Đảng và nhà nước Việt cộng” “cấp giấy thông hành” cử đi Mỹ để làm nhiệm vụ. Lạy Chúa! Sự việc chẳng đến nỗi long trọng như thế đâu!

Về việc “cấp giấy thông hành” phải nói dài dài như sau: Ngay từ chuyến đi châu Âu 1997 (có việc ở Bruxelles, Aix en Provence, Paris...) tôi đã không phải làm bất cứ thủ tục nào dù nhỏ nhất với các cơ quan hữu trách Việt Nam. Lúc đầu tôi rất ngạc nhiên, nhưng sau mới biết đấy là kết quả của những Công ước quốc tế mà nhà nước Việt Nam đã ký kết cam đoan thực hiện. Từ đó cho đến nay, tất cả các chuyến đi nước ngoài của tôi (Nhật, Pháp và nhiều nhất là ở Mỹ - hầu hết là do lời mời từ các nước sở tại) tuyệt đối không có can hệ gì đến bất kỳ cơ quan nào của nhà nước Việt Nam. Tôi chỉ việc cầm hộ chiếu của mình (mà mọi người dân bình thường đều có thể có nếu họ xin ở Sở Công an thành phố với lệ phí khi đó là 200 ngàn đồng) cùng giấy mời đến Đại Sứ Quán của các nước muốn tới, họ cấp visa, thế là tôi đi. Sự thay đổi thủ tục này là một bước ngoặt lớn trong việc giao lưu quốc tế vốn cực kỳ rắc rối khó hiểu kéo dài suốt nhiều thập kỷ ở Việt Nam. Vậy thì, với một chuyện thanh thiên bạch nhật như thế này, cả triệu người biết như thế này thì một người có đầu óc bình thường không thể nghĩ ra rằng tôi đi Mỹ vì được “Đảng và nhà nước Việt cộng” “cấp giấy thông hành”.

Về việc “Đảng và nhà nước Việt cộng” cử tôi sang Mỹ “làm nhiệm vụ”:

Giữa năm 2002 William Joiner Center (WJC) thuộc trường Đại học Massachusetts ngỏ ý mời tôi sang Mỹ để tham gia chương trình gọi là “Nghiên cứu về cộng đồng người Việt” do Rockefeller tài trợ. Tôi đã cảm ơn và từ chối vì đơn giản là tôi không biết “nghiên cứu” và tôi không thích “nghiên cứu”. Làm một cái việc rất mất thì giờ, mất nhiều công sức, kết quả là một xấp giấy được bỏ vào ngăn kéo, may ra một năm được vài ba người đọc. Theo tôi đó là chuyện vớ vẩn.

Tháng 8-2002 WJC lại liên lạc với tôi nhắc lại lời mời, tôi rất cảm ơn và vẫn từ chối. Cuối cùng họ chân tình cho biết, nhiều người ở Mỹ muốn gặp tôi. Tôi vui vẻ Thank you very much và bay qua Mỹ. Nhận 6 tháng lương, các loại vé bay nội địa và một cái Thẻ Lưu trú. Viết tới đây tôi rất nhớ và cảm ơn mấy người bạn ở WJC đã quan tâm, chu đáo với tôi rất nhiều.

Sự can dự của “Đảng và nhà nước Việt cộng” vào những chuyến đi nước ngoài của tôi, có chăng là trước đó, vào cuối những năm 80, tôi vô cùng khổ khổ với những việc làm, với những bộ phim không được sự chấp thuận của cấp trên.

2 - “GIÀ RỒI, LÀM THẾ ĐỦ RỒI! CHƠI ĐI! KHÔNG CHƠI THÌ CŨNG CHẾT!”

Ngày 1-10-2002 tới Boston, mấy ngày sau tôi tới văn phòng của WJC trong khuôn viên của Đại học Massachusetts để chào mọi người, “nhận việc” với ông Kevin Bowen Giám đốc Trung tâm.

Sau một hồi trao đổi lại về những băn khoăn của tôi trước lời mời và những việc mà tôi sẽ làm. Các bạn ở WJC hóm hỉnh nói với tôi rằng:

- Đây là nước Mỹ... có nghĩa là ông muốn làm gì thì làm, ông muốn đi đâu thì đi, muốn viết lách hoặc làm phim gì tùy ông. Nếu không hứng thú làm cái gì cả, tiêu hết tiền thì ông về Việt Nam.

- Nước Mỹ của các ông thật là tuyệt! Nếu không làm được gì thì tôi đi chơi. Ông có biết không? Trước khi lên máy bay ở Hà Nội một bạn trẻ của tôi, nó bô bô dặn tôi rằng “Già rồi! Làm thế đủ rồi! Chơi đi! Không chơi thì cũng chết!” Nó nói rất thật lòng và có ý thương tôi.

OK! Thế là tôi đi chơi. Một nhà thơ mới quen biết, anh Hoàng Chính Nghĩa đã đưa tôi đi Las Vegas. Lần khác, một cô gái Mỹ chính cống nói tiếng Việt rất sành điệu lái xe đưa tôi đi Hollywood.



một cô gái Mỹ chính cống nói tiếng Việt rất sành điệu lái xe đưa tôi đi Hollywood

Cô ấy rất tốt với tôi, có lúc hai đứa dừng xe, ngồi trên đồi cao, ngắm toàn cảnh vùng

Hollywood... Thế mà bây giờ tôi quên mất tên cô ấy rồi, chán thật! Tôi gặp lại Lưu Hà, người quay phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” sau nhiều năm lưu lạc. Hà đãi tôi một chuyến du ngoạn Disneyland. Rồi mấy bạn trẻ từ Việt Nam sang du học rủ tôi đi xem Lá Vàng, mùa thu vàng ở vùng Đông Bắc, tiểu bang Vermont... Thiên nhiên nước Mỹ, bầu trời, rừng cây, sóng biển, màu nắng quả là hấp dẫn trong mắt một người làm phim như tôi.

Nhưng, tựa như một ma lực, một định mệnh, tôi bắt gặp nhiều hoàn cảnh, nhiều câu chuyện trong bà con người Việt mà tôi có thể tiếp xúc. Vui thì tôi chóng quên, buồn thì tôi bị ám ảnh, ám ảnh nhiều lắm, nhất là chuyện vượt biên, vượt biển, cải tạo, tù tội...

Bất giác trong tôi, mơ hồ một mặc cảm tội lỗi...

Rồi một lần đi trên xa lộ mênh mông với hơn chục làn đường, dài hun hút, ngược nhìn bầu trời, có những đàn chim bay rất cao về phương Nam, bên phải là Đại Tây Dương sóng đập ầm ầm vào vách đá tung bọt trắng xóa. Tôi chột rùng mình, như thấy một sự mách bảo từ rất cao, từ rất xa, rằng: Trời Phật đang cho người một cơ hội để làm một việc có ích! Tôi lặng người...

Từ đó tôi không đi chơi nữa, tôi quyết định toàn tâm toàn ý vào một công việc rất mơ hồ và không rõ cái đích ở đâu, chỉ định ninh là nó sẽ có ích. Tất nhiên với WJC, với Kevin, nói gì thì nói, nghĩ gì thì nghĩ chứ trước khi rời khỏi Mỹ, dài ngắn nông sâu gì thì tôi cũng sẽ nộp cho anh ta một xấp giấy có chữ. Gọi nó là gì cũng được, nhưng xin chớ gọi là “công trình nghiên cứu” Kevin ạ!

Tôi không rong chơi được nữa, dù lời người bạn trẻ vẫn văng vẳng bên tai: “Già rồi! Làm thế đủ rồi! Chơi đi! Không chơi thì cũng chết!”

3- ĐẦU TÊU LÀ BỐ NGUYỄN NGỌC!

Tôi đặt bút viết những trang đầu, rồi cố gắng viết ra được quãng năm sáu mươi trang, suôn sẻ. Do có thói quen “đội mũ Kim Cô ô tômatích” (trong giới văn nghệ sĩ Việt Nam không ít người chỉ cần nghĩ khác cấp trên là tự nhiên thấy đau đầu), tôi luôn nghĩ đến người đọc, người đọc trong nước và đặc biệt là người đọc ở Mỹ. Tôi bị khựng lại hoàn toàn. Tôi không thể viết được, dù cố gắng, dù có tấm lòng, dù chân thực, dù khách quan thì những gì tôi viết ra vẫn sẽ bị sấm soi, mổ xẻ, suy diễn bởi một điều đơn giản: Tôi từ Việt Nam sang! “Ôi, cái người Việt mình nó thế!” Có biết bao điều cần nhấn gởi, cần tỏ bày, cần suy ngẫm xung quanh tôi, nhất là tôi đi nhiều tiểu bang, gặp nhiều người, thăm nhiều gia đình, lắng nghe và nói chuyện đến gần một trăm buổi ở các Đại học danh tiếng nước Mỹ.

Hoàn cảnh xui khiến, nghề nghiệp mách bảo, có một cách làm khả dĩ hơn, người đời dễ cảm thông hơn, đó là đề mấy ông bạn văn chương, trí thức, cởi mở để trao đổi, trò chuyện về chính cuộc sống và suy nghĩ của người Việt ở đây. Ôi đó là thượng sách, khỏi phải đau đầu, khỏi phải viết, chỉ việc ghi chép trung thực và cam đoan với nhau: nếu công bố thì phải “Y như bản chính”.

Tôi nhẹ cả người, tấm lòng của bạn bè và sự tình quý của một người làm phim tài liệu đã mở ra một lối đi cho tôi. Nhưng cũng mất nhiều công sức lắm, bàn thảo với các anh chị ấy nhiều lắm, cuối cùng thì toàn bộ bản thảo được chỉnh lý, đánh máy đóng bìa, chốt lại trên 200 trang, để nộp cho WJC, hai tuần trước khi tôi rời nước Mỹ.

Thế rồi, “trời xui đất khiến” thế nào, bỗng dưng bố Nguyễn Ngọc lù lù tới Boston, ở cùng nhà, đi dạo, chuyện trò, thăm hỏi linh tinh: “Thủy, cậu sang đây làm gì?”... “Thế à? Viết xong chưa?”... “Đưa tớ đọc chơi được không?”...

Bố Nguyễn Ngọc đọc 3 đêm, sáng dậy chưa ngồi vào bàn ăn, mắt còn đỏ vì thức khuya, đặt tay lên tập bản thảo và nhìn vào mắt tôi: “Thủy! Cái này nó rất cần và có ích.” Tôi không tin ở tai mình, hỏi lại: “Anh bảo sao?”. Nguyễn Ngọc nhắc lại: “Cái này rất cần và có ích.” Tôi nóng ran cả người. Bố này mà đã nói là tôi tin, nhưng chẳng lẽ cái “công trình nghiên cứu” dơi chẳng ra dơi, chuột không ra chuột này mà lại cần và có ích sao? Một người bạn đứng bên nghe chuyện, anh không khen chê, không bình luận mà chỉ thủng thẳng: “Tập này mà in thì cậu không về nước được! Về nước thì không bao giờ có chuyện in. Chưa có thằng nào qua đây in sách kiểu này mà dám vác mặt về nước.” Chỉ vài giây im lặng, tôi nói rành rọt với nhà văn Nguyễn Ngọc: “Nếu anh bảo cái này nó cần và có ích thì chắc chắn tôi in ngay và tôi cũng sẽ về nước ngay.”

Ngay hôm sau tôi bay từ Boston qua Las Vegas đến Los Angeles. Đón tôi ở sân bay là nhà văn Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy. Ngay lập tức, trên xe, với mobile phone, Hoàng Khởi Phong cùng Cao Xuân Huy đã liên lạc, thu xếp và quyết định việc in “Nếu Đi Hết Biển” trước khi tôi bay về Việt Nam. Tôi bảo in ấn thì phải xin phép và duyệt nữa thì chẳng kịp đâu. Hoàng Khởi Phong và Cao Xuân Huy cười phá, giễu nhau: Chán quá! Nước Mỹ không có Ban Tư tưởng Văn hóa! Ừ nhỉ, ngay cả Bộ Văn hóa cũng không có nữa! Vậy mà tại sao người Mỹ lại ăm về quá nhiều giải Văn hóa Nghệ thuật đến thế, cả Oscar và cả Nobel?... Quái lạ!

Cuốn “Nếu Đi Hết Biển” nó ra đời lòng vòng là vậy. Chẳng có âm mưu gì đáng ngại, chẳng có tài cán gì đáng nể. Chung qui, hay dở, đúng sai gì thì do bố Nguyễn Ngọc đầu têu mà thôi.

4- “CÁI NGƯỜI VIỆT MÌNH NÓ THẾ!”

Cuốn “Nếu Đi Hết Biển” ra đời ở Quận Cam năm 2003, ngay lập tức được lan truyền. Nói một cách công bằng rằng, ở Mỹ khá nhiều người đọc chấp nhận nó, nhưng cái kẹt của nó là: Do một người trong nước sang thực hiện. Thời điểm đó, phương tiện thông tin đại chúng của người Việt ở Mỹ không dễ dàng đồng tình với việc làm của một người trong nước, vốn sống dưới chế độ “cộng sản toàn trị”. Do vậy những người đồng tình thì im lặng; những người sốt sắng tỏ thái độ phản đối, lên án thì sẵn sàng có diễn đàn.

Tình cảnh của “Nếu Đi Hết Biển” ở Mỹ lúc đó cũng giống như tình cảnh của “Hà Nội Trong

Mắt Ai” ở Việt Nam vào đầu những năm 80. Ngày ấy người thích thú, tán thành “Hà Nội Trong Mắt Ai” thì khá đông nhưng không có quyền, không có diễn đàn; người phản đối, lên án thì rất ít, nhưng có quyền, có diễn đàn, thậm chí có cả một guồng máy. Các cụ ngày xưa nói “Trong họa có phúc” chẳng sai. Người ta tò mò tìm mua, biếu tặng nhau và gửi về Việt Nam “Nếu Đi Hết Biển” đến đoạn hết sạch. Năm 2004 Hoàng Khởi Phong lại lo việc tái bản. Tái bản sách tiếng Việt ở Mỹ cũng là chuyện hiếm vì người đọc tiếng Việt thưa thớt dần. “Nếu Đi Hết Biển” giống “Hà Nội Trong Mắt Ai” ở chỗ được mọi người quan tâm tìm xem, đọc vì nó được chú ý, được đồn thổi nhiều chứ chưa hẳn vì nó hay. Cho nên “trong họa có phúc” là thế.

Chuyện phúc - họa này tôi cũng đã có lần nói với các đạo diễn điện ảnh Mỹ nhân dịp ở Viện Hàn Lâm Âm nhạc Brooklyn (BAM) - New York tổ chức chiếu phim của tôi với sự có mặt của đạo diễn đoạt giải Oscar, Peter David. Người ta hỏi tôi:

- Làm phim ở Việt Nam có phải kiểm duyệt qua nhà nước không?

Tôi bảo:

- Câu hỏi vừa rồi như của một người ở hành tinh khác! Đương nhiên là có chứ!

- Tại sao?

- Làm phim ở Việt Nam muốn công chiếu thì phải duyệt! Nhờ duyệt, nhờ phê phán, nhờ cấm đoán ầm ĩ mà tôi được mọi người chú ý, rồi có thể nói... tôi nổi tiếng! Đấy các ông xem, làm phim mà cứ muốn làm thế nào thì làm như ở Mỹ các ông thì làm sao tôi nổi tiếng được. Tôi thương các đạo diễn Mỹ, các vị thường phải bỏ ra đến một phần ba kinh phí để làm quảng cáo thì mới có đông người xem, mới nổi tiếng. Tôi chẳng mất xu nào, chỉ nhờ vào duyệt, vào phê phán, cấm đoán, tôi nổi tiếng.

Thưa các anh, bởi vậy các anh có thể tin là tôi rất bình thản trước những phê phán, bài xích, bôi nhọ “Nếu Đi Hết Biển”. Chuyện này tuyệt đối không là cái gì so với những điều tôi từng trải qua. Những chuyện từng trải trong việc làm nghề của tôi nó kinh khủng hơn nhiều, nó ly kỳ hơn nhiều, những chuyện ấy thật mà như bịa, hấp dẫn chẳng kém chuyện kiếm hiệp Tàu.

Có chăng, tôi thấy buồn cho người Việt mình. Hãy đọc lại Vũ Ánh (một phóng viên kỳ cựu của Việt Nam Cộng Hòa, đã từng tháp tùng Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu thăm Italia). Trong lời bạt của “Nếu Đi Hết Biển”, ông đã thất vọng như thế nào về bản ngã của người Việt.

Mọi người đều biết, ở Mỹ từ lâu đã có một khái niệm “Nồi Hầm Nhừ” (Melting Pot). Nó rất có ý nghĩa với các cộng đồng nhập cư vào Mỹ. Về nghĩa bóng, từ điển tiếng Anh BBC (1993) định nghĩa Melting Pot như sau: “Một nơi, một hoàn cảnh trong đó những con người những nền văn hóa và tư tưởng hòa trộn với nhau.” (Hồ sơ Văn hóa Mỹ. Trang 63. NXB Thế giới). Ở Mỹ, sự hòa trộn đó không diễn ra như một quá trình xâm thực, đồng hóa, áp đặt mà dựa trên nền tảng **chấp nhận sự khác biệt** để cùng nhau xây dựng cuộc sống văn minh và thịnh vượng. Phải chăng đó là

cốt lõi, là tinh hoa của “Nồi Hầm Nhừ”. Vậy nó có tác động gì không đối với cộng đồng người Việt Nam trong vấn đề mà chúng ta đang đề cập?

Theo nhiều nhà nghiên cứu xưa và nay, bản ngã con người Việt là rất có vấn đề. Bởi vậy cụ Phan Chu Trinh mới chủ trương nâng cao dân trí là việc hàng đầu; rồi học giả Nguyễn Văn Vĩnh đã có mục “Xét Tật Mình” trên các trang báo của ông đầu thế kỷ 20, cũng là để nói vấn đề này.

Vậy phải chăng cái gốc của vấn đề không chỉ là thể chế chính trị (đương nhiên thể chế chính trị là quan trọng, tối quan trọng) nhưng vấn đề cốt lõi là **bản ngã con người Việt**?

Có lẽ nên kể thêm rằng, thời kỳ đó cùng qua Mỹ tham gia chương trình của WJC có anh Huệ Chi, anh Hoàng Ngọc Hiến và nhiều trí thức ở các quốc gia khác nhau. Anh Huệ Chi, một trí thức có bản lĩnh, chưa bao giờ là đảng viên cộng sản, một người luôn đau đầu với những ngang trái của xã hội, lúc đó cũng bị la ó, chửi bới tồ tẹt là tay sai cộng sản, là du kích văn hóa... Anh Huệ Chi chỉ mỉm cười và chăm chú vào việc học vi tính để đến ngày nay làm chủ một trang mạng được kính trọng vào bậc nhất Việt Nam: Bauxite Việt Nam. Tôi thì rất dốt về computer, may quá hồi đó cùng ở với đạo diễn Đỗ Minh Tuấn, anh là người đầu tiên chỉ dẫn cho tôi cách meo móc, chát chũa...

Hồi đó, ở Mỹ, anh Hoàng Ngọc Hiến cũng bị chửi dữ lắm, nhưng anh cũng chỉ cười khì khì, suốt ngày cậu cậu, tớ tớ. Chúng tôi quý trọng anh lắm, thăm hỏi, gặp nhau luôn, ở nhà, ở câu lạc bộ, ở hội thảo văn học Việt Mỹ vừa rồi. Chứng kiến thời thế, tình cảnh dở khóc dở cười của người Việt mình ở trong nước cũng như ở ngoài nước, anh thường lắc đầu, hạ một câu mà ai cũng khoái: “Ôi! Cái người Việt mình nó thế.”

5- “MÊ LỘ”

Thưa các anh,

Thư tới đây kể như đã dài dòng. Tuy nhiên sẽ không khách quan, không trung thực nếu lảng tránh hoặc quên đi một việc quan trọng mà có thể nhiều bạn đọc quan tâm. Đó là thái độ của cấp có thẩm quyền nhà nước Việt Nam ra sao với cuốn “Nếu Đi Hết Biển”. Vui đáo để. Xin kể:

Sau khi tôi từ Mỹ về Hà Nội vài ngày, có một người bạn, xưa cùng đi chiến trường đến thăm tôi (anh viết văn, tôi làm phim). Anh rất OK với “Nếu Đi Hết Biển” và đặc biệt lưu ý xin tôi một cuốn để về chuyển cho một người, cũng là bạn thuở chiến tranh nhưng bây giờ làm thủ trưởng cơ quan Tư tưởng Văn hóa của Đảng. Tôi ngại quá, nói rằng đây không phải tác phẩm, tác giả gì cả mà chỉ là một điều tra xã hội học trực tiếp, chẳng hay ho gì đâu, đưa ông ấy đọc chẳng tiện tí nào. Anh bạn quyết xin và nói ông ấy đọc xong sẽ gặp tôi. Anh bạn cầm cuốn sách đi, rất chân thành. Tất nhiên tôi chẳng có thì giờ chờ đợi gặp gỡ ai cả. Nhưng, sau đó, vào đầu năm 2005, chuyện chẳng lành đã tới: Một người thương tôi đã chuyển cho tôi một văn bản có tiêu đề: “Báo cáo tổng kết tình hình Tư tưởng Văn hóa năm 2004” có đóng dấu TỐI MẬT, do một người tên là

Đào Duy Quát ký. Tất nhiên trong cái báo cáo “tối mật” mà tôi bắt buộc dĩ phải đọc ấy có nhiều chuyện trời ơi đất hỡi mà tôi chẳng quan tâm. Nhưng đến cái mục phê phán gay gắt cuốn “Nếu Đi Hết Biển” thì tôi phải đọc. Tôi đã quen đọc những bài báo, những tổng kết, báo cáo phê phán tôi rồi, không những thế trong tay tôi còn lưu giữ khá nhiều những gì trong và ngoài nước viết về tôi. Chẳng lẽ lại chụp hình bản “báo cáo tối mật” đó và đính kèm cùng bức thư này, làm thế thì cầu kỳ, sang trọng quá.

Nhưng có lẽ ơn nhờ vào sự phê phán ấy, cùng với những lời đồn thổi của “Thông Tấn Vĩ Hà”, “Nếu Đi Hết Biển” được lén lút mang về Việt Nam cũng không ít, nhiều người chuyển tay đọc bản photo của bản photo và thậm chí thuê, mượn ở các quán sách vỉa hè. Một số Nhà xuất bản có nhã ý muốn in. Anh Nguyễn Đức Bình, Giám đốc Nhà xuất bản Văn nghệ từ Sài Gòn ra Hà Nội, tới nhà tôi thương thảo việc in “Nếu Đi Hết Biển”. Tôi vui vẻ tiếp anh và rằng, tôi cảm ơn sự quan tâm của anh và sẽ không lấy một xu bản quyền. Nhưng có một điều kiện duy nhất: Nhà xuất bản phải in nguyên xi 100%, đúng từng dấu chấm dấu phẩy. Anh Bình bảo chữ nào nhạy cảm quá anh sẽ cho lược bỏ và chấm chấm. Tôi nói: Có lẽ không nên như thế, bởi vì làm như vậy, các bạn và những người đã đối thoại với tôi, giúp tôi làm cuốn sách này ở bên kia sẽ ăn đòn vì bị cho rằng: Mặc mưu Cộng sản.

Quả là không đơn giản.

Thưa các anh,

Tổng quát lại, nhân đây tôi cũng muốn tâm sự một điều, người Việt Nam ta không biết tự bao giờ, không biết vì lý do gì, bỏ ra không biết bao công sức, thời gian, tiền bạc và tính mạng để (nói theo kiểu dân gian)... Oánh nhau!

Thật khổ! Một dân tộc thiệt thòi đủ đường, khó khăn đủ đường; chung sức chung lòng, hết tình hết nghĩa với nhau còn chẳng ăn ai hưởng hồ chỉ ham “oánh nhau” thì làm sao mà khá lên được. Sức lực đâu còn, ca-lo đâu còn để mà xây dựng, để mà kiến thiết nữa. Phải chăng cái chuyện “Biểu Diễn Lập Trường”, cái chuyện “Mê Lộ” (tôi ngẫm nghĩ nhiều lắm về cái từ “Mê Lộ” này của Nguyễn Mộng Giác) vẫn còn là vấn nạn của người Việt chúng ta dài dài. Các thể chế chính trị và cả giới trí thức chưa thực sự quan tâm đúng mức đến vấn nạn này. Rõ ràng là bên cạnh những cốt cách tốt đẹp, thì người Việt Nam ta, đâu đó vẫn tiềm ẩn không ít những thói hư tật xấu rất tệ và rất hại.

Cuối cùng cho tôi được thành tâm bày tỏ tình thân ái và lòng biết ơn chân thành với các anh vì đã có dịp được sẻ chia những điều mà tôi cho là đáng lưu tâm này.

TRẦN VĂN THỦY

Tái bút:

À quên, các anh có nhắc tôi đồng ý hoặc tự đưa “Nếu Đi Hết Biển” lên mạng. Về phía tôi, không có gì trở ngại, nhưng tôi vốn là người được dạy dỗ kỹ nhất ngành Điện ảnh Việt Nam về “ý thức tổ chức kỷ luật” nên tôi đề nghị các anh: Thứ nhất, xin phép Ban Tư tưởng Văn hóa. Thứ hai, đọc rồi nếu thấy cuốn sách dở quá thì ráng chịu.

Tôi nghĩ Tết nhất sắp đến rồi, mong có dịp được gặp gỡ các anh, làm một bữa rượu, hi hi, ha ha cho vui cuộc đời. Ở đời, cái gì quan trọng thì quan trọng rồi nhưng xét cho cùng thì chẳng có gì là quan trọng cả. C'est la vie!

HAI MƯƠI

Tôi không ngủ được. Chẳng hẳn vì những kỷ niệm xa xưa thời học trò với bạn tôi sống lại, dỗi về. Chẳng hẳn vì chuyện Đính tự tử hụt trong trại cải tạo. Cũng chẳng hẳn vì những lần tôi suýt chết trong các trận chiến ác liệt. Mà tôi cứ hình dung ra một sự hoán vị rất có thể xảy ra giữa hai chúng tôi.

Cuộc sống là nguồn cảm hứng để nghệ sĩ sáng tạo ra tác phẩm, nó là “nguồn” kịch bản vô tận của phim tài liệu. Mỗi tác giả khai thác thứ mình quan tâm trong cái nguồn vô tận ấy. Trong cuộc sống muôn màu muôn vẻ thì thân phận con người là điều Trần Văn Thủy nhạy bén nhất và luôn lấy nó là “chất liệu” trong tất cả các phim tài liệu của mình. Thủy rung động trước mọi cảnh đời và tìm thấy ở đó những cảm hứng sáng tạo để đưa trở lại với mọi người với mong muốn tất cả đều chia sẻ, để gần nhau hơn, thương nhau hơn. Tác phẩm đầu tay của Thủy là cuốn phim về chiến tranh, nhưng tuyệt nhiên không thấy những trận đánh khốc liệt, khí thế hào hùng, hy sinh oanh liệt, chiến thắng vẻ vang mà là những thân phận con người trong cuộc sống đầy gian nan nguy hiểm đó.

Khi có việc ở nước ngoài, có điều kiện đi nhiều nơi, Thủy đã tìm gặp nhiều người, nhất là các nghệ sĩ, trí thức, nhà hoạt động xã hội để làm phong phú vốn hiểu biết của mình, để làm quen với cách tiếp cận và tiếp nhận các tư duy khác nhau về mọi vấn đề. Suy cho cùng cũng là chuyện làm nghề. Con tằm không thể cứ nhả tơ mãi mà không ăn lá dâu, người nghệ sĩ không thể sáng tạo mà không thường xuyên hấp thu chất liệu từ cuộc sống để làm giàu sự hiểu biết nhất là trước cuộc sống còn khá mới lạ đối với mình.

Trần Văn Thủy đã kể lại những chuyến đi như thế trong cuốn sách “Nếu Đi Hết Biển” đã được tái bản lần thứ hai, tất cả đều được thực hiện ở nước ngoài, một tác phẩm đầy tính nhân văn không hiểu sao không thấy có ở Việt Nam.

Bây giờ xin trích ra đây một phần nội dung cuốn sách “Nếu Đi Hết Biển” đã nói ở trên của Trần Văn Thủy.

Một - Mấy lời rào đón

Thưa bạn đọc!

Cho tôi được thưa “bạn”, tôi quan niệm đọc của nhau là bạn được rồi. Người cao niên hơn tôi, người ít tuổi hơn tôi đều được coi là bạn, bạn vong niên. Tôi thấy chữ “bạn” nó gần gũi, cổ xưa và thân thiện quá. Thật bất hạnh nếu như trên đời này ta không có bạn.

Rồi tôi bỗng giật mình, chợt nhận ra rằng, biết đâu, trong tình cảnh hiện tại của người Việt

Nam ta, lỡ có người giận dữ mà rằng: “Thằng Việt cộng! Ai bạn bè với mày!” Thế là tôi chột dạ, phải cân nhắc sao cho phải.

Tôi nghĩ tới chữ “quý vị” mà tôi đã dùng trong nhiều buổi gặp mặt với người ngoại quốc ở các nước mà tôi đã tới chiếu phim và thuyết trình. Hình như chữ “quý vị” rất sang trọng, có khoảng cách, được thông dụng ở giới thượng lưu từ đầu thế kỷ XX khi cung cách ứng xử và văn minh phương Tây tràn vào xứ An Nam nhỏ bé và yếu đuối của chúng ta. Vậy thì phải hơi dài dòng một chút:

- Thưa quý vị và các bạn!

Đến đây tôi mới cảm thông với các xướng ngôn viên xinh đẹp và trẻ trung của các đài truyền hình trong nước. Những năm trước đây thường nhất loạt: “Thưa các bạn.” Nghe nói có cụ 70, 80 bực mình, coi như bị xúc phạm. Cụ mắng xa xả vào cái tivi vô tội: “Lũ trẻ ranh! Ai bạn bè với chúng mày!” Phải công nhận là người Việt ta khó chiều quá. Riêng tôi thì khẳng định là mình dễ tính hơn, được một cô gái kém mình 20, 30 tuổi coi là bạn hoặc gọi là anh thì sướng râm ran trong người rồi.

Những năm qua đất nước thời mở cửa, người ở xa quê về nhiều, người ngoại quốc biết tiếng Việt cũng lắm, cách thức xưng hô trên truyền hình cũng uyển chuyển theo: “Thưa quý vị và các bạn!” Vậy là tôi rất cảm thông và hoàn toàn tán thành với cách xưng hô rất có lý trên truyền hình Việt Nam buổi giao thời. Chỉ bâng khuâng một nỗi rằng, một dân tộc tự hào có tới mấy ngàn năm lịch sử, có một nền văn hiến dài lâu như đất nước tôi mà đến cách xưng hô cũng phải lúng búng theo thời cuộc.

Thưa quý vị và thưa bạn đọc!

Trên tay quý vị và các bạn không phải là một cuốn sách. Chắc chắn là vậy, chứ chẳng phải vì khiêm tốn giả vờ. Nói đến sách, người ta thường chờ đợi trong đó: tri thức, văn chương, tư tưởng, học thuật.

Từ đầu năm 2001 một số nhà nghiên cứu người Việt, người Mỹ đã động viên tôi và viết thư giới thiệu tôi với Trung tâm William Joiner để tôi có thể tham gia viết một cái gì đó. Quả thực là bởi nhiều lẽ, tôi rất ngần ngại. Sau rồi, nghĩ lại, không đi thì tiếc, cuối cùng tôi đã có mặt trên đất Mỹ dài dài. Tôi đã đi nhiều nơi, gặp nhiều người, tới trên 20 trường đại học và thành phố thuyết trình, hội thảo và chiếu mấy bộ phim tài liệu của chúng tôi đã làm. Rồi công việc đưa đẩy, tôi lui tới nước Mỹ nhiều lần, bay trên ba chục chuyến bay trong nội địa nước Mỹ. Tôi thấy được nhiều điều và cũng vỡ ra được nhiều điều. Nếu bén gót đệ tử, cháu chắt cụ Nguyễn Tuân thì tôi có thể dám viết một cuốn sách với tựa đề: “Nước Mỹ Rong Chơi”. Viết được thế mới sướng. Nhưng tôi đã lỡ theo cái nghiệp, cái cách làm phim tài liệu và chỉ có cái góc nhìn rất hạn hẹp, rất mộc mạc của một người làm phim tài liệu.

Cũng đôi lúc máu me lên, nhằm nhe định viết một cái gì đó cho có đầu, có đuôi. Nhưng khi đọc lời tựa quyển một “Người Trăm Năm Cũ”, Hoàng Khởi Phong viết: “...*Tôi tự biết tôi là một người xa lạ ở nơi đây, mặc dù tôi đã tới đây rất sớm. Mười tám năm đã qua (giờ đây là 28 năm đã qua, Trần Văn Thủy), cho dù có thêm mười tám năm nữa tôi tự biết tôi vẫn là một kẻ ở bên lề. Không nên viết về một đời sống khi hiểu được mình chỉ là một kẻ đứng bên lề...*”, tôi bót đi sự hăm hở.

Bởi vậy, đây thuần túy chỉ là những ghi chép thô sơ từ cuộc sống, từ công việc của tôi cùng với những ý kiến đóng góp, trao đổi trong tình thân của một số quý vị mà tôi được coi là bạn.

Vậy, nếu ai muốn tìm kiếm những điều cao siêu về tư tưởng, văn chương hoặc soi mói những điều kém cỏi về lập trường, quan điểm xin hãy bỏ qua, đừng đọc tiếp.

Tôi không có sở trường giới thiệu mình bằng ngòi bút, không có nguyện vọng đăng đàn diễn thuyết và đặc biệt là không có khả năng tranh cãi với bất kỳ ai. Ở đây tôi chỉ xin ghi chép lại đôi điều tôi nghĩ, tôi thấy, tôi trải qua cùng việc trò chuyện với một số tri thức, nhà văn hải ngoại. Khi con người chỉ muốn trình bày cái sự nghĩ của mình mà phải rào đón là không có khả năng tranh cãi với ai, tự biết đã là hèn lắm rồi.

Thực ra ý tưởng của cái sự viết đôi điều tản mạn này nó ám ảnh tôi từ những năm 80, khi vào dịp đó, trong bối cảnh không mấy sáng sủa, chúng tôi đã thực hiện một số phim tài liệu, trong đó có hai bộ phim được người xem trong và ngoài nước quan tâm: “*Hà Nội Trong Mắt Ai*”, 1982 và “*Chuyện Tử Tế*”, 1985. Tuy nhiên những bộ phim đó mãi tới cuối năm 1987 mới được phép chính thức khởi chiếu. Đó là những năm định mệnh trong cuộc đời làm phim của tôi.

Nghĩ ra, nhiều khi con người cảm thấy đơn côi ngay cả với chính mình. Tôi bụng bảo dạ: “*Sao mà u mê đến thế nhỉ, thần kinh đến thế nhỉ? Đó là những chuyện trời ơi đất hỡi. Rồi hỡi! Mà hãy sống cho yên thân!*”.

Vâng, loài người nói chung và con người nói riêng đa phần vẫn có thói quen muốn sống cho yên thân, sống cho bản thân mình. Chí phải! Tôi cũng vậy. Đây là chưa kể những ham muốn, những khát khao trong một cảnh ngộ mà chất *Người* thì ít, chất *Con* thì nhiều. Nhưng rồi những khoảnh khắc tĩnh lặng, những đêm trắng thâu canh, hình như có một cái gì đó nó dựng mình dậy, hối thúc mình, mách bảo mình phải nghĩ một cái gì đó, bận tâm một cái gì đó, hành xử một cái gì đó. Chẳng qua chỉ là để giải tỏa cho chính mình, đối thoại với chính mình, hoài niệm cho chính mình.

Hai - Nếu Đi Hết Biển...

Nhớ lại, từ những năm ấu thơ tôi đã tha thiết lời ru:

Con cò lặn lội bờ sông.

Cò ơi sao nữ quên công mẹ già?

Hỏi rằng ai để cò ra.

Mà cò lại bỏ mẹ già không nuôi.

Nhớ khi đi ngược về xuôi.

Mẹ đi bắt tép mẹ nuôi được cò.

Cò ơi cò bạc như vôi.

Công cha, nghĩa mẹ cò còn nhớ không?

à á à ơi....

Trong tâm trí thuở thiếu thời của tôi, lời ru ấy gắn với những năm tháng tản cư về quê, với lũy tre làng, tiếng văng, với những buổi chiều nắng dát vàng trên cánh đồng lúa. Gắn liền với hình ảnh thân thương của thầy mẹ tôi theo cái cách: “Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời.”

Thế rồi gần nửa thế kỷ sau, cuộc đời đưa đẩy, khi thực hiện một bộ phim tài liệu dài với sự bảo trợ về tài chính của một quốc gia giàu có là Nhật Bản, tôi vẫn không thể quên những ký ức xa xưa, đầu đời ấy. Ở bộ phim do tôi làm nhưng *Made in Japan* với tựa đề “Có Một Làng Quê”, đoạn kết phim là như thế này:

“Thuở tôi còn nhỏ gia đình tôi tản cư về quê. Người chăm lo, nuôi dạy anh em chúng tôi là một bà vú nuôi nhà quê mà chúng tôi vẫn triu mến gọi là thím, thím Nhuận.

Mỗi buổi tối, sau những công việc vườn tược, xay lúa, giã gạo, khi gà đã lên chuồng, thím mắc võng ra hiên nằm kể chuyện cho chúng tôi. Khi ấy tôi chưa hề biết rằng bà không biết chữ, mà chỉ thấy bà thuộc lòng những chuyện thơ dài suốt đêm này qua đêm khác.

Thế rồi một đêm, dưới vòm trời bí ẩn đầy những vì sao lấp lánh, trong trí tưởng tượng ấu trĩ của tôi bỗng nảy ra một dấu hỏi to tướng về sự hữu hạn và vô hạn. Tôi bắt đầu lục vấn thím tôi:

- Đi hết làng ta thì đến làng nào hả thím?
- Làng ta gọi là làng An Phú. Đi hết làng ta thì đến làng An Lễ.
- Đi hết làng An Lễ thì đến làng nào?
- Đi hết làng An Lễ thì đến làng An Phong.
- Rồi đi đến đâu nữa?
- Hết làng An Phong thì đến làng An Nhân, An Đạo.
- Đi hết làng An Đạo thì đến đâu?
- Đi hết làng An Đạo thì ra đến biển.

Bà tự tin giảng giải cho tôi. Tôi vô cùng khâm phục sự hiểu biết rộng lớn của bà. Bỗng tôi nhóm dậy hỏi thím:

- Thế đi hết biển thì đến đâu hả thím?

Trong đêm tối, thím tôi im lặng. Từ ngày có trí khôn chưa bao giờ tôi thấy thím tôi buồn

đến thế. Thím buồn bã trả lời:

- Đi hết biển đến đâu thì thím cũng không biết.

Tôi dần lớn khôn và thím tôi âm thầm qua đời khi tôi ở nước ngoài. Bà không có con, phần mộ của bà thực là ảm đạm. Một lần thắp hương bên mộ thím, tôi xót xa thì thầm với thím rằng:

- Thím ơi! Cháu thương thím, vì cho đến lúc chết thím cũng không biết đi hết biển là đến đâu. Bây giờ cháu biết rồi thím ạ. Nếu Đi Hết Biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình thím ạ! Cháu sẽ dành dụm để xây cho thím một ngôi mộ đằng hoàng. Thím cho phép cháu đề lên bia mộ mấy hàng như thế này:

Nơi đây yên nghỉ thím tôi

Bà già nhà quê mù chữ

Người thầy đầu tiên của tôi

Người Nhật bỏ tiền ra cho tôi làm phim, hơn thế nữa, muốn làm thế nào thì làm. Tôi đã nói về “cái tôi”. Những phim *Made in Vietnam*, nói về “cái tôi” là một điều khó, rất khó.

Nhân đây cũng phải nói thêm rằng, nhiều năm xa quê, trở lại không còn thấy những tên làng như ngày xưa nữa. Tôi buồn lắm. Sử chép rằng ngày xưa, vào năm Tự Đức thứ 10 (1829) khi quan Dinh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ cùng cụ tổ lập ấp của chúng tôi là cụ Trần Trung Khánh khai khẩn, lấn biển, mở mang bờ cõi, lập nên tổng Ninh Nhất, đặt tên làng gồm cửu An: An Lạc, An Phú, An Lễ, An Phong, An Nhân, An Nghĩa, An Đạo... người xưa đặt nền móng đạo lý và kỳ vọng tương lai cho con cháu ngay từ tên gọi của làng quê. Thế mà bây giờ con cháu văn minh, cách tân cho gọi nôm na là xóm 1, xóm 2, xóm 3... như cách gọi trong trại lính. Những tên xưa dần mai một trong ký ức của những bậc già cả. Tiếc lắm.

Quê tôi người đi đạo, đi lương xấp xỉ bằng nhau. Sau 1954 người ta đi Nam cũng nhiều và sau 1975 người ta đi tiếp sang Mỹ cũng lắm. Dễ hiểu thôi, nơi đó là miền biển của tỉnh Nam Định thuộc giáo phận Bùi Chu, chỉ qua con sông Ninh Cơ là đến giáo phận Phát Diệm.

Giờ đây trên đất Mỹ, tiếp xúc với cộng đồng người Việt, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tâm huyết tôi nói bên mộ thím tôi: “...Nếu Đi Hết Biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình...”. Tôi không biết trong lịch sử thịnh suy của đất nước tôi, có thời điểm nào, hoàn cảnh nào dẫn đến sự ly tán lòng người sâu thẳm, dẫn đến việc hàng triệu người chạy ra biển ly hương bất cần mạng sống đến thế không. Nhưng tôi biết rất rõ không ít người Việt xa xứ “qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi, đi mãi” mà cuối cùng không thể “trở về quê mình, làng mình” được.

Tôi đã nhầm khi tưởng rằng điều tâm huyết của tôi trong bộ phim nọ đúng với mọi người. Ở đây, người ta đi hết biển thì chỉ tới nước Mỹ. Và tại nước Mỹ, cộng đồng người Việt là một thế giới muôn hình muôn vẻ, với bao nhiêu vấn đề cần suy ngẫm, luận bàn, không giấy mực

nào tả xiết.

Ba - Một bức thư

Tại nơi đây, nước Mỹ, tôi muốn viết lại câu chuyện riêng tư như thế này. Câu chuyện có lẽ cũng không có gì đặc biệt, nhưng nó quan hệ đến quá khứ, hiện tại và cả tương lai trong cách nhìn nhận của tôi.

Tôi có một bức thư mà khi đọc vợ con tôi bảo rằng: “Bố ơi, đây là kịch bản của một bộ phim truyện hay.” Tôi vốn ít quan tâm đến phim truyện, đến sự hư cấu và đóng diễn mà quan tâm đến những chuyện thật trong cuộc đời, mà bức thư tôi có trên tay là một chuyện thật, chuyện thật của một thằng bạn thuở học trò.

Lại phải kể lan man là vào niên khóa 1953-1954 chúng tôi học lớp Đệ thất B3 trường Nguyễn Khuyến, tiền thân của nó là trường Thành Chung Nam Định ngày xưa. Hình như trong đời mỗi con người, tuổi học trò thường là tuổi để lại những dấu ấn sâu đậm nhất, lung linh nhất. Tôi nhớ trong lớp có những đứa hát rất hay như Lưu Linh, Đào Thúy Lan, Nguyễn Thị Phương Khanh. Những tình khúc như *Chiều, Thiên Thai, Sơn Nữ Ca, Thu, Đêm Đông...* Nhớ lắm.

Tôi ngồi cạnh một thằng bạn thân, học giỏi, tính tình điềm đạm tên là Nguyễn Hữu Đính. Nhà Đính buôn gạo. Ngôi nhà to rộng, xây theo kiểu cổ nhưng có ban công, trên đề tên hiệu buôn là “Linh Lợi”, nét chữ mềm mại, ở số nhà 49 phố Bến Thóc, trước nhà có một cây phượng vĩ rất to.

Câu chuyện về Đính lại liên quan đến một thằng bạn khác trong lớp, tôi quên họ nhưng nhớ tên. Đó là Viễn. Gia đình Viễn ở quê và hoàn cảnh cũng túng bấn. Sức học của Viễn cũng chỉ trung bình nhưng ở cái tuổi 13, Viễn đã đọc và hầu như thuộc lòng toàn bộ tiểu thuyết Tàu có được lúc bấy giờ: *Thuyết Đường, Chinh Đông, Chinh Tây, Tây Du, Tam Quốc, Thủy Hử, Hồng Lâu Mộng...*

Nhà tôi cũng chẳng rộng lắm, nhưng thầy mẹ tôi vốn chiều bạn bè của con cái nên Viễn tá túc ở nhà tôi. Thời buổi ấy không hẳn vì “thóc cao, gạo kém” mà vì thương bạn, Đính thường lấy trộm gạo ở nhà mang đến góp phần cho tôi nuôi Viễn. Mỗi lần đưa cho tôi túi gạo ở nhà hoặc sau giờ tan học, Đính chẳng nói năng gì nhiều mà chỉ dặn rằng: “Nhớ đừng để thằng Viễn nó buồn.”

Thế rồi sau 1954 bạn bè tan tác, một số vào Nam, một số về quê hoặc di chuyển đi tỉnh khác. Vào một đêm, lẽ ra đã lên giường đi ngủ, Đính gõ cửa nhà tôi. Đính vẫn không nói gì nhiều, sau một chút lưỡng lự, Đính chỉ bảo: “Thủy ơi, gia đình tớ đi. Đừng quên nhau nhé, tớ sẽ viết thư.”

Từ đêm ấy chúng tôi không gặp nhau. Đính cùng gia đình vào Nam và để lại cho tôi một cái ảnh màu nâu cỡ 6x9, chụp nghiêng, có ánh sáng ven trên khuôn mặt hơi ngược nhìn lên. Hồi đó

sự liên lạc Bắc Nam chỉ được phép qua một cái carte in sẵn có đôi dòng văn tắt thông báo sức khỏe. Và cũng chỉ được đôi lần như vậy, tôi và Đính hoàn toàn mất liên lạc với nhau, tình bạn thân thương chỉ còn trong trí nhớ.

Kể đến là những năm tháng chiến tranh ác liệt. Tôi được theo học một lớp đào tạo phóng viên quay phim và được điều động vào quay phim ở chiến trường miền Nam. Ba năm lặn lội trong bom đạn, với cái máy quay phim trên tay, nhiều lần cận kề với cái chết, tôi cứ lơ mơ hình dung ra ở phía bên kia, thằng bạn thân năm xưa đang cầm súng chĩa về phía tôi. Ớn Chứa, điều đó đã không xảy ra.

Tôi vào Sài Gòn năm 1978, rồi 1981, cất công tìm kiếm mà không thấy tin tức bạn tôi ở đâu. Những năm sau, nhiều lần tôi ra nước ngoài vì công việc nghề nghiệp, dự Liên hoan phim, hội thảo. Lúc nào và ở đâu tôi cũng có ý thức và bằng mọi cách tìm bạn tôi. Mỗi lần báo chí hoặc truyền hình phỏng vấn, tôi không quên con cà con kê rằng: “Niên khóa 1953-1954 tôi cùng nhiều bạn bè học với nhau lớp Độ thất B3 trường Nguyễn Khuyến Nam Định...” cốt đánh tiếng để xem có thấy tấm hơi thằng bạn của mình ở đâu không. Nhưng vẫn bặt vô âm tín.

Tôi đã về Nam Định nhiều lần, đến ngôi nhà cũ của Đính, lân la dò hỏi nhưng chẳng ai biết gì. Ngôi nhà đã thay đổi chủ tới ba bốn lần. Tình cảnh giống như Từ Thức về làng. Tôi nghĩ rằng thế là hết, chắc nó chết rồi, số trời không thể cho tôi quá nhiều.

Thế rồi may hơn khôn, một dịp rất ngẫu nhiên, một người giúp tôi phát hiện ra người anh em gì đó của Đính còn sinh sống tại Sài Gòn. Tôi vội vã viết một bức thư. Chỉ mấy ngày sau tôi nhận được thư trả lời:

Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 11 năm 2000

Kính gửi ông Trần Văn Thủy.

Thưa ông, tôi đã hân hạnh nhận được thư của ông và xin phép được tự giới thiệu: Nguyễn Hữu Thái, tôi là em trai của ông Nguyễn Hữu Đính. Anh em tôi đã sống tại hiệu bán gạo “Linh Lợi”, số 49 phố Bến Thóc, Thành phố Nam Định vào những năm 1950-1954.

Ngày xưa anh Đính tôi chơi rất thân với ông (anh Thủy) và ông Sơn (anh Sơn DURAS). Các anh thường xem ciné tại rạp Văn hoa (phố Paul Bert) Majestic (phố Hàng Thao)...

Đọc lá thư ông, tôi thực sự xúc động. Lá thư có nội dung sâu sắc, được viết bởi tấm lòng tha thiết và chân thực về những cảm nghĩ của ông đối với những nổi trôi, đón đau của kiếp người Việt Nam và những hoài niệm về thành phố Nam Định đáng yêu ngày xưa: Những hoa cỏ, bến sông, những phố cũ, hè xưa và những người bạn trong những năm tháng đẹp nhất của đời người nay đã cách xa.

Tôi còn nhớ rất rõ cái đêm hai anh Thủy - Đính chia ly, ông có tặng anh tôi một quyển lưu bút rất hay mà ngày nay anh Đính vẫn lưu giữ cẩn thận. Và đêm chia ly ấy anh tôi khi về nhà đã

khóc!

Anh Đinh tôi hiện đang sống tại Montréal. Tôi tin chắc anh tôi sẽ quá đổi vui mừng khi gặp lại người bạn thân yêu thời niên thiếu.

Tôi cũng muốn vui lây với sự đoàn tụ quá đổi bất ngờ này, và xin kính chuyển tới ông địa chỉ của anh Đinh.

Nguyễn Hữu Thái.

Từ Hà Nội, tôi viết thư sang Canada cho bạn tôi và chỉ một thời gian sau tôi đã nhận được hồi âm. Nguyên văn cái bức thư dài 16 trang viết tay ấy là như thế này:

Montréal ngày 7 tháng 12 năm 2000.

Thủy thân quý,

Mình vừa nhận được thư của cậu em từ Việt Nam gửi qua, trong đó kèm thư và địa chỉ của Thủy. Thật là vui mừng và ngạc nhiên hết sức!

Thế là người bạn thân đầu đời sau 45 năm mất tin tức, bây giờ mới tìm lại được!

Sau khi vào Nam, đôi khi coi cuốn album, thấy hình Thủy, mình nhớ lại những ngày hai đứa gần nhà nhau, hàng ngày qua lại chuyện trò. Và mình cũng nhớ Thủy có bà chị tên Muội, tụi mình đã mạo danh chị Muội viết thư chọc phá ông nhạc sĩ Hoàng Giác.

Vào Nam, tuy có những bạn khác, nhất là khi lớn lên, ra đời, mình thấy những người bạn này không giống như tình bạn của mình với Thủy, một tình bạn ngây thơ, trong sạch.

Có một lần ở bên Pháp mình ngồi xem cuốn phim “Chuyện Tử Tế” thấy đề người làm phim là Trần Văn Thủy. Mình nói với bà xã: “Có lẽ người làm phim này là bạn cũ của anh.”

Mình coi đi coi lại cuốn phim này nhiều lần. Mình rất thích. Bởi vì cuốn phim có chiều sâu, nó nói lên một cái gì đấy mà mọi người vẫn chờ đợi. Mình nghĩ bụng: Ở thời điểm này, dám nói như vậy cho mọi người nghe, quả thật là gan dạ, phải nói là dũng cảm mới đúng.

Một hôm đi chợ Á Đông ở Quận 13 Paris, mình gặp một sinh viên từ Việt Nam mới qua, mình hỏi cậu sinh viên này về nhà làm phim Trần Văn Thủy. Cậu sinh viên cho biết nhà làm phim Trần Văn Thủy còn rất trẻ. Mình nghĩ người làm phim này không phải là Thủy. Vì lúc đó mình và Thủy đã trên 50 rồi, còn trẻ cái con khỉ gì nữa! Rồi mình lại nghĩ miên man bởi cái câu: “Sinh Bắc tử Nam”, với những trận mưa bom như thế, chắc gì Thủy còn sống?

Ấy vậy mà vẫn còn sống. Vẫn có tin tức. Bốn mươi lăm năm qua, gần nửa thế kỷ rồi đó, kinh khủng thật. Có điều làm mình hơi buồn là: năm nay mình đã 63, sống giỏi lắm là 10 năm nữa. Không biết trước khi nhắm mắt có còn được gặp lại Thủy hay không? Vì vậy mình đề nghị thế này: Nếu Thủy có dịp đi công tác ở Mỹ hoặc Canada thì ghé Montréal thăm mình, còn mình, nếu

có dịp về Việt Nam, sẽ ra Hà Nội thăm Thủy.

Từ ngày qua đây đến giờ, mình về Việt Nam ba lần, cả ba lần đều do bà mẹ ốm nặng, lần cuối cùng về chịu tang cụ. Cả ba lần về đều trong tình cảnh buồn phiền, nên không đi chơi đâu, chỉ quanh quẩn ở Sài Gòn. Bà cụ mình mất vào tháng 1 năm 2000, thọ 91 tuổi.

Bây giờ mình kể cho Thủy nghe quãng đời của mình từ khi xa Thủy:

Mình rời Nam Định năm 1955 vào một buổi sáng tinh mơ, lúc trời còn mờ tối. Gia đình 6 người, đi làm 3 tốp, mỗi tốp 2 người. Khi đi không mang theo hành trang gì cả, như đi Hà Nội thăm bà con vậy. Nhà cửa vẫn bật đèn sáng, mừng mền vẫn để nguyên.

Ở Hà Nội một ngày, ngày hôm sau gia đình mình đáp tàu hỏa đi Hải Phòng, cũng đi làm 3 tốp, coi như không quen biết nhau. Ra đến Hải Phòng, mình ở đó một tuần, sau đó đáp tàu thủy vào Nam.

Vào Nam, mình học Đệ lục, Đệ ngũ, Đệ tứ trường Nguyễn Trãi Sài Gòn, Đệ tam, Đệ nhị, Đệ nhất trường Chu Văn An Sài Gòn. Cùng học ở Sài Gòn có những bạn cũ của tụi mình như Lê Triều Vinh, Lâm Hữu Trãi, Trần Đình Chi, Nguyễn Thị Phương Khanh, Nguyễn Thị Vinh.

Sau này Lê Triều Vinh tốt nghiệp Đại học môn Toán, làm Giáo sư Toán, Lâm Hữu Trãi tốt nghiệp Quốc gia Hành chính làm Trưởng ty. Trần Đình Chi dạy học. Nguyễn Thị Phương Khanh làm y tá. Nguyễn Thị Vinh làm công chức.

Còn cô Băng Tâm trước dạy Anh văn tụi mình, sau khi vào Sài Gòn, cô đi dạy học trở lại và tự tử năm 1959 vì gia cảnh cô có điều buồn chán.

Sau khi đậu Tú tài phần II, mình ghi tên vào học y khoa. Học đến năm thứ hai thì bị nám phổi. Ông thầy dạy mình, khuyên mình nên chọn ngành khác, vì học y khoa rất cực, phải thức đêm ở bệnh viện, sợ không đủ sức khỏe. Hồi ấy, năm 1961-1962 không có thuốc tốt như bây giờ nên có nhiều người bị nám phổi, chuyển bệnh lao và bị chết. Do đó mình nghe theo lời thầy, bỏ ngành y khoa (đây là thất bại lần thứ nhất, sẽ kể cho Thủy nghe những thất bại kế tiếp).

Rời bỏ trường Y khoa làm mình đau khổ và thất thần mất một năm. Năm sau, một ngày buồn chán ghé trường Luật thăm mấy thằng bạn, tụi nó rủ học Luật, mình cũng ghi tên học Luật. Học đến năm thứ ba thì đọc báo, thấy có kỳ thi tuyển Lục sự tòa án, mình nộp đơn thi, may mắn đậu, mình được tuyển về làm việc tại tỉnh Bến Tre.

Làm tại tòa án Bến Tre được 2 năm thì phải nhập ngũ. Lúc ấy chiến tranh leo thang, tất cả thanh niên phải gia nhập quân đội. Học trường Sĩ quan Thủ Đức 9 tháng, ra trường, vì nhờ có chứng chỉ Hành chính, Tài chính khi học trường Luật, nên được đổi về Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Vũng Tàu, phụ trách về hành chính, tài chính của Trung tâm.

Làm việc tại đây đến năm 1970 thì gặp bà xã và năm 1972 thì cưới bà này, lúc đó mình đã 35 tuổi.

Sở dĩ mình lập gia đình trễ vì mình có ý định sống độc thân suốt đời. Lý do có ý định này là vì mình sống trong một gia đình mà ông cụ và bà cụ mình rất xung khắc với nhau. Sự xung khắc gần như không thể hàn gắn được và cả hai cùng không muốn mỗi người một nơi vì sợ tương lai của 6 đứa con. Thế là cả hai cùng sống bên nhau, nhưng ít khi nói chuyện với nhau, cả hai sống như hai cái bóng.

Hình ảnh này diễn ra cả mấy chục năm làm mình sợ đời sống lứa đôi. Thêm vào đó, khi làm ở Tòa án Bến Tre, ông Chánh án cho mình phụ trách hồ sơ ly thân, ly hôn. Hàng tuần có những cặp vợ chồng, con cái khóc lóc trước tòa vì cảnh chia ly. Điều ấy làm mình càng thêm chán ngán.

Do đó mình quyết định sống độc thân. Mình học làm bếp, học làm bánh, học cắt may. Nghĩa là làm tất cả những việc của người đàn bà, để sau này không cần người đàn bà phụ giúp. Bà mẹ mình có một tiệm buôn lớn ở quận 4 Sài Gòn. Bạn bè của cụ rất đông, bao nhiêu người mai mối. Ba cô em gái mình học trường Trưng Vương, bạn bè ra vào tấp nập, mình phớt lờ tất cả.

Có lần bà mẹ gọi mình vào phòng, cụ nói: “Con bây giờ đã lớn rồi, phải lập gia đình đi cho mẹ yên lòng!” Mình trả lời: “Con quyết định sống độc thân rồi mẹ ạ!” Mình thấy tự nhiên mặt cụ sa sầm xuống, rồi giọt nước mắt từ từ chảy ra. Điều này làm cho mình rất ân hận. Cho đến bây giờ vẫn còn ân hận.

Thế rồi cuộc chiến đấu nội tâm của mình, đến năm mình 35 tuổi, mình phải thua cuộc Thủy ạ! Mình phải thua luật trời đất!

Để mình kể cho Thủy nghe! Hồi làm ở Trung tâm Huấn luyện Cán bộ Quốc gia Vũng Tàu, mình bị bệnh, nằm nhà thương. Những ngày cuối tuần mấy đứa bạn cùng phòng có vợ con, bỏ bịch tới thăm tíu tít. Còn mình thì ông cụ, bà cụ bận buôn bán, mấy đứa em bạn học không xuống thăm được, mình nằm trơ thân cụ một mình. Buồn quá.

Sau khi khỏi bệnh, trên chuyến xe đò về Sài Gòn, ngồi băng ghế phía trước là một cặp vợ chồng với một đứa con nhỏ. Suốt lộ trình từ Vũng Tàu về Sài Gòn, cặp vợ chồng và đứa nhỏ vui đùa rất hạnh phúc. Điều này làm chủ nghĩa sống độc thân của mình bị lung lay.

Một hôm mình chuẩn bị đi công tác với ông Chỉ huy trưởng của mình. Trong khi ngồi ở phòng khách chờ ông để đi cùng xe, cô con gái ông Chỉ huy trưởng ra gặp mình và hỏi:

- Chú đi đâu thế?
- Chú đi công tác Sài Gòn với ba cháu.
- Chú về thăm thím phải không?
- Không, chú đâu có thím.
- Chú nói thật không?
- Thật!
- Vậy thì cháu giới thiệu cô bạn thân của cháu cho chú.

Cô con gái ông Chỉ huy trưởng (tên là Lê Tâm) cho mình cái hẹn chiều chủ nhật tuần tới ở quán cà phê Mây Hồng, bãi trước Vũng Tàu để giới thiệu cô bạn tên Hồng cho mình.

Nhưng tuần sau đó mình đi công tác ở Sài Gòn, lu bu quá nên quên bếng đi mất. Thứ hai trở lại sở làm, Tâm phôn cho mình trách quá: Chú làm cháu và cô bạn chờ chú cả tiếng đồng hồ ở bãi trước Vũng Tàu, mà không thấy chú đâu.

Mình xin lỗi và xin cái hẹn chủ nhật tuần sau. Đúng ngày hẹn, hôm ấy mình bị cấm trại không ra được, mấy thằng bạn rủ nhậu nhẹt, quên không phôn, thế là hai cô bé lại chờ cả tiếng đồng hồ nữa. Lại trách móc. Lần này, mình xin cái hẹn lần thứ ba và hứa sẽ đến đúng hẹn.

Đến giờ hẹn, mình tới, Tâm giới thiệu cô bạn Hồng cho mình. Đó là một cô gái lai Pháp, sinh tại Nam Định, khá đẹp và có vẻ hiền. Mình nói "có vẻ hiền" vì sau hai lần hẹn, mình cho leo cây, mình tưởng lần này sẽ bị trách móc, nhưng không. Cô bé vẫn vui vẻ như không có chuyện gì xảy ra cả. Mình nghĩ thầm, người con gái này đẹp, hiền, có thể lấy làm vợ được. Thế là mình quyết định lấy Hồng. Quyết định một cách tình cờ, dễ dàng, như khi mình quyết định đi học Luật vậy.

Hai năm sau mình làm đám cưới với Hồng, ngày 24 tháng 12 năm 1972. Và 4 - 11 - 1973, Hồng cho mình đưa con đầu lòng (Hồng Ngọc). Lúc ấy Hồng dạy học ở Vũng Tàu, còn mình lương bổng cũng đỡ. Hai vợ chồng đời sống dễ chịu về vật chất cũng như tinh thần.

Thế rồi biến cố 30-4-1975 xảy tới. Trước đó, mình biết trước là chế độ miền Nam sẽ sụp đổ. Mình đã chuẩn bị đưa vợ con về Sài Gòn. Mình cũng về Sài Gòn ngày 1-4-1975 lấy cớ đi tu nghiệp nhưng thật ra mình đã xin được vé máy bay cho cả gia đình đi Pháp. Nhưng ngày 10-4-1975, bà xã mình xin về Vũng Tàu để hốt mấy bát họ. Mình có dặn bà xã chỉ ở Vũng Tàu một, hai ngày rồi phải về Sài Gòn ngay, nhưng bà xã không nghe, ở nấn ná thêm mấy ngày. Lúc trở về, chiến tranh xảy ra khắp nơi, kẹt đường, bà xã không về Sài Gòn được nữa. Tới giờ lên máy bay, mình không nỡ đi một mình, để vợ con ở lại. Lúc đó bà xã mình đang có mang đứa thứ hai (5 tháng).

Thế là mình quyết định ở lại. Khi đoàn xe tăng cách mạng vào thành phố, mình thấy có nhiều người lính chế độ cũ chạy vào mấy đường hẻm tự sát. Có khi một người, có khi hai người, có khi mấy người chạm đầu vào nhau rồi mở chốt lựu đạn.

Mình lúc đó cũng mất tinh thần, lo tù tội, nên ý định tự tử lớn vờn trong đầu. Chiều 30-4-1975, mình đến mấy người bạn bán thuốc Tây, mình nói dối là bị mất ngủ để xin thuốc ngủ. Mình xin được tổng cộng 40 viên (chỉ cần uống 20 viên là không cứu được). Mình quyết định tự tử vào đêm 1-5-1975. Mình viết cho vợ con một lá thư dài để trình bày lý do ra đi của mình.

Con người ta lúc sắp chết kỳ lạ lắm Thủy ạ. Nhìn cảnh vật xung quanh, nhìn những người qua lại ngoài đường, mình có cảm tưởng là tất cả ở trong một thế giới nào khác, chứ không phải là thế giới của mình nữa. Và cũng kỳ lạ thay, mỗi khi cầm thuốc ngủ định đưa lên miệng là hình ảnh vợ con cứ hiện ra trước mắt mình. Rồi mình lại nghe như văng vẳng có tiếng khóc của con

mình ở đâu đây. Rồi mình lại nhớ mỗi khi đi làm về, đưa con chạy đến ôm chân mình mừng rỡ. Thế rồi mình tự hỏi: Tại sao mình ra đi? Tại sao mình trốn tránh trách nhiệm? Tại sao mình trao hết gánh nặng lên vai Hồng?

Nghĩ đến đó, mình từ từ ngồi dậy, lấy lá thư xé nát bỏ vào cầu tiêu cùng với 40 viên thuốc ngủ, giặt nước cho trôi đi (tự tử lần thứ nhất không thành).

Ngày 12-5-1975, mình trình diện học tập cải tạo. Những gì trong trại cải tạo mình xin miễn kể ra đây. Chỉ biết mình qua bốn trại cải tạo: Hóc Môn, Long Khánh, đảo Phú Quốc, Hàm Tân.

Có lần ở đảo Phú Quốc, mình buồn quá và tuyệt vọng nên có ý định tự tử lần thứ hai. Mình còn nhớ, đêm hôm đó trời sáng trắng mờ mờ. Nửa đêm, mình tháo sợi dây dù ở cái vũng của mình ra, khe khẽ cầm sợi dây dù đi về phía cầu tiêu, cạnh cầu tiêu phía hàng rào là căn nhà đang xây cất dở dang, chỉ mới làm cái khung bằng sắt. Buổi chiều mình đã đi qua đi lại chỗ này mấy lần, ý định là đêm nay mình sẽ leo lên cái thang, buộc một đầu dây vào cổ và một đầu dây vào đà sắt.

Nhưng sống chết hình như có số cả Thủy ạ. Đêm hôm đó, sau khi mình cầm sợi dây dù, lẳng lặng đi về phía cầu tiêu, đến chân thang, mình bình tĩnh bước từng bước một lên bậc thang, miệng lầm bầm đọc mấy câu kinh Phật, khi leo lên đến lưng chừng cái thang thì trên chòi canh cạnh hàng rào, một vệ binh quát to:

- Anh kia! Làm cái gì thế?

Mình vội tụt xuống và trở lại chỗ nằm của mình rồi lại nghĩ miên man đến vợ con như lần trước. Sáng hôm sau, định cắt vụn dây dù nhưng không có dao, bèn cuộn tròn hai sợi dây dù cho xuống hầm cầu tiêu.

Mình đi cải tạo được hơn 3 năm thì được về, vì mình tuy là quân đội nhưng biệt phái sang cơ quan dân sự không đánh đấm gì cả. Hơn nữa dân biệt phái cấp bậc chỉ lên đến cỡ trung úy là cùng. Thành ra về tội mình cũng nhẹ và về cấp bậc mình cũng nhẹ.

Mình ra khỏi trại cải tạo cuối năm 1978. Ông cụ mình mất đầu năm 1979.

Ra khỏi trại cải tạo, không kiếm được việc làm, mình tính chuyện vượt biên. Vượt biên năm lần không thoát, mất hết cả vàng bạc, nhưng cũng may là thoát chết hai lần.

Lần đầu ngồi chờ ở bãi đáp (bãi sau Vũng Tàu) trong những lùm cây dại, để chờ tàu nhỏ đón ra tàu lớn. Lúc đó nửa đêm, trời mưa lâm râm. Mọi người đều quỳ gối trên cát đọc kinh, đạo Phật đọc kinh Phật, đạo Chúa đọc kinh Chúa. Hai đứa con của mình khóc ré lên. Mọi người sợ quá, bảo vợ chồng mình phải cho chúng uống thuốc ho để chúng nó ngủ. Uống một muỗng không ngủ. Uống hai, ba muỗng vẫn không ngủ. Uống đến gần nửa chai thì chúng không khóc nữa, mà chúng cứ cười rú lên! Mọi người sợ công an phát hiện nên đuổi gia đình mình về, không cho đi nữa. Thế là vợ chồng, con cái lại dắt díu nhau trốn theo đường mòn để tránh những trạm gác

của công an. Vậy là mất toi 16 cây vàng.

Ngày hôm sau thì được tin thuyền nhỏ chỉ chở được khoảng 40 người mà thôi, mà số khách lại lên tới 70. Không ai chịu nhường ai, cả 70 người leo lên chiếc thuyền nhỏ. Thuyền ra tới ngoài khơi, gặp sóng lớn lật úp chết gần hết, chỉ còn sống sót vài người. Trong số người chết có Hùng, em ruột bà xã mình. Hùng là sinh viên đẹp trai, người cao và là tay bơi nổi tiếng của thị xã Vũng Tàu. Khi hành khách lên hết tàu nhỏ, bà chủ tàu thu vàng của khách cho vào ba-lô đưa cho Hùng đeo lên vai. Khi tàu chìm, mấy người tham vàng đã dìm chết Hùng để lấy ba-lô vàng đó. Bà chủ tàu và ba đứa con bị chết cùng với hành khách.

Mình kể cho Thủy nghe vụ thoát chết lần thứ hai. Cuộc vượt biên này do bạn của bà chị họ mình tổ chức. Mỗi người 4 cây, phút chót chủ tàu tăng thêm mỗi người 1 cây nữa. Mình bực quá không đi nữa. Chuyến tàu đó khởi hành như đã định, cho đến nay 20 năm rồi vẫn không thấy một lá thư nào của người trên tàu gửi về trong đó có chồng bà chị họ của mình. Bà chị họ đau khổ hóa điên, bà hiện vẫn còn nằm tại nhà thương điên Ottawa cách chỗ mình ở 200km.

Thủy thấy đấy, mình cũng cao số, bốn lần chạm trán với tử thần, mà tử thần không dắt đi.

Sau năm lần vượt biên không thành, mất hết cả vàng bạc, việc làm cũng không kiếm ra, mình quyết định đạp xích lô ở Sài Gòn vào đầu năm 80. Cuộc đời đạp xích lô thì khỏi nói. Mình không quên được những bữa ăn ở vỉa hè với một đĩa cơm và một con cá khô. Nước mưa chảy từ cái mũ xuống ướt đầm đĩa cơm như chan canh. Mình cũng không quên được những ngày đạp xích lô, quần áo tả tơi.

Khách mình chở đôi khi là bạn bè cũ, đôi khi là học trò của mình hoặc những người bạn gái của mình.

Trong khi đạp xích lô thì bà xã nạ đơn xin đi Pháp theo diện con lai hồi hương. Và may mắn thay đơn được chấp thuận.

Mình rời Sài Gòn đi Pháp ngày 19-8-1983. Mình nhớ hôm đó, khi máy bay cất cánh, mọi người ngồi xung quanh òa lên khóc. Bà xã thì gục đầu vào mấy đứa con khóc nức nở. Mình cũng vậy, không cầm được nước mắt, nhìn qua khung cửa sổ, thấy thành phố Sài Gòn ở phía dưới, nơi mình đã sống hơn 20 năm, có những kỷ niệm vui và cũng có những kỷ niệm đau buồn.

Qua Pháp, mình làm việc trong một công ty hóa chất. Lương cũng đỡ, nhưng vật giá đắt đỏ, hơn nữa thất nghiệp nhiều, sinh viên ra trường khó kiếm việc làm, do đó mình xin di dân qua Canada vào tháng 7 năm 1992.

Mình còn cô em gái buôn bán ở đường Bàn Cờ Sài Gòn. Ông anh ruột của mình thì chết trong trại cải tạo.

Thôi, thư đã dài, hẹn thư sau mình viết tiếp. Chúc Thủy cùng toàn gia quyến hạnh phúc, vạn sự an lành.

Người bạn năm xưa của Thủy.

Nguyễn Hữu Đính.

Đầu tháng 10 năm 2002 tới Boston, tôi liền gọi điện thoại cho Đính và bạn tôi từ Montréal đã nhào sang. Ôm lấy nhau, nhìn vào mặt nhau, già rồi, già thật. Nhưng bạn tôi vẫn hiền lành điềm đạm như ngày xưa. Cái đêm hội ngộ hiếm hoi trong đời sau gần nửa thế kỷ chờ đợi ấy, một thằng Việt cộng và một thằng Ngụy nằm chung một phòng, chuyện trò râm ran đến tận khuya.

Tôi không ngủ được. Chẳng hẳn vì những kỷ niệm xa xưa thời học trò với bạn tôi sống lại, dội về. Chẳng hẳn vì chuyện Đính tự tử hụt trong trại cải tạo. Cũng chẳng hẳn vì những lần tôi suýt chết trong các trận chiến ác liệt. Mà tôi cứ hình dung ra một sự hoán vị rất có thể xảy ra giữa hai chúng tôi. Tôi giả định rằng vào cái thời điểm 1954 ấy, thầy mẹ tôi không vì sự ràng buộc với quê cha đất tổ hoặc vì có sự rủ rê mà kéo bầy con cái di cư vào Nam thì tôi trở thành Ngụy là điều khó tránh khỏi. Còn gia đình bạn tôi, vì một lý do nào đó mà ở lại miền Bắc thì bạn tôi lại trở thành Việt cộng là cái chắc.

Chúng tôi hoàn toàn không có ý tránh né chuyện chính trị, không có may mắn một sự gương gạo nào mà tự nhiên đến hồn nhiên nổi lại tình bạn thuở học trò thơ ngây ngày nào. Tự sâu trong đáy lòng tôi và bạn tôi rất yên ả, rất thanh thản và tôi còn nhận ra một điều may mắn rằng cuộc đời con người ta chỉ là một chớp mắt mà ông trời đã cho mình vậy là quá nhiều.

Tới khuya, Đính bỗng hỏi tôi:

- Nay, không biết thằng Viễn nó còn hay mất nhỉ?

Tôi im lặng giả vờ đã ngủ.

Bốn - Thầy Mù Xem Voi

Tôi nhớ lại, từ cuối năm 1988 đến tháng 6-1990 tôi được bạn bè ở mấy nước Tây Âu tổ chức cho đi quay phim về cộng đồng người Việt sinh sống ở các nước Pháp, Đức, Anh, Ý, Bỉ. Đây là một công việc hứng thú nhưng cũng đầy khó khăn. Vào thời điểm đó, khi tình hình xã hội Việt Nam còn quá nhiều sự trì trệ thì tiếp cận để làm quen, trao đổi, phỏng vấn, quay phim người Việt sống ở nước ngoài là điều hết sức nhạy cảm.

Lúc bấy giờ, nhiều người e ngại cho chuyến đi và việc làm của tôi. Bản thân tôi cũng cảm thấy tính phiêu lưu của công việc. Nhưng sau nhiều cố gắng, nhờ sự trung gian của bạn bè và có lẽ còn do ép-phê của “Hà Nội Trong Mắt Ai”, “Chuyện Tử Tế” đã được lưu hành khá rộng rãi

ở hải ngoại - hai bộ phim đó bỗng dưng trở thành một giấy thông hành cho tôi dễ dàng tiếp cận với những người Việt có xu hướng khác nhau sống ở nước ngoài. Với dung lượng trên 100 giờ băng chúng tôi đã quay trong dịp đó, ở hầu hết các thành phố lớn, nhỏ mà người Việt sinh sống tại các quốc gia Tây Âu kể trên. Chúng tôi đã tiếp xúc với nhiều trí thức, văn nghệ sĩ, nhà khoa học, nhà giáo, linh mục, các bác cao niên, viên chức, thương nhân, thuyền nhân và cả các quan chức và sĩ quan của chính quyền miền Nam cũ...

Thông thường thì chúng tôi bắt đầu công việc bằng cách nói với nhau những chuyện “khơi khơi”. Nói là “khơi khơi” nhưng cái đích mà chúng tôi muốn đạt tới là đánh thức trong nhau sự tin cậy, tinh thần khoan hòa và sự hướng thượng. Có thể nói sau hơn một năm trời với nhiều vất vả, chúng tôi đã thu lượm được khá nhiều thông tin bổ ích, ngoài sự mong đợi của chúng tôi.

Bản thân tôi cũng thấy được nhiều điều mới mẻ. Tôi gắn bó thêm với cái nghiệp làm phim tài liệu. Phim tài liệu vốn không đòi hỏi hư cấu và sự tưởng tượng như phim truyện, như viết tiểu thuyết. Phim tài liệu tồn tại nhờ cuộc sống, mà *“cuộc sống vốn là mẹ của chân lý”* như ai đó đã nói.

Ở Tây Âu, ngay từ những cuộc đời, những tâm sự, những phỏng vấn đầu tiên đã gieo vào trong tôi một ấn tượng, một ám ảnh khó phai mờ. Đó là tâm trạng của mọi người Việt đã ra đi, ở bất kỳ hoàn cảnh nào, bất kỳ khuynh hướng chính trị nào cũng đều có một mẫu số chung rất lớn. Đấy là xứ sở, đấy là quê hương, đấy là cội nguồn, đấy là dân tộc của mình. Thời điểm ấy, trong bà con có một tâm lý khá phổ biến là khắc khoải, nặng nề triền miên khi nghĩ và nói về đất nước.

Tôi bỗng nhớ tới một câu thơ xưa đến là hay: *“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.”* Khi vừa lập ý để làm phim, tôi cũng đã định dùng ý thơ đó để làm tựa đề cho phim. Nhưng về sau, càng nghĩ, tôi càng thấy rằng tôi không đủ sức để làm bộ phim với tựa đề: *“Nhớ nước đau lòng con quốc quốc.”* Bởi vì làm như vậy, có lẽ trước tiên phải có sự hiểu biết thấu đáo, một khả năng tư duy và đặc biệt điều kiện tiếp xúc rộng hơn nữa. Bất kỳ phía nào cũng có thể được gặp gỡ và có quan hệ cởi mở, người nào cũng có thể nói đến tận đáy lòng của mình.

Sau này tôi nghĩ đến tựa đề “Thầy Mù Xem Voi”. Tựa đề này đối với người lớn tuổi, ai cũng hiểu rằng điều muốn nói ở bộ phim này không có sự chuẩn xác gì cả, nó cũng như đùa bỡn, nó cũng như hư thực. Rồi thì tùy mỗi người, tùy sự hiểu biết, tùy sự đụng chạm với cuộc đời, tùy mỗi quan tâm mà có thể chia sẻ, tùy thôi. Tôi nghĩ là cái tên đó vừa phải với sức của tôi.

“Thầy Mù Xem Voi” có hai tập. Tập 1 có tên là *“Chuyện vật xứ người”*. Lúc đầu tôi chỉ đề là *“Chuyện xứ người”*, nhưng về sau tôi thấy chỉ là những chuyện vật. Thế nhưng nếu xem kỹ 5 chương và 1 lời bạt cuối cùng, coi như 6, tôi nghĩ đó không phải là những chuyện vật. Tôi gọi là

chuyện vặt vì tôi cho rằng ở đời này còn nhiều chuyện quan trọng hơn và có thể ở mỗi hoàn cảnh, người ta sẽ nghĩ rằng cái gì quan trọng hơn và họ lựa chọn.

Còn tập 2 tên là *“Chuyện đồng bào.”* *“Chuyện đồng bào”* gồm nhiều cảnh sinh hoạt, làm ăn sinh sống, tâm sự, trò chuyện của rất nhiều người. Hầu hết những trao đổi đều chân thành.

Ví dụ như, phỏng vấn bác Nguyễn Văn Quý là một trong những phỏng vấn hay. Tôi được đến gặp bác Quý là do bạn bè, do con cái của bác giới thiệu. Bác là người đã gây cho tôi ấn tượng mạnh mẽ, bởi bác là người rất cởi mở. Tôi chỉ hỏi bác bốn câu hỏi. Bốn câu hỏi này sắp xếp cạnh nhau, đầy kịch tính.

Câu hỏi thứ nhất, tôi hỏi là lý do và hoàn cảnh nào đã dẫn đến việc bác và gia đình sang định cư tại Tây Đức. Thì bác đã nói rất rõ bác là viên chức cao cấp của chế độ cũ, cho nên bác phải đi cải tạo rất cực. Khi được về lại Sài Gòn, với tư cách là phó thường dân, hàng tuần bác phải đi trình diện, đấy là một điều rất đau khổ đối với bác, vì thế bác không ở lại được. Qua câu hỏi ấy, người ta nhận biết chân dung một con người.

Đến câu hỏi thứ hai: *“Nghe nói vào tháng 8, tháng 9 năm 1945 bác có mặt ở Hà Nội, bác có kỷ niệm nào đáng nhớ?”*. Có lẽ tôi khó tìm gặp được một người nào kể về Cách mạng tháng Tám, kể về ngày 2-9-1945 mà hào hứng, tình cảm, sinh động và da diết như bác:

“Tôi đã có mặt trong ngày Tuyên ngôn độc lập 2-9-1945.

Quảng trường Ba Đình như trong một biển người cuộn cuộn, cuộn cuộn. Cụ Hồ đi một cái xe Peugeot hay Citroen gì đó, có hai đoàn xe đạp hộ tống, tiếng hoan hô vang dậy...”

Vậy mà khi qua câu hỏi thứ ba, tôi hỏi: *“Bác có thể kể về những giấc mơ gần đây của bác được không?”*. Tôi nghĩ rằng, nếu nói về phim tài liệu thì đây là đoạn đặc ý. Cái quái ác là ở chỗ tuy đã sống ở nước ngoài rồi, mà bây giờ, đêm đêm nằm mơ, bác chỉ mơ thấy hàng chục lần phải trở lại trại cải tạo. Sợ hãi, ú ớ, la hét: *“Ơ... ơ... Tôi đã hết hạn cải tạo rồi cơ mà! Đây, giấy ra trại của tôi đây. Tại sao cán bộ lại bắt tôi trở lại trại?...”* Tỉnh lại, nhìn thấy chùm đèn trên trần nhà mới thở phào, định thần lại rằng mình đang sống ở Tây Đức. Còn bao nhiêu kỷ niệm trong đời ở quê hương, về Hồ Gươm, Hồ Tây, về những người đẹp có tà áo dài tha thướt thì không bao giờ mơ thấy.

Thế rồi tiếp theo câu hỏi thứ tư: *“Về những người ham muốn chống Cộng một cách cực đoan, bác nghĩ thế nào?”* Tôi thấy nhiều người ngồi trước máy quay của tôi cũng rất ngần ngại khi phải trả lời những câu hỏi trực tiếp. Nhưng ở đây, bác Quý lại là người có thái độ thẳng thắn đáng kính trọng: *“Tôi không thích những chuyện bạo lực, những chuyện chính trị một cách hồ đồ, viển vông. Người ta chống Cộng kiểu sa lông, phòng trà. Có kẻ còn tệ hại hơn là vận động, thu tiền bỏ túi mình để... chống Cộng...”*

Anh chị em ở miền Bắc nước Đức, những người ra đi từ năm 1970-1972 vì là nạn nhân

chiến tranh, có lẽ bởi vậy họ yêu thương đất nước một cách lạ lùng, da diết.

Trong những thuyền nhân mà tôi phỏng vấn có chị Phùng Hồng Thúy ra đi từ Hà Nội. Tìm gặp chị Thúy không phải dễ, vì cái thành kiến vốn có đối với những người trong nước qua. Nhưng sau khi tiếp xúc với tôi, thì chị có phần quý mến. Mọi người đã thấy chị nói gì. Đó là những chuyện hết sức thật. Tôi nhớ chị Thúy là người nhạy cảm, rất thương bố mẹ, thương bạn bè, xứ sở. Chị đã nói rất xúc động. Hỏi mà không khéo là chị ấy khóc. Có một ý đã ám ảnh tôi, mặc dù ý kiến này có thể nhiều người không tán thành, nhưng vì tôn trọng chị tôi đã dựng thành phim. Khi tôi nói: *“Chị hãy giúp chúng tôi bằng cách là chị nói thật những gì đã trải qua.”* Chị suy nghĩ rồi bảo: *“Ngay cả việc ấy cũng hết sức là khó vì từ bé tôi đâu có được học nói thật bao giờ.”* Tất nhiên nó cũng không hoàn toàn 100% là thế, nhưng nó là nỗi đau, dù là nỗi đau của một con người.

Chúng tôi đã đến thăm, phỏng vấn ông Lương Hàm Châu, hậu duệ của nhà yêu nước Lương Văn Can, Lương Ngọc Quyến, cùng bà vợ của ông là bà Phạm Thị Hoàn, con gái cụ Phạm Quỳnh, và ghi nhận được nhiều điều tâm huyết.

Chúng tôi đã phỏng vấn ông Nguyễn Dương Đôn, Đại sứ ở Italia thời ông Diệm, ông là bạn học cùng thời với Đặng Thai Mai, với Hoàng thân Xuvana Phuma.

Chúng tôi phỏng vấn ông Phạm Trọng Nhân, Đại sứ thời ông Diệm ở Cambốt. Khi ngồi nói chuyện phiếm, ông Nhân kể lại nhiều chuyện đau khổ, oái oăm trong các trại cải tạo mà ông đã trải qua. Là một người có học thức và gia phong (ông là cháu cụ Phạm Quỳnh), khi ngồi trước máy quay của tôi, ông không hề than phiền, mà còn tránh né, không kể về những năm trong trại cải tạo. Tôi hỏi thẳng: *“Những gì trong trại cải tạo làm ông nhớ nhất, buồn nhất?”*. Ông im lặng một giây và điềm tĩnh trả lời: *“Tôi chỉ buồn cho vận mệnh đoàn kết, thống nhất của dân tộc. Buồn cho sự phân hóa, cho sự mất mát không đáng của dân tộc chúng ta.”*

Đó là khía cạnh con người. Còn do tôi đi khắp nơi như vậy, chứng kiến cuộc sống của người dân Đức, Pháp, Bỉ, Ý hoặc Anh, điều gì làm tôi xao động nhất? Phải nói rằng, lúc đó tôi là một người nản chí, tiêu cực. Tôi có cảm tưởng, cái cảm giác đè nặng bên trong tôi là vô vọng về dân tộc Việt. Tôi nói điều này ra thì cũng không đúng lắm, có thể thất lễ và làm mất lòng nhiều người, nhưng tôi nghĩ nó là sự thật. Tôi xin nói thật lòng như thế này: Khi còn ở trong nước, tôi cứ nghĩ các khuyết tật mà xã hội Việt Nam có, thí dụ quan liêu, cửa quyền, bắt người khác nghĩ giống mình, áp đặt ý kiến là do cơ chế của chế độ chính trị, của một thứ “chủ nghĩa xã hội”. Bây giờ ra ngoài, đi nhiều, tiếp xúc nhiều, đọc nhiều, nhất là những báo chí chống Cộng cực đoan, tôi thấy không ít chuyện bần khổ. Ai mà không theo mình thì dấn mặt, thù oán, tẩy chay. Thế tôi mới ngờ rằng cái bệnh hiếp đáp nhau, giẫm đạp lên nhau, bắt người khác phải phục tùng mình, phải chăng đó là bệnh của dân tộc Việt? Nếu như đó là bệnh của một thể chế chính trị thì

còn có thể sửa được, khi nó thay đổi tích cực lên thì những điều xấu ấy mất đi. Nhưng nếu đó là những khuyết tật của một dân tộc thì thật là đau đớn vô cùng. Đề nặng lên trong tôi vẫn là cái cảm giác dân tộc mình khó mà khá lên được, khó lòng đuổi kịp các nước, dù là những nước trung bình trên thế giới. Đó là sự thật. Ai càng yêu nước nhiều càng buồn nhiều!

Hồi đó, phóng viên tờ Đức-Việt tại Frankfurt/M đã hỏi tôi:

“Thử nghĩ xa hơn một chút. Hiện tình là vậy thì lỗi lầm bắt đầu từ đâu?”

Thay vì trả lời, tôi kể lại một lần đối thoại ngắn ngủi với một nhà báo Cộng sản Pháp. Trong một buổi chiều dài báo chí tại Hà Nội cuối năm 1987, nhà báo nọ nâng ly chúc mừng hai bộ phim của tôi (“Hà Nội Trong Mắt Ai” và “Chuyện Tử Tế”) được công chiếu. Rồi ông nhún vai bảo rằng: *“Nhưng công bằng mà nói, các ông đổ lỗi cho Chính phủ, cho nhà nước của các ông nhiều quá.”* Tôi hỏi: *“Ông là người ngoại quốc, có thể ông có cái nhìn tinh tế hơn?”* Ông ta lại nhún vai: *“Cũng chẳng có gì đáng gọi là tinh tế cả. Phương ngôn Pháp của chúng tôi có câu: ‘**Nhân dân nào, Chính phủ nấy**’. Các ông rất xứng đáng với Chính phủ của các ông!”*. Cũng cần phải nói thêm rằng lúc thực hiện phim, chúng tôi đã gặp biết bao nhân tài Việt Nam. Giả sử nhân tài Việt Nam được trọng dụng, bản thân họ cũng có một tinh thần tích cực đóng góp vào công cuộc kiến thiết, chắc chắn đất nước sẽ khá lên nhanh chóng.

Chúng tôi đã dành nhiều thì giờ ghi hình và phỏng vấn bà Diễm Phùng Thị, nhà điêu khắc nổi tiếng, Viện sĩ Viện Hàn lâm Nghệ thuật Âu châu. Bà đã nói những điều rất sâu sắc về văn hóa Huế, về nghệ thuật điêu khắc đương đại và những ước mơ của bà cho xứ sở.

Ghi hình và phỏng vấn giáo sư - nhạc sĩ Trần Văn Khê, chúng tôi có sự hâm mộ, yêu mến đặc biệt với người nhạc sĩ, nhà dân tộc học, nhà văn hóa uyên thâm và có tài hùng biện này. Ông đã nói những điều vô cùng tâm huyết về âm nhạc truyền thống Việt Nam, về nghệ thuật ẩm thực, về văn hóa Phương Đông và đặc biệt là về những mắc mớ, hiểu lầm ông trong quá trình ông về nước sưu tầm nhạc cổ dân tộc và giới thiệu ra với thế giới. Lúc đó ông là người Việt Nam có một vai trò quan trọng ở UNESCO.

Chúng tôi ghi hình những buổi tập dượt của các dàn nhạc giao hưởng Pháp dưới sự điều khiển của nhạc sĩ tài ba Nguyễn Thiện Đạo. Người ta cho chúng tôi biết rằng, các cơ quan hữu trách của Pháp đã đặt ông viết 4 bản giao hưởng trong dịp kỷ niệm 200 năm Cách mạng Pháp.

Chúng tôi đã ghi hình và phỏng vấn họa sĩ Lê Bá Đảng, người được báo chí phương Tây tặng danh hiệu *Họa sư của hai thế giới Đông-Tây*. Sự nghiệp hội họa của Lê Bá Đảng đã mang lại niềm hãnh diện cho người Việt Nam và trong câu chuyện trước máy quay của chúng tôi, ông quan tâm tha thiết đến việc kiến thiết làng quê của ông: Làng Bích La Đông, Triệu Phong, Quảng Trị. Ông cũng không nề hà bày tỏ sự bất bình trước những điều mà ông cho là ngang trái, suy đồi cản trở sự đi lên của xã hội Việt Nam.

Người tôi muốn nói kỹ hơn một chút đó là học giả Hoàng Xuân Hãn. Sau khi chúng tôi ghi hình, phỏng vấn ông được 6 năm thì ông qua đời. Tưởng nhớ đức độ, công lao và sự nghiệp của ông, một nhóm tác giả ở Hà Nội do nhà nghiên cứu Hữu Ngọc, nhà văn Nguyễn Văn Hiền chủ trương cho ra 3 tập đồ sộ với tên: “La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn.”

Nhà văn Nguyễn Văn Hiền đặt tôi viết bài, tôi nhận lời với tình cảm kính trọng sâu sắc dành cho học giả Hoàng Xuân Hãn. Bài viết được gửi đi và lên khuôn. Tôi hỏi ông Hiền: “*Có bị cắt xén gì không?*” Ông Hiền trả lời: “*Bài của cậu sẽ đăng nguyên si. Yên chí!*”

Sách ra, ông Hiền mời tôi tới Nhà xuất bản Giáo dục dự buổi gặp mặt, ra mắt cuốn “La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn”. Không khí buổi gặp mặt rất thân mật, hồ hởi. Một vị trong Ban Tổ chức nhấn mạnh: “*Đây là một cuốn sách đầu tiên của một tri thức không phải Đảng viên Đảng Cộng sản mà được in trang trọng, nhiều tập, công phu như thế này.*” Tôi được tặng tập 1, trong đó có bài của tôi. Yên chí bài của mình không bị cắt xén, mấy ngày sau giở ra đọc, tôi thấy có nhiều bài quá hay của những người được ít nhiều tiếp cận với ông Hoàng Xuân Hãn. Rồi tôi đọc lại bài của tôi từ trang 297, tôi ngờ ngợ và nhận ra rằng bài đã bị thiếu đi một đoạn khá dài. Và đấy là đoạn ông Hoàng Xuân Hãn nói đôi điều (rất khiêm nhường) về cải cách ruộng đất. Nguyên văn bài viết của tôi như sau:

Vọng về một cố nhân.

Tôi nhớ lại nếu đi metro, đổi tàu lòng vòng vài ba lần đến ga Mirabo, chui lên đi bộ một khúc qua phố nhỏ có những hàng cây lá to và những quán cà phê rất Paris, thì dừng avenue Théophile Gautier. Ngôi nhà số 60 có cung cách một ngôi nhà của những người khá giả. Bấm thang máy lên tầng 5, ấn chuông và bà Hoàng Xuân Hãn hiện ra trước khung cửa với một nụ cười cởi mở, thân quen.

Cũng không nhớ được là tôi đã tới ngôi nhà của ông bà bao nhiêu lần. Lúc thì thăm viếng. Lúc thì ăn cơm cùng ông bà. Lúc thì chỉ để nghe ông nói về La Sơn Phu Tử. Và nhiều nhất là đến để quay phim ông bà.

Đấy là chuyến tôi đi Tây Âu dài dài, từ cuối năm 1988, 1989 đến tháng 6 năm 1990. Qua mấy chục điểm quay, ở hầu hết các thành phố lớn của Anh, Ý, Đức, Bỉ, Pháp, tôi dừng lại ở ngôi nhà của ông bà Hoàng Xuân Hãn lâu hơn cả. Có lẽ đấy cũng chẳng phải chuyện tình cờ. Bạn bè gợi ý và linh tính mách bảo tôi ghi lại những gì có thể ghi. Vậy là chúng tôi quyết định đặt camera (do nhà quay phim Đỗ Khánh Toàn quay) ở nhà ông bà trong nhiều buổi. Mỗi buổi chúng tôi đều mời được một người tương đồng, là những nhà nghiên cứu, những người hiểu biết, ngưỡng mộ ông, để hỏi chuyện ông. Câu chuyện lai rai của ông trước máy quay giờ đây đã trở thành một tư liệu hiếm có. Tôi cũng chưa bao giờ có điều kiện dựng thành phim. Vừa rồi, sau khi ông Hoàng Xuân Hãn qua đời, các bạn tôi ở Paris thư về nói rằng: Bác Hãn mất đi, bọn mình tụ tập nhau xem lại

cuộn băng quay bác dạo này thấy quý và cảm động quá.

Trước máy quay phim của chúng tôi, ông nói nhiều nhất về lịch sử, về văn hóa Việt Nam. Ông nói về dân tộc, dân chủ. Ông nói về sự kìm hãm dưới thời thuộc Pháp, về ảnh hưởng của văn hóa Pháp. Ông có nói về cụ Hồ, về Hội nghị Đà Lạt... Nói chung, những đề tài ông đề cập đến đều là những đề tài hữu ích cho hậu thế, còn ngôn từ ông dùng thì rất chi là cổ xưa.

Buổi cuối cùng ông bà ngồi trước máy quay, tôi là người hỏi chuyện:

- Thưa hai bác, hai bác yêu nhau từ bao giờ ạ?

Ông bà bỗng bật cười như con trẻ. Bà kể rằng:

- Thuở ấy chúng tôi cùng du học qua Pháp bằng tàu thủy. Tàu đi trên biển được ít ngày thì ông ấy đã để ý đến tôi rồi. Qua Pháp chúng tôi có lòng với nhau. Tôi biên thư về Hà Nội xin ý kiến của thầy mẹ. Thầy mẹ tôi biên thư bảo tôi hỏi xem anh ấy tuổi gì. Lúc ấy tôi hỏi: “Anh tuổi gì ạ?” thì ông ấy bảo: “Tôi tuổi con vịt.” Thế là tôi cũng biên thư về Hà Nội thưa với thầy mẹ tôi: “Anh ấy tuổi con vịt.”

Kể đến đây thì cả hai ông bà đều cười ra nước mắt. Tôi bỗng nhận ra bà vẫn giữ được những nét đẹp của tuổi xuân thì dù bà đã ở tuổi ngoài 80.

Tôi hỏi ông:

- Thưa bác, sống ở nước ngoài đã gần ấy năm sao bác chỉ viết sách bằng tiếng Việt?

- Tôi không có ý viết sách bằng tiếng nước ngoài để mưu cầu danh lợi. Tôi viết sách bằng tiếng Việt cốt để đồng bào ta, con cháu ta đọc. Đọc để mà biết lịch sử, tin tưởng vào tổ tiên, cha ông mình. Còn người nước ngoài muốn đọc sách của tôi thì họ phải học tiếng Việt. Nếu họ không học được thì đến tôi, tôi giảng giải cho mà hiểu.

(Đoạn sau đây đã bị Nhà xuất bản Giáo dục cắt bỏ):

Đó là mất mát to lớn của gia đình ông ở quê nhà trong thời kỳ cải cách ruộng đất. Ông đặc biệt quan tâm đến sự thịnh suy của nông thôn Việt Nam. Ông nói:

- Cái hậu quả của sai lầm trong cải cách ruộng đất không chỉ trên bình diện kinh tế, chính trị, văn hóa. Theo chỗ tôi hiểu, cái mất mát lớn nhất bởi những sai lầm trong cải cách ruộng đất là nó đã phá vỡ mất nông thôn Việt Nam và phá vỡ mất lòng tin.

Tôi mạnh dạn hỏi ông:

- Thưa bác, cháu hỏi thế này, nếu không phải xin bác bỏ quá. Cháu chưa hiểu được tại sao những người như bác có những mất mát ít nhiều bởi những lầm lẫn của chế độ, vậy mà vẫn bền lòng hướng về đất nước, gắn bó với quê hương, thuận hòa với thể chế?

Ông im lặng một khắc rồi ngược lên, tiếng nói vẫn pha giọng miền Trung:

- Chẳng riêng tôi mà có lẽ đó là nét chung của dân tộc Việt mình. Cái lòng ái quốc của dân Việt mình nó lớn lắm. Cho dù có buồn phiền, thương tổn, riêng tư gì nhưng đứng trước cái vận

mệnh, cái thịnh suy của đất nước thì đều bỏ qua cả. Tôi vẫn muốn nói rằng cái lòng ái quốc của dân Việt mình nó lớn lắm.

(Hết đoạn bị cắt bỏ)

Mùa hè năm 1989, theo thường lệ ông bà rời Paris lên miền Bắc nước Pháp nghỉ tại nhà nghỉ riêng ở D'eauville. Tôi đã có dịp được cùng các bạn tôi đến thăm ông bà. Đây là một khu nghỉ tuyệt vời. Rừng thông già cao vút trên đồi. Nhìn xuống lưng sâu là biển. Biển Manche. Tôi tưởng tượng nếu nhắm mắt nhắm xuống, bơi một hồi là tới Anh quốc. Ông Hoàng Xuân Hãn tới đây cũng chẳng có thì giờ để nghỉ. Ông bảo bọn tôi cứ đi dạo đi, còn ông lại vui đùa bên một mớ những sách chữ Hán, chữ Nôm và cuốn Kiều. Ông bảo: "Tôi không biết là tôi còn đủ thì giờ nữa không. Tôi muốn đối chiếu và tìm cho ra nguyên bản của Truyện Kiều. Tôi cho là các bản dịch đều có chỗ sai lệch."

Biệt thự tĩnh lặng của ông bà có hai ngôi nhà lớn xây theo kiểu cổ. Một trong hai ngôi nhà đó hoàn toàn bằng gỗ, nhiều phòng, rất đẹp, ông bà đã hiến cho nhà nước Việt Nam.

Có lẽ cũng nên nói thêm rằng ông bà Hoàng Xuân Hãn luôn dành sự ưu ái đặc biệt cho các trí thức, văn nghệ sĩ từ trong nước sang. Tuy tuổi già, việc bận, ông vẫn dành nhiều thì giờ chăm chú nghe chuyện quê nhà.

Khi ở Paris, có ba lần tôi đi nói chuyện, chiếu phim thì cả ba lần tôi đều thấy ông bà ngồi ở những hàng ghế đầu. Lần cuối, phim của tôi được chiếu trong khuôn khổ Liên hoan phim Hiện thực (Festival du Cinema du Réel) tại Trung tâm văn hóa Pompidou ngày 9 tháng 3 năm 1989. Phòng chiếu lớn trên năm trăm chỗ chật cứng, tôi vẫn nhận ra ông bà ngồi ở hàng ghế thứ năm. Hồi đó mắt ông đã yếu lắm. Đọc sách, hay viết ông phải dùng một kính đeo và một kính lúp. Ông đến là để khuyến khích tôi, còn có thể là để bày tỏ với mọi người về sự quan tâm của ông tới đất nước Việt Nam. Chứ còn để xem phim thì tôi chắc rằng không, vì mắt ông không nhìn thấy. Cho phép tôi nói lời cảm tạ từ đáy lòng gửi tới hương hồn ông, như lời tôi đã nói trước đông đảo khán giả Paris khi buổi chiếu phim của tôi kết thúc:

- Thưa quý bà, quý ông. Theo phong tục của người Việt Nam chúng tôi, cho phép tôi tặng lại bó hoa này tới người cao tuổi nhất trong phòng chiếu phim ngày hôm nay. Một người sống với Paris đã lâu năm. Một người suốt cả cuộc đời vì nền văn hóa của dân tộc mình, đất nước mình. Một người mà tôi hết sức kính trọng. Đó là bác (tonton) Hoàng Xuân Hãn.

Tôi thấy phòng chiếu phim vang lên tiếng vỗ tay hồi lâu. Người cháu cùng đi đỡ ông đứng dậy. Ông cầm lấy bó hoa màu tím, rơm rớm nước mắt.

Giờ đây, tôi xin kính cẩn thắp một nén hương để vọng về ông, vọng về một cố nhân.

Trần Văn Thủy.

Năm - Tản mạn với Cao Xuân Huy

Trong chuyến bay Boston - Las Vegas - Orange County, tôi được biết Hoàng Khởi Phong sẽ ra đón tôi ở phi trường. Tại chỗ lấy hành lý, Hoàng Khởi Phong vui mừng vỗ tai tôi bảo: “Cao Xuân Huy cũng ra đón ông đấy, anh chàng phải chạy xe lòng vòng ngoài kia vì không có chỗ đậu.” Chúng tôi trở ra, một chiếc xe Jeep Grand Cherokee đen tấp vào lề và anh chàng tài xế thò đầu ra. Tôi bỗng nhận ra một nét quen thân mà không sao nhớ nổi. Khi về tới nhà, đặt va li, Cao Xuân Huy nói với tôi: “Tôi giống một người mà ông quen thân ở Hà Nội đấy! Tôi là con trai ông Cao Nhị, bạn của các ông.” Trời! Tại sao lại có chuyện lạ như vậy. Cao Nhị vốn là bậc đàn anh của chúng tôi. Trong làng Điện ảnh, giới văn chương và báo chí Hà Nội ai mà chả biết ông. Ông viết văn, làm thơ, làm báo, sống tung tung giữa đời, bọn trẻ chúng tôi rất quý trọng và cảm mến ông. Tôi biết tất cả những người con của ông hiện ở Hà Nội. Còn Cao Xuân Huy, cũng là con ông Cao Nhị, như từ trên trời rơi xuống, tôi chưa một lần nghe nói.

Trần Văn Thủy (TVT): Cao Xuân Huy này, anh nói cho tôi nghe đôi lời về đường đời của anh.

Cao Xuân Huy (CXH): Trước kia, tôi là trung úy Thủy Quân Lục Chiến của Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, bị bắt làm tù binh cùng đơn vị trong lúc rút quân khỏi Quảng Trị vào cuối tháng Ba năm 1975, tại bờ biển Thuận An, Huế. Việc này tôi đã viết khá chi tiết trong quyển hồi ký “Tháng Ba Gãy Súng”. Cuối năm 1979, tôi được thả ra khỏi tù vì hết khả năng lao động. Tôi vượt biên đến Mỹ cuối năm 1983. Dọn nhà nhiều lần và làm nhiều nghề.

TVT: Anh đi vào con đường viết văn bằng cách nào?

CXH: Viết văn, nào có lựa chọn gì đâu mà bằng cách nào anh ơi, nó “rơi” vào mình thì mình phải chịu thôi, vậy mà cũng đã hơn mười năm rồi, chắc là nó dính với tôi luôn quá, anh ạ. Lúc mới đến Mỹ, ở nhờ nhà Hoàng Khởi Phong, người mà tôi coi như anh từ bé. Một hôm uống rượu với mấy người bạn cùng đơn vị cũ, kiểm điểm xem đồng đội ai còn ai mất, nhắc lại những kỷ niệm trong cuộc lui binh ở Thuận An. Anh Nguyễn Mộng Giác, tác giả “Ngựa Nản Chân Bon” lúc đó cùng ở chung nhà, ngồi nghe. Sáng hôm sau anh Giác hỏi tôi sao không viết lại chi tiết, tôi đưa cho anh tập hồi ký viết tay, anh tự động mang đăng trên báo mà anh làm chủ bút. Từ đó tôi khời khời được gọi là “nhà dzăng”.

TVT: Viết văn và làm báo, động lực gì đã thúc đẩy anh cầm bút? Phải chăng là “gene” của ông già?

CXH: Hình như có cái “gene” thật anh ạ. Khi còn đi học, điểm văn của tôi luôn luôn dưới trung bình, vậy mà bây giờ lại “viết văn”. “Tháng Ba Gãy Súng” tôi viết như giải tỏa một nỗi ám ảnh. Tôi tham dự cuộc chiến trong vai trò một người cầm súng, và sau thời cầm súng, lại thêm

một thời bị cầm tù. Vượt thoát đến được nước Mỹ, tôi như ra khỏi cơn lốc xoáy kinh hoàng của một cuộc tương tàn. Những ngày cuối của cuộc chiến là một nỗi ám ảnh không thôi. Nên khi đã định thần lại, tôi phải trút bỏ những ám ảnh đó thì may ra, tôi mới có thể trở về đời sống tinh thần bình thường được.

Quyển “Tháng Ba Gãy Súng” lần đầu xuất bản, việc trình bày không được ưng ý và có nhiều lỗi đánh máy, nên khi tái bản, tôi mua computer về mày mò tự đánh máy và trình bày lấy. Từ trình bày sách sang báo là một bước ngắn. Dần dần tôi trở thành một tay trình bày sách, báo chuyên nghiệp. Và sau đó, một thời gian khá dài, tôi làm Tổng thư ký tờ Văn Học, một tờ báo văn chương ở đây, ngoài ra, lúc rảnh thì viết truyện. Thế là, bỗng dưng tôi trở thành “đồng nghiệp” với bố tôi. Vì tôi được biết bố là một người làm thơ và làm báo.

TVT: Đúng như vậy, ông già của anh là một tên tuổi quen thuộc, được quý trọng trong giới cầm bút ở miền Bắc. Hình ảnh nào về bố đã để lại trong anh?

CXH: Hình ảnh duy nhất tôi có được về bố, là tấm ảnh bố mẹ chụp chung với ông ngoại tôi và một người cậu. Trong ảnh, bố là một thanh niên đẹp trai, tóc cắt ngắn, nét mặt sáng sủa và hiền. Khi di cư vào Nam tôi mới bảy tuổi, chưa gặp mặt bố lần nào, nghe mẹ nói, từ lúc đẻ tôi ra, hình như, tôi có được bố bế trên tay một lần. Năm 1954, ông ngoại tôi bị đấu tố vì là thầy giáo và giỏi tiếng Pháp, nên cậu tôi di cư vào Nam, mang tôi theo. Mẹ ở lại Hà Nội nấn ná đợi bố từ kháng chiến về. Hai cụ gặp nhau. Bố nói mẹ thuộc diện phải đi “tự lực cánh sinh” (đi “kinh tế mới” như dân Sài Gòn sau năm 1975), chứ dù có đi kháng chiến, nhưng vì bố có gốc là con nhà tư sản, địa chủ, vẫn không thể can thiệp cho mẹ ở lại Hà Nội được. Thế là năm 1955, mẹ vào Nam. Cha con tôi có liên lạc được với nhau qua những tấm bưu thiếp, đâu được vài lần thì bị cấm. Từ đó tôi không còn liên lạc gì được với bố nữa, và khi mất liên lạc với bố, tôi đâu khoảng hơn mười tuổi. Bố ở lại Hà Nội, lấy vợ khác và có thêm con. Mẹ vào Sài Gòn, cũng lấy chồng khác và có thêm con.

TVT: Rồi sao nữa? Cha con có tìm nhau không? Quan hệ cha con có gì ngăn trở sau ngày thống nhất đất nước?

CXH: Lúc ở tù, tôi không muốn liên lạc với bố, vì không biết ông cụ có nhận thẳng sĩ quan “ngụy” này là con không, đồng thời cũng lại sợ ông cụ sẽ bị liên lụy vì có thẳng con “có nợ máu với nhân dân”. Không hiểu tên tôi, thẳng con đi Nam, có trong danh sách những người con của bố không. Trong khi chính tôi, trong bản khai lý lịch đi lính, tôi đã phải khai “bố chết” để tránh những rườm rà với cơ quan an ninh quân đội. Tôi không biết tin tức gì về bố, và tuy rất thèm nhưng tôi không bao giờ chờ đợi có được một sự liên lạc gì giữa hai cha con. Bất ngờ, thật bất ngờ anh ạ, khoảng năm 1978, khi ở tù tại Thanh Hóa, đang đồn lim ở một nơi gọi là công trường *Lòng hồ Sông Mực*, tôi được cán bộ quản giáo thông báo nguyên văn: “Anh có ông bố

vào thăm, ông cụ về rồi, có gửi lại cho anh một ba lô đồ thăm nuôi.” Trời! Có ngoài mơ ước của tôi không? Tôi đã được bố vào thăm! Bố tôi đã đi tìm tôi! Mặc dù tôi không được gặp bố và cũng không nhận được cái ba lô “thăm nuôi”. Tôi chờ đợi vì những hình ảnh mơ hồ về bố.

TVT: Sau đó anh có nhận được cái ba lô không?

CXH: Cái ba lô thăm nuôi lúc đó là cả một gia tài lớn, tôi tưởng chỉ lớn với một thằng tù là tôi, hóa ra cũng lớn với cả cán bộ trại, thành ra, trên nguyên tắc, và với bố tôi, tôi được nhận, nhưng trên thực tế, và với riêng tôi, tôi không nhận được. Bài học tập chính trị nằm lòng: “Cách mạng đã tha tội chết cho các anh...”. Tôi thầm nghĩ, tha chết là mừng rồi, còn cái ba lô không “tha” thì có sao đâu, phải không anh, chỉ nghĩ thương bố thân già lặn lội đường rừng, hăm hở đi tìm con, đến nơi, không được cho gặp, lui thủi quay về, tôi buồn. Nhưng mặt khác, thấy bố không được “ưu tiên”, tôi lại mừng, vì điều này chứng tỏ bố không thuộc thành phần... “nhân dân”, và như thế, tôi không có “nợ máu” gì với ông cả, hên quá.

TVT: Vậy sau đó hai bố con gặp nhau lần đầu là vào dịp nào?

CXH: Lần đầu hai bố con gặp nhau là cuối năm 1979, khi tôi ở trại tù Bình Điền, Huế. Lúc đó tôi đã được “ra lệnh tha” vì hết khả năng lao động, nhưng vì sát với ngày lễ nên bị giữ lại trong tù, nhập vào toán lao động nhẹ để không bị cắt phần ăn. Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: *“Beng đấy hả?”* Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này. Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái điều cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, lưng thưng đi sau lưng tôi. Nhìn ông, biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì. Tiếng “dạ” của tôi hình như không thoát ra khỏi miệng. Bố tôi bảo: *“Vào nhà thăm nuôi đã”*. Tôi đi mà lòng lâng lâng cứ như say rượu ấy. Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi, làm sao chỉ nhìn từ sau lưng mà ông cụ nhận ra “thằng Beng”, thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc nó mới được vài tháng.

TVT: Anh kể tiếp đi.

CXH: Trong nhà thăm nuôi, một cán bộ trại đã ngồi sẵn. Như anh biết, bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh, tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy. *“Mày có khỏe không?” “Dạ, con khỏe.” “Mày có nhận ngay ra bố không?” “Dạ, con có nhận ra.” “Mày ăn thị gà đi, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy.” “Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?” “Không, nhưng chú ấy xem tao như anh.”* Tôi xúc động ứa nước mắt anh ạ, và cảm thấy hãnh diện về ông bố của mình, vì ông thân với Phùng Quán, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm, có những câu thơ tôi thuộc lòng từ ngày còn bé: *“Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét; Dù ai cầm dao dọa giết, cũng không nói ghét thành yêu...”*. Trong gần hai tiếng đồng hồ thăm nuôi, cha con tôi chỉ nói vồn

vẹn có thể thôi. Thời gian còn lại là của cán bộ trại, người cán bộ cứ huyền thuyên với bố tôi về Hà Nội.

Hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ quần áo tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra cái quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương bố quá. Buổi chiều tối, hai cha con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Đủ thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa cười vừa hỏi: *“Mày ghét Cộng sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?”* Tôi nói: *“Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó.”. “Thế mày bắn cả bố mày à?”...*

TVT: Trong thời gian chiến tranh, ở vị trí của người cầm súng, anh định ninh điều gì?

CXH: Có một điều, khoan hãy nói tôi định ninh điều gì. Ngoài ba mươi tuổi, tôi, ở lính hơn bảy năm và ở tù gần năm năm. Những kỷ niệm về chiến trận, những kỷ niệm về tù đầy thì nhiều, nhiều lắm. Vui buồn đều có cả. Nhưng điều đáng nhớ nhất lại không ở chuyện đánh trận hay chuyện tù đầy, mà lại là chuyện không bảo vệ được lãnh thổ, anh ạ. Tôi kể anh nghe. Tết năm 1974, tiểu đoàn tôi đang nằm ứng chiến ở Phú Bài, Huế, thì Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa. Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Quân đoàn I, tiểu đoàn tôi là lực lượng trừ bị của Quân đoàn, được lệnh chuẩn bị ra đánh lấy lại Hoàng Sa. Đơn vị thủy xa của Sư đoàn đã đi từ Sài Gòn ra đến Đà Nẵng, tiểu đoàn tôi đã ở trong tư thế sẵn sàng, đợi lệnh xuống tàu. Thủy Quân Lục Chiến đi lấy lại Hoàng Sa là đúng “chỉ số” rồi. Gì chứ đánh nhau để bảo toàn lãnh thổ, lính tráng tụi tôi thằng nào cũng háo hức, tuy biết rõ rằng đi là chết, nhưng đánh nhau để giành lại đất nước, từ quan đến lính chúng tôi, thằng nào cũng hăm hở. Nhưng ngay lúc đó, mặt trận trong nội địa miền Trung cùng lúc nổ rộ, những cuộc tiến công lớn của các đơn vị Bắc Việt đã cầm chân chúng tôi. Để đối phó với các đơn vị Bắc Việt, chúng tôi đã không có lệnh xuất quân đến Hoàng Sa. Tin tức và hình ảnh về những chiếc tàu của Hải quân trên đường ra cứu Hoàng Sa bị bắn chìm, những người lính đồn trú ở Hoàng Sa bị Trung Cộng bắt, rồi được trao trả tù tạt... bên Tàu, làm chúng tôi thấy nhục. Nhục chứ anh, địa danh nào trong tay miền Bắc hay miền Nam thì cũng vẫn là của người Việt Nam, Hoàng Sa bị Trung Cộng chiếm mà không lấy lại, tôi nghĩ, miền Bắc và cả miền Nam, đều có tội với tổ tiên, với cha ông, dung túng cho đô hộ hay nô lệ Tàu hay Tây thì tội cũng ngang nhau. *“Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu”*, Hoàng Sa còn. *“Một trăm năm đô hộ giặc Tây”*, Hoàng Sa còn. Ông cha ta chèo thuyền, giòng buồm mà vẫn bảo vệ được những hòn đảo nhỏ xíu ở tít tận mù khơi. Vậy mà bây giờ, quân đội hai miền tự nhận là thiện chiến nhất nhì thế giới, lại bỏ mặc một phần lãnh thổ lọt vào tay ngoại bang. Tôi hỏi anh chứ, chính anh, anh có thấy nhục không? Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay đến tận bao giờ chúng ta mới lấy lại được Hoàng Sa? Đã mất, hay sẽ còn mất thêm?

Mà thôi, anh cũng định hỏi tôi tại sao lại có ông bố ở ngoài Bắc mà lại đi cái thứ lính dữ dằn ấy phải không? Giản dị lắm anh ạ. Vốn dĩ tôi là người ghét chiến tranh. Tôi rất buồn chuyện anh em, vì ở hai miền của đất nước mà phải bắn giết lẫn nhau. Tuy nhiên, vì yêu tự do và chống mọi hình thức độc tài, tôi đi lính. Và đương nhiên phải là lính “thứ thiệt”. Tôi gia nhập vào một binh chủng chỉ nhận những người tình nguyện, chuyên đánh những trận đánh lớn, dữ dội mang tính quyết định ở từng mặt trận. Thú thật với anh, tôi đánh trận thuộc loại cừ, và ở một đơn vị thiện chiến nhất nhì miền Nam. À, anh vừa hỏi tôi định ninh điều gì trong vai trò người lính? Thừa anh, trong suốt thời gian ở nhà binh, tôi vẫn chỉ ninh một điều, là sẽ có cuộc Bắc tiến, tiếp thu Hà Nội, và, như trong một câu hát: *“giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu”*. Ấy thế mà...

TVT: Thế sau đó hai cha con có gặp lại nhau không?

CXH: Bố có vào Sài Gòn thăm tôi mấy lần, nhưng tôi chỉ được gặp và loanh quanh với bố vài ngày. Lần cuối bố vào, tôi đang trốn vì bị công an lùng về tội tổ chức vượt biên. Chẳng cần phải nói lý do vượt biên, tôi chỉ vẫn tắt với anh là tôi không có tiền “mua” một chỗ trong các chuyến vượt biên, và cũng không thể giao mạng mình cho ai được, nên phải tổ chức lấy cho chắc ăn. Khi bố và cả gia đình ngoài Bắc vào, tôi không dám đến gặp, vì công an vây luôn cả khách sạn chỗ bố ở. Khi đi, tôi tưởng sẽ không bao giờ còn được gặp bố nữa.

TVT: Bây giờ mọi chuyện đã dễ dàng, anh có thường xuyên thư từ cho ông già không?

CXH: Thế à? Mọi chuyện đã dễ dàng thật à? Tôi vốn lười viết thư, hơn nữa, thời buổi này, điện thoại là tiện nhất, phải không anh? Thỉnh thoảng tôi có gọi về Hà Nội thăm bố, nhưng ông cụ bảo tốn tiền, chỉ nói vài câu là cúp máy. Mẹ hiện đang ở Úc, cứ thường xuyên giục tôi gọi thăm bố. Mẹ vẫn bảo: *“Chuyện tôi với bố anh là chuyện riêng của tôi với bố anh. Còn bốn phận của anh là anh phải thăm nom bố anh.”*

TVT: Ông già đã cao tuổi rồi, anh có tính làm một cái gì đó cho vui lòng bố không?

CXH: Tôi rất muốn, và bố cũng muốn, khi nào có điều kiện, đón ông cụ sang Mỹ chơi một chuyến, gọi là dỗi già ấy mà anh. Năm ngoái tôi có về Hà Nội thăm bố. Bố tôi đã lớn tuổi, không còn khỏe, và không còn viết nữa. Tôi được biết là ngày trước, trong thời gian vụ Nhân Văn - Giai Phẩm, bố bị cấm sáng tác. Anh tưởng tượng, một người làm thơ, sức sáng tác dồi dào mà không được viết thì buồn biết là chừng nào. Dường như bố vẫn cứ làm thơ, làm thơ cho riêng mình. Bà bác tôi là người duy nhất thuộc tất cả những bài thơ bố tôi làm, tôi muốn in một quyển thơ cho bố, nhưng khi tôi về đến Hà Nội, bác tôi đã mất mấy năm trước rồi!

TVT: Cám ơn Cao Xuân Huy rất nhiều! Trước đây nghe mãi cái câu quả đất tròn... Khi về Hà Nội, kỳ này tôi lại có cơ để đến thăm ông anh của tôi. Ông ấy cũng hồn nhiên lắm, tếu lắm. Lúc phụ nữ Hà Nội đua nhau du nhập một mặc váy, ông viết bài “Em ơi, Hà Nội váy!” chúng tôi mới bồ ngửa ra rằng ông ấy còn trẻ hơn tui mình.

Câu cuối cùng, anh có mơ ước gì về tương lai?

CXH: Mơ ước? Mơ quá đi chứ anh. Nhưng đất nước đã thống nhất, đã hòa bình, vậy mà sự thù hận vẫn còn trong lòng những thế hệ dính dứ vào cuộc chiến, nên chuyện tôi mơ ước được sống thoải mái bên cạnh bố trong những ngày cuối đời của ông, vẫn chỉ là mơ ước.

Lake Forest, một buổi tối đông bạn bè.

(Hết trích)

Những chương không trích dẫn:

Sáu - Trò chuyện với nhà văn Nhật Tiến

Bảy - Nguyễn Thị Hoàng Bắc

Tám - Biểu diễn lập trường (với nhà văn Nguyễn Mộng Giác)

Chín - Gặp gỡ tại khu Green Lantern Village (với Hoàng Khởi Phong)

Mười - Chuyện Trò Cùng Trương Vũ

Mười một - Wayne Kalin

Mười hai - Tuyết và Chris

Phụ lục - Vũ Ánh đọc Nếu Đi Hết Biển.

HAI MƯƠI MỐT

Trên đường về lại Westminster, tôi lại được thưởng thức cái hương vị “xe đồ miền Tây Nam bộ”, nghe tiếng người mình, nghe hát cải lương, nghe mấy bà già kể tội con cái... Tôi thấy trong khi bán vé thu tiền hành khách, cậu phụ xe có vẻ lơ tôi đi. Tôi ngờ Đại học Berkeley hoặc Hoàng Khởi Phong đã mua vé trước cho tôi rồi...

Nhân nói về cuốn sách “Nếu Đi Hết Biển”, về những bạn bè người Việt, người Mỹ, Trần Văn

Thủy nhắc đến Deane Fox.

Thủy kể:

Chị Deane tự lái ô tô đưa tôi đi ngược bờ Tây nước Mỹ. Đây chỉ là một trong hàng trăm chuyến đi trong cuộc đời phiêu lãng của tôi nhưng là một kỉ niệm khó quên.

Trước đây và sau này tôi vẫn có ý thức quan sát. Muốn chiêm nghiệm và cảm nhận thì chẳng nên đi máy bay mà nên “bò sát mặt đất”. Thử nghĩ một người như tôi, đã từng nhận lời mời tới nói chuyện, chiếu phim không biết bao nhiêu buổi cho trên 30 trường đại học rải rác khắp nước Mỹ cho nên đã chán việc leo lên leo xuống thang máy bay như thế nào.

Trong câu chuyện, đã nhiều lần tôi nhắc đến Deane. Chị tìm ra tôi, biết tôi qua mạng. Chị là một nhà nhân chủng học, biết tiếng Việt và quan tâm đặc biệt đến hậu quả chất độc da cam ở Việt Nam. Chị sang Việt Nam nhiều lần, ở nhiều tháng, quen thân nhiều nhà nghiên cứu Việt Nam. Có lần chị về Thái Bình, nơi có nhiều nạn nhân da cam nhưng chị bị ngăn cản, vì hồi đó nông dân Thái Bình đang nổi loạn. Chị tìm phương cách cứu giúp những con người bất hạnh nhưng bị làm phiền.

Hồi đó chị cũng bỏ thì giờ dịch không công bản lời bình phim “Chuyện Từ Góc Công Viên” của chúng tôi để chiếu ở Mỹ và các nước khác. Rất may mắn và tình cờ sau đó bộ phim này được trình chiếu thành công trong hội thảo quan trọng về chất độc da cam ở Đại học Riverside California tháng 5-2009. Chị Deane và tôi đều có mặt trong cuộc hội thảo đó. Tôi còn nhớ và băng hình cũng có ghi khi chiếu phim xong đến phần thảo luận trao đổi, một thanh niên gốc Việt hăng hái bật dậy:

- Đây là một bộ phim tuyên truyền...

Tôi vui vẻ đáp lời:

- Vâng! Thưa anh, anh nói rất chính xác. Đây đích thị là một bộ phim tuyên truyền. Nhưng anh thử nghĩ giúp, ở trên đời này có việc gì đến bờ đến bến mà không nhờ tuyên truyền. Tuyên truyền nhiều nhất là ở nước Mỹ này, quảng cáo hàng hóa là tổ sư của tuyên truyền, tranh cử Tổng thống cũng là một dạng tuyên truyền. Vấn đề là ở chỗ tuyên truyền cho cái gì, chính hay tà, thiện hay ác mà thôi, anh ạ...

Cử tọa hầu hết là những nhà nghiên cứu, giáo sư các nhà báo và cựu chiến binh Mỹ cho nên họ dễ đồng cảm với tôi.

Tôi nhớ một lần trước khi rời Việt Nam về Mỹ, chị Deane giao lại cho tôi số tiền giúp một cháu cơ nhỡ tiếp tục học sửa xe máy để nuôi thân. Chị dặn đừng đưa tất cả cho nó, nó tiêu hết mất.

Ở Hà Nội chị kết nghĩa với nhiều cháu cơ nhỡ như thế.

Trong phim ảnh, bờ Tây nước Mỹ hùng vĩ và huyền bí; trong tiểu thuyết đã nói đến quá nhiều nhưng chị Deane giảng cho tôi những điều kì thú về những cảnh quan lướt qua sau tấm kính xe. Hôm nay sóng biển như lớn hơn; bầu trời như cao hơn; vách đá cheo leo; rừng cây trùng điệp và xa lộ mười làn đường dài hun hút.

Tôi bất giác ngẫm nghĩ về cái duyên số của cuộc đời làm phim thẳng trâm của mình, lên voi xuống chó đã đưa đẩy tôi được thấy những miền đất lạ, những miền đất luôn gắn liền với biển, với hồ, với nước với “thủy”, một trong ngũ hành, cái tên cha mẹ đặt cho mình.

Thời kỳ du học, tôi có dịp đi về tám lần qua hồ Baikal, hồ nước ngọt lớn nhất thế giới, một lần còn ở lại đó mấy tháng để làm phim.

Từ đỉnh đồi trên cảng Marseille, tôi được ngắm Địa Trung Hải; được thấy Biển Đen ở thành phố Sochi, thấy Baltic ở cảng Hambough, thấy Biển Bắc ở Saint Peterbough.

Tôi đã nhìn thấy biển từ mọi hướng: thấy bờ Đông Đại Tây Dương từ thành phố Nantes; thấy bờ Tây Đại Tây Dương từ chân tượng thần tự do, từ Masachusset, thấy bờ Đông Thái Bình Dương từ Los Angeles, San Francisco, thấy bờ Tây Thái Bình Dương từ Nhật Bản, thấy Nam Thái Bình Dương từ Sydney, Melbourne, thấy biển Caribe từ Florida, thấy biển Manche từ D’auville, thấy biển bao quanh nước Anh từ Manchester, từ Luân Đôn; thấy biển nước Ý từ Milano, Roma, Venise.

Tôi lại được chiêm ngưỡng Lake Tahoe, một cái hồ đẹp và huyền bí như trong truyện cổ tích, cái hồ nổi tiếng của nước Mỹ cao hơn mặt nước biển, nằm giữa hai tiểu bang Cali và Nevada...

Sự di chuyển và ngắm cảnh như thế đối với những người tài giỏi, quyền quý giàu sang là chuyện thường tình, nhưng với tôi một thằng chân đất mắt toét, vào đời sinh sống với những tộc người nguyên thủy ở trần ăn củ rừng thú rừng, một thằng suốt 10 năm từ 20 đến 30 tuổi chỉ có một nguyện vọng cao xa nhất là được ăn no, được đi bộ trên đường bằng phẳng thì quả như một giấc mơ giữa đời thực. Một đời nhiều phen thân tàn ma dại, cận kề cái chết... quả là tôi chưa bao giờ lại nghĩ rằng được thấy trời cao đất rộng như thế này.

Mặt khác những chuyến đi đó rất có ích đối với một người làm phim tài liệu như tôi.

Tới tiểu bang Posland thì trời tối, chúng tôi ở lại 2 ngày. Sáng sáng tôi đi bộ thể dục quanh vùng và nhận ra rằng biệt thự của Deane và của những nhà xung quanh đều nằm trong rừng cây. Như dự định, 2 ngày đó chị đưa tôi đi nói chuyện, chiếu phim, giao lưu với 2 trường đại học ở đó. Ngày hôm sau chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình tới Seattle, tiểu bang Washington ở Tây Bắc nước Mỹ, sát Canada.

Đại học Seattle là nơi chị làm việc và là nơi mời tôi cùng Wayne Karlin, Trương Vũ tới thuyết trình. Ở đây có nhiều sự việc thú vị đã xảy ra:

- Tôi được quen biết cô Rosemary, nói tiếng Việt như người Việt, có tên Việt là Thảo. Chồng cô là người gốc Việt tên Hiếu. Rosemary làm những người Việt Nam chúng tôi ngạc nhiên vì sự am tường sâu sắc tiếng Việt và Văn hóa Việt. Khi tôi được bạn bè giúp xuất bản cuốn “Nếu Đi Hết Biển” thì cô đã từng cùng Thái Tuyết Quân, Deane Fox chuyển ngữ bài của Wayne Karlin mà không hề kể công.

- Trưởng khoa Đông Nam Á của Đại học Seattle lại là một người Đức, nói tiếng Việt thành thạo và biết nhiều chuyện tào lao hài hước của Việt Nam.

- Tôi nói chuyện ở đại học Seattle 3 buổi, trong đó có một buổi cùng với Wayne Karlin và Trương Vũ. Theo tôi, buổi đó đã gây ấn tượng đặc biệt với các giáo sư, sinh viên và cựu binh Mỹ.

Công việc của tôi cùng chị Deane ở Đại học Seattle và ở Bờ Tây kết thúc. Chúng tôi chia tay nhau trong sự lưu luyến. Chị tới khách sạn, nơi tôi ở, tặng tôi một cuốn sách quý, rất to, in màu rất đẹp về lịch sử và kiến trúc của trường Đại học Seattle và đưa tôi ra phi trường bay về Bờ Đông, về Boston, nhà bạn tôi, nơi tôi ở nhiều nhất mỗi khi tôi đến Mỹ làm việc.

Nhưng câu chuyện, có thể là câu chuyện cảm động nhất, bất ngờ nhất trong chuyến đi Seattle là câu chuyện nhỏ sau đây.

Sau buổi nói chuyện ở trường Đại học Seattle, rất nhiều cử tọa còn nán lại để giao lưu chuyện trò với tác giả. Trong khi đó vợ chồng Thanh - Kiệt chờ đợi để mời bằng được tôi đến chơi nhà và tôi đã được đón tiếp rất thân tình.

Căn phòng gọn gàng trang nhã. Tôi đưa mắt nhìn quanh, (một việc có vẻ bình thường ở ta, nhưng không mấy lịch sự ở phương Tây) thấy trên tường có một cái ảnh lồng khung kính trang trọng, một bà già tóc bạc đoan trang phúc hậu, ngồi chính giữa, đứng phía sau là 5 chàng thanh niên mặc com lê đen đeo kính trắng, mặt giống nhau, trẻ như nhau chẳng biết ai là anh ai là em, Kiệt là một trong số đó.

Tôi hỏi Kiệt:

- *Thế bố cháu đâu?*

Kiệt chỉ vào cái ảnh đen trắng nhỏ, cũ kĩ treo bên cạnh.

- *Bố cháu đây ạ!*

- *Thế ông đâu? Ông còn khỏe không?*

- *Bố cháu mất rồi ạ.*

- *Ô, xin lỗi. Ông mất ở đâu? (Lại câu hỏi kiểu... An Nam).*

Kiệt ngập ngừng vài giây:

- *Dạ, bố cháu mất trong trại cải tạo!*

Tôi sống người! Gia đình người con trai có bố chết trong nhà tù cộng sản lại thân thiện như thế với một người phía cộng sản!

Kiệt bảo:

- *Hôm nay chúng cháu hân hạnh được chú Thủy nhận lời mời của chúng cháu đến thăm. Lát nữa xin phép chú, cháu đưa Thanh đi sinh. Mở hai phân rồi chú ạ!*

...Xấu hổ quá tôi chẳng hiểu “mở hai phân” là thế nào, nhưng trời thương, không cho tôi hỏi tiếp như mấy câu trước.

Ôi chao, vợ sắp sinh rồi mà hai vợ chồng mời bằng được tôi đến chơi nhà!

Sau khi trở về Boston, hai ngày sau đó tôi nhận được mail của Thanh Kiệt kể rằng đã sinh cháu trai, cháu dài bằng này, nặng bằng này và đưa ra ba cái tên nhờ tôi chọn để đặt cho cháu!

Tôi vô cùng xúc động, tại sao cuộc đời lại đưa đẩy tôi đến những tình huống lạ lùng ngoài sức tưởng tượng đến thế. Cái mặc cảm một thằng Việt cộng trong mình có nguôi ngoai đi chăng?

Phải chăng chị Deane đã để tâm thiết kế chuyến viếng thăm giao lưu của tôi với mấy Đại học bờ Tây bởi chị muốn làm cây cầu hòa giải Việt - Mỹ? Nhưng chắc chắn chị không biết rằng có những khán giả người Việt như vợ chồng Lý Kiệt - Thanh Xuân đã mời tôi về nhà bày tỏ thịnh tình và lòng quý mến hiếm thấy như thế.

Đây là sự hòa giải, một sự hòa giải khó khăn hơn nhiều so với sự hòa giải giữa người Việt với người Mỹ.



Phải chăng chị Deane đã để tâm thiết kế chuyện viếng thăm giao lưu của tôi với mấy Đại học bờ Tây bởi chị muốn làm cây cầu hòa giải Việt - Mỹ?

...Chuyện vợ chồng Lý Kiệt - Thanh Xuân ám ảnh tôi rất lâu. Bởi lẽ, người trong nước sang đây không phải lúc nào và ở đâu cũng được sự cảm thông như thế. Có lần ở châu Âu năm 1989 người ta gọi tôi là “thằng văn nô”; ở Mỹ có hai lần tôi tới đại học nọ để chiếu phim và nói chuyện thì bị đe dọa, họ gọi tôi là “Tên du kích văn hóa cộng sản”. Có lúc tôi thấy chán nản và khổ tâm về sự chia cắt từ lãnh thổ đến những cái ý thức hệ gì gì đó. Có lần giữa những người thân và sơ phản bác tôi, không giữ được bình tĩnh, tôi nói toẹt cái lý sự cùn của tôi ra: *Các ông đừng trách chúng tôi, đừng trách cái xã hội Việt Nam bây giờ đâu đó còn những chuyện tồi tệ thế này thế khác. Nó tệ vì nhiều lẽ, nhiều lí do nhưng cái lí do đầu tiên là tại... các ông! Các ông thua, các ông bỏ chạy, các ông để lại cả một giang sơn gấm vóc cho ‘Việt cộng’ nó giày vò. Mỹ nó bơm cho các ông nhiều như thế, các ông lại tuyên bố: ‘Viện trợ 700 triệu đánh kiểu 700 triệu; viện trợ 300 triệu đánh kiểu 300 triệu’...* Về sau có tin đồn rằng tôi không phải là nghệ sĩ, không phải là đạo diễn phim phiêu gì cả mà tôi là một cán bộ tuyên huấn tuyên truyền. Vậy mà, tôi lại phải lo đỡ đòn khi về nước! Khổ cho cái thân tôi.

Trong bối cảnh đó cũng có không ít trường hợp tôi được cảm thông động viên của nhiều người. Đó là các các trí thức thịnh tình mở rộng cửa đón tiếp tôi, các anh chị đã cùng tôi làm cuốn sách “Nếu Đi Hết Biển”, đã đưa tôi đi đây đó thăm thú nước Mỹ, thăm Disneyland, Las Vegas, Hollywood, Vịnh San Francisco, thăm Cảng New York, các danh thắng ở Washington. Nhiều anh chị và gia đình đã đón tiếp tôi cả tuần khi tôi có việc tới tiểu bang của họ. Các anh chị đã thân ái với tôi, một người từ trong nước qua, một người “nhà quê ra tỉnh” khiến tôi hết sức cảm động.

Có một chuyện, tôi cứ phân vân mãi có nên kể lại hay không, vì viết ra có thể gây phiền hà cho những người đã cư xử tốt với tôi. Có thể tình hình bây giờ đã khác, đã dễ chịu hơn vậy nên chẳng xin thể tất cho tôi được kể.

Đầu năm 2003 Đại học Berkeley mời tôi đến chiếu phim và nói chuyện. Lúc bấy giờ tôi

đang ở nhà của nhà văn Hoàng Khởi Phong tại Westminster. Hôm đó anh đưa tôi ra bến xe đò Hoàng ở trước nhà hàng Phước Lộc Thọ để đi San José, nơi có trường Đại học Berkeley. Cái xe đò Hoàng này thật hay, hành khách toàn là người Việt, nói tiếng Việt, các bà ăn trầu, kể chuyện gia đình con cái. Dọc đường, trên xe toàn chiếu băng cải lương, lái xe phụ xe nhanh thoăn thoắt, la lối y hệt những cái xe miền Tây Nam bộ.

Thì đây cũng là miền Tây mà, chỉ khác là miền Tây nước Mỹ. Xe khởi hành lúc 9h45, phụ xe phát cho mỗi người một ổ bánh mì kẹp thịt, một chai nước, một đĩa thạch. Đến San Jose lúc 16h15.

Tôi thấy người phụ xe (không biết là phụ xe hay người nhà ông chủ) quán xuyến mọi việc, kể cả việc đón tiếp hành khách, bán vé thu tiền. Vì lạ lẫm và không muốn phiền ai biết tôi là “Việt cộng”, tôi ngồi sát bên cửa sổ để ngắm cảnh, không bắt chuyện với ai. Người phụ xe qua lại trước mặt tôi cả mấy chục lượt nhưng không bán vé cho tôi và cũng chẳng hỏi tôi điều gì. Xế chiều xe gần đến San Jose, tôi nói với anh ta:

- Anh làm ơn cho tôi mua vé!

- Khởi cần, chú còn chuyển về nữa kia mà, vội gì. Chúc chú đi công chuyện dzui dzẻ. Khi về đi xe cháu nhé!

Nói rồi anh chàng này mất hút.

Tôi có người đón, chị Thẩm Vân được Đại học Berkeley nhờ đón tôi. Sau mấy ngày lên lớp, nói chuyện bô lô ba la, chiếu phim, ngao du Cầu Vàng Vịnh San Francisco, tôi được chị đưa ra bến xe đò Hoàng.

Trên đường về lại Westminster, tôi lại được thưởng thức cái hương vị “xe đò miền Tây Nam bộ”, nghe tiếng người mình, nghe hát cải lương, nghe mấy bà già kể tội con cái... Tôi thấy trong khi bán vé thu tiền hành khách, cậu phụ xe có vẻ lơ tôi đi. Tôi ngờ Đại học Berkeley hoặc Hoàng Khởi Phong đã mua vé trước cho tôi rồi.

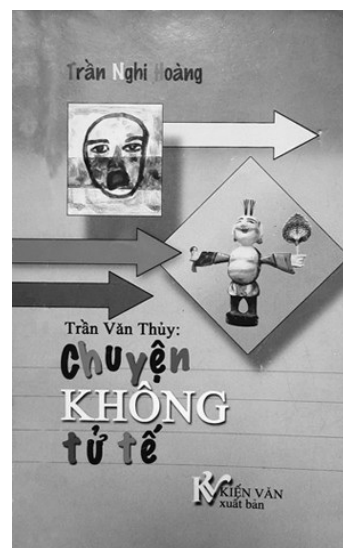
Xế chiều, gần tới nơi, tôi nói với cậu phụ xe cho tôi gửi tiền xe khứ hồi. Cậu ta nhìn thẳng vào mắt tôi với nụ cười thân thiện mà tôi còn nhớ mãi:

- Chú à! Chú là chú Thủy, Trần Văn Thủy đúng không? Cháu nhận ra chú ngay từ lúc ông Hoàng Khởi Phong tiễn chú ra xe. Chú cho chúng cháu có được niềm vui là đãi chú chuyển đi này. Cháu vui lắm chú biết không? Chẳng ngờ quả đất tròn, trời cho cháu được gặp chú một lần. Chú nhìn xem, xe cháu rộng mênh mông còn thừa nhiều chỗ thế này, chú đi hay không đi thì vẫn dư chỗ ngồi.

Rồi cậu ta hăng hái kể, lúc rời Việt Nam (không hiểu theo diện HO hay vượt biên) cậu ta nhét hai cái đĩa DVD phim “Hà Nội Trong Mắt Ai” và “Chuyện Tử Tế” vào quần trong để mang qua Mỹ. Ở đó cậu ta in ra hàng trăm bản, phân phát cho mọi người...

Tôi ứa nước mắt. Tôi nói với cậu ta rằng, tiền xe đi về là Đại học Berkeley trả, cháu không lấy thì chú cũng không được dùng. Nếu cháu biết chú Hoàng Khởi Phong rồi thì chúng ta còn gặp lại nhau.

Tôi nói thế nào cậu ấy cũng không nhận tiền. Về nhà Hoàng Khởi Phong, tôi kể lại câu chuyện, anh cười ha hả. Rồi sau này anh cho biết nhiều anh chị đã góp tiền in “Nếu Đi Hết Biển”. Bạn bè thân thiết chẳng kể làm gì, nhưng trong đó có “Xe đò Hoàng”. Không biết ông chủ hay cậu phụ xe dạo trước đã đem đến một số tiền, đưa cho Hoàng Khởi Phong, nói là để in sách và phim của chú Thủy. Cậu ta dặn Hoàng Khởi Phong là đừng nói với ai vì sợ bị tẩy chay do thân Việt cộng!



Bìa cuốn sách “Trần Văn Thủy: Chuyện Không Tử Tế” (Kiến Văn xuất bản. Virginia - Hoa Kỳ. Oct. 2004)

Cậu ta lo xa thế không phải vô cớ...

Trong cuốn sách “Trần Văn Thủy: Chuyện Không Tử Tế” (Kiến Văn xuất bản. Virginia - Hoa Kỳ. Oct. 2004) có những dòng sau đây:

Trang 12: “Đảng có công tài bồi cho Trần Văn Thủy thành một hiện tượng như vậy. Đừng bảo tôi đa nghi! Hãy làm ơn đơn cử ra cho tôi một con người ‘can đảm’ ‘dám nói sự thật’ dưới chế độ Việt cộng mà không bị một sự trừng trị răn đe nào (thực sự) áp đặt lên con người đó...”

Trang 32: “...Rõ ràng Trần Văn Thủy luôn luôn mang trong đầu cái tâm thức của một ‘thằng Việt cộng’”.

Trang 52: “...Trần Văn Thủy là ai? Một người ham vui? Một kẻ ham địa vị? Tôi chỉ biết chắc chắn Trần Văn Thủy là một cán bộ văn hóa của nhà nước và đảng Việt cộng đang thi hành công tác...”

Ôi, người Việt Nam tội nghiệp, ở đâu cũng thế, ở đâu cũng có những người thích biểu diễn lập trường, coi việc oánh nhau, diệt nhau quan trọng hơn tất cả...

HAI MƯƠI HAI

Câu chuyện chiến tranh không kết thúc khi đã im tiếng súng. Nó không kết thúc khi những người lính sống sót trở về nhà.

Nó chỉ kết thúc khi hòa giải...

Nói với nhau nhiều chuyện, tôi bỗng phát hiện ra một điều rằng nếu những cuốn phim của Trần Văn Thủy bao giờ cũng xoay quanh một vấn đề day dứt nhất, đó là thân phận con người thì khi đất nước thống nhất, điều Trần Văn Thủy suy nghĩ nhiều nhất là sự hòa hợp hòa giải. Suy cho cùng cũng vẫn là thân phận con người mà thôi, nhưng bức thiết hơn, cụ thể hơn và cũng nóng hổi hơn. Vậy mà rất tiếc, sau gần bốn mươi năm chúng ta, những người Việt Nam chưa làm được bao nhiêu.

Một dân tộc đã gần như vắt kiệt tinh thần và sức lực cho cuộc chiến tương tàn, đất nước đã thống nhất mà lòng người còn chia cắt, con người vẫn chưa tự giải phóng khỏi những hận thù thành kiến, những quan niệm lỗi thời, chưa thoát ra được cái xích chính mình tự chằng vào mình. Lợi ích dân tộc là tối cao, điều đó mới chỉ thể hiện trên lời nói một cách yếu ớt, miễn cưỡng cho phải đạo.

Tôi bảo Thủy:

- Thủy ơi, ông có chia sẻ với mình về điều này không:

“Câu chuyện chiến tranh không kết thúc khi đã im tiếng súng. Nó không kết thúc khi những người lính sống sót trở về nhà. Nó chỉ kết thúc khi hòa giải...”

- Có nghĩa là chừng nào chưa hòa giải, chừng đó chiến tranh vẫn còn? Ở đâu ra cái câu hay như thơ thế?

- Đúng thế, chiến tranh vẫn còn và có thể gọi là chiến tranh lạnh. Nhưng thôi, mình chẳng dám đạo ý tưởng của ai đâu, câu đó mình đọc được trong bài phát biểu của Đại sứ Peter Peterson trong bữa tiệc chiêu đãi nhân dịp tặng giải thưởng Christian Herter cho thượng nghị sĩ John Kerry và John McCain, những người có công lớn trong việc hòa giải giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Nguyên văn là:

But the story of war doesn't end when the guns go silent.

It doesn't end when the survivors go home.

It ends at the moment of reconciliation.

Bài diễn văn này mình được anh Nguyễn Quang Dy gửi cho. Anh Dy là Nieman Fellow năm 1993; đã từng làm cố vấn cấp cao cho trường Fulbright tại Sài Gòn và Chương trình Việt Nam của trường Kennedy tại Harvard.

Sau này gặp lại Rugerd - người đã dừng xe ở bên vườn Bách thảo chờ nhận bộ phim “Chuyện Tử Tế” để bí mật chuyển sang Leipzig dự Liên hoan phim năm 1988, Trần Văn Thủy có nhắc lại chuyện đó và cảm ơn anh ta. Rugerd nghe lần thứ nhất dừng dừng, lần thứ hai, anh ta khó chịu; câu chuyện đưa đẩy đến lần cảm ơn thứ ba thì anh ta nổi nóng và nói: *“Tôi chuyển cuốn phim đi không phải vì Trần Văn Thủy, cũng không phải vì Việt Nam mà vì nước Đức!”*.

Anh ta yêu nước Đức, Đông Đức cũng có những vấn đề như thế, anh ta muốn người Đức cư xử với nhau tốt hơn sau khi xem cuốn phim đó. Hai người nói chuyện trong bối cảnh nước Đức sắp thống nhất. Rugerd đang ở trong tâm trạng rất buồn vì không còn việc làm, không hiểu số phận rồi sẽ ra sao. Nhưng anh ta nói: *“Tôi tin nước Đức sẽ sáng sủa hơn và sẽ phát triển.”*

Chúng tôi bỗng nghĩ đến đương kim thủ tướng Đức, vị thủ tướng xuất sắc của châu Âu, người được đánh giá là người đàn bà quyền lực nhất thế giới, bà Angela Merkel. Trước khi nước Đức thống nhất, cũng như hầu hết học sinh Đông Đức khác, Merkel là đoàn viên Đoàn Thanh niên Tự do Đức, một tổ chức thuộc đảng Cộng sản, về sau trở thành ủy viên quận đoàn và bí thư chuyên trách dân vận và tuyên truyền tại Viện Hàn lâm Khoa học Cộng hòa Dân chủ Đức.

Điều đó nói lên rằng, một quốc gia coi tất cả những người tài giỏi là nguyên khí của dân tộc là một quốc gia có tầm văn hóa cao và có tiền đồ phát triển.

Hòa giải là nhu cầu tự nhiên của tấm lòng chứ không thể là phương châm hay là sách lược. Sự hòa hiếu là có sẵn trong tâm hồn mỗi con người lương thiện, khi đã có tấm lòng thì có hòa giải.

Thủy có ý định khi nào gặp lại Rugerd, sẽ hỏi anh ta: Người Đức không có những câu *“Nhiều điều phủ lấy giá gương/ Người trong một nước thì thương nhau cùng.”* ... rồi thì *“Hiền tài là nguyên khí quốc gia”* ... mà tại sao các bạn làm hay thế!

Khi cuộc hội thảo Văn học Việt - Mỹ (6-2010) ở Kim Bôi, Hòa Bình kết thúc, tôi đã trả lời phỏng vấn đài RFI. Trong đó tôi trình bày rành mạch quan điểm của tôi về sự hòa giải. Bài trả lời còn lưu lại trên mạng. Đoạn cuối nguyên văn như sau:

Bao giờ mới có được sự hòa giải giữa người Việt với người Việt?

...Chẳng ai muốn chiến tranh cả, nhưng chiến tranh lỡ xảy ra và đã qua rồi, bây giờ những người hai bên chiến tuyến lại trở thành bạn bè. Các cựu chiến binh Mỹ đã từng đến Việt Nam

tham dự các hoạt động thiện chí, thăm hỏi, đến nhà các bạn Việt Nam dự lễ tang, lễ cưới... của thân nhân bạn bè mình ở Việt Nam, cư xử với nhau chân tình như bạn bè vậy.

Trong bối cảnh đó, một câu hỏi rất lớn được đặt ra như một lẽ tự nhiên: Vậy thì sự hòa hợp giữa người Việt với người Việt ra sao?

Thưa các bạn trẻ, trong hội trường của chúng ta ngày hôm nay, có rất đông các bạn là sinh viên khoa Văn của trường Đại học Văn hóa Hà Nội. Các bạn là tương lai. Xin cho tôi được đối thoại với tương lai. Tất cả những tham luận trước không đề cập đến vai trò của các bạn trong hội thảo này. Tôi muốn nói với các bạn rằng, vấn đề hòa hợp giữa người Việt và người Mỹ coi như đã xong, đã có cái kết có hậu. Nhưng cái gánh nặng hòa hợp hòa giải giữa người Việt với người Việt thì hình như đến thế hệ các bạn vẫn còn quá nhiều việc phải làm. Câu chuyện này dài lắm. Các bạn sẽ có thời gian để tìm hiểu một cách khách quan, thấu đáo và chân thành. Nhưng theo thiện ý của tôi, qua những va chạm và hiểu biết của mình, tôi thấy rằng, để tiến tới hòa hợp hòa giải giữa người Việt ở trong nước và người Việt ở nước ngoài, thậm chí giữa người Việt trong nước với nhau, cần phải đặt ra những nguyên tắc và những định hướng nào đó. Có như vậy việc hòa hợp hòa giải mới trở thành hiện thực được.

Có thể có những góc nhìn khác nhau: góc nhìn của người ở hải ngoại, của những người trong nước, của những người cầm quyền, của những người không có quyền, những người bình dân, những người trí thức... Nhưng theo thiện ý của tôi, có lẽ có hai nguyên tắc chính để đi tới sự hòa hợp hòa giải.

Một là: **Chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt;**

Hai là: **Công bằng và minh bạch với quá khứ.**

Nếu không chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt thì không bao giờ đi đến sự hòa hợp hòa giải cả. Đây là vấn đề khoa học và triết học, chứ không phải là vấn đề lập trường quan điểm hay ý thức hệ.

Về điều thứ hai, những kinh nghiệm về sự hòa hợp hòa giải giữa Đông và Tây Đức, về sự hòa giải của nước Mỹ sau cuộc nội chiến năm 1860 - 1865 cho thấy tầm quan trọng của sự công bằng và minh bạch với quá khứ.

Nếu chúng ta biết chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt nhưng không công bằng và không minh bạch với quá khứ, thì chắc chắn là cũng không thể dẫn đến sự hòa giải thực sự bền vững được. Đó là những điều căn bản nhất mà tôi tâm niệm và đã trình bày trong cuộc hội thảo này.

Điều cuối cùng, tôi muốn nhắc lại điều đã nói với các bạn trẻ trong hội thảo, đó là:

“Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác, bởi thế chúng ta phải coi trọng đời sống tinh thần, đặc biệt đời sống tinh thần của cả một dân tộc.”

HAI MƯƠI BA

- Mike, anh hãy trả lời em thật rõ ràng, giữa em và Việt Nam, anh chọn ai?

Tôi ngạc nhiên quá. Cô ấy nhắc lại câu hỏi.

- Ôi lạy Chúa! Anh yêu Việt Nam và anh yêu em! Em đừng bắt anh phải chọn một, đừng dồn anh vào ngõ cụt!

- Anh chọn đi! Em cần điều ấy anh ạ!

Lặng đi hồi lâu, tôi nói:

- Nếu em một mực bắt anh phải chọn một thì anh chọn Việt Nam.

Cả hai chúng tôi đều khóc, và cô ấy quay lưng lại từ từ bước đi về phía cửa ra...

Sắp đến ngày kỷ niệm 30 năm tưởng nhớ những nạn nhân vụ thảm sát Mỹ Lai (3-1968 – 3-1998), Thủy nghĩ phải có một cuốn phim tài liệu về sự kiện này.

Nhưng tất cả mới chỉ có thể! Chưa có đề cương, chưa có kịch bản. Ngay cả trong đầu đạo diễn cũng là một số 0 tròn trĩnh!

Tuy nhiên Giám đốc xưởng phim Nguyễn Văn Nhân và Phó giám đốc Lê Mạnh Thích đã đồng ý và tạo mọi điều kiện để thực hiện bộ phim, họ tin rằng bọn hăn đã làm là được.

Qua báo Lao Động, hăn biết có một số người Mỹ trong đó có hai người trực tiếp dính líu đến vụ Mỹ Lai tên là Hugh Thomson và Larry Colbern sẽ sang Việt Nam và đến Mỹ Lai.

Đang nghĩ ngợi vẩn vơ thì Thăng, cậu con trai nói với bố:

- Hình như có mấy người Mỹ đang trọ ở Hàng Bạc...

Một cái tin ất ơ... Thế nhưng bí quá, hăn cứ mò đến phố Hàng Bạc.

Đây rồi, một nhà trọ...

- Bác ơi, nhà bác có người Mỹ ở trọ không?

- Có đấy.

- Xin bác gọi giúp một người xuống cho tôi gặp một chút.

- Ông gặp ai? Tên gì?

- Ai cũng được ạ!

Kỳ quặc hết chỗ nói!

Thế rồi một ông Tây to đùng đi xuống, trao đổi đôi câu. Giọng ồm ồm như vọng lên từ âm phủ, ông ta nói cũng sẽ đi Mỹ Lai. Chỉ thế thôi. Ông ta cho hăn số điện thoại của anh bạn Việt Nam tên là Phan Văn Đỗ (sau này, anh Đỗ đã góp nhiều công sức giúp thực hiện bộ phim).

Về nhà, hăn gọi điện mời anh Đỗ đến nhà ăn bữa tối cùng mấy anh em làm phim.

Mâm cỗ bày ra thịnh soạn. Chờ. Đến giờ rồi mà chẳng thấy người.

Chuông điện thoại. Chắc hỏng rồi!

- *Anh Thủy ơi, tôi rủ thêm một người cùng đi được không?*

- *Anh ơi, mấy người cũng được, đến đây cho vui.*

Lát sau, anh Đỗ xuất hiện giữa cái cổng đã mở rộng, bên cạnh là cái ông Tây to đùng đã gặp khi sáng. Thật là duyên kỳ ngộ.

- *Xin chào, tôi là Mike Boehm.*

Bia bọt rôm rả, bà chủ Hằng vui vẻ tận tình tiếp đãi những món ngon Hà Nội. Mấy khách lạ vui vẻ trò chuyện tự nhiên như bạn bè đã quen từ lâu.

Mike Boehm nhẩn nha kể, anh ta chẳng dính gì đến sự kiện Mỹ Lai cả. Khi xảy ra sự kiện đó anh ta đang ở Bình Dương, phục vụ trong một đơn vị quân đội chẳng liên quan gì đến súng đạn. Tuy nhiên từ khi cuộc thảm sát Mỹ Lai xảy ra làm chấn động thế giới, anh ta bỗng cảm thấy Việt Nam là một phần máu thịt của mình và điều đó đã thay đổi cả cuộc đời anh ta. Lúc nào đi đâu anh cũng đau đầu nghĩ về Việt Nam.

- *Anh có gia đình chưa?*

- *Ồ tôi có một cô bạn, một người con gái tuyệt vời, tôi yêu cô ấy lắm. Tôi rất cảm ơn cô ấy đã cho tôi một cuộc sống hạnh phúc và ngược lại tôi cũng đem lại hạnh phúc cho cô ấy.*

Năm nào tôi cũng sang Việt Nam để đến Mỹ Lai vào dịp này và lần nào cô ấy cũng tiễn tôi đến tận sân bay.

Một lần trước khi lên máy bay, cô nói: “Mike, anh hãy trả lời em thật rõ ràng, giữa em và Việt Nam, anh chọn ai?”

Tôi ngạc nhiên quá. Cô ấy nhắc lại câu hỏi. Tôi bảo: “Ôi lạy Chúa! Anh yêu Việt Nam và anh yêu em! Em đừng bắt anh phải chọn một! Đừng dồn anh vào ngõ cụt!” Cô ấy vẫn tha thiết: “Anh chọn đi! Em cần điều ấy anh ạ!”

Lặng đi hồi lâu, tôi nói: “Nếu em một mực bắt anh phải chọn một thì anh chọn Việt Nam.”

Cả hai chúng tôi đều khóc, và cô ấy quay lưng lại từ từ bước đi về phía cửa ra.

Nghe đến đó, mọi người lặng đi, không ai muốn ăn uống gì nữa...

Lát sau Thủy hỏi:

- *Anh sống thế thì buồn quá, anh phải vui lên, phải có gì đó để vui để sống chứ, thể thao, âm nhạc? Chiến tranh đã qua lâu rồi...*

- *Có, tôi chơi violon.*

- *Ồ, thế thì hay quá để tôi kiếm cho anh một cái!*

- *Tôi có rồi, đi đâu tôi cũng mang theo. Năm nào tôi cũng đến Mỹ Lai đứng chơi đàn trước*

những ngôi mộ cho những người đã khuất nghe. Tôi chỉ chơi hai bài, bài Khúc Nguyên cầu và bài Giã từ vũ khí...



*Năm nào tôi cũng đến Mỹ Lai đứng chơi đàn trước những ngôi mộ cho những người đã khuất
nghe*

Thủy đứng phắt dậy giơ hai tay lên trời và kêu lên:

- *Có phim rồi!...*

Thế là kéo nhau đi Mỹ Lai.

Tưởng suôn sẻ nhưng bỗng gặp một trở ngại như trái núi chắn ngang trước mặt: Hãng Truyền hình khổng lồ CBS của Mỹ đã ký hợp đồng với tỉnh độc quyền việc đưa tin những trường đoạn then chốt của lễ kỷ niệm! Và họ đã đưa cả một đoàn binh hùng tướng mạnh sang “tràn ngập” hiện trường!

Bó tay?

Quả thật, có đủ tài để làm ra một cuốn phim hay thì vẫn là... chưa đủ!

Anh còn phải biết cách làm sao chỗ được ống kính vào đối tượng cần quay khi bị ngăn cản, có phim rồi lại phải biết cách đưa đến người xem khi bị cấm đoán.

Kỹ năng đó gọi là... độ quái! Không dễ học được ở nhà trường.

Thế rồi “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” đoạt giải Hạc Vàng Liên hoan phim Châu Á Thái Bình Dương lần thứ 43 tại Băng Cốc (1999)!

Sau đó bộ phim được tổ chức chiếu trong bầu không khí trang trọng tại Trung tâm Chiếu phim quốc gia. Phòng chiếu 500 chỗ, một nửa là người Việt, một nửa là khách mời người Mỹ và người nước ngoài. Ông đại sứ Mỹ phát biểu với những lời cảm kích.



*“Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” đoạt giải Hạc Vàng Liên hoan phim châu Á Thái Bình Dương lần thứ 43
tại Băng Cốc (1999)*

Xưởng phim tặng Mike bộ phim nhựa 35mm “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”. Một thùng tương. Mike đem về đưa lên chiếc xe cà tàng của mình, tha đi chiếu cùng trời cuối đất nước Mỹ.

Một lần hấn đến thành phố Madison, tiểu bang Witsconsin thăm Mike, anh ta rủ lên xe cùng đi chơi. Trước khi lên đường anh ta vào phố rồi ôm lên xe những chai nước uống và bánh mì, thịt hộp... Toàn đến các quầy hàng che bằng lều bạt để xin các bạn quen, chứ trong túi chẳng có một xu!

Mike đưa hấn về quê, miền đất sát Canada lạnh giá, dẫn hấn đến tận chỗ hồi nhỏ anh ta đục băng trên mặt sông để câu cá. Anh ta kể, lúc đó mới hơn mười tuổi, loạn quạng thế nào thụt xuống hố băng, không hiểu làm sao lại leo lên được. Trường hợp như thế thường là chết vì bị dòng nước phía dưới băng đẩy đi xa, không tìm được cái lỗ thủng để mà lên nữa... cộng thêm cái lạnh buốt, mắt mở dưới nước không thể nhìn được cái gì cả, chân tay thì tê cứng lại.

Mike còn đưa hấn lang thang đến cái đập nước, nơi hồi nhỏ cậu ta đã từng ra đây ngủ qua đêm vì bị bố mắng.

Yêu Việt Nam đến lạ kỳ, Mike ở một mình trong căn phòng tồi tàn xập xệ chẳng có đồ đạc gì cho ra hồn, trên tường treo tấm giấy chứng nhận là “Hội viên Hội Phụ nữ Sơn Tịnh Quảng Ngãi”.

Nhưng Mike lại chẳng ưa gì chính nước Mỹ của mình. Thấy hấn chụp ảnh tòa nhà thị chính, ngôi nhà đẹp như nhà Quốc hội ở Washington DC, Mike bảo chụp làm gì, trong đó toàn bọn người xấu xa, chẳng ra gì; mua lá cờ Mỹ làm kỉ niệm, Mike cũng khó chịu: *“50 ngôi sao không phải 50 tiểu bang mà là 50 tập đoàn lũng đoạn đang xâu xé nước Mỹ!”*



...trong đó toàn bọn người xấu xa, chẳng ra gì

Mike cứ sống tạm bợ như vậy, kì cốp từng đồng để có tiền sang Việt Nam thăm Mỹ Lai và làm từ thiện...

Nhắc lại chuyện này, hấn xót xa cho Mike, muốn cậu ta quên đi quá khứ và sống cho bản thân.

Buồn chán thế đủ rồi...

Bộ phim “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” đã làm xong, đã được giải thưởng lớn nhưng vẫn còn đôi điều thú vị “không có trong phim” như người ta thường nói...

Một đoàn làm phim lên đường mà không có quyết định của Cục Điện ảnh; phải chăng đó là lí do Cục không duyệt, cho là “tiền trăm hậu tấu”, phim làm xong rồi mời xem cũng không xem.

Ông Giám đốc xưởng phim Nguyễn Văn Nhân trực tiếp mời ông Nguyễn Khoa Diễm, Bộ trưởng Văn hóa. Mời ông xem đã, duyệt hay không duyệt là chuyện khác. Mới đầu ông Diễm tưởng chỉ là kịch bản, khi biết là cuốn phim đã quay hoàn chỉnh, ông xuống xem, chỉ đi một mình với lái xe vào một buổi chiều chủ nhật.

Xem xong phim mắt ông đỏ hoe. Ông nói:

- Nhân dân Quảng Ngãi cảm ơn các anh, oan hồn những nạn nhân xấu số cảm ơn các anh...

Ông yêu cầu Cục phải xem và cho in nhiều bản, công chiếu và gửi ra nước ngoài dự Liên hoan phim Thế giới.

Vậy mà một tuần sau lãnh đạo Cục mới xuống xem và sau này khi nghe Ban Tổ chức Liên hoan phim châu Á Thái Bình Dương lần thứ 43 tại Thái Lan công bố “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” đoạt giải vàng, ông Cục trưởng thì hết sức vui mừng; ông Cục phó thì ưu tư...

Ngồi kể lại chuyện làm phim “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”, tôi lại có dịp nhớ lại những đồng nghiệp của mình.

Trước hết tôi muốn có đôi lời về anh Nguyễn Văn Nhân, anh Lê Mạnh Thích, các anh đã tin chúng tôi và hết lòng với bộ phim này. Vì thời gian gấp gáp, không kịp viết kịch bản, chưa có quyết định của Cục Điện ảnh, chưa có quyết định về nhân sự, chưa có tổng dự toán...các anh vẫn cấp máy phim, tiền bạc, giấy giới thiệu và cho chúng tôi lên đường vào Quảng Ngãi. Phải nói rằng hai anh là những người có lòng, vì công việc, vì anh em. Với những người như thế, chúng tôi quý mến tận đáy lòng. Đôi khi gặp khó khăn trắc trở trong công việc, có lúc tôi nản lòng, nhưng nghĩ đến cái tình với nhau, tôi lại cố gắng hơn. Vậy ra khi con người tin nhau thì cuộc sống xem ra lại vất vả hơn nhiều.

Rồi các anh Hồ Trí Phổ, Vương Khánh Luông, Lê Huy Hòa, Đặng Trần Anh, Phan Minh Hương, anh chị em kĩ thuật, in tráng, kinh tế, hành chính... mọi người đều có những đóng góp đáng kể.

...Trước khi nhận lời mời cộng tác với tôi, Hồ Trí Phổ làm việc ở xưởng phim Khoa học, cũng ở trong hãng phim chúng tôi.

Anh là người nghĩ được, viết được, làm được. Tôi thường nói anh là con dao pha, việc gì đến tay là làm và làm rất tốt. Khi cộng tác với nhau, anh chủ động quán xuyến mọi công việc của đoàn làm phim một cách chu đáo kể cả việc chuyên môn lẫn việc chăm lo đời sống sinh hoạt cho anh em. Một con người từng trải, giàu vốn sống, tháo vát và tiềm ẩn nhiều khả năng như anh, nếu được đào tạo bài bản thì chắc chắn sẽ có thêm những bộ phim hay. Nghĩ về Hồ Trí Phổ, tôi cứ nuối tiếc rằng hãng phim đã không đánh giá đúng, không sử dụng đúng khả năng và sở trường của anh. Trong khi đó anh đã đóng góp nhiều công sức với chúng tôi trong 3 bộ phim, “Chuyện Tử Tế”, “Chuyện Từ Góc Công Viên” và “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”.

Khi tôi mời Vương Khánh Luông quay “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” là tôi tin tưởng ở sự cẩn mực của anh, tin tưởng ở tay nghề “quay chớp”, quay thời sự phóng sự nhiều năm của anh. Luông là tác giả của nhiều phóng sự, anh tháp tùng các nhân vật lớn đi thương thảo đại sự ở nước ngoài. Anh tiếp bước nhà quay phim phóng sự kỳ cựu Phan Trọng Quý, họ là những nhà quay phim thiện chiến, chuyên gia về những sự kiện chỉ xảy ra có một lần, thậm chí trong một khoảnh khắc – một loại hình phim mà không phải nhà quay phim nào cũng đảm nhận được.

Sau này Vương Khánh Luông đã làm nhiều phim tài liệu với tư cách là đạo diễn chính. Những phim tài liệu của anh rất thật, giàu tính kịch và có cấu trúc hấp dẫn.

Trong những người quay phim cộng tác với tôi còn có Nguyễn Như Vũ. Anh đã làm nhiều phim và có nhiều kỷ niệm, trước và sau khi chúng tôi cộng tác làm phim “Chuyện Từ Góc Công Viên”. Trong hãng phim, các vị lãnh đạo và đồng nghiệp đều quý Vũ. Bản tính hiền hòa ít nói, giống tính người cha – nhà quay phim Nguyễn Như Ái. Vũ là người thực sự đam mê với nghề, biết lắng nghe và cũng là người có chính kiến trong sáng tác. Tôi có một cảm giác hoàn toàn yên tâm về mọi phương diện khi được làm việc với Vũ.

Khi làm phim “Chuyện Tử Tế”, không phải tình cờ mà tôi mời Lê Văn Long quay phim chính. Trong những anh em quay phim ở hãng Phim Tài liệu lúc đó, Long không phải là người nổi trội về tay nghề, về tiếng tăm. Khi bắt tay vào việc, tôi nghĩ “Chuyện Tử Tế” đôi khi cần sự liều lĩnh, phớt đời tuế tóa chứ không chỉ là sự cẩn mực, chẩn chu. Ở Long tôi thấy có tố chất đó:

Không sĩ diện, không “cảnh vệ”, thích nói thật, nói thẳng và chịu chơi. Sau này tôi càng thấm thía, nếu mời một quay phim khác quay “Chuyện Tử Tế” thì có lẽ không thể có trường đoạn kể ngày xưa, thời niên thiếu người quay phim này đã phải đi chăn vịt, rồi chui vào lều ngủ quên, bị ghi xấu vào lí lịch, rồi lại có ông thầy giáo giỏi bây giờ đi bán rau... Điều đáng yêu và cần ở Long là ở chỗ ấy.

Cách đây 20 năm tôi mời nhà quay phim Đỗ Khánh Toàn làm quay phim chính của cuốn phim “Một Cõi Tâm Linh”. Như hầu hết các phim chúng tôi thực hiện, đều là phim nhựa 35mm và đây là bộ phim đi quay xuyên Việt và dừng lại Huế lâu nhất. Bởi thế cảnh quay rất đa dạng. Anh rất chịu khó, kĩ lưỡng trong từng cảnh quay và không bao giờ tỏ ra mệt mỏi. Được đào tạo quay phim ở Cộng hòa Dân chủ Đức, anh quen làm việc theo phong cách “Tây”, có lẽ vì vậy trước đó, năm 1989 tôi đã mời anh cùng thực hiện một bộ phim dài ở Tây Âu gồm Đức, Pháp, Ý, Anh, Bỉ. Đỗ Khánh Toàn có cách sống và phong cách làm việc dễ mến, đó là chân thành, vô tư và coi trọng tình nghĩa.

Tôi có ấn tượng với nhà thu thanh kì cựu Lê Huy Hòa ở Hãng phim Tài liệu Trung ương. Từ lâu, trong việc làm nghề tôi có ý thức rất rõ về vai trò quan trọng của âm thanh, nhất là với phim tài liệu hiện đại. Tôi cũng đã nói điều này với các đồng nghiệp trẻ, các sinh viên trong và ngoài nước. Âm thanh thật sự có hiệu quả để làm cho bộ phim sống động, chân thực, lôi cuốn hơn rất nhiều. Nói không ngoa, nó chiếm tới 50% hồn vía và giá trị của bộ phim. Những thiết bị thu thanh hiện đại và một người thu thanh giỏi nghề là rất quan trọng với một ê-kíp làm phim chuyên nghiệp. Lê Huy Hòa là một người như thế. Và anh đã đóng góp phần công sức không nhỏ cho sự thành công của Hãng phim Tài liệu Trung ương, trong đó có những bộ phim tôi tham gia. Anh là người được đào tạo bài bản, yêu nghề. Chúng ta cũng nên biết rằng, xử lý âm thanh trên phim nhựa phức tạp hơn rất nhiều so với phim làm bằng băng video.

Qua những lần làm việc với anh, tôi nghĩ rằng khi được cộng tác với một đồng nghiệp có tầm thì người đạo diễn phải tự hỏi rằng, sự cộng tác của mình có tương xứng với họ hay không.

Và trong tình nghề nghiệp tôi muốn lưu ý các đạo diễn trẻ rằng, điện ảnh là tác phẩm của tập thể, là thành quả của trí tuệ và công lao của tập thể. Người đạo diễn tựa như một nhạc trưởng, cần biết kính trọng và thấu hiểu những con người trong dàn nhạc mới có thể khai thác tối đa tài năng và trí tuệ của họ.

Tôi muốn có đôi lời tri ân với Nguyễn Sĩ Chung. Anh cùng học trường Điện ảnh Việt Nam với tôi từ 1965, cùng học ở Nga đầu những năm 70, cùng về Việt Nam và làm việc với nhau ở xưởng phim Tài liệu cho đến khi cùng về hưu. Nghề chính của Chung là biên kịch, sau này anh kiêm đạo diễn nhiều phim. Phim “Chốn Quê” anh làm năm 2001 đoạt giải vàng trong Liên hoan phim Châu Á Thái Bình Dương ở Gia-các-ta. Chung cùng tôi và các đồng nghiệp, quay phim Tô Thư, thu thanh Cao Huy làm phim ở Liên Xô năm 1986. Trong việc làm nghề và trong đời sống, Chung và tôi có rất nhiều kỉ niệm và chẳng có chuyện gì là không kể lể với nhau. Rồi năm 2009-2010-2011, Chung và tôi đã cùng Phùng Lê Anh Minh, Nguyễn Sĩ Khoa – con trai út của Chung làm phim nhiều tập “Vọng Khúc Ngàn Năm”. Trước đó tôi đã cùng với Nguyễn Sĩ Bằng, con trai lớn của Chung làm 4 tập phim về cụ Nguyễn Văn Vĩnh với cái tên “Người Man Di Hiện Đại” vào các năm 2006-2007.



Thời gian làm phim “Người Man Di Hiện Đại”

Bạn tôi là một người khiêm nhường, biết nhiều nói ít, điềm đạm và chia sẻ với mọi người nên được bạn bè quý mến, nhất là... đám đàn bà con gái.

Tôi không thể nhắc đến tất cả, chỉ có điều tôi luôn tâm niệm rằng, có sự cộng tác của những người có tâm có tài như thế tôi mới có thể làm những bộ phim được khán giả trong và ngoài nước nồng nhiệt đón nhận như đã thấy...

Kết thúc việc quay phim “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai” ở Quảng Ngãi, anh em trong đoàn làm phim thấy tạm bằng lòng với công việc đã làm, nhất là đã được Giải Vàng ở Liên hoan phim châu Á Thái Bình Dương. Nói là tạm bằng lòng vì bộ phim có thể hay hơn, đi xa hơn nếu được phép làm, được phép miêu tả như nó đã từng xảy ra.

Có ít nhất là ba trường đoạn quan trọng đành phải bỏ qua như sau:

Trường đoạn 1: Ba mươi năm sau (1998) nhân dịp lễ tưởng niệm, những người Mỹ trở lại tìm cậu bé có tên là Đỗ Ba được cứu thoát từ đồng xác người năm xưa để xem cậu sống ra sao thì cậu đang bị... tù vì tội ăn cắp. Thật trớ trêu nếu không nói là đáng xấu hổ. Chi tiết này nếu

được kể sẽ làm cho người vô cảm nhất cũng nhận ra rằng hai chữ “giải phóng” bị xúc phạm nặng nề như thế nào. Chúng tôi, anh em trong đoàn làm phim và cánh nhà báo nhà văn có mặt lúc đó rất muốn bằng cách nào đó xin cho Đỗ Ba ra ngoài gặp những ân nhân của cậu nhưng không được, đành bó tay. Cay đắng thế đó.

Trường đoạn 2: Phi công Glen Andriotta, người đã trông thấy một hình hài còn cựa quậy liền hạ trực thẳng xuống, len lỏi qua đồng xác người lòi ra Đỗ Ba máu me đầy người, mang lên trực thăng chở về bệnh viện Quảng Ngãi.



Phi công Glen Andriotta, người đã trông thấy một hình hài còn cựa quậy...

(ảnh của gia đình Glen gửi Trần Văn Thủy)

Sau đó vài tuần, trực thăng của Andriotta bị bắn rơi và anh bị giết y như những nạn nhân Mỹ Lai. Andriotta là con một trong một gia đình trung lưu. Chiến tranh là thế đó.

Cơ trưởng Hugh Thompson, người kiên quyết chĩa súng về phía đám lính Mỹ, sẵn sàng xả đạn nếu họ tiếp tục tàn sát dân lành cũng qua đời sau lễ tưởng niệm ít năm.

Xạ thủ súng máy Lawrence Colburn sau chiến tranh trở về Mỹ đã có thời suy sụp, chán đời, đắm chìm trong ma túy nghiện ngập tưởng không gượng dậy được.

Người ta sẽ thẩm thía và sẽ còn phải tiếp tục suy ngẫm về hai chữ “chiến tranh”.

Trường đoạn 3: Một trường đoạn quan trọng nữa phải bỏ qua là miêu tả về đời sống thân phận Mike Boehm, người kéo vĩ cầm trong phim, từ sau chiến tranh Việt Nam cho đến nay: Sống một mình, không gia đình, không nhận lương hưu, không thừa nhận bất kì cái gì mang giá trị Mỹ...

Anh ta không có lỗi gì, và cũng không hề can dự vào cuộc thảm sát năm 1968 ấy. Bởi vậy anh ta không phải làm cái việc cứu chuộc hay “sám hối” như một số người tưởng vậy. Chỉ đơn giản là Mike đã và đang làm cái việc cho thỏa lòng mình, để xoa dịu những nỗi đau chiến tranh đã đổ lên số phận con người trong quá khứ.

Từ sự khinh bỉ cuộc chiến ấy anh ta “vơ đũa cả nắm” khinh bỉ cả nước Mỹ, tẩy chay cả nước Mỹ - từ Tổng thống đến quốc hội, quốc kỳ. Những mẫu người dám đi đến sự tận cùng ý chí của mình như Mike thì thường thấy ở những nước như nước Mỹ.

Một bộ phim trung thực với những câu chuyện về thân phận con người giàu tính nhân văn như thế chắc chắn sẽ còn đi xa hơn, hay hơn... Chúng tôi rất biết điều đó nhưng cơ sở phim

nhựa, tiền bạc, thời gian không cho phép; nhất là sức ép của Cục Điện ảnh, của cơ chế “duyet phim”. Họ không muốn chấp nhận bộ phim này. Nếu tôi “máu me” lên thì chắc chắn anh em trong đoàn làm phim cũng ủng hộ. Nhưng tôi e ngại sự phiền toái, sự liên lụy sẽ đến với ban lãnh đạo xưởng phim đã tin và hết lòng ủng hộ chúng tôi.

Đấy! Nhiều khi phim không thể làm hay hơn được là vì những lí do... ngoài phim như thế.

HAI MƯƠI BỐN

Khi tới bờ biển bắc Đà Nẵng, nước biển trong vắt, không có sóng xô bờ, xung quanh tĩnh lặng với những hàng dương xanh rì, Wayne Karlin đi xuống mép nước, tất cả yên lặng đứng quanh. Anh xúc động, chậm rãi nói:

“Các em ạ! Nơi đây, chỗ chúng ta đang đứng đây chính là điểm khởi đầu tấn bi kịch lớn trong lịch sử nước Mỹ, ngày 8-3-1965 quân đội Mỹ lần đầu tiên đã đổ bộ vào Việt Nam. Tại đây!”

...Năm ấy công ty BHD thực hiện bộ phim truyện nhựa có tên “Vũ Khúc Con Cò”. Có thể đây là dấu ấn quan trọng đầu tiên của BHD trong việc đầu tư vào làm phim. Chủ nhân của công ty này là vợ chồng cháu Bình, “Bình Boong” con trai mẹ Hảo, Phan Thanh Hảo, bạn tôi từ thuở hàn vi, thuở “Hà Nội Trong Mắt Ai” long đong lận đận. Vợ Bình Boong là cháu Hạnh, Ngô Bích Hạnh, con bố Ngô Thảo, cũng là chỗ thân quen bạn bè. Tôi biết các cháu từ khi chúng còn nhỏ và thầm khâm phục các cháu vì bản lĩnh và những bước đi vào đời có thể nói là ngoạn mục của chúng.

Khi “Vũ Khúc Con Cò” đã hoàn thành, tôi cũng không hề biết về bộ phim. Bỗng một hôm Bình đến nhà tôi bàn chuyện sửa phim, cháu nói rằng phim chúng cháu đã làm xong nhưng có điều lấn cấn là vai phóng viên chiến tranh dẫn chuyện trẻ quá (vai này do cháu Lưu Vinh em Lưu Hà, con anh Lưu Xuân Thur đóng). Bình bảo rằng mẹ cháu và bố Ngô Thảo gợi ý nên mời chú Thủy vào vai này thì hợp hơn. Chú có tuổi và thực sự chú đã là phóng viên chiến trường nhiều năm...

Tôi nhận lời với các cháu theo kiểu vui đâu chiều đấy và không bao giờ nghĩ rằng nhờ các cháu, do các cháu mà tôi có một người bạn Mỹ rất chân tình, giản dị là Wayne Karlin.

Tôi nói với các cháu rằng: Chú là người cả đời làm phim tài liệu, không có tài hư cấu bịa chuyện như những nhà làm phim truyện. Vậy cho phép chú, trong lời thoại, chú chỉ nói những chuyện thật, những trải nghiệm thật của chú trong chiến tranh mà không theo một kịch bản nào cả. Ngoài ra nếu có thể được, nhân vật cựu binh Mỹ đối thoại với chú nên là một xạ thủ súng máy trên trực thăng. Cháu nên biết rằng ở chiến trường miền Nam hồi đó, chú sợ trực thăng nhất. Bộ binh, B52, B57, pháo bầy...chú không sợ. Chú sợ trực thăng vì nó có thể hạ sát mình trong nháy mắt, ở bất kỳ đâu. Nó đuổi rượt mình như mèo vờn chuột và cái chết ập đến một cách tức tưởi.

Bình - Hạnh OK! Chỉ mấy ngày sau tôi được các cháu mời đến nhà, ở đầu phố Lê Ngọc Hân để gặp “bạn diễn” của tôi. Tôi thực sự kinh ngạc chứ không phải là ngạc nhiên nữa! Trước mắt tôi là một cựu binh Mỹ cao ngều, hiền lành. Lúc đầu anh ta có vẻ hơi mặc cảm, từng là xạ thủ

súng máy trên trục thẳng, có mặt ở chiến trường ở miền Nam Việt Nam hầu như cùng thời điểm và địa điểm với tôi. Anh ta tên là Wayne Karlin.

Kỳ lạ lắm chứ! Một bộ phim do tư nhân đứng ra sản xuất mà chỉ mất có mấy ngày để điều một “diễn viên” có một lai lịch chính xác như thế từ Mỹ, đúng hơn là từ Maryland, bờ Đông nước Mỹ sang Việt Nam. Điều đó hãng phim nhà nước chẳng bao giờ làm được!

Wayne, Bình, Hạnh, Phan Thanh Hảo và tôi chuyện trò khá lâu. Ngày hôm sau khi ra hiện trường, dưới gốc đa, trên đường làng hay trên con đê ngày mùa, bên những người nông dân gặt lúa, quạt thóc, phơi rơm. Chúng tôi lững thững đi trong khung cảnh ấy và chỉ nói với nhau những chuyện thật cái thời mỗi người một chiến tuyến. Tôi cũng chẳng ngại ngừng gì khi tôi kể rằng, tôi sợ và căm ghét cái trục thẳng của Wayne như thế nào. Còn Wayne cũng thú thật rằng từ trên cao anh ta bắn vào tất cả những gì đang động đậy dưới đất...

Sau này, năm 2002 tôi qua Mỹ, cùng Wayne và bạn bè làm một cuốn sách, trong đó Wayne nói lại nguyên xi câu vừa rồi và còn thêm một đoạn: *“...Khi tôi gặp anh (Trần Văn Thủy) ở Việt Nam và anh tâm sự với tôi là hồi đó anh sợ máy bay trục thẳng như thế nào, tôi có cảm giác vừa kinh hoàng vừa đau buồn vì tôi biết rằng nếu hồi đó tôi thấy anh chạy dưới đất, tôi sẽ bắn chết anh một cách không thương tiếc, và giả sử tôi đã làm như vậy thì nhân loại sẽ bị thiệt thòi, mất mát biết bao...”* (Nếu Đi Hết Biển, - cuốn tái bản 2004. Trang 157. NXB Thời Văn California)

Trong những lần trở lại Mỹ sau này, tôi và Wayne có nhiều kỉ niệm. Anh ta mời tôi đến nói chuyện với sinh viên trường anh dạy, trường Saint Mary ở gần Washington DC. Wayne là giáo sư ngôn ngữ và văn chương, là tác giả của bốn tiểu thuyết đoạt những giải danh giá của nước Mỹ. Có một điều tôi nhận thấy là, ở Mỹ, nhiều cựu binh từ Việt Nam trở về, cũng như Wayne, đều tiếp tục học hành, nghiên cứu và thành đạt trong các lĩnh vực khoa học, văn học nghệ thuật chính trị, xã hội và kinh doanh, nhiều người trở thành những chính khách xuất chúng, là những thống đốc, nghị sĩ, ứng cử viên tổng thống...

Khi tham chiến và bị bắt ở Việt Nam, họ chỉ là những người lính quèn hoặc “giặc lái”...

Tôi liên tưởng đến Việt Nam thấy nhiều điều tương tự. Sau khi phục viên, các cựu chiến binh nói chung đều vất vả cơ cực trong việc mưu sinh kiếm sống nhưng có không ít người vươn lên thành đạt trong nhiều lĩnh vực trong hoạt động xã hội.

Vì cũng đã là cựu binh tham chiến ở Việt Nam lại là một nhà văn, Wayne có những trải nghiệm và cái nhìn sâu sắc khi viết văn và giảng dạy. Anh ta đã cùng tôi và hai người Mỹ đưa 17 sinh viên Mỹ ở khoa đạo diễn phim tài liệu, trường Đại học Điện ảnh New York sang thực tập ở Việt Nam. Các em là người Mỹ nhưng có nguồn gốc khác nhau; da trắng, da đen, da vàng, có 3 em gốc Việt. Họ vào Việt Nam từ cửa khẩu Nội Bài. Đêm đầu tất cả tập trung lên Sóc Sơn, đốt lửa trại rồi về Hà Nội thăm Văn Miếu và các bảo tàng. Tiếp đó là cả một cuộc đi xuyên Việt

kỳ thú đối với các em. Các em được trang bị 4 camera với các thiết bị làm phim chuyên nghiệp. Cái đích là khi trở về Mỹ, các em phải hoàn thành 4 bộ phim tài liệu về đề tài Việt Nam.

Wayne là người thuộc lòng các sự tích chiến tranh Việt Nam. Bộ nhớ của anh thật tuyệt vời. Anh đã giảng giải cho các em khi đoàn đặt chân đến các địa danh nổi tiếng miền Trung: Sông Bến Hải, Cồn Tiên, Dốc Miếu, Khe Sanh, Tà Con, Gio Linh, Cửa Việt... Các sinh viên Mỹ đã có những trải nghiệm quan trọng, không thể quên trong đầu óc ngây thơ của các em.

Wayne “mê tít” sự dẫn giải của tôi với sinh viên, không hẳn vì tôi đã trải qua chiến tranh, sống sót sau chiến tranh, cũng không hẳn vì tôi là đạo diễn phim tài liệu đoạt nhiều giải thưởng Quốc tế. Có lẽ Wayne cần tôi trong chuyến đi đó chỉ đơn giản vì anh quý tôi, vì thiếu chút nữa thì Wayne đã hạ sát tôi bằng họng súng của chính anh trên máy bay trực thăng ngày đó.

Khi tới bờ biển Bắc Đà Nẵng, nước biển trong vắt, không có sóng xô bờ, xung quanh tĩnh lặng với những hàng dương xanh rì, Wayne đi xuống mép nước, tất cả yên lặng đứng quanh. Anh xúc động, nói chậm rãi:

- Các em ạ! Nơi đây, chỗ chúng ta đang đứng đây chính là điểm khởi đầu tấn bi kịch lớn trong lịch sử nước Mỹ, ngày 8-3-1965 quân đội Mỹ lần đầu tiên đã đổ bộ vào Việt Nam. Tại đây!

Wayne ơi! Anh là một người rất tế nhị. Anh chỉ nói: “*Chỗ chúng ta đang đứng...*” Còn tôi có thể “sòng phẳng” hơn: “*Nơi đây cũng là điểm khởi đầu một bi kịch lớn của người Việt Nam*”.

Tôi đề nghị đưa các em đến di tích Mỹ Lai sau khi đã mời các em xem “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”.

Quả là bộ phim đoạt giải vàng Liên hoan phim châu Á Thái Bình Dương đó và những hình ảnh, di vật ở Mỹ Lai đã gây sốc cho các em ngoài sức tưởng tượng của Wayne và tôi. Nhiều em khóc tức tưởi rất tội nghiệp.

Tôi thương chúng, thương cả Mike Boehm bị quá khứ bám đuổi và hành hạ một cách tàn nhẫn như thế.

Chúng tôi còn đưa các em đi nhiều nơi, chúng ghi lại nhiều hình ảnh, nhiều câu chuyện một cách cẩn mực và tôi luôn nói với chúng rằng: “*Tốt nhất là khi bấm máy, các em phải hình dung được sẽ dựng cảnh này vào trường đoạn nào, cảnh trước và cảnh sau đó là gì.*”

Đêm cuối cùng chúng tôi tổ chức một bữa tiệc ở khách sạn New World, Sài Gòn. Một cuộc chia tay thật bịn rịn.

Khi tàn tiệc, có người bảo nên cho các em tự do ra phố, nhưng tôi đề nghị tất cả lên lầu trên, chia thành 4 nhóm, mỗi nhóm một camera. Các em tâm sự những suy nghĩ về chuyến đi Việt Nam vừa qua. Quay cận cảnh, ghi hình và tiếng từng người một. Tôi không thể tưởng tượng được những gì đã xảy ra, những gì các em đã nói. Chúng ta đều biết người Âu Mỹ, dù già

hay trẻ, trước ống kính đều tự tin, tự nhiên và thẳng thắn. Các em cũng thế. Các em đã nói ra những cảm nghĩ trước và sau khi đặt chân đến Việt Nam, những ý nghĩ hết sức chân thành, xúc động. Có em vừa nói vừa khóc, người đứng bên cũng khóc, bản thân em bấm máy cũng khóc. Wayne ghé tai tôi: *“Không có nhà văn nào có thể nói ra được những điều thật, chính xác và xúc động lòng người đến như thế.”*

Tôi nói với các em rằng: *“Buổi tối hôm nay các em đã làm được một việc rất tuyệt vời, rất quan trọng khi nói những suy nghĩ của mình về chiến tranh, về ‘Vietnam War’ trước và sau khi đến Việt Nam. Là những người đang học để làm nghề, chắc chắn các em phải hiểu được rằng, nhiều giờ băng của 4 camera vừa ghi hình có thể là những ý, những lời mở đầu, lời kết thúc phim và cũng có thể là lời dẫn trong phim. Không một nhà văn nào kể cả Wayne, thầy của các em có thể viết hay hơn thế.”*

Các em rất yêu quý tôi, có em nhận tôi là bố. Trước khi chia tay nhiều em đã ôm tôi khóc nức nở và để lại những lưu bút rất tình nghĩa...

Còn Wayne, trước khi lên máy bay anh tặng tôi chiếc áo thun dày có thêu dòng chữ “College of Southern Maryland GSM 1958” - kỷ niệm trường Saint Mary ở Maryland. Đó là ngôi trường của anh và là nơi tôi đã tới thăm. Wayne còn tặng tôi một bức ảnh.

Tôi nói qua về kỉ vật này. Đó là bức ảnh đen trắng đóng khung gỗ cỡ 20x16. Trong ảnh là Wayne thời còn trẻ trên trục thăng, mặc quân phục, đội mũ bay, tay cầm khẩu súng máy cực nhanh. Một bức ảnh chiến tranh, chết chóc thời hai đứa còn ở hai chiến tuyến cùng thời điểm cùng chiến trường như vậy, tặng nhau sao được! Không nên tặng nhau để gợi lại kỉ niệm đau buồn như thế, không thể tặng nhau được! Nhưng Wayne đã tặng tôi bức ảnh đó. Tôi cảm bức ảnh và thực sự xúc động với lời đề tặng:

For anh Tran Van Thuy. I'm glad I met you now, and not when this photo was taken.

hòa bình your brother. Wayne Karlin

(Tặng anh Trần Văn Thủy. Tôi mừng vì tôi gặp anh bây giờ chứ không phải khi chụp tấm ảnh này.

hòa bình người anh em của anh. Wayne Karlin)

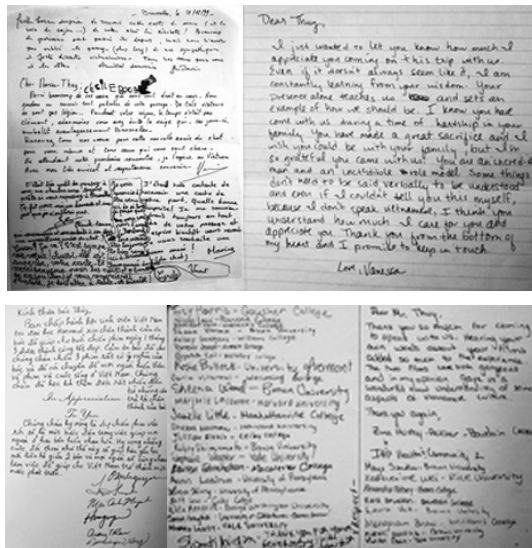
Chữ “anh” viết bằng tiếng Việt và dùng lẫn với chữ brother... Nên hiểu rằng Wayne rất nhạy cảm với tiếng Việt...

Thật tuyệt vời phải không?



Là người làm phim tài liệu, tôi hiểu rằng không có hình ảnh nào là “không được phép dùng”, vấn đề là ở chỗ dùng nó với lời lẽ gì, ý tứ gì mà thôi.

Một lời đề tặng hay như thế chỉ có thể do một nhà văn chân chính như Wayne viết ra.



Lưu bút của các sinh viên Mỹ và châu Âu...

Tôi muốn nói đôi lời về khán giả Mỹ và đặc biệt là những sinh viên Mỹ mà tôi đã gặp. Tới Mỹ nhiều lần, ngoài những công việc chính như viết về cộng đồng người Việt ở Mỹ theo lời mời của JWC Massachusset, tham dự các Liên hoan phim New York, Florida, Madison, Brooklyn; tham dự hội thảo của những nhà làm phim độc lập The Robert Flaherty, tham dự hội thảo về xã hội học ở Đại học New York, hội thảo về chất độc da cam ở Riverside, California...



Với sinh viên các trường Đại học Mỹ sang thực tập tại Việt Nam

Gần trăm buổi nói chuyện, giao lưu chiếu phim ở trên ba mươi Đại học khắp bờ Đông, bờ Tây nước Mỹ là những việc chiếm của tôi nhiều thì giờ nhất. Có nơi một hai buổi, có nơi cả tuần lễ. Nơi đông người dự, có đến bốn năm trăm người; nơi ít hơn, quãng hai trăm người.



Với sinh viên các trường Đại học Mỹ sang thực tập tại Việt Nam

Như vậy tôi đã may mắn được tiếp xúc với hàng chục ngàn sinh viên Mỹ, hàng ngàn cựu chiến binh, trí thức Mỹ. Có thể nói, ở Mỹ mỗi trường Đại học là một thế giới riêng. Tôi ấn tượng với nền giáo dục Mỹ, hệ thống Đại học Mỹ về nhiều phương diện mà lẽ ra tôi phải viết riêng về đề tài có ích này.

Như trên đã nói tôi thấy sinh viên Mỹ với bản lĩnh và tính cách của họ được hình thành từ nhiều thế hệ là hạt nhân quan trọng nhất của nền giáo dục Mỹ.



Harvard – một trong những trường đại học đào tạo ra “những người cai trị thế giới”.

Ở Việt Nam, nhiều người và nhiều lần đã bàn về Cải cách giáo dục. Tất cả những gì người ta đưa ra đều cần và có lý nhưng cái cốt lõi nhất của giáo dục là con người, là bản lĩnh, là năng lực của sinh viên. Có nghĩa là cải cách giáo dục phải bắt đầu từ tất cả mọi phương diện nhưng cần nhất là Bản lĩnh và Tổ chất của sinh viên. Điều này không phải một lúc mà có được.

Các em rất hào hứng đặt câu hỏi và trao đổi với tôi kể cả những chuyện xa lắc xa lơ, thí dụ như: Bộ Luật Hồng Đức thế kỷ thứ 15 dưới thời trị vì của Vua Lê Thánh Tông có được coi trọng ở Việt Nam hay không? Cải cách ruộng đất ở Việt Nam có phải là “Chuyện Tử Tế” hay không? Ông Bush và Đảng Cộng hòa chủ trương tấn công vào Iraq đúng sai ở chỗ nào? Tại sao vụ thảm sát Mỹ Lai được làm thành phim trong khi vụ thảm sát ở Huế hồi Mậu Thân 1968 thì không? Người Việt Nam có tính thù dai hay không? Xã hội Việt Nam bây giờ dân chủ hơn hay chế độ

Việt Nam Cộng hòa trước đây dân chủ hơn?...

Trước những con người năng động lại có tri thức, có nền tảng giáo dục cơ bản, sự đối đáp phải nghiêm túc, sắc bén, thẳng thắn, đi vào vấn đề họ hỏi với sự trọng thị. Nếu không chỉ làm mất thì giờ và không thể chiếm được cảm tình và sự tôn trọng của cử tọa.

Các em sinh viên gốc Việt ở Harvard cũng dành cho tôi những tình cảm nồng hậu. Tôi rất vui về điều này và tôi xin được nói lời cảm ơn chân thành tới các em.



Không khí nồng nhiệt trong buổi giao lưu với các giáo sư và sinh viên khoa Thần học tại Đại học Santa Barbara, California

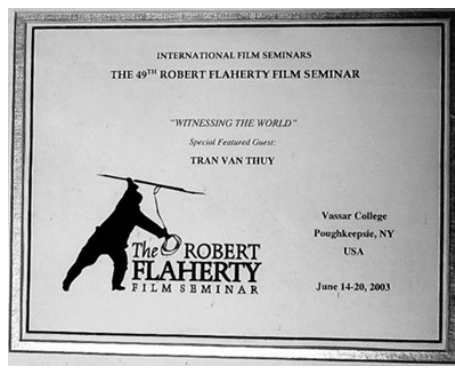
Có lúc tôi nghĩ lẫn thẩn, vài ba chục năm nữa, vào giữa thế kỉ 21 này, các em trở thành những nhà khoa học, những chính khách, những người thành đạt hoặc là công dân bình thường của nước Mỹ và trong hàng chục ngàn em mà tôi đã gặp, đã nói chuyện, đã tranh luận, đã lưu luyến, quí mến nhau sẽ có vài ba em còn nhớ đến ngày xưa, có một người Việt Nam mà mình đã thích thú khi còn là sinh viên. Riêng điều ấy cũng đã là một ân huệ lớn cuộc đời ban cho tôi.

...Phòng khách nhà Thủy, trên tường, ở một vị trí khiêm tốn, ít người để ý, có một văn bản lồng kính sang trọng.

Tôi đọc:

International Film Seminars The 49th Robert Flaherty Film Seminar "Witneensing the World" Special Feature Guest Tran Van Thuy - Vassar College Poughkeepsie, NY. USA- June 14-20-2003.

(Hội thảo Điện ảnh Quốc tế lần thứ 49 The Robert Flaherty - New York tháng 6 năm 2003 khách mời đặc biệt Trần Văn Thủy "Witneensing the World")



“Witnessing the World” trong tiếng ta là thế nào đây? Tôi nghĩ, hai từ đó không nên hiểu là “chứng nhân” và “thế giới”, vừa to tát vừa không thật đúng. Tôi xin mạn phép tạm gọi là: *“Chứng kiến Thế gian”*; có gì đó gần gũi, và sát nghĩa hơn. Nếu sai xin được thứ lỗi và chỉ bảo.

HAI MƯƠI LĂM

Hình như chuyện tâm linh vẫn là một sự đeo đẳng vô hình với tôi trong suốt cuộc đời làm nghề. Nó tựa như mạch sống âm ỉ, che chở nuôi dưỡng và nâng đỡ tôi. Một cảm giác mơ hồ, ấm áp, đủ đầy chứ không phải để cầu xin hay vụ lợi gì cho bản thân...

Trong cuộc đời làm nghề, tôi cũng đã có nhiều dịp cộng tác làm phim với các đài truyền hình và các đồng nghiệp nước ngoài. Mỗi lần có những điều hay dở, khó dễ khác nhau.

Bộ phim đầu tiên tôi làm theo dạng này là với đài Channel 4 nước Anh. Nhớ lại, thời đó còn rất khó khăn về thủ tục.

Tôi có mặt ở Luân Đôn để bàn bạc với Channel 4, sau đó tôi về nước. Qua ông Nel Gibson, một đạo diễn người Anh có dịp đến Hà Nội, Channel 4 đã gửi văn thư để tiếp tục liên lạc với tôi. Chẳng may ông Nel Gibson đột tử trong khách sạn, bức thư được công an lưu giữ và tất nhiên là không bao giờ tới tay tôi.

Đài Channel 4 mà cụ thể là Rod Stoneman đã khôn ngoan gửi thẳng một bức thư cho Thủ tướng Võ Văn Kiệt với lời đề nghị nhờ thủ tướng chuyển bức thư đó đến tôi.

Ngày 27-1-1992, tôi được nhắn đến Hội Điện ảnh. Ở đó, ông Đặng Thế Truyền cán bộ Văn phòng Thủ tướng đã chuyển trực tiếp thư của Channel 4 cho tôi, yêu cầu tôi ký nhận và ông còn cho biết: Thủ tướng Võ Văn Kiệt dặn rằng: *“Làm hay không làm là tùy đạo diễn, đừng để họ nghĩ là nhà nước cấm cản”*.

Qua chuyện này tôi thấy người Anh cũng tinh quái. Ai đời lại nhờ một ông Thủ tướng chuyển thư cho một kẻ vô danh tiểu tốt như tôi. Nhưng đó là con đường ngắn, chắc chắn nhất, minh bạch nhất để tôi được nơi cần đến.

Từ khi có ý kiến của thủ tướng, mọi thủ tục để thực hiện những bộ phim cộng tác với nước ngoài của tôi được suôn sẻ. Cục Điện ảnh, đặc biệt là anh Nguyễn Văn Tình phụ trách đối ngoại đã sốt sắng giúp tôi thực hiện chương trình này.

Bộ phim có tên “Một Cõi Tâm Linh” (A Spiritual World) gom góp nhiều chuyện về thờ cúng, âm dương, hiếu nghĩa, mồ mả, từ Bắc chí Nam với cái kết rất đậm về nhạc sĩ Trịnh Công Sơn - bản nhạc của Sơn Đường Xa Vạn Dặm và bài Điếu Kinh Về Mẹ.

Tôi yêu Trịnh Công Sơn từ những ngày tháng nằm hầm ở rừng. Mở đài Sài Gòn, áp cái “đài bán dẫn” vào tai để nghe *“Đại bác đêm đêm vọng về thành phố, người phu quét đường dừng chổi lắng nghe...”* mà nổi da gà. Sao thốn thức đến vậy, sao yêu thương đến vậy! Một thế giới mới gợi mở trong tôi. Trịnh Công Sơn, Sài Gòn và con người, cuộc sống ở đây qua nhạc Trịnh ám ảnh tôi từ đó. Ước mơ của tôi là được thấy Sơn, gặp Sơn, nghe Sơn nói... Tôi đã được toại nguyện khi cùng ê kíp làm phim và Trịnh Công Sơn, Trịnh Vĩnh Thúy làm “Một Cõi Tâm Linh”.

Sơn còn chép tay cho tôi ca khúc *Đường Xa Vạn Dặm* và bài *Điếu Kinh Về Mẹ*.

Ở cuối phim tôi có viết rằng:

"...Từ lúc tuổi còn xanh, người nhạc sĩ này đã đặt bút viết:

...Hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi,

để một mai tôi về làm cát bụi...

Mấy thập kỉ qua, nhạc phẩm của anh đã đi vào trái tim hàng triệu con người. Vậy mà anh tự nhận: 'Tôi chỉ là gã hát rong đi qua miền đất này để hát lên những linh cảm của tôi về những giấc mơ đời hư ảo'.

Suốt một đời theo đuổi và thờ phụng cuộc sống tâm linh. Phải chăng bởi cõi tâm linh ấy mà anh đã trở thành Trịnh Công Sơn...."



Vậy mà anh tự nhận: Tôi chỉ là gã hát rong đi qua miền đất này để hát lên linh cảm của tôi về những giấc mơ đời hư ảo....

...Gần đây tôi mới ngộ ra rằng ý niệm về đời sống tâm linh cũng là một cái đạo, một tôn giáo, một di sản văn hóa tinh thần quan trọng của tổ tiên để lại. Phải chăng nó hiển nhiên là một tôn giáo với đầy đủ ý nghĩa chân chính của ngôn từ này. Một tôn giáo mà người ta tôn thờ một cách hoàn toàn tự nguyện và bền vững.

Phải nói rằng hồn cốt của "Một Cõi Tâm Linh" có được là qua những trường đoạn quay ở Huế: Những phần mộ, nghĩa trang lâu đời với những câu chuyện huyền bí trên núi Ngự Bình, những bàn thờ thiên trên những mũi thuyền sông Hương, những phong tục tiễn đưa người quá cố về nơi vĩnh hằng, những điệu hò Đưa Linh, hò Nện có thể chọn vào di sản văn hóa phi vật thể, những câu chuyện hiếu nghĩa khi mẹ cha khuất núi như chuyện của cô Bích Đàn... Những phong tục này xa xưa từng có ở miền Bắc nhưng đã bị mai một thất truyền. Có thể nói Huế là nơi lưu giữ những giá trị về văn hóa tâm linh, về cõi vĩnh hằng sâu sắc hơn bất cứ vùng đất nào của đất nước này.

Ở Huế tôi có nhiều bạn bè thân quý, trong đó có gia đình nhà văn Tô Nhuận Vỹ. Anh là một

người bạn rất đắm thắm, rất Huế. Với hiểu biết sâu sắc về văn hóa Huế, anh đã tận tình giúp tôi thực hiện những trường đoạn quan trọng quay ở Huế trong phim “Một Cõi Tâm Linh”. Tôi vẫn nhớ chuyện này và cảm ơn Tô Nhuận Vỹ rất nhiều.



Có thể nói Huế là nơi lưu giữ những giá trị về văn hóa tâm linh, về cõi vĩnh hằng sâu sắc hơn bất cứ vùng đất nào của đất nước này...

Nhân đang nói về “Một Cõi Tâm Linh” với những trường đoạn đầy ắp chuyện hương khói, mờ mả, tôi xin thêm đôi lời tán mạn về chuyện bếp núc thế này:

Thời đạo diễn Lê Mạnh Thích còn sống, chúng tôi thường tụ bạ tán gẫu về chuyện làm nghề. Chả là đám đàn em phát hiện ra rằng, trong các phim của bầu Thích thế nào cũng phải có cảnh mưa... Trong các phim của của đạo diễn A thế nào cũng có cảnh mặt trời mọc, mặt trời lặn, rồi phim của đạo diễn B thế nào cũng có hoa lá mây trời. Rồi các bạn trẻ cũng phát hiện ra rằng trong các phim tôi làm, đề tài gì cũng nhất thiết phải có cảnh hương khói, mờ mả.

Tôi giật mình!

Thật vậy, quả là trên hai mươi phim tôi đã làm, hay dở gì chưa nói, nghĩ lại thấy lạ lùng là phim nào cũng có cảnh hương khói mờ mả. Tất tần tật, phim nào cũng có, kể ra không xuể, mà cũng tình cờ thôi.

Chuyện ở trong nước thì hương khói mờ mả của các nạn nhân chiến tranh, của các tử sĩ, của người đời, của bạn bè, của các bậc hiền tài tiên liệt.

Quay ở nước ngoài thì theo các câu chuyện mà có mộ phần của các nhân vật: Federic Chopin, Honoré de Balzac, Alain Cadex (một thần tài kiểu Bà chúa kho), Victor Noire (một thanh niên Paris bị cháu của Napoléon III bắn chết), La Fontaine, Molière... ở nghĩa trang Pièrre la Chaise, hầm mộ Victor Hugo, Alexandre Duma và những danh nhân nước Pháp ở điện Panthéon. Rồi các nghĩa trang ở Marseille, ở Montpellier, ở Đức, ở Ý... Khi tới Luân Đôn, chúng tôi quay rất kĩ phần mộ của Karl Marx ở nghĩa trang High Gate.

Tới nước nào, thành phố nào tôi cũng tìm thăm các nghĩa trang. Khi ở Mỹ tôi lui tới nơi an nghỉ của Abraham Lincoln, rồi các nghĩa trang ở Boston nơi tôi ở. Khi ở Westminter, Cali, ngay trước khu chung cư Green Lantern Village của Hoàng Khởi Phong, có nghĩa trang gọi là “Vườn Vĩnh Cửu”, nơi có nhiều văn nghệ sĩ người Việt nằm lại ở đó, tôi lần mò cả buổi tìm kiếm và nhẩm đọc các tên tuổi: nhà văn Mai Thảo, nhà thơ Nguyên Sa, nhạc sĩ Phạm Đình Chương, ca sĩ Ngọc Lan, nhà báo Lê Đình Điểu, kịch tác gia Vũ Hạ, nhạc sĩ Trầm Tử Thiêng, danh ca Thái Hằng và nhiều người khác nữa.



“Vườn Vĩnh Cửu” (ở Westminter), nơi có nhiều văn nghệ sĩ người Việt nằm lại ở đó...

Liên sau “Một Cõi Tâm Linh”, tôi hợp tác với đài NHK Nhật Bản để làm phim “Có Một Làng Quê” (There is a Village), làng Phù Lãng huyện Quế Võ tỉnh Bắc Ninh, làm nghề đất nung từ xa xưa. Một làng rất nghèo, dân làng ăn ở với nhau rất tử tế nhân hậu, ông bà, cha mẹ, con cháu, rồi hàng xóm láng giềng thương yêu đùm bọc nhau, không hề có bóng dáng của sự tranh giành cãi cọ...

Tôi cứ thắc mắc tại sao người Nhật lại bỏ tiền cho tôi thực hiện bộ phim nói về một làng nghèo Việt Nam chúng ta, lại còn cho tôi thuê cả trực thăng để quay...



...với Kato Norio ở Tokyo, bàn về dự án làm phim “Có Một Làng Quê”...

Ở Tokyo, khi tôi cùng các bạn Nhật Bản xem bộ phim này, họ đã nói rằng: “Đây là chuyện cổ tích của đời nay!” Lúc ấy tôi mới hiểu, người Nhật đã từng nghèo khó như thế, từng ăn ở tử tế

với nhau như thế; bây giờ khi đã giàu có hơn, sang trọng hơn thì tình người không còn được như xưa nữa. Và họ biết hơn ai hết sự giàu lên có khi làm quan hệ con người xấu đi.

Họ muốn cho con cháu họ thấu hiểu điều đó.

Cái kinh nghiệm quan trọng này xã hội Việt Nam đang nếm trải mà hình như chúng ta chưa giác ngộ được.

Tiếp đó tôi được mời cùng làm phim với các đạo diễn đài ABC của Úc, bộ phim “The Vietnam Peace”; làm phim “Nam Retour sur Image” với Quack Production của Pháp (kể về chuyến trở lại Việt Nam của Tim Page - nhiếp ảnh gia người Anh nổi tiếng thế giới).

Ngoài ra còn nhiều lời mời khác như của Hội Đạo diễn Điện ảnh Pháp (Société des Réalisateurs de Films), của Viện Phim Pháp (La Cinémathèque Française), của Quỹ Danielle Mitterrand (Fondation Danielle Mitterrand)... và đặc biệt là thư mời viết tay của sử gia, nhà báo nổi tiếng Jean Lacouture.



Thăm và bàn việc làm phim với các đạo diễn Úc ở đài ABC.

Có người bạn thân còn đùa bốn: Không có ông Sáu Dân (Võ Văn Kiệt) thì Trịnh Công Sơn và nhiều nghệ sĩ trí thức miền Nam còn đi đào đất mứt mùa...

“Hồi ‘Hà Nội Trong Mắt Ai’ bị cấm, một lần sau khi chiếu phim chui cho gia đình đại tướng Võ Nguyên Giáp tại xưởng phim Tài liệu. Xem xong, đang ngồi uống trà thì mất điện, trời đã chạng vạng tối, đại tướng đứng với tôi rất lâu, ông hỏi: ‘Mất ngủ lắm hả?’ rồi choàng tay ôm, vỗ vỗ vào lưng tôi và nói: ‘Cuộc sống là mẹ của Chân lý’...”

Một câu nói dễ hiểu và dễ trơ tuột đi với những người vô tâm hoặc nông cạn nhưng chỉ có những người đã qua nhiều trải nghiệm trên đường đời mới hiểu được sâu sắc và càng trải nghiệm thì càng hiểu sâu sắc hơn. Hẳn là trong câu nói đó có cả trải nghiệm của chính vị tướng già sau bao năm chinh chiến.

Sau này tôi may mắn có dịp tới thăm gia đình tướng Giáp nhiều lần. Có lần để quay phỏng vấn, có lần cùng bạn bè nước ngoài đến thăm ông. Tôi có một bạn thân người Pháp, anh ta hơn tôi 5 tháng tuổi, kết nghĩa anh em. Anh tên Orso Delage, thành viên của hội từ thiện Lumières

d'Asie. Anh rất tận tình với công việc từ thiện ở Việt Nam, đã cùng tôi làm nhiều việc có ích cho trẻ nhỏ và dân nghèo...

Anh có một nguyện vọng từ lâu là được gặp tướng Giáp, một con người anh rất ngưỡng mộ. Trong ngôi nhà của anh ở Pháp có một góc dành riêng những kỷ vật liên quan đến Việt Nam và đặc biệt là Điện Biên Phủ. Tới Việt Nam làm việc với tôi, anh ta thổ lộ:

- Cậu thiết kế cho tớ gặp tướng Giáp, rồi cậu muốn gì tớ cũng chiều!

Tôi đã ba lần đưa Orso và bạn bè của anh đến thăm tướng Giáp và gia đình.

Họ gặp nhau rất vui vẻ như những người bạn đã quen biết từ lâu. Orso vô cùng mãn nguyện. Sau đó anh còn gợi ý tôi nên xây dựng một lớp mẫu giáo và nhà trẻ ở Mường Phăng, nơi đặt sở chỉ huy của tướng Giáp trong chiến dịch Điện Biên Phủ, hoặc ở Lệ Thủy, Quảng Bình, quê tướng Giáp.



...tôi may mắn có dịp tới thăm gia đình tướng Giáp nhiều lần...

Tôi nhớ lại những lần đến thăm ông, khi ra về ông tiễn ra cửa, lần nào ông cũng dặn tôi:

- Nay phải để mắt đến bọn trẻ con nhé! Đừng buông lơ, chúng hư là mình khổ đấy!

Kể về “Chuyện làm nghề”, thật là thiếu sót nếu không nói thêm đôi điều về ông Trần Độ. Ông là thủ trưởng ngành Văn hóa, là nhà quản lý có tài có tâm, rất gần gũi với anh em nghệ sĩ, trí thức. Tôi nghĩ bây giờ hỏi lại những người đã từng làm việc với ông, chắc chắn là họ đều có nhận xét như vậy.

Ông rất thích những gì mới mẻ về tư duy, thích các truyện ký đang trên báo Văn nghệ thời Nguyên Ngọc làm Tổng biên tập, thích “Hồn Trương Ba Da Hàng Thịt”, thích “Hà Nội Trong Mắt Ai”...

Chúng ta có thể đọc thấy trong Hồi ký của Trần Độ có những dòng như sau:

“...đối với anh chị em văn nghệ sĩ tôi có một sự quý mến đặc biệt, bởi lao động của họ là một loại lao động đặc biệt và tôi luôn cho rằng họ là vốn quý của dân tộc, riêng những người có tài năng còn là niềm tự hào của dân tộc...”

Chúng ta có thể có rất nhiều Bộ trưởng, Thứ trưởng thậm chí có thể có nhiều thủ tướng và phó thủ tướng, nhưng chúng ta chỉ có mỗi một Xuân Diệu, một Nguyễn Tuân, một Chế Lan Viên, một Văn Cao, một Trần Văn Cẩn, một Nguyễn Sáng, một Bùi Xuân Phái... Không ai có thể thay thế được. Chính xuất phát từ những suy nghĩ đó mà đối với giới văn nghệ sĩ tôi thường có sự khoan dung rộng rãi, tôn trọng nghề nghiệp của họ, không khe khắt xét nét họ về tác phong, cách sống và sẵn sàng tạo điều kiện tốt nhất để họ phát huy hết tài năng của mình, phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước.”

“...Văn hóa mà không có tự do là văn hóa chết. Văn hóa mà chỉ còn có văn hóa tuyên truyền cũng là văn hóa chết. Càng tăng cường lãnh đạo bao nhiêu, càng bóp chết văn hóa bấy nhiêu, càng hiếm có những giá trị văn hóa và những nhà văn hóa cao đẹp”.

Với riêng mình, tôi coi ông là ân nhân, là người anh có tình có nghĩa. Ông cứu “Hà Nội Trong Mắt Ai”, mở đường cho “Chuyện Tử Tế” đến với người xem.

Như trên đã kể, khi xem xong “Hà Nội Trong Mắt Ai”, ông Nguyễn Văn Linh bảo làm tập 2. Chính nó là “Chuyện Tử Tế”. Tất nhiên phim làm xong phải mời các ông Văn hóa tư tưởng xem trước. Ông Trần Độ dẫn bầu đoàn của Ban đến xem. Buổi chiều diễn ra tại xưởng phim Tài liệu. Xem xong lên gác uống trà và trao đổi. Mọi người có vẻ ưu tư, thật ra chẳng có cái không khí rộn ràng vui tươi phấn khởi gì cả. Ông Trần Độ cứ ngơ ngẩn thế nào đó.

Tôi mới hỏi:

- Anh Độ! Xem xong anh thấy thế nào?

Ngần ngừ giây lát ông bảo:

- Xem xong tớ thấy hoang mang quá. Các cậu cứ phát biểu trước đi.

Có thể ai đó không tin rằng ông đã nói hai chữ *hoang mang*. Nhưng đó là sự thật trăm phần trăm.

Nó cũng giản dị như câu của ông Nguyễn Văn Linh khi xem “Hà Nội Trong Mắt Ai”: “...Bộ phim chỉ có thế này thôi à? Nếu chỉ có thế này thì tại sao lại cấm... hay vì trình độ của tôi có hạn mà tôi không hiểu được?...”.

Những người khác có đôi ba ý kiến một cách dè dặt. Ông quay lại hỏi tôi:

- Cái đoạn về các bà sơ thế nào ấy nhỉ?

Tôi kể lại chi tiết về sự dẫn thân, sống kham khổ của các nữ tu để chăm sóc những người phong cùi ở trại phong Qui Hòa mà chúng tôi tận mắt chứng kiến. Ông chăm chú nghe và thủng thảng:

- *Chuyện nó thế thì phải kể như thế chứ sao!*

Trong bộ phim “Chuyện Tử Tế” nhiều ý tưởng, câu chuyện xuất phát từ những phát biểu của ông Trần Độ với giới văn nghệ trí thức. Thí dụ luận về nhân dân, ông nói:

“Lạ thật các đồng chí ạ, chẳng có một xứ nào mà chữ nhân dân được dùng nhiều như xứ ở ta, nghệ sĩ nhân dân, nhà báo nhân dân, quân đội nhân dân, tòa án nhân dân, ủy ban nhân dân nhưng nhân dân chả có quyền gì cả. Như mình đây, khi vào Trung ương thì mình thấy lập tức oai ra, thông thái ra, mọi người kính nể mình hơn”.



Tôi kể lại chi tiết về sự dấn thân, sống kham khổ của các nữ tu để chăm sóc những người phong cùi ở trại phong Qui Hòa

Nhưng rồi cũng chính ông nói: *“Khi đương chức, tớ đành nhìn cái gì tớ cũng biết, về hưu rồi thấy mình chẳng hiểu gì cả. Bây giờ đọc kinh Phật mình thấy hay quá.”*

Tháng 3 năm 1989 tôi đi Pháp về, đến gặp ông Trần Độ báo cáo tình hình và kể chuyện, nhưng vì vừa mới về chân ướt chân ráo, không dám nói rằng vài tháng sau họ mời trở lại.

Gần đến ngày lên đường tôi mới nói chuyện đó và xin ông ký quyết định cho đi. Ông bảo:

- *Sao không nói ngay từ lần trước?*

- *Sao phải nói ngay ạ?*

- *Tớ mất chức rồi!*

Suy nghĩ vài giây, ông bảo:

- *Nhưng cậu phải đi! Để tớ gọi Nghiêm Hà.*

Nghiêm Hà rất thân thiết với ông.

Anh Nghiêm Hà đến, ông bàn thảo thế nào không biết, ngày hôm sau tôi nhận được quyết định cho đi Pháp với chữ ký Trần Độ khi ông đã mất chức, tất nhiên; ngày ký thì được ghi ngày ông còn tại chức. Ông ấy thật tin người.

Đấy là Trần Độ!

Cái chết của ông Trần Độ gây một sự xúc động rất mạnh trong quân đội, trong giới văn nghệ sĩ vì ông là người quá đỗi trong sáng. Tình cảm mọi người đối với ông tự nhiên, không chút gượng ép, hơn nữa nó như một nhu cầu của chính những người xung quanh ông muốn có chỗ để tin, để bầu víu vào sự tốt đẹp của con người.

...Vợ chồng tôi mang vòng hoa có viết dòng chữ: “Vô cùng thương tiếc anh Trần Độ” bên dưới đề: “em Trần Văn Thủy”.

Cô bán hoa tang bê vòng hoa sẫm sẫm đi trước. Qua cổng nhà tang lễ thì bị hai cảnh vệ chặn lại. Một người dùng cái máy rà xung quanh vòng hoa tìm thuốc nổ hay gì đó; người kia nhìn dòng chữ rồi xẵng giọng:

- *Đã phổ biến là không được “vô cùng thương tiếc” mà vòng hoa này vẫn “vô cùng thương tiếc” là sao?*

Lúc bấy giờ tôi mới lơ mơ hiểu là có cái qui định như thế, và sau này mới biết đó là sự thật, kể cả vòng hoa của tướng Giáp cũng bị chặn lại.

Cái gã “dò mìn” bảo bạn hẳn:

- *Xem này: Trên là “Vô cùng thương tiếc anh Trần Độ”, dưới là “em Trần Văn Thủy”, theo qui định thì gia đình họ mặc được phép vô cùng thương tiếc...*

Tôi cũng chưa kịp nói gì thì hai gã phẩy tay “cho phép” hai người đáng tuổi cha mẹ chúng nó vào.

Té ra tôi là người có họ với ông Trần Độ mà bây giờ mới biết! Cũng hay! Bọn trẻ không biết cái tên cúng cơm của ông là Tạ Ngọc Phách, chẳng có dây mơ rễ má gì với họ Trần nhà tôi cả. Trộm nghĩ, xưa kia, lấy bí danh “Trần Độ” để hoạt động cách mạng, ông có nghĩ đến tình cảnh này không? Có ai nghe được tiếng ông cười khùng khục trong quan tài không nhỉ...?

...Thế là vào.

Bên trong nhà tang lễ, dòng chữ “Vô cùng thương tiếc” đúc sẵn thường thấy trên tường đã bị che bằng vải đen trên đó có mấy chữ bằng giấy trắng dán vội: “Đám tang ông Trần Độ”.

Đám tang diễn ra thế nào thì người ta đã nói nhiều, có thể tìm thấy trên mạng, tôi không kể lại.

Tôi xin phép nói rõ thêm rằng: Tôi chẳng thấy vui gì, chẳng thấy hãnh diện gì khi phải lôi những tên tuổi lớn như Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Văn Linh, Võ Văn Kiệt, Trần Độ... vào câu chuyện hèn mọn của tôi.

Chẳng oai gì! Chẳng hay ho gì!

Tôi buộc lòng kể chỉ vì đó là sự thật!

Tôi biết ơn các ông ấy đã có lòng tốt với tôi, đã giải cứu tôi, thậm chí không quá lời nếu nói rằng đã bảo vệ tôi trong những năm “Hà Nội Trong Mắt Ai” gặp nạn, “Chuyện Tử Tế” long đong lận đận...

Còn những chuyện thâm cung bí sử, đại sự quốc gia, những thân phận như tôi cho dù có quan tâm cũng không thể bình phẩm và đánh giá. Hãy để lịch sử làm việc đó.

Nhưng tôi buồn! Buồn là chính.

Buồn vì đích thị đó là những người có quyền lực, có thể điều hành thực thi những việc kinh thiên động địa mà sao đất nước vẫn lảm chuyện ngang trái, lảm chuyện thất nhân tâm đến vậy? Buồn vì đám trí thức, văn nghệ sĩ, những người có tâm có tài vẫn điêu linh, vẫn bức xúc - đau đớn hơn nữa, càng có tâm có tài thì càng điêu linh, bức xúc!

Đã nhiều lần tôi tự hỏi: Vì sao?

Không khó để cắt nghĩa vì sao.

Người ta chơi chữ một cách khôn ngoan, bảo rằng do “lỗi hệ thống”! Cũng đúng! Nhưng nên chăng, nếu ta thực sự thương xót cái đất nước này, thương xót cái dân tộc này thì phải gọi sự việc bằng đúng tên gọi của nó: Vì ta chỉ chăm chăm làm mỗi một việc, đó là hối thúc nắm tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của... MÊ LỘ.

HAI MƯƠI SÁU

Suy cho cùng thì vấn đề của xã hội Việt Nam bây giờ chính là vấn đề nhân cách...

Loài người từ khi sinh ra đã có thói quen nói điều mình nghĩ. Nhưng có lẽ chưa bao giờ nói dối trở thành bình thường như bây giờ.

Qua các bài phỏng vấn của các báo, với các câu hỏi sắc sảo của phóng viên, chúng ta có thể hiểu đạo diễn Trần Văn Thủy nghĩ gì, quan niệm thế nào về chuyện làm nghề.

Xin trích một số bài phỏng vấn đã đăng trên các báo.

*** NHỜ KHÁN GIẢ MÀ TÔI TỒN TẠI**

Phỏng vấn đạo diễn NSND Trần Văn Thủy:

Thứ Ba 24, Tháng Năm 2011, bởi SV

Trao đổi với chúng tôi, tác giả của những bộ phim tài liệu đầy tinh thần vì sự thật cho biết ông chỉ thích làm phim tài liệu vì thể loại này phản ánh cuộc sống một cách trung thực, không hư cấu, không đóng diễn, không bịa đặt.

Thưa ông, từ những bộ phim tài liệu đầu tiên, ông tỏ ra “nặng lòng” với chiến tranh. Ông thường tiếp cận vấn đề này như thế nào?

Trong những phim tôi làm thì hình như chỉ có 3, 4 phim liên quan đến đề tài chiến tranh: “Những Người Dân Quê Tôi”, “Phản Bội”, “Chuyện Từ Góc Công Viên” và “Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai”. Những “cái được” của chiến tranh, mấy thập kỷ qua đã nói quá nhiều. Theo tôi, có lẽ đã đến lúc cần phải tính đến một cách thành thực nhất những mất mát do chiến tranh. Điều đó rất cần và có ích cho tương lai lâu dài của người Việt Nam.

Phim tài liệu có vai trò rất lớn trong việc phản ánh đời sống xã hội, nhưng hiện nay vẫn ít được các nhà làm phim trẻ quan tâm. Ông có điều gì muốn chia sẻ với họ?

Tôi xin nói ngay rằng làm một bộ phim tài liệu đích thực, có ích, gây được “dư chấn” trong đời sống tinh thần của xã hội là chuyện hoàn toàn không dễ dàng, nhất là ở Việt Nam. Có lẽ bởi vậy, trên thế giới số lượng phim tài liệu làm ra hằng năm có tới hàng nghìn hay nhiều hơn thế, nhưng những đạo diễn phim tài liệu nổi tiếng thế giới cũng chỉ đếm trên đầu ngón tay.

Phim tài liệu là một loại phim “dễ làm mà khó hay”. Tôi chọn làm phim tài liệu bởi nó gần với cuộc sống mà tôi đang quan tâm. Không hư cấu. Không đóng diễn. Không bịa đặt. Theo tôi, lựa chọn thế nào là tùy ở sở thích và khả năng của mỗi người. Tôi không khuyên các đạo diễn trẻ làm phim tài liệu. Tôi nhớ, cách đây quãng 25 năm, đạo diễn người Pháp gốc Việt Trần Anh Hùng khi về nước giới thiệu “Mùi Đu Đủ Xanh” đã nói với tôi: “*Khi tới 52 tuổi, Hùng sẽ làm phim tài liệu*”.

Ông đã có nhiều buổi chiếu phim và thuyết trình ở nhiều nước trên thế giới. Khán giả nước

ngoài có phản ứng sao đối với phim của ông?

Tôi có hơn 100 buổi chiếu tại các viện đại học danh tiếng, các hội thảo điện ảnh, xã hội và chính trị, ở Đức, Pháp, Ý, Anh, Bỉ, Nhật, Australia và nhiều nhất là ở Mỹ. Tôi có thêm nhiều bạn bè qua những chuyến đi ấy. Nên nhớ rằng họ có dân trí cao và tư duy độc lập, nhưng họ đã đón tiếp tôi rất chân tình, quý mến. Tôi cho là họ đã hiểu sâu về Việt Nam hơn.

Ông muốn tâm sự điều gì với khán giả?

Tôi tự đáy lòng biết ơn sâu sắc khán giả. Nhờ có các bạn mà tôi tồn tại. Đã đôi lần tôi trả lời với báo giới trong và ngoài nước rằng: điều ám ảnh lớn nhất trong tôi khi tôi có ý tưởng làm phim, chọn đề tài, vững tin vào những điều mình theo đuổi, vượt qua những vùng cấm là do người xem. Quả thật vậy, khi quyết định một cảnh quay “mạo hiểm”, viết một lời bình “gai góc”, cho phim “vượt biên” đến Liên hoan phim quốc tế..., tôi chỉ nghĩ đến người xem.

Xin cảm ơn ông!

(Theo TinTucOnline)

*** SAU HƠN 20 NĂM, CHUYỆN TỬ TẾ TỚI VIENNALE 2008**

Thưa đạo diễn, được biết đạo bộ phim “Chuyện Tử Tế” của ông vừa được trình chiếu tại Liên hoan phim Viennale (Áo)?

Vâng. “Chuyện Tử Tế” được trình chiếu tại Liên hoan phim Viennale (Áo) vào ngày 25/10 vừa rồi. Theo BTC, đây là Liên hoan phim quốc tế lớn nhất và lâu đời nhất của Áo được tổ chức 2 năm 1 lần. Liên hoan phim không tranh giải, chương trình bao gồm khoảng 120 phim truyện và phim tài liệu dài, và khoảng 50 phim ngắn từ khắp nơi trên thế giới. Các phim được Liên hoan phim chú ý là những bộ phim mang tính nghệ thuật và chính trị.

Liên hoan phim Viennale chỉ trình chiếu những phim được sản xuất 2 năm gần đây, trong khi “Chuyện Tử Tế” đã ra đời cách đây hơn 20 năm?

Vâng, đây cũng là câu hỏi mà tôi băn khoăn khi nhận được lời mời. “Chuyện Tử Tế” khởi quay cách đây 23 năm và ra đời cách đây 21 năm (1987). Tôi đã email cho ban tổ chức và nhận được câu trả lời cụ thể. Liên hoan phim Viennale trình chiếu những phim được sản xuất trong năm 2007 – 2008, nhưng bên cạnh đó, mỗi kỳ Liên hoan phim còn vinh danh một số cá nhân đặc biệt cùng những chương trình về lịch sử điện ảnh. “Chuyện Tử Tế” được trình chiếu trong mục này.

Do đâu Liên hoan phim này biết tới “Chuyện Tử Tế” và họ đánh giá như thế nào về tác phẩm này?

Bà Verena, Ban Tổ chức Liên hoan phim đã email cho tôi rằng, “Chuyện Tử Tế” được chọn bởi một đạo diễn người Mỹ - ông John Gianvito (đạo diễn phim The Mad Songs of Fernanda

Hussein, Profit Motive and the Whispering Wind), người chịu trách nhiệm một số chương trình của Liên hoan phim. Chương trình này bao gồm các phim: “Chuyện Tử Tế” (Trần Văn Thủy, 1987), Time of the Locust (Peter Gessner, Mỹ, 1966), Interviews with My Lai Veterans (Joseph Strick, Mỹ, 1970) và SayKomSay (Robert Kramer, Pháp, 1998). Chương trình này có tên là Lessons and lesions: Vietnam. Bà Verena cũng nói rằng họ mong muốn được biết nhiều hơn về Việt Nam, nền Điện ảnh Việt Nam để có được những cái nhìn mới so với quan điểm đập khuôn trước đây. Tôi cũng nhận được thư của John Gianvito. Chúng tôi đã từng quen nhau tại Hội thảo phim Robert Flaherty vào năm 2003 tại New York. John nói rằng, sở dĩ ông chọn “Chuyện Tử Tế” để trình chiếu ở Liên hoan phim Viennale vì nó “nổi tiếng và rất hợp thời cuộc”.

Liên hoan phim quốc tế chắc hẳn sẽ đòi hỏi một bản phim đảm bảo chất lượng, “Chuyện Tử Tế” có gặp khó khăn gì không?

Liên hoan phim đã tìm kiếm mọi nơi để có bản 35mm tốt nhất. Họ liên lạc với Nhật, nơi từng chiếu “Chuyện Tử Tế” năm 1989 trong khuôn khổ khai mạc Liên hoan phim tài liệu Yamagata lần thứ nhất (Yamagata International Documentary Film Festival). Bản phim là bản 35mm được bảo quản rất tốt nhưng lại phụ đề tiếng Nhật. Họ lại liên lạc với Pháp, nơi từng mua bản quyền chiếu bản phim nhựa trong khuôn khổ Liên hoan phim Cinéma du Réel nhưng bản này phụ đề tiếng Pháp. Họ tìm cả ở Đức, bộ phim được Liên hoan phim Leipzig chiếu và trao giải Bờ Cờ Bạc năm 1988 nhưng cũng không được, các bản của các đài Channel 4 (Anh), SBS (Úc) phụ đề tiếng Anh nhưng lại không phải phim nhựa. Họ liên lạc với tôi để tìm bản gốc ở Việt Nam, nhưng bản gốc hiện giờ đã bị hỏng và thủ tục để xin được bản này sẽ rất phức tạp. Tôi cũng hỏi rằng, có nhất thiết phải chiếu bản 35mm hay không thì nhận được trả lời là họ luôn cố gắng trình chiếu bộ phim như khi nó được sản xuất, cũng là để thể hiện sự tôn trọng với bộ phim cùng các yếu tố âm thanh, hình ảnh... Họ cũng rất quan tâm đến việc phục hồi phim thông qua việc giữ gìn các bản phim tại các viện phim châu Âu.

Cảm xúc của ông khi “Chuyện Tử Tế” được nhớ tới?

Một bộ phim đã ra đời từ rất lâu mà vẫn được người ta mất công để tìm xem như vậy là một niềm vui đối với chúng tôi. “Chuyện Tử Tế” cũng là một bộ phim đặc biệt trong cuộc đời làm phim tài liệu của tôi. Đây là bộ phim khác thường từ khi ra đời và cũng có rất nhiều kỷ niệm quanh cuộc sống của nó. Tôi cũng rất nhớ tới các đồng nghiệp của tôi: Hồ Trí Phổ, Lê Văn Long, Đỗ Duy Hùng, Mai Trung Kiên, Lê Huy Hòa, Phan Minh Hương... đã cùng tôi vượt mọi gian nan để thực hiện bộ phim này. Để nó được đến bờ đến bến.

Thúy Phương thực hiện. 25-11-2008

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Trần Văn Thủy

Hãy bền bỉ đánh thức sự tử tế

SGTT - Nếu ai đã từng xem “Hà Nội Trong Mắt Ai”, “Chuyện Tử Tế”, và mới đây nhất là “Mạn Đàm Về Người Man Di Hiện Đại”, sẽ hiểu Trần Văn Thủy bị ám ảnh như thế nào với từng số phận con người, với đời sống thực của những người cùng khổ, với những giá trị thực đang dần mất đi... Trong ánh chiều le lói, trước bàn thờ tổ tiên, anh kể về nỗi gian truân sau mỗi thước phim, nghe ly kỳ như chuyện cổ tích...

Điều gì đã ám ảnh anh khi chọn học giả Nguyễn Văn Vĩnh, chủ bút đầu tiên của báo chữ Quốc ngữ ở Bắc kỳ, một dịch giả xuất sắc, một nhà văn hóa mang nặng tinh thần dân tộc là nhân vật chính của “Mạn Đàm Về Người Man Di Hiện Đại”?

Đầu tiên nên nói rõ ràng rằng ý tưởng và khởi xướng việc làm bộ phim này là của gia tộc cụ Nguyễn Văn Vĩnh, mà cụ thể là anh Nguyễn Lâm Bình, cháu nội cụ, người lo toan mọi bề, tôi chỉ là một trong những người thực hiện. Thứ nữa là bản thân tôi luôn bị ám ảnh một điều: chúng ta phải nhận thức lại những giá trị đích thực của dân tộc, nếu không sẽ rất có lỗi với tiền nhân. Tôi nghĩ một dân tộc lớn phải có một nền văn hóa xứng đáng với những danh nhân văn hóa lớn.

Các cụ ngày xưa giỏi lắm, chuyện xưa còn biết bao điều chúng ta phải học. Đụng đến Nguyễn Văn Vĩnh và những người cùng thế hệ với cụ ở cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 ấy, là đụng đến một vấn đề lịch sử rất trọng đại, để thấy được tấm lòng của những người yêu nước, nhưng nhiều người trong thế hệ ấy đã bị hiểu sai, bị xuyên tạc và bôi nhọ. Đọc lại những tài liệu xưa cũ trong và ngoài nước, sang Pháp tìm lại hồ sơ lưu trữ các nước thuộc địa Pháp, hồ sơ của các sử gia, nhà nghiên cứu, chúng tôi thật sự choáng váng. Cuộc đời đầy nghịch cảnh của cụ Nguyễn Văn Vĩnh làm tôi bị ám ảnh. Là người rất tâm huyết với sự thịnh suy của đất nước, là một nhân vật thần đồng, kiệt xuất trên mọi phương diện, vậy mà liên tục trong nhiều thập kỷ, ông đã từng bị cho là tay sai, bồi bút, phản động, liên lụy đến mấy đời con cháu sau này. Tôi thường tâm niệm đất nước ta có không biết cơ man những người có tấm lòng ái quốc, hãy vì hậu thế mà đối xử tử tế với họ, cho dù họ ái quốc theo cái cách của họ. Giáo sư Phan Huy Lê, Chủ tịch Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã nói trong phim: “Đánh giá về Nguyễn Văn Vĩnh mà chỉ dừng lại ở việc cụ là thủy tổ của làng báo tiếng Việt, là người có công phát triển chữ Quốc ngữ và là nhà dịch thuật xuất sắc thì chưa đầy đủ và chưa thỏa đáng. Điều xứng đáng hơn, phải nói rằng đóng góp lớn nhất của cụ chính là về tư tưởng. Đó là một trong những nhà tư tưởng dân chủ đầu tiên của Việt Nam mang tính khai sáng”.

Gần bốn giờ với bốn tập phim tài liệu, người xem vẫn chăm chú từ đầu tới cuối, và không khỏi bàng hoàng khi hình ảnh cuối cùng chấm dứt. Bí quyết nào giúp anh tạo nên sự hấp dẫn

của bộ phim?

Tôi thường tâm sự với các đồng nghiệp trẻ rằng tiêu chí của phim tài liệu không chỉ là đúng và đủ. Đúng và đủ là tiêu chí của nghị quyết, của các công trình nghiên cứu khoa học. Hấp dẫn là tiêu chí đầu tiên của tôi. Phim tài liệu muốn hấp dẫn, phải đánh động vào thần kinh của xã hội đương đại, khiến người xem tự soi lại mình, rằng ta đang sống như thế nào, ta phải làm gì để có thể sống tốt hơn, lương thiện hơn, tử tế hơn. Trong một xã hội tưởng đầy ắp những dạy bảo, những răn đe, con người vẫn khao khát về lẽ sống, về lẽ phải, chuyện trị nước, yên dân, chuyện hòa hợp hòa giải, chuyện tôn trọng sự khác biệt... Toàn là chuyện “nóng” cả, đâu phải tìm kiếm xa xôi gì tận bên Mỹ, bên Tàu? Làm phim tài liệu không phải để nói bằng được những điều mình nghĩ, mà phải nói được những bức xúc của số đông, đụng chạm đến điều gì sâu thẳm của nỗi đau thân phận con người, khiến người ta suy nghĩ. Đó là một giải mã, một chìa khóa mở ra lối đi cho riêng tôi.

Có một nghịch lý đang diễn ra: sự giàu có về vật chất đang hủy hoại mối quan hệ giữa con người, anh nghĩ gì về điều này?

Năm 1992, khi làm phim “Có Một Làng Quê” với đài truyền hình NHK, mô tả đời sống tinh thần thanh bạch, ấm cúng, đầy tình làng nghĩa xóm của một làng quê nghèo Việt Nam sống bằng nghề đào đất nặn thành chum vại, tiểu sành, tôi cứ thắc mắc tại sao người Nhật lại bỏ tiền cho tôi thực hiện bộ phim nói về “cái tôi”, về một làng nghèo như thế, lại còn cho tôi thuê cả trực thăng để quay. Khi cùng xem phim ở Tokyo, những người Nhật Bản đã nói rằng: “Đây là chuyện cổ tích đời nay!” Lúc ấy tôi mới hiểu, người Nhật Bản đã từng nghèo như thế, đã từng tốt với nhau như thế và họ biết hơn ai hết sự giàu lên có khi làm quan hệ con người xấu đi, họ muốn cho con cháu họ thấu hiểu điều đó. Và đó là điều mà Việt Nam của chúng ta hình như chưa giác ngộ được.

Chúng ta đang mải chạy theo sự tăng trưởng về kinh tế, sao chẳng quan tâm đến tình người, đến đạo đức, đến sự tử tế. Trong thẳm sâu của mình, khi đặt niềm vui, nỗi buồn vào cái chung, thấy đau đớn lắm. Vào đầu thế kỷ, cụ Phan Châu Trinh đã chủ trương nâng cao dân trí. Điều đó bây giờ vẫn còn rất thời sự. Dân trí hiểu theo nghĩa của riêng tôi là sự hiểu biết rộng lớn, trong đó có sự hiểu hòa, tin cậy, để con người cảm thấy biết sống và đáng sống, chứ không phải ngổn ngang, bê bối như bây giờ. Nguyên nhân sâu xa của sự bê bối là sự xuống cấp về nhân cách. Suy cho cùng thì vấn đề của xã hội Việt Nam bây giờ chính là vấn đề nhân cách. Từ tham nhũng, mua quan chạy chức, băng đảng... đến chuyện nói một đằng, nghĩ một nẻo... Tôi nghĩ loài người từ khi sinh ra đã được dạy rằng hãy nói điều mình nghĩ. Nhưng có lẽ chưa bao giờ nói dối trở thành bình thường như bây giờ. Chống sự suy thoái của đời sống chính là chống sự xói mòn của nhân tính.

Mỗi bộ phim của anh đều gây chấn động dư luận bởi tính phản biện dữ dội về những vấn đề nhân sinh, và cũng gây sóng gió không ít cho chính anh. Điều gì giúp anh giữ được bản lĩnh và sự độc lập một cách bền bỉ như thế?

Tôi chẳng tài cán gì đâu, chỉ có một tấm lòng, cố gắng đi đến tận cùng điều mình cho là có ích. Tôi cũng không can trường, dũng cảm gì cả. Việc nó cần phải thế thì nó thế. Tôi từng là kẻ vô thần, từng nhiều lần, rất nhiều lần chạm mặt với cái chết trong chiến tranh, nhưng bây giờ thì tôi hiểu còn có rất nhiều quyền năng ngoài chúng ta, trên chúng ta mà chúng ta không thể thấy được. Tôi đã từng sống với những giấc mơ khi làm phim về cụ Nguyễn Văn Vĩnh, tỉnh dậy nước mắt giàn giụa... Tôi cũng đã kể câu chuyện giấc mơ này ở cuối phim. Quả thực ở cuối con đường làm nghề này, tôi nghiệm ra sức lực để che chắn, để đưa con tinh thần của mình được đến bờ đến bến còn mệt mỏi hơn nhiều sức lực để làm ra một bộ phim.

Trong cuốn sách mang tên “Nếu Đi Hết Biển”, bằng những cuộc đối thoại thẳng thắn, chân thành, anh đã đụng chạm đến phần sâu xa nhất của tâm tình người Việt ở Mỹ, những đổ vỡ, ly tán và đau thương của lịch sử dân tộc?

Thực ra tôi chưa có điều kiện làm được việc cần làm như chị nói là “đụng chạm đến phần sâu xa nhất của tâm tình người Việt ở Mỹ”. Tiếp xúc nhiều với cộng đồng người Việt ở Mỹ, tôi không khỏi băn khoăn về cái điều tôi đã nói trong “Có Một Làng Quê”: “...Nếu đi hết biển, qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi thì cuối cùng lại trở về quê mình, làng mình...”. Bởi không ít người Việt xa xứ “qua các đại dương và các châu lục, đi mãi, đi mãi” mà cuối cùng không thể “trở về quê mình, làng mình” được. Đây gần như là một điều tra xã hội học chân thực và trực tiếp về cộng đồng người Việt tại Mỹ. Tôi may mắn được đi nhiều, với tâm thế của một người nhà quê ra tỉnh, tôi thích quan sát đời sống dân chúng, gần gũi chuyện trò, tìm hiểu những va đập của đời sống bà con hải ngoại ở Pháp, Đức, Anh, Ý, Bỉ, Úc, Nhật, Mỹ... khám phá những xung đột ý thức hệ trong thế kỷ qua, để có thể khôi phục lại một mảnh tinh thần hầu như đã vỡ nát vì chiến tranh và những năm tháng khó khăn nối tiếp, giúp cho con người từ nhiều phía hiểu nhau hơn và xích lại gần nhau hơn.

Nhìn lại đời mình, anh nghiệm ra điều gì?

Nhìn lại những việc mình làm, có những việc lạ lùng, may mắn nhờ thần linh giúp đỡ, phần lớn cũng đến bờ đến bến. Người đời thường nói, ăn ở thế nào đời sẽ trả lại cho mình như thế, nhưng soi chiếu vào những khuất tất trong lịch sử một cách sâu sắc, tôi thấy phần lớn những người có tài, có công với dân, với nước, thì số phận lại hẩm hiu. Tôi có ước mơ không tưởng là làm sao để hậu thế không đi vào những vết xe đổ của chúng ta, làm thế nào hóa giải tất cả những lầm lẫn của chúng ta trong quá vãng, có như thế mới hóa giải hết những kết uất, để mọi con dân nước Việt được yêu thương đất nước này một cách ngang bằng.

Làm thế nào để anh có thể nuôi dưỡng niềm tin trong tâm trạng lúc nào cũng sống trên bờ vực như thế?

Nếu là năm, mười năm trước thì tôi không dám trả lời câu hỏi này. Nhưng bây giờ, tôi có đủ tự tin để nói rằng tất cả những việc tôi làm đều xuất phát từ người xem. Làm phim trong hoàn cảnh thiếu thốn về mọi nổi, giữa thời kỳ cấm đoán như thế, nhưng tôi chỉ nghĩ đến người xem, chứ không nghĩ đến cấp trên, đến kiểm duyệt. Khi bắt đầu mỗi bộ phim, tôi cũng không bao giờ lo mình có đủ tiền không, có đoạt giải gì không... Người đời thường nói “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”.

Trong đời thường, anh còn là ân nhân của nhiều học sinh nghèo, những em bé tật nguyền, và đã chắt chiu từng đồng tiền kiếm được để xây bảy cây cầu nhỏ và xây trường học cho làng mình?



Nhà văn Nguyễn Ngọc:

“Có thể nói không ngần ngại rằng anh là người làm phim tài liệu chính luận giỏi nhất nước ta. Trần Văn Thủy có một cái gì hơi giống Trịnh Công Sơn, bởi sự hòa quyện tuyệt vời giữa hình ảnh và lời bình, nâng giá trị của tư liệu lên rất nhiều. Một nhà văn chính luận sâu sắc trong vai trò một đạo diễn, luôn trực diện với những vấn đề nóng hổi của nhân sinh.”



Nhà biên kịch Trịnh Thanh Nhã:

“Cái được nhất, và cũng mang lại cho anh nhiều trắc trở nhất, là anh thẳng quá. Sự thẳng thắn là điều đáng trọng nhất của nhân cách người nghệ sĩ. Bao giờ anh cũng đi thẳng vào tâm điểm rất nóng của thời cuộc, với sự nhạy cảm và trách nhiệm công dân rất đáng trân trọng.”

Tôi đã làm được nhiều hơn thế, chị ạ. Mười bảy năm nay, tám cây cầu to, rộng, đẹp, bền chắc, xây trường tiểu học, trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ, khu văn hóa, gần một trăm giếng bơm nước sạch, nhiều ngàn mét vuông bê tông đường làng, trợ cấp cho người

nghèo và các cháu bị hậu quả chất độc da cam, xây dựng lăng mộ tổ, lập ấp, và nhiều việc khác nữa. Từ một làng quê nghèo khổ, cảnh trí tiêu điều, khó khăn vô cùng mà bây giờ làng tôi đẹp lắm. Tôi không nghĩ đó là việc từ thiện, vì hai chữ từ thiện tôi có cảm giác đó là sự ban ơn. Việc tôi làm chỉ là việc hiếu nghĩa. Làm việc hiếu nghĩa, tôi cũng luôn nghĩ đến thầy tôi (tôi gọi bố bằng “thầy”). Khi sống, ông chỉ lo cưu mang, giúp đỡ những người cơ nhỡ, khó khăn, lo cứu đói cho bà con năm Ất Dậu 1945... Tôi làm như vậy, cũng là một cách để báo hiếu thầy tôi, theo đuổi những việc sinh thời ông từng tâm huyết. Nhưng cũng phải nói thêm rằng, tôi không phải là người giàu có đến mức làm được nhiều việc lớn như vậy. Tôi may mắn có nhiều bạn bè trong và ngoài nước, các tổ chức nhân đạo, từ thiện quốc tế. Họ quý mến tôi, thương tôi và nhiệt tình hỗ trợ những việc tôi muốn làm.

Anh nhắc nhiều đến sự tử tế, dường như đó cũng là điều anh day dứt, đau đáu nhất trong các bộ phim?

Chắc chị cũng còn nhớ mở đầu phim “Chuyện Tử Tế”, năm 1985, tôi đã viết: “Tử tế vốn có trong mỗi con người, mỗi nhà, mỗi dòng họ, mỗi dân tộc. Hãy bền bỉ đánh thức sự tử tế, đặt nó lên bàn thờ tổ tiên hay trên lễ đài của quốc gia, bởi thiếu nó, một cộng đồng dù có nỗ lực tột bậc và chí hướng cao xa đến mấy thì cũng chỉ là những điều vớ vẩn. Hãy hướng con trẻ và cả người lớn đầu tiên vào việc học làm người, người tử tế trước khi mong muốn và chặn dắt họ trở thành những người có quyền hành, giỏi giang, hoặc siêu phàm...”. Tết năm nay, tôi được một ông bạn già cho mấy chữ trong bức thư họa: “Con người hòa thuận với nhau thì mãi mãi là mùa xuân”. Người xưa nói chí phải.

Cảm ơn anh.

NHỮNG GIẢI THƯỞNG ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- **Những Người Dân Quê Tôi**, phim đầu tay, quay ở chiến trường khu Năm, đoạt giải Bờ Câu Bạc tại Liên hoan phim Quốc tế Leipzig (1970).

- **Phản Bội**, về chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979, giải vàng Liên hoan phim Việt Nam 1980, giải Đạo diễn xuất sắc.

Hà Nội Trong Mắt Ai (bị cấm từ 1982 – 1987), giải vàng Liên hoan phim Việt Nam 1988, giải Biên kịch xuất sắc nhất, Đạo diễn xuất sắc nhất, Quay phim xuất sắc nhất.

- **Chuyện Tử Tế** (1985), giải Bờ Câu Bạc Liên hoan phim quốc tế Leipzig, được báo chí nước ngoài gọi là “Quả bom đến từ Việt Nam”, được hơn 10 đài truyền hình lớn trên thế giới mua bản quyền và được chiếu rộng rãi ở châu Âu, Nhật Bản, Úc và Mỹ.

- **Chuyện Từ Góc Công Viên**, Giải vàng Liên hoan phim hội Điện ảnh năm 1996.

- ***Tiếng Vĩ Cầm Ở Mỹ Lai*** (1999), giải vàng Liên hoan phim châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 43.

- Danh hiệu ***Chứng Nhân Của Thế Giới*** (Witnessing The World) của Hội thảo Điện ảnh quốc tế tại New York 2003, Mỹ.

Thực hiện **Kim Yến**

Sài Gòn Tiếp Thị 09-4-2010

HAI MƯƠI BẢY

Tran van Thuy a vietnamese filmmaker described as “The Francis Ford Copola of Vietnam”

(Trần Văn Thủy một nhà làm phim được mô tả như “Francis Ford Copola của Việt Nam”)

Nhưng tôi vẫn muốn nói với nhà làm phim Trần Văn Thủy rằng được xem bộ phim đó là một trong những trải nghiệm có ấn tượng mạnh nhất của tôi tại Liên hoan phim Viennale.

(Joachim Schätz, nhà phê bình tự do cho Tạp chí “Falter” của thành phố Vienn)

Đạo diễn Mỹ Peter David cũng là nhân vật đáng nhớ. Anh vốn nổi tiếng là người phản chiến, nổi tiếng với bộ phim bom tấn “Trái Tim Và Khối Óc” đoạt giải Oscar 1974. Peter tỏ sự thân thiện với tôi ngay từ lần đầu gặp mặt như biết nhau lâu rồi chỉ bởi anh quan tâm đến “Việt Nam War” (chiến tranh Việt Nam).

Chúng tôi được mời tới Liên hoan phim Brooklyn New York, dự tháng phim từ 1-11-2002 đến 30-11-2002.



Peter David nổi tiếng với bộ phim bom tấn “Trái Tim Và Khối Óc” đoạt giải Oscar 1974.

Tại đây trình chiếu 36 phim, cả phim tài liệu và phim truyện về đề tài Việt Nam với sự hiện diện của các tác giả tên tuổi như Olive Stone, Micheal Moor, Peter David, Francis Ford Copola... Trong poster quảng cáo Liên hoan phim Brooklyn, khi giới thiệu về Trần Văn Thủy người ta viết: *Tran van Thuy a vietnamese filmmaker described as “The Francis Ford Copola of Vietnam”* (Trần Văn Thủy một nhà làm phim được mô tả như “Francis Ford Copola của Việt Nam”) Francis Ford Copola là đạo diễn người Mỹ, nổi tiếng thế giới, đồng tác giả phim “Trung Đội” (Patton -1970), tác giả phim “Bố Già” (The Godfather -1972), “Ngày Tận Thế” (Apocalypse Now) và hàng loạt phim đoạt giải thưởng lớn.

- Thủy nghĩ sao về điều này?

- Nước Mỹ là xứ sở tự do, mọi sự đánh giá và bình luận là tùy hứng, có thể là của một cá nhân nào đó vào thời điểm nào đó, đành rằng nó được trưng lên trước đám đông để quảng cáo.

Tôi thực sự ngỡ ngàng và... xấu hổ khi có sự ví von khắp khiếm quá đáng như vậy. Tôi biết mình là ai. Tôi biết Francis Ford Copola là ai, một đạo diễn vĩ đại, quyền uy, giàu có. Nhưng cũng có thể nói rằng nếu ông ấy sinh ra và làm phim ở Việt Nam thì ông ấy chưa chắc đã dám làm như tôi. Còn bà Marilyn Yoong, chủ nhiệm khoa cao học của Đại học New York, sau khi xem xong “Chuyện Tử Tế” trong khuôn khổ Liên hoan phim Brooklyn, trước đám đông, bà đã cảm kích nói rằng: *“Nhiều người Mỹ chúng ta có thành kiến Việt Nam là một đất nước khép kín, không có tiếng nói cá nhân, nhưng xem xong ‘Chuyện Tử Tế’ tôi đã nghĩ khác....”* (Người Mỹ thật nhẹ dạ cả tin. Bà không biết tác giả của nó đã lên bờ xuống ruộng như thế nào...).

Bà đã gửi giấy mời tôi trở lại Mỹ vào cuối năm sau, tháng 12-2003 để tham dự một hội thảo về xã hội học.

Tôi cũng đã có mặt. Đề cương bản tham luận hiện tôi còn giữ.

Mùa đông ở bờ Đông nước Mỹ năm đó rất lạnh.

Trở lại Liên hoan phim Brooklyn New York, ở đây tôi đã gặp John Gianvito, một nhà làm phim có tiếng ở Mỹ và là người có uy tín trong việc tổ chức những sự kiện điện ảnh mang tầm Quốc tế. John xem 5 phim của tôi ở Liên hoan phim Brooklyn và ưu ái mời tôi trở lại Mỹ vào 2003. Anh mời tôi theo cái kiểu ở Việt Nam là: *“Ông đến chơi với tôi nhé!”* Cứ như trò đùa ấy.

Theo lời mời của John, đầu tháng 5-2003 tôi trở lại Mỹ, tới New York tham dự Hội thảo Điện ảnh Quốc tế mang tên Robert Flaherty (The 49th International Film Seminars - Robert Flaherty).

Tham dự hội thảo có gần 200 nhà làm phim độc lập trên toàn thế giới. Để có không khí như đi cắm trại, đi picnic, ban tổ chức trưng dụng toàn bộ khuôn viên rộng lớn của Đại học Vassar ở ngoại ô New York nhân dịp sinh viên nghỉ hè, với rừng cây thảm cỏ, những kiến trúc độc đáo như trong truyện cổ tích.

Tất cả chúng tôi đều thừa nhận rằng chưa bao giờ có một hội thảo độc đáo như thế mặc dù bản thân tôi đã may mắn có mặt ở hàng chục hội thảo khác nhau ở Đức, Pháp, Nga, Nhật, Úc... Có rất nhiều tác phẩm ấn tượng, nhiều tác giả tài năng, nhiều cách làm độc đáo. Tất cả chăm chú xem phim, hăng hái tranh luận. Tôi có cảm tưởng đây là một lớp tập huấn quốc tế về làm phim tài liệu.

John chủ trì nhiều buổi thảo luận, anh đã đặt ra cho tôi nhiều câu hỏi về phim tài liệu ở Việt

Nam, về quá trình tôi thực hiện những bộ phim trình chiếu ở đó. Kết thúc hội thảo Ban Tổ chức trao danh hiệu “Witnessing the World” (Chúng Kiến Thế Gian) cho đạo diễn Nhật Bản Toshi Moto và tôi.

Đạo diễn Toshi Moto năm đó đã 75 tuổi, trình chiếu 5 phim nhựa dài của ông. Tháp tùng ông tới New York là vợ ông và một đoàn làm phim về ông. Rất tiếc về lại Nhật được 3 năm thì ông qua đời.

John Gianvito đặc biệt quan tâm đến “Chuyện Tử Tế”. Cũng không có gì lạ, bởi ở nhiều đại học Mỹ, một số phim của tôi trong đó có “Chuyện Tử Tế” nằm trong sách giáo khoa của trường và được chiếu đi chiếu lại cho nhiều thế hệ sinh viên. Tôi cũng rất bất ngờ, 5 năm sau cuộc Hội thảo Robert Flaherty, năm 2008 John đã mang “Chuyện Tử Tế” qua Áo, chiếu ở Festival Viennale.

Dưới đây là trích đoạn bức thư của John Gianvito gửi cho tôi nói về việc “Chuyện Tử Tế” được trình chiếu ở Viennale:

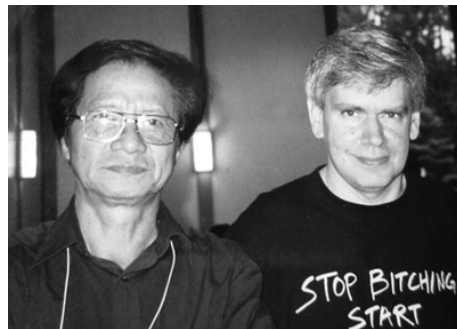
“...I have spent as much of my adult creative life as a film curator as well as a film maker, it was suggested that I could program one or two events at this year’s festival of the works of others... Bring your film, Chuyen Tu Te into the selection was for me a simple and powerful method of restoring the dignity and full dimensionality of the Vietnamese people after bearing witness to the previous films with their brutal words and deeds.

Both in front of your camera and behind it, Chuyen Tu Te enables us to encounter hearts who have somehow managed, in the face of the most unimaginable atrocities, to maintain a place for compassion to all. The ‘truths’ that your film explores are not easy ones and among its strengths is its capacity for self-criticism and for criticism of the state in some aspects. Without this broad and honest critique Chuyen Tu Te might have been lost to the dust-bin of history, one more propagandistic diatribe. Not is it a naive film. While anger is not explicitly manifest there can be little doubt about the ‘mystery’ of why so many of your friends and colleagues, artists and filmmakers, were dying early of cancer-related illness. Both Agent Orange and all those responsible for its use....

I have many thoughts as I think you know, about the topic of what is a political film and what forms of socially-engaged cinema are the most effective. Among them is my clear opinion that any film that re-awakens us to our humanity is in essence a political film. Because every day we are bombarded with experiences that result in nullify our senses, in shutting us down not only to the profound misery that unfolds every second or every day in much of this planet, but shutting us down to our own awareness of self and soul. This many years later, Chuyen Tu Te continues to revivify and I can report that a number of individuals who attended the screening in Vienna had

this feeling..."

"...Tôi đã dành phần lớn quãng đời trưởng thành của mình với tư cách một nhà làm phim và một nhà giới thiệu phim, họ có yêu cầu tôi lập chương trình cho một vài sự kiện trong liên hoan này bao gồm các bộ phim của một số đạo diễn và nhà làm phim khác.



John Gianvito: "Chuyện Tử Tế" đã giúp chúng tôi gặp được những tấm lòng vẫn lưu giữ được sự nhân từ đối với người khác, ngay cả trước những nghịch cảnh éo le ngoài sức tưởng tượng của con người."

...Việc đưa bộ phim 'Chuyện Tử Tế' của anh vào, đối với tôi, là một cách đơn giản song hữu hiệu để xây dựng lại nhân phẩm và hình dáng con người của người Việt Nam.

Ở phía trước và phía sau máy quay của anh, 'Chuyện Tử Tế' đã giúp chúng tôi gặp được những tấm lòng vẫn lưu giữ được sự nhân từ đối với người khác, ngay cả trước những nghịch cảnh éo le ngoài sức tưởng tượng của con người. Những 'sự thật' bộ phim của anh đưa ra không dễ dàng hiểu được, và một trong những điểm mạnh nhất là cách nó tự phê phán bản thân và phê phán nhà cầm quyền trên một số lĩnh vực. Nếu không có được điều này, có lẽ 'Chuyện Tử Tế' đã bị coi là một bộ phim mang tính tuyên truyền khác và rơi vào quên lãng. Song đây cũng không phải là một bộ phim quá 'hiền lành'; mặc dù bộ phim không thể hiện trực tiếp sự phẫn nộ, mọi người đều hiểu được vì sao nhiều người bạn và đồng nghiệp của anh, nghệ sĩ cũng như các nhà làm phim, lại chết sớm vì ung thư đến vậy. Chất độc da cam và những người đã sử dụng nó trong cuộc chiến tranh...

Tôi nghĩ rằng anh biết tôi suy nghĩ rất nhiều về chủ đề thế nào là một bộ phim chính trị, và những thể loại phim như thế nào tác động có hiệu quả đến xã hội nhất. Một trong những quan điểm rõ ràng của tôi là bất kỳ bộ phim nào làm thức tỉnh con người thì thực chất đều là phim chính trị. Bởi vì hàng ngày chúng ta bị tra tấn bởi những sự việc diễn ra làm giác quan của chúng ta bị chai lì đến mức nhắm mắt làm ngơ không những đối với những nỗi đau khôn xiết diễn ra từng giây từng ngày trên khắp hành tinh này mà còn đối với việc nhận biết chính bản thân mình và tâm hồn mình. Sau nhiều năm, 'Chuyện Tử Tế' vẫn tiếp tục lay động chúng ta, và tôi có thể nói rằng một số người đã xem bộ phim này tại Viennale cũng có cảm tưởng như vậy.

Trước hết, tôi cần nói để anh biết là vé xem bộ phim này đã bán hết rất nhanh và rạp chiếu phim lớn đã kín người (tôi đoán khoảng 300-400). Tôi cũng rất mừng là hoàn toàn tình cờ, nhà làm phim Joseph Strick đã đạo diễn bộ phim được giải thưởng Oscar ‘Phỏng vấn các Cựu chiến binh Mỹ Lai’ cũng có mặt tại Liên hoan phim và lên diễn đàn cùng với tôi trước buổi chiếu ‘Chuyện Tử Tế’. Sau đó ông ta bảo tôi nói với anh rằng bộ phim làm ông ấy rất xúc động và cảm ơn anh đã cho ông ta cơ hội được thấy một phần cuộc sống và tranh đấu của người dân Việt Nam trong những năm sau Chiến tranh. Một nhà sưu tầm phim người Đức có tên tuổi là Olaf Moller cũng rất ấn tượng với bộ phim của anh và sau đó có viết thư nói với tôi (ngoài một số nhận xét khen một bộ phim của tôi) rằng ‘Chuyện Tử Tế’ là một bất ngờ đối với khá nhiều người và đó là điều mà các nhà làm phim khác nói với tôi. Sau cùng, gần đây tôi có nhận được một bức thư tuyệt vời từ một người không quen biết muốn tôi chuyển tới anh những cảm xúc mạnh mẽ của ông ấy về bộ phim của anh...”

(Nguyễn Quang Dy chuyển ngữ)

John Gianvito đã yêu cầu khán giả cho nhận xét về phim “Chuyện Tử Tế”. Sau đây là trả lời của một nhà phê bình tự do.

Dear John Gianvito,

This is a somewhat belated reaction to your invitation for a feedback concerning Tran Van Thuys “The Story of Kindness”. I had to leave quickly after the Vietnam screening, so I couldn’t approach you directly. But I still want to tell Tran van Thuy the filmmaker that it was among my most stunning viewing experiences at this Viennale: For the first minutes of the video’s screening, I had no idea where this was supposed to be going. But while the essayistic flow of thoughts never seems to settle for one definite destination until the very end, what I gradually came to understand, see and feel in the following half hour was a startlingly purposeful and powerful exploration of a scarred country.

In its exploration of the ruptures in Vietnamese society, this must be one of the most devastatingly gentle films I have ever seen, and this without making the kindness and gentleness expressed register just as a sarcastic ploy.

I hope these rather awkward notes are of any interest to you.

Greetings,

Joachim Schätz

(freelance critic for the Viennese city mag “Falter”)

John Gianvito thân mến,

Thư trả lời này của tôi đến hơi chậm để đáp ứng yêu cầu của ông muốn tôi phản hồi về bộ

phim “Chuyện Tử Tế” của Trần Văn Thủy. Hôm đó tôi phải đi ngay sau khi xem phim Việt Nam, nên không thể trực tiếp gặp ông. Nhưng tôi vẫn muốn nói với ông và nhà làm phim Trần Văn Thủy rằng được xem bộ phim đó là một trong những trải nghiệm có ấn tượng mạnh nhất của tôi tại Liên hoan phim Viennale. Trong vài phút đầu của bộ phim, tôi không hiểu nó sẽ dẫn tôi đến đâu. Tuy dòng suy tư trong mạch phim dường như không chịu dừng lại tại một điểm đến cố định nào cho đến cuối phim, nhưng điều mà tôi đã dần hiểu ra, thấy được và cảm nhận được ở 30 phút tiếp theo là một sự tìm tòi mãnh liệt và có chủ định một cách đáng kinh ngạc về đất nước đầy thương tích này.

Để tìm tòi những rạn nứt trong xã hội Việt Nam, đây là một trong những bộ phim nhẹ nhàng một cách khốc liệt nhất mà tôi đã từng được xem, và điều này không làm cho biểu hiện tử tế và nhẹ nhàng gây ấn tượng như một thủ pháp mĩ mai châm chọc.

Mong rằng mấy lời nhận xét vụng về này có ích đối với ông.

Xin chào

Joachim Schätz

(nhà phê bình tự do cho Tạp chí “Falter” của thành phố Vienn)

(Nguyễn Quang Dy chuyển ngữ)

Tôi xin thừa, chưa bao giờ tôi dám nhận “Chuyện Tử Tế” là bộ phim hay, tôi chỉ nghĩ nó cần và có ích. May mà thiên hạ hứng thú với nó. Bà Diễm Phùng Thị, một tên tuổi lớn của nền điêu khắc thế giới, từng được ghi danh trong *Từ điển La Rousse*, khi ở Pháp xem phim xong đã gửi cho tôi mấy dòng ghi trên một tấm poster: “Gửi Anh Thủy, đạo diễn đã làm *Balê náo động* và *xúc động về phim ‘Chuyện Tử Tế’ ...*”

Tôi vẫn biết yêu ghét khen chê là chuyện thường tình bởi vậy tôi không thấy sung sướng khi được khen và cũng chẳng buồn rầu khi bị chê. Tôi chỉ làm theo sự mách bảo của con tim mình. Cũng chẳng ít người không ưa phim của tôi. Có một chuyện, một kỉ niệm nhỏ liên quan đến sự khen chê. Tôi phân vân mãi không biết có nên kể ra hay không:

...Ở xưởng phim chúng tôi khi tổng kết chất lượng phim cuối năm đó, nhiều đồng nghiệp cho “Chuyện Tử Tế” điểm cao; nhưng đạo diễn nghệ sĩ nhân dân Ngọc Quỳnh cho điểm 0 (zero), mặc dù có qui định rằng phim đã được xuất xưởng cho điểm tối thiểu là 5 điểm, tối đa là 10 điểm. Anh cho rằng bộ phim này không đúng đường lối của Đảng. Phải nói rằng anh là người cẩn mực, sinh hoạt Đảng và đóng Đảng phí đều đặn. Nhà hết tiền nhưng anh bắt chị Nguyệt, vợ anh đưa đủ tiền để anh đóng Đảng phí.

Chị Anh Thủy, đạo diễn đa
lĩnh vực nào đây với cuộc đời
học phim chuyên Tú Tài. Mong Anh
còn sản xuất nhiều film đẹp hơn nữa
Điền Thị

AVEC LA PARTICIPATION DE L'ASSOCIATION DES AMIS DE DIEM PHUNG THI

IMP. QUOC VI LANG

Cuối đời anh đau yếu, không đi được nữa, anh yêu cầu Chi bộ Đảng đến nhà anh họp bên giường bệnh. Anh là người gương mẫu và tin theo Đảng đến giờ phút cuối cùng. Bây giờ thật hiếm có những mẫu người như anh.

Bởi vậy trong phòng truyền thống của hãng phim chúng tôi, trong các dịp lễ lạt anh vẫn được nêu lên như một tấm gương sáng, được “ngồi mâm trên” bên cạnh đạo diễn nghệ sĩ nhân dân Bùi Đình Hạc.

Khi anh qua đời, tôi là người thân duy nhất có mặt lúc thay quần áo để khâm liệm anh. Anh là mẫu người tốt của một thời.

HAI MƯƠI TÁM

Có điều tôi băn khoăn một chút, nuối tiếc một chút là hình như, hình như thôi, bốn ông anh này lẽ ra hay hơn, để đời hơn, vang dội hơn, nếu không phải đội mũ kim cô mấy chục năm, à không, gần như suốt cuộc đời mỗi người.

Nếu không phải đội cái mũ chết tiệt ấy thì bốn ông này chẳng kém cạnh gì so với bốn vị sao trên văn đàn Việt Nam nửa đầu thế kỷ hai mươi: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố...

Không hiểu sao tôi có mối cảm tình thân quý với các nhà văn quân đội. Tôi được biết anh Nguyên Ngọc khi cùng ở chiến trường khu 5; không, đúng hơn là khi đọc “Rừng Xà Nu” của anh hồi còn ngồi trên ghế nhà trường. Thời anh làm Tổng biên tập, tờ Văn Nghệ đã tập hợp, khơi dậy một luồng sinh khí mới mẻ hiếm thấy trên văn đàn. Anh là đệ tử, đúng hơn là tín đồ của Phan Chu Trinh. Anh có nhiều tâm huyết với những bước đi, những quyết sách của xã hội.

Có lẽ Nguyên Ngọc xem hầu hết những phim tôi làm và anh luôn động viên tôi. Cái tập “Nếu Đi Hết Biển” tôi làm ở Mỹ sau đưa in rồi tái bản, như đã kể ở trên, cũng là do anh “xúi giục”.

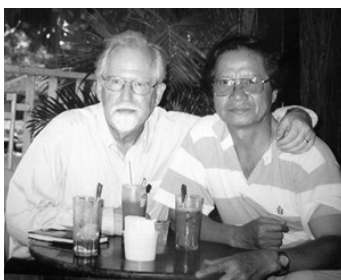
...Anh Nguyên Ngọc quan tâm đến chữ nghĩa của tôi trong việc viết lách như vậy thật là một vinh hạnh lớn cho tôi. Xin thú thực tôi chưa bao giờ viết để lấy nhuận bút. Tôi viết rất ít và chủ yếu là viết kịch bản, lời bình, và một số bài. Thầy tôi, ông Roman Karmen là người có bút lực phi thường, có lẽ bởi cha ông là một nhà văn, muốn con mình đi theo văn nghiệp cho nên mới có tên Roman (trong tiếng Nga có nghĩa là tiểu thuyết). Roman Karmen là người tự viết kịch bản, tự quay cho đến khi về già. Ông là đạo diễn, người viết lời bình. Ông lại có một chất giọng lí tưởng để tự đọc lời bình. Một ông thầy, một tấm gương lớn như vậy khích lệ tôi rất nhiều. Ở Việt Nam, tôi thấy nhiều người làm phim tài liệu phải nhờ người khác viết lời bình, điều này cũng bình thường thôi nhưng hơi lạ với tôi. Lạ vì tôi nghĩ không ai cảm nhận, không ai thấu hiểu sâu sắc cái hồn vía câu chuyện bằng chính anh (trừ phi... tác phẩm của anh sáo rỗng, chẳng có “hồn vía” gì cả). Anh phải viết. Chính vì thế đôi khi người ta gọi phim tài liệu là phim tác giả. Nhưng không viết được, người khác viết hay hơn thì đành làm vậy thôi.

Lời bình phim “Những Người Dân Quê Tôi”, “Nơi Chúng Tôi Đã Sống”, “Phản Bội”, “Hà Nội Trong Mắt Ai”, “Chuyện Tử Tế”, “Có Một Làng Quê”, “Một Cõi Tâm Linh”, “Thầy Mù Xem Voi”, “Người Man Di Hiện Đại”...Tôi viết khá dễ dàng với cảm hứng dạt dào cùng sự tham góp của bạn bè. Tôi có thói quen khi làm phim, nghĩ cái gì, viết cái gì, quay cái gì đều bày hết lên mặt

bàn để đồng nghiệp góp ý thêm bớt.

“Hà Nội Trong Mắt Ai”, “Chuyện Tử Tế”, được nhiều người quan tâm phần lớn là do lời bình. Tất nhiên phim tài liệu hiện đại bây giờ người ta không lảm lòi như thế, nhưng tôi trót thuộc “thế hệ lảm lòi”, đề-mốt-đê lảm rồi. Anh Nguyễn Ngọc khen thì cảm ơn anh, nhưng các bạn trẻ đừng theo vết mòn của chúng tôi. Lời càng ít, nhạc càng ít thì phim càng thật. Chưa có một bộ phim nào được khen là hay nếu nó không thật.

Nhân bàn về chữ nghĩa trong phim tài liệu, cho phép tôi được kể thêm rằng, cách đây dăm năm, anh Eric Henry, chủ nhiệm Khoa tiếng Việt và tiếng Trung ở Đại học North Carolina đã gửi cho tôi tập bản thảo cuốn sách do anh và một người Việt, anh Vũ Hân biên soạn để dạy tiếng Việt tại Mỹ. Eric Henry vốn là một cựu binh Mỹ đã học tiếng Việt từ năm 1969 ở Trung tâm Đào tạo Lục quân Texas. Năm 1970 anh sang Việt Nam với tư cách thông dịch viên, sau đó anh học thêm tiếng Trung.



Eric Henry, chủ nhiệm Khoa tiếng Việt và tiếng Trung ở Đại học North Carolina

Trong tập tài liệu này các anh đã chép lại chính xác nguyên văn lời bình “Chuyện Tử Tế” và phần chính, quan trọng là các anh đã dẫn ra theo trình tự của phim các từ ngữ mà các anh cho là đắt giá, hàm súc, đa nghĩa, có tính ẩn dụ. Các anh giải thích các từ, các câu ấy bằng tiếng Anh và dẫn ra các thí dụ về hiệu quả khi dùng những từ ngữ ấy và nêu ra các câu hỏi về văn cảnh để sinh viên Mỹ thảo luận. Một số tờ báo ở nước ngoài đã in nguyên văn toàn bộ lời bình của “Chuyện Tử Tế”. Tôi cũng không ngờ lời bình của một bộ phim tài liệu mà được mọi người quan tâm như thế. Từng từ ngữ được đem ra mổ xẻ, được nâng lên đặt xuống. Nó được dịch ra mấy thứ tiếng Đức, Anh, Pháp, Nhật. Những dịch giả này đều là những nhà ngôn ngữ uyên thâm về tiếng Việt, họ cảm nhận nổi cái hồn vía của tiếng Việt, điều này thể hiện rõ nhất trong bản dịch tiếng Pháp và tiếng Anh.

Tôi có thói quen e ngại khi người ta nói tốt về mình hơn điều mình có. Nó lại trở thành món nợ khi người ta tin mình quý mình.

Nhà văn Lê Lưu trước kia ở gần nhà tôi Lý Nam Đế - Phan Đình Phùng - Hàng Bún. Anh có cái duyên chân quê mà không mấy ai có được. Trong hoàn cảnh văn chương bị o ép mà viết được “Thời Xa Vắng” hay đến thế phải là người tài và tâm huyết lắm, bản lĩnh lắm. Tôi học được ở anh nhiều điều, cách ứng xử và cả cách dùng chữ nghĩa trong văn chương của anh để tôi viết kịch bản, viết lời bình và viết những thứ khác.

Với Nguyễn Khải thì tôi rất chịu bút lực của anh. Hình như trong hơi hướng văn chương Nguyễn Khải có hồn vía của một linh mục, một triết gia, nhất là trong những tiểu luận tâm huyết cuối đời của anh như *Nghĩ Muộn* và *Đi Tìm Cái Tôi Đã Mất*. Có lần chuyện trò với anh, tôi tự thú: “*Trong ‘Chuyện Tử Tế’ tôi đã đạo văn của anh, cái đoạn cuối phim, trên hình, lúc người dân lam lũ chen chúc trong bụi bậm phố xá, trước trường đoạn nói về ông giáo dạy toán giỏi, vì mưu sinh mà phải đi bán rau, tôi bê nguyên xi một đoạn của ‘linh mục’ Nguyễn Khải: ‘Con người là một sinh vật không bao giờ chịu sống thúc thủ. Nó luôn luôn muốn vươn tới cái tuyệt vời, cái vô biên, cái vĩnh cửu là những cái con người không bao giờ đạt tới’.*”

Tôi được biết và quý trọng Nguyễn Minh Châu từ thuở hàn vi ở ngôi nhà ọp ẹp, khu tập thể quân đội phố Ông Ích Khiêm. Một con người hiền hòa, dằm thắm, có lòng với đời, xót xa canh cánh với từng giọt nắng hạt mưa, với những bộn bề ngang trái của cuộc đời. Một con người tha thiết với đời đến phút chót của mình. Hãy đọc “Lời Ai Điếu” của anh; hãy đọc những bút tích, di cảo anh để lại. Chị Doanh, người vợ hiền thảo của anh đã gom góp cho tôi được đọc. Đọc xong tôi thương anh hơn. Những ngày cuối đời anh trị bệnh trong chùa Pháp Hoa ở Đồng Nai, tôi vào thăm, chẳng ngờ chuyện ấy anh cũng viết lại trong một bức thư gửi bạn, anh Nguyễn Trung Thu ở Ban Văn hóa Văn nghệ.

(Trong “Di cảo” trang 472 NXB Hà Nội 2009, Nguyễn Minh Châu viết: “...*Chiều qua Thủy (‘Hà Nội Trong Mắt Ai’) vừa đến thăm tôi có kéo theo một ông Thiếu tướng (Hiệu trưởng Trường Lục Quân 2) ở cách tôi 8km với mục đích: ‘Ông này đọc anh nhiều và rất yêu anh – Có gì cần anh cứ gọi nhờ ông ấy’ – Thủy nói. Tôi đã thấy ông này chấp tay lạy Thủy như lạy một vị thánh: ‘Anh can đảm lắm, dũng cảm lắm, tôi kính phục anh’ lúc tôi tiễn cả hai ra hai chiếc xe đỗ ngoài cổng chùa. Và ba người chúng tôi đi mỗi người mỗi ngã...*”)

Thủy nói:

- Có thể ai đó đọc những dòng này nghĩ rằng câu chuyện lạc đề, vô lý khi kéo mấy ông nhà văn quân đội vào để làm sang cho câu chuyện.

Tôi bảo Thủy:

- Không phải thế. Chúng ta không thể chui ra từ gốc chuối được, phải nhớ những người thầy của mình trong cuộc đời chứ. Các cụ bảo: Học thầy một vạn không bằng học bạn một ly; có những người vừa là thầy vừa là bạn thì may mắn lắm, chỉ sợ mình nghe mà không hiểu, nhìn mà không thấy thôi.

Tôi có nhiều người thầy như thế. Nếu ông trời cho khỏe mạnh tôi sẽ kể về những ông thầy đó. Bốn nhà văn quân đội này là thầy tôi, bạn tôi. Tôi học được ở các anh nhiều điều lắm. Nếu tôi không học thì làm sao tiếp tục làm nghề được. Thầy tôi, ông Roman Karmen có sống lại thì cũng không hiểu đất nước chúng ta, đồng bào chúng ta bây giờ muốn gì, cần gì, như những nhà văn Việt Nam giàu nhân cách, giàu trí tuệ...

Có điều tôi băn khoăn một chút, nuối tiếc một chút là hình như, hình như thôi, bốn ông anh này lẽ ra hay hơn, để đời hơn, vang dội hơn, nếu không phải đội mũ kim cô mấy chục năm, à không, gần như suốt cuộc đời mỗi người. Nếu không phải đội cái mũ chết tiệt ấy thì bốn ông này chẳng kém cạnh gì so với bốn vì sao trên Văn đàn Việt Nam nửa đầu thế kỷ hai mươi: Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Ngô Tất Tố, những nhà văn, những CON NGƯỜI dành cả cuộc đời mình đau đáu tìm tòi vào những góc khuất, những ngang trái của cuộc đời này.



Với nhà văn Nguyễn Ngọc – tại Hội Thảo Văn học Việt - Mỹ.

HAI MƯƠI CHÍN

“Tôi yêu tiếng nước tôi

Từ khi mới ra đời

Người ơi...

Mẹ hiền ru những câu xa vời. À ơi...”

Cách đây hai tháng, khi trao đổi đôi điều về nhạc sĩ Phạm Duy trong một bộ phim tài liệu do đạo diễn Đinh Anh Dũng thực hiện, hãng phim Phương Nam sản xuất, tôi đã nhắc lại câu ca này.

Lời ca đi vào tâm hồn bao thế hệ người Việt vào những năm giữa thế kỷ trước, nó đọng lại trong tôi như một hành trang trong suốt cuộc đời, nhất là lúc trưởng thành, lúc làm phim, khi chọn đề tài, khi đối diện với những gian nan...

Tôi không hiểu đạo diễn Đinh Anh Dũng sử dụng những đoạn quay ấy như thế nào, cắt bỏ như thế nào nhưng tôi đã nói lời gan ruột của tôi về chủ đề yêu nước, một chủ đề xưa như trái đất và cũng mới đến mức không thể có gì mới hơn.

Tôi nói rằng yêu nước là thuộc tính của loài người, nhất là người Việt Nam ta.

Tôi cũng đã nghĩ và nói rằng: Ở xứ này, phải đốt đuốc mới may ra tìm được dăm ba người không yêu nước; tất nhiên không kể bọn quan tham và người mắc bệnh tâm thần. Có điều, người ta bày tỏ lòng yêu nước theo cái cách của người ta. Và theo tôi, không ai có độc quyền yêu nước, không ai có độc quyền ban phát lòng yêu nước và dạy bảo người khác cách thức yêu nước.

Chúng ta có thể không có bình đẳng về chức tước, phẩm hàm, tiền bạc, quyền lực nhưng trời cho chúng ta, tổ tiên cho chúng ta bình đẳng về lòng yêu nước. Điều này thực ra cũ như trái đất và tôi cũng đã nói nhiều trên báo qua những bài phỏng vấn.

Hãy đọc bức thư của học giả Nguyễn Văn Vĩnh gửi cụ Huỳnh Thúc Kháng năm 1924:

“...Cái hố sâu ngăn cách giữa một nhà nho chân chính như ông, người không còn tin vào những tư tưởng lẫn những phương pháp của quá khứ với tôi, một người man di hiện đại, sản phẩm của một nền giáo dục hỗn tạp và đầy khiếm khuyết, kẻ đang cố tìm một vài chân lý trong cùng cái quá khứ đó, mà tôi, tất nhiên cũng không biết gì hơn ông Kháng. Cái quá khứ đó dù sao cũng hiện lên đối với tôi như một nguồn sức sống và ánh sáng chưa được biết tới.

Chúng ta đã gặp nhau trên con đường và người nào cũng cho rằng mình đi đúng hướng, chính bởi con đường đó chưa có. Giống như, rốt cùng, cả hai chúng ta đều đang đi tìm chân lí thì không nhất thiết cứ phải đi theo cùng một hướng...”

(Theo tài liệu “Sự ra đời của chữ quốc ngữ và Người man di hiện đại” của sử gia người Mỹ Christophe E. Gocha)

Tuyệt vời phải không? Người xưa làm chúng ta day dứt và bái phục!

Khi tôi làm nghề, những chuyện đông dài, dính dáng đến lòng yêu nước như vậy nhiều không kể xiết, viết ra có người không ưa, cho rằng mô phạm hay cao đạo. Họ cắt xén đi vì sợ phạm húy.

Có điều thật lạ là khi nói đến hai chữ “yêu nước” của người Việt Nam ta, có lúc thấy nó giản dị, nhưng có lúc thấy nó cao sang. Cao sang đến nỗi chẳng mấy ai dám tự nhận trước đám đông rằng: ***Tôi là người yêu nước!***

Yêu nước trở thành một đẳng cấp!

Người Việt Nam mình cũng lạ lùng thật!

Bây giờ cho tôi liều lĩnh nói một lời: “*Tôi yêu nước!*”.

Tất cả những bộ phim tôi làm, những điều tôi viết, con đường độc đạo tôi đi, những cam go cuộc đời tôi chịu vì tôi... yêu nước. Đừng mất công tìm kiếm thế lực nào đó đứng sau lưng tôi. Tôi chẳng giỏi giang đến vậy, cũng chẳng ngu xuẩn đến thế.

Cứ thấy ai khác ta, nghĩ không giống điều ta nghĩ, muốn không giống điều ta muốn đều vu là kẻ thù. Anh ăn ở với đời ra sao, ân oán ra sao mà sinh ra lắm kẻ thù vậy?

Một người có quá nhiều kẻ thù như vậy thì đâu có hay ho gì!

Phải không ạ?

Nhiều năm trời mấy người bên an ninh canh gác nhà tôi, bắt giữ tôi, thẩm vấn nhiều lần chỉ vì nghi ngờ rằng sau lưng tôi có một lực lượng chính trị nào xúi bẩy, có ai đứng sau lưng tôi (tôi còn ghi chép đầy đủ, ai thẩm vấn, bao nhiêu lần, ngày nào, ở đâu, qua đêm nào, nội dung ra sao...).

Họ dò la các quan hệ của tôi, lục soát sổ danh bạ điện thoại của tôi để thẩm vấn tôi một cách kĩ lưỡng. Họ hỏi tôi về quan hệ của tôi với các trí thức người Việt trong và ngoài nước, thậm chí căn vặn tôi về quan hệ của tôi với ông Trần Độ - đến nước này thì tôi thấy lạ lùng quá. Họ còn hỏi tôi về việc ông Blanche Maison trước khi sang Việt Nam làm đại sứ đã mời tôi đến

chuyện trò ở Bộ Ngoại giao Pháp. Họ hỏi tôi tại sao lại có một tổ chức là Nhóm Bạn Trần Văn Thủy ở Paris... Tất nhiên toàn những câu hỏi vớ vẩn, nhưng chuyện nào tôi cũng trả lời rõ ràng minh bạch và lễ độ. Tôi nhận thấy cách nói năng của họ cũng có phần lịch sự và tỏ ra tôn trọng tôi. Tuy nhiên người có tên là Bảy thăm vấn tôi có lúc không tự chủ được đã nổi cáu, chỉ vào mặt tôi:

- *Mày là thằng phản động! Mày liên lạc với bọn phá hoại, chuyển tài liệu ra nước ngoài và chuyển tài liệu từ nước ngoài về!*

Tôi phanh ngực áo, giọng không còn điềm đạm được nữa:

- *Bắn đi! Biết rõ thế thì bắn đi việc gì phải hỏi nhiều!*

Là sĩ quan công an mà anh ta không hiểu một điều sơ đẳng về luật pháp rằng chỉ có chủ tọa phiên tòa mới có quyền kết luận bị cáo có tội gì khi kết thúc phiên tòa.

Việc đó xảy ra vào cuối giờ chiều ngày 20-4-1991 tại một địa điểm mà sau đó tôi được biết rằng xưa là Tổng Nha Cảnh sát Sài Gòn. Vừa đúng hết giờ làm việc, một chiếc xe con đỗ xích trước cửa, họ bảo tôi lên xe, trên xe ngoài người lái xe, có một cảnh vệ còn rất trẻ, quãng tuổi con tôi đi áp giải, một chiếc chăn dành cho phạm nhân. Xe đi một hồi thì đến Trại Thủ Đức, ngoài có tường cao và rào kẽm gai bao bọc.

Tôi phải qua đêm ở đó.

Người cảnh vệ trẻ nằm giường bên cạnh. Tôi rất mệt nhưng không tài nào chợp mắt được, trong đầu cứ vang lên những tiếng ùng oàng trên chiến trường ngày nào...

Hôm sau lại hỏi, lại trả lời với nội dung tương tự. Những người thăm vấn tôi ngoài Bảy còn thêm Đồng, Phong. Những buổi thăm vấn như thế đều có máy ghi âm chuyên dụng ở phòng bên ghi lại.

Tối mịt, có một vị lãnh đạo Bộ Công an, nghe nói tên là Thành hay Thanh gì đó. Ông này mặc đồ trắng lịch sự, dáng vẻ sang trọng. Ông đến để gặp tôi trước khi tôi được thả ra. Ông điềm đạm nói với tôi dăm câu ba điều gì đó đến nay tôi không còn nhớ. Tôi thấy Bảy có vẻ lảng xảng đơ đả với vị này, anh ta thanh minh với cấp trên của mình rằng tôi vô can. Anh ta còn tươi cười tạm biệt tôi!

Vậy mà ra Hà Nội mấy ngày sau đó tôi lại phải trình diện tại A15 Bộ Công an (cục phản gián đối ngoại?) để tiếp tục thăm vấn những vấn đề trời ơi đất hỡi khác nữa. Đó là các ngày 1-5, 11-5, 13-5 năm 1991 do các công an viên Trần, Hạnh, Mậu, Long tiến hành.

Chừng 10 năm sau cuộc gặp đáng nhớ với Thủ tướng Phạm Văn Đồng về vụ “Hà Nội Trong Mắt Ai”, tôi vẫn gặp nhiều phiền phức với cơ quan an ninh.

Vào một buổi chiều năm 1992, một ông khách lạ đến nhà tôi. Ông tự giới thiệu là Nguyễn Tiến Năng, thư ký của Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông báo cho tôi: Thủ tướng gọi tôi đến có việc. Tôi cũng rất ngỡ ngàng vì làm sao Thủ tướng còn nhớ đến tôi và không hiểu cho gọi tôi vì việc gì.

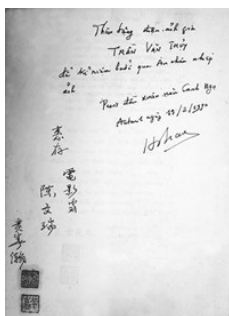
Theo hẹn tôi lên. Thủ tướng yếu hơn xưa, mắt đã kém. Ông tiếp tôi một mình trong một phòng khách rộng. Ông hỏi han tôi về công việc, về gia cảnh...

Tôi thưa rằng nhờ trời mọi việc vẫn bình thường.

Ông vào đề, nói rằng:

- Bình thường thế nào? Tôi vừa nhận được thư của học giả Hoàng Xuân Hãn ở Pháp gửi về, than phiền về việc ở nhà đối xử với Trần Văn Thủy không được tử tế cho lắm và lưu ý tôi xem xét.

Tôi thưa: Nói chung là bình thường trừ hai việc. Một là cơ quan an ninh yêu cầu trình diện và thẩm vấn tôi quá nhiều; hai là Bộ Văn hóa không cho tôi xuất ngoại, mặc dù có tới gần chục lời mời từ Pháp và đặc biệt là từ Nhật Bản, những chuyến đi thuần túy vì công việc nghề nghiệp...



Lời đề tặng của học giả Hoàng Xuân Hãn

Thủ tướng tỏ ra ưu tư, ông nói rằng:

- Bây giờ tôi chẳng còn quyền chức gì nữa, tôi sẽ xem xét ai phụ trách việc này và nhắc nhở họ. Nếu thân thì nói được....

“Nếu thân thì nói được”. Câu nói của Thủ tướng làm tôi rất buồn, một nỗi buồn vu vơ khó nói thành lời...

Học giả Hoàng Xuân Hãn và Thủ tướng thân nhau từ lâu. Tình cờ tôi hân hạnh nhận được sự quan tâm của cả hai nhân vật có nhân cách lớn, có những đóng góp tâm huyết cho đất nước.

Một chuyện khác nữa:

Năm 1992, phu nhân Tổng thống Pháp François Mitterrand sang thăm Việt Nam với tư

cách Chủ tịch Quĩ Danielle Mitterrand. Trước khi bà tới Hà Nội, đại sứ Pháp có gửi cho tôi giấy mời tới gặp bà. Nghe nói có một cuộc gặp mặt giữa bà và một số trí thức, trí ngữ Hà Nội gì đó. Tôi không rõ bà có ý định gì, mục đích gì trong cuộc gặp này nhưng vì xã giao tôi cũng đã có lời cảm ơn và định bụng sẽ tới nếu không có gì phiền hà.

Nhưng đúng ngày hẹn, có hai người tự xưng là công an bỗng dừng đến nhà tôi (hồi tôi còn ở 52 Hàng Bún). Họ nói với tôi rằng tôi không nên đến cuộc gặp đó. Tôi hỏi “không nên” hay “không được”? Họ bảo “không được”. Tôi hỏi tại sao. Họ bảo đây là lệnh của trên.

Một câu trả lời dễ dàng, dùng ở đâu, bao giờ, với ai cũng được.

Tôi thấy thật kỳ cục, nếu không tới được thì phải có lời với họ trước. Tôi có đến thì tôi mất thì giờ lại đóng bộ complet cravat, lại một bó hoa xã giao. Sung sướng gì đâu. Hai người nọ ngồi lì ở nhà tôi, không cho tôi ra khỏi nhà, cho đến khi họ alô kiểm tra, xem chừng cuộc họp kia kết thúc rồi họ mới rời khỏi nhà tôi. Sau tôi nghe nói lại rằng trong cuộc gặp đó người ta nói với bà Danielle Mitterrand rằng tôi đi công tác xa, không có mặt ở Hà Nội. Cuối thật. Tôi nghiệp cho họ, ngay sáng hôm sau ông thư ký của bà Danielle Mitterrand, một người nói tiếng Việt như người bản xứ, đường đột đến nhà thăm tôi, hỏi sự tình, hỏi rất kỹ rằng vì sao tôi không có mặt, ông tự tay ghi vào cuốn sổ của tôi địa chỉ, số điện thoại của ông, một ở nhà riêng, một ở Văn phòng tại Paris. Tên ông ta là: Joel Luguern. Nghe nói ông là cha đỡ đầu của diễn viên Tôn Nữ Yên Khê, vợ đạo diễn nổi tiếng Trần Anh Hùng.

Hơn 20 năm qua rồi mấy người bên an ninh rình rập tra hỏi tôi ngày xưa chắc cũng đã về hưu cả rồi, già cả rồi. Ngẫm lại mỗi người chọn một nghề, tôi có nghề của tôi, họ có nghề của họ, bây giờ mà gặp lại nhau, uống với nhau ly rượu, tán gẫu sự đời thì chắc cũng nhiều chuyện vui để nói.

Lại nghĩ, biết bao tiền thuế của dân, biết bao thời gian và sức lực tuổi trẻ đổ vào những việc theo dõi điều tra “phá án” những vụ như thế này! Rõ khổ.

Nhưng bây giờ nghĩ lại, công bằng mà nói, tôi phải cảm ơn những người công an ấy, bởi vì ngày ấy họ chỉ quá tay một tí thì có khi tôi toi rồi, còn đâu mà hàn huyên dông dài như thế này nữa. Chưa nói trong số những người công an có quyền thẩm định, bàn bạc cái việc bắt hay chưa bắt tôi, có những người đã bênh vực tôi. Điều đó gần đây tôi mới được biết thêm.

Rồi tình cờ, mấy tháng trước, sau 30 năm, tôi gặp lại tướng công an Phạm Chuyên. Theo sự rủ rê của bạn bè, anh đến chỗ dựng phim, xem phim “Vọng Khúc Ngàn Năm” tập III chúng tôi đang làm.

Có thể nói Phạm Chuyên có thiện cảm với tôi, nếu không nói là quý mến. Chúng tôi chuyện

trò, đi chơi, đến nhà thăm nhau, uống bia, tào lao... Chúng tôi thường gọi Phạm Chuyên là ông “*Chánh Sở Cẩm*”. Anh sống thoáng đạt, ga lăng, ấn tượng nhất với tôi là anh có tình riêng và quý trọng tướng Nguyễn Cao Kỳ. Anh cũng đã bênh vực một số nghệ sĩ trí thức lúc sa cơ.

Nhớ lại 30 năm trước, năm 1983, khi “Hà Nội Trong Mắt Ai” long đong, có một buổi chiếu để lấy ý kiến các nhà làm phim truyện. Có nhiều phát biểu sôi nổi lắm và không hiểu sao Phạm Chuyên, lúc đó là lãnh đạo Sở Công an lại có mặt. Khi kết thúc buổi mạn đàm, anh tới bắt tay tôi thật chặt:

- *Tôi là Phạm Chuyên, tôi đảm bảo với anh rằng, trước sau gì thì bộ phim này cũng được thừa nhận và đến với công chúng.*

Cũng nên kể thêm rằng, mới rồi vợ tôi đến thăm gia đình một người bạn học cũ tên là Phụng, cả nhà làm công an. Là bạn thân nhau từ nhỏ, cùng xóm phố Hàng Bột. Chuyện trò đông dài thế nào lại lòi ra cái chuyện cháu Huy, con cô Phụng, ngày xưa vẫn phải đến canh gác nhà tôi, 52 phố Hàng Bún. Đó là nhà bạn của mẹ mà thằng bé không biết. Nói lại chuyện xưa cả nhà cười ra nước mắt. Phụng bảo vợ tôi: “*Nếu biết nó gác nhà mày thì tao bảo nó lên nhà ngồi cho đỡ khổ*”.

Tôi thấy tội nghiệp cho thằng bé và mấy người. Trời nắng nóng hay mưa phùn gió bắc cũng phải rình rập dò la đi tìm cái không bao giờ thấy, không bao giờ có. Bây giờ Huy đã là trung tá, hai anh Huy cũng trung tá; mẹ Phụng về hưu với hàm thiếu tá; bố Tuyên đã qua đời với hàm đại tá....

Cậu em kết nghĩa của tôi tên là Doãn, Hoàng Trần Doãn trong ngành Điện ảnh, bây giờ giảng dạy ở trường Sân khấu Điện ảnh. Anh em đàn đúm với nhau thời làm “Hà Nội Trong Mắt Ai”. Bỗng sau đó cậu ta mất hút con mẹ hàng lơu một mạch gần hai chục năm!

Thế rồi một hôm gặp lại nhau trong đại hội Hội Điện ảnh, có mặt đạo diễn Việt Linh ở đó, Doãn bô bô kể:

- *Đêm cuối cùng em từ nhà anh đi ra, trời mưa lất phất, vừa nhảy lên xe, đạp được vài chục mét, một thằng cha mặc áo mưa áp sát vỗ vai em: Này! Anh ra vào nhà Trần Văn Thủy quá nhiều đấy! Thế là em chột dạ, không dám lai vãng đến nhà anh nữa. Bây giờ gặp lại anh em thấy ngượng quá....*

Tôi không biết có bao nhiêu người vào nhà tôi “được” vỗ vai như thế, nhưng chắc chắn những người vì e sợ ngại ngùng mà xa lánh tôi cũng không phải là ít.

Tôi nhớ hồi ấy, một lần đạo diễn Phạm Hà, đồng nghiệp lớn tuổi hơn, đạp xe từ xưởng Phim Tài liệu trên đường Hoàng Hoa Thám đi xuống phía Bách Thảo; còn tôi đi xe đạp ngược

lên. Đến trước cổng nhà máy Bia, trông thấy tôi, anh Hà vội vàng phanh xe nhảy xuống đất bộ: *“Ô Thủy! Cậu chưa bị bắt à?”*.

Gần ba chục năm đã qua rồi mà tôi vẫn còn nhớ như in câu nói và dáng vẻ thất thần của anh. Tôi ngỡ ngàng, chẳng biết tình cảnh cam go của chính mình! Tôi vẫn lên cơ quan, vẫn gặp mọi người chào hỏi, vui vẻ nói nói cười cười đến độ anh Lò Minh bạn tôi, một người chín chắn kiệm lời cũng phải kéo tôi ra chỗ vắng cần nhần: *“Tại sao cậu lại cứ nhơn nhơn như thế? Cậu không biết sợ à?”*.

Quái lạ! Sợ cái gì nhỉ?

Rồi hăng phim của tôi phải làm tường trình, phải đưa lí lịch của tôi cho an ninh đọc lại, phải dừng việc nhận phong tặng danh hiệu đơn vị anh hùng.

Khổ thân mấy ông lãnh đạo hăng, có biết mô tê ắt giáp gì về cái âm mưu, cái thế lực thù địch mặt mũi nó ra sao, nó nấp ở chỗ nào đâu.

Kể đến đây tôi buộc lòng phải nói thêm cho rõ ràng. Những ông hăng hái công khai lên án “Hà Nội Trong Mắt Ai” có 3 vị: Ông Hoàng Tùng, ông Văn Phác và ông Hà Xuân Trường. Nói là “những ông công khai” có nghĩa là có “ông không công khai”. Các ông không cho tôi cơ hội để thưa gửi để thanh minh mà chỉ xem phim rồi kết luận, khẳng định, chỉ thị... Bây giờ ngẫm ra tôi phải mang ơn các ông ấy. Nếu các ông ấy cao tay ấn, xem xong lờ đi theo cách “*mackeno*”, hay “*macmeno*”, đừng làm om sòm ầm ĩ lên thì chẳng ma nào để ý đến bộ phim dở hơi kia. Đằng này các bố làm toáng lên, coi đó là một vận may để “biểu diễn lập trường”, có ngờ đâu vô tình phong thánh cho thằng Thủy này...

Gần hai chục năm sau, câu chuyện đã lắng đi, khi tôi làm phim về giáo sư Hoàng Minh Giám, đoàn làm phim chúng tôi đến phỏng vấn ông Hà Xuân Trường ở nhà riêng, cũng là dịp được thăm ông. Cuối đời ông không được khỏe. Quay phim xong, anh em thu xếp đồ nghề, còn tôi vào phòng trong chào tạm biệt ông.

Ông lúng túng có ý muốn thanh minh: *“Cái thời ấy...cái thời ấy...”* và không nói tiếp được ý gì. Tôi lễ phép chúc ông giữ gìn sức khỏe rồi cùng anh em ra về.

Rõ chán, việc làm nghề, làm phim của tôi chỉ như cái hạt bụi trước bộn bề của xã hội mà sao nó long trọng và rắc rối thế! Còn các việc đại sự thì sao đây? Chẳng lẽ người Việt Nam ta từ đời này qua đời khác chỉ dành thời gian và sức lực để đánh vật với những rắc rối kiểu này hay sao? Điều đáng buồn là đến nay các vấn nạn này vẫn cứ... như thế.

Mới đây, tập III của bộ phim nhiều tập có tên “Vọng Khúc Ngàn Năm” chúng tôi vừa thực hiện nhân kỉ niệm Ngàn năm Thăng Long, khi giới thiệu lại một số bản tình ca nổi tiếng đã từng bị cấm ngặt nghèo suốt nhiều thập kỷ, tôi đã viết:

“...Những chuyện cấm kị do thị hiếu, do suy diễn như vậy mang lại không ít đau buồn và tai vạ

cho nhiều tác giả, tác phẩm văn học nghệ thuật kéo dài đến nửa thế kỷ, mà, may mắn thay chẳng ai là người có lỗi!”

Và không chỉ có tác giả và tác phẩm gặp nạn mà cả người hâm mộ cũng điêu đứng!



*Ông chủ quán cà phê Lộc Vàng không cầm được nước mắt khi nghe ca khúc “Giọt mưa thu” ngay trong quán của mình và nhớ lại 10 năm ngồi tù vì “tội hát nhạc vàng”.
(cảnh trong phim “Vọng Khúc Ngàn Năm – tập 3” - 2012)*

Lúc nghiệm thu, bên A thấy hơi “khó nuốt” với mấy câu này nhưng tôi kiên quyết bảo vệ. Mà tôi bảo “*chẳng ai là người có lỗi kia mà!*”.

Khi bàn giao, mấy câu này vẫn còn, nhưng mấy tháng sau tôi mới biết chúng đã bị thiến mất khi đưa phát hành (tháng 10-2012). Mà họ cũng không báo cho tôi một lời. Tôi đau đớn, mất ăn mất ngủ cả tháng. Hành xử với nhau như vậy thì rất không phải với đời.

Đó là chuyện 30 năm sau vụ án “Hà Nội Trong Mắt Ai”!

Chẳng thấy sáng sửa gì hơn.

Buồn.

Thật buồn!

Tôi bỗng nhớ lại, mở đầu phim “Chuyện Tử Tế” năm xưa, người bạn đồng nghiệp, nhà quay phim Đồng Xuân Thuyết đã nói trước khi qua đời:

“...Tâm hồn con người nặng gấp trăm lần thể xác - Nó nặng đến nỗi một người không mang nổi. Bởi thế người đời chúng ta chừng nào còn sống hãy cố gắng giúp nhau để cho tâm hồn trở nên bất tử. Ông giúp cho tâm hồn tôi sống mãi, tôi giúp người khác, người khác lại giúp người khác nữa, và cứ như thế cho đến vô cùng...”

Rồi tôi cũng rất nhớ, tôi đã nói với Michael và Dean, trong cuộc phỏng vấn dài 6 tháng:

“Tôi yêu đất nước này và tôi muốn làm cho đất nước này trở nên tốt đẹp hơn. Tôi khát khao làm sao cuộc sống của con người phải xứng đáng với sự hi sinh...”

Tôi có tấm lòng thiết tha với xứ sở đã sinh ra mình.

Đó chính là điểm xuất phát của tôi.”

Và sau cùng, để thay lời cảm ơn độc giả, cho phép tôi nhắc lại lời cuối của bộ phim “*Chuyện Từ Góc Công Viên*”, bộ phim nói lên sự vượt lên hoàn cảnh bất hạnh của một gia đình công giáo bị hậu quả của chất độc da cam:

“Cho đến khi bộ phim nhỏ bé này khép lại, chúng tôi cũng không hoàn toàn hiểu được, vì sao và bằng cách nào, những con người này có thể vượt qua những khổ đau và thác ghềnh của cuộc đời một cách giản dị và nhàn nhã như vậy.

Bởi đức tin ư?

Điều ấy tôi không dám chắc; hay chính bởi họ biết tôn thờ sự yên bình trong đời sống tinh thần của một kiếp người.”



Tôi yêu tiếng nước tôi

Từ khi mới ra đời

Người ơi...

Mẹ hiền ru những câu xa vời.

À à ơi...

Tiếng ru muôn đời

Tiếng nước tôi!

Bốn ngàn năm ròng rã buồn vui

Khóc cười theo mệnh nước nổi trôi...”

Câu ca năm xưa có giúp cho lòng ta nguôi ngoai chút nào chăng khi kiếp người chỉ là thân phận con sâu cái kiến...

LÊ THANH DŨNG: Lời cuối cho cuốn sách

Để kết thúc, xin phép nhắc lại đôi lời giải bày khi mở đầu:

“...Nếu viết thì nó là cái gì? Hồi ký thì không ổn và cũng không khoái. Thì kể chuyện đời cho vui thôi. Chẳng định nghĩa, nó là cái gì mặc nó, miễn là nó thật. Trước hết, ghi lại để khỏi quên, khỏi rơi vãi mất đi, có thể để con cháu, cho bạn bè đọc chơi và có được đôi điều có ích...”

Vâng, câu chuyện còn dài lắm - mà cuốn sách chỉ nói được một phần.

...Và cậu bé bắt đầu làm quen với “*phim và ảnh*” năm mười ba tuổi lớn lên thành chàng trai hai mươi lăm tuổi thất thểu từ Tây Bắc về, rón rén gõ cửa trường Điện ảnh, đến nay đã kịp để lại những dấu ấn cho ngành Điện ảnh Việt Nam bằng hàng chục bộ phim đoạt giải cao ở các Liên hoan phim Quốc gia và Quốc tế.

Hắn sẽ còn làm những gì tiếp theo? Với nhiệt huyết của mình, chắc là hắn chưa chịu nghỉ. Và có thể, những bạn bè tin cậy “chưa cho” nghỉ.

Câu chuyện giữa hai chúng tôi có thể vượt qua ranh giới tâm sự riêng tư để đến với ai đó. Khi ấy, những gì xảy ra trong cuốn sách nhỏ này đã trở thành dĩ vãng, và nhiều người trong đó có thể đã trở về với cát bụi.

Trần Văn Thủy cũng là một con người, có những “hỷ nộ ái ố” như mọi người. Hắn lại là một nghệ sĩ; đã là nghệ sĩ thì cho dù ở bất cứ lĩnh vực nào cũng đều nhạy cảm, dễ rung động. Hắn kể lại chuyện đã qua như để nói chuyện với chính mình sau một chặng dài trên đường đời, mà như hắn nói, có quá nhiều những sự tình cờ, hên xui, may rủi. Nhưng tóm lại, vui thì ít; buồn thì nhiều.

Một cuốn sách như thế khó tránh đôi chỗ để người đọc có cảm giác nặng nề; nhưng biết làm sao được, cuộc sống đâu có nhẹ nhõm gì, nếu sự thực nó như thế thì phải kể ra như thế thôi.

Mỗi người có thể có những cách nhìn khác nhau về những gì đã qua. Đó là chuyện bình thường; người ta thường nói “*chín người mười ý*” kia mà! Những điều bộc bạch trong cuốn sách này cũng là một cách nhìn. Và tôi nghĩ, đó là một cách nhìn thẳng thắn, thiện tâm và thành thật.

Một đất nước mà ai cũng nói thật điều mình nghĩ là một đất nước hạnh phúc, cho dù có thể còn nghèo, nhưng đã có thể gọi là văn minh.

Cơm ăn, áo mặc, học hành, đất đai, công bằng xã hội, lòng tự tôn dân tộc... đều là những nhu cầu thiết thân cơ bản của con người. Nhưng con người được nói thật những điều mình nghĩ

còn thiết thân hơn, cơ bản hơn vì có nó sẽ có tất cả.

Thủy lặn丹田 long đong là vậy nhưng suy cho cùng, hậu vận như thế là may mắn lắm. Nhiều, rất nhiều người dấn thân hơn, đóng góp cho đời nhiều hơn lại gian nan cơ cực hơn. Họ sống thầm lặng và ra đi cũng thầm lặng...

“Đời là cõi tạm, sống là gửi, thác là về.”

Phật dạy thế.

“Tôi nay ở trọ trần gian

Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời...”

Trịnh Công Sơn hát thế.

Đành rằng đời là cõi tạm nhưng đang sống với đời làm sao vô tâm với đời được.

Và cuộc đời vẫn như một dòng sông lạnh lùng mãi miết trôi.

Ngọt bùi, cay đắng... tất cả rồi cũng qua.

LTD – Hà Nội, xóm nhỏ ven Hồ Tây, (bắt đầu viết tháng 3 - 2012 - viết xong tháng 1 - 2013)

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>